VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

văn học chiến tranh sau 1975
nguyễn vy khanh
chuyện những vì sao và hai nẻo đi về
nguyễn bá trạc ● nguyễn mộng giác
allen ginsberg làm đẹp bằng sự thật
ngu yên
nói chuyện với tạ tỵ, lưu nguyễn
nguyễn mạnh trinh

truyện
hồ đình nghiêm ● phùng nguyễn ● ngô nguyên dũng
hoàng nga ● nguyễn thị long an ● phạm ngũ yên

thơ
nguyễn xuân thiệp ● vạn giả ● y chi
nguyễn chí kham ● trần hồng châu ● vương thúy lệ
nguyễn nam an ● huệ thu
định nguyên ● hoàng xuân sơn ● trần vấn lệ

tạp ghi
nguyễn quốc trụ

SỐ 133 ● THÁNG 5 NĂM 1997

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Xuân Hoàng
Mai Kim Ngọc
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**
Xin lưu ý: Bắt đầu từ tháng 7.1996, zip code Văn Học là 92842,
thay thế zip code cũ 92642

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 133 ● tháng 5, 1997

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
NGUYỄN VY KHANH	3	văn học chiến tranh sau 1975
NGUYỄN XUÂN THIỆP	24	*trên vùng tuyết tan*
NGUYỄN BÁ TRẠC	25	chuyện những vì sao...
VẠN GIÀ	38	*sang sông*
Y CHI	39	*nụ em*
NGUYÊN	41	allen ginsberg, làm đẹp bằng sự thật
NGUYỄN CHÍ KHAM	50	*cỏ dại*
NGUYỄN MỘNG GIÁC	51	"đi với về cùng một nghĩa như nhau"
TRẦN HỒNG CHÂU	56	*nghĩa trang westminster gặp bạn cũ*
HỒ ĐÌNH NGHIÊM	58	hậu cứ
VƯƠNG THÚY LỆ	66	*bốn mùa*
PHÙNG NGUYỄN	67	tuổi thơ
NGUYỄN NAM AN	76	*qua biển về đây*
NGÔ NGUYÊN DŨNG	77	mưa
HUỆ THU	82	*hai bài lục bát*
HOÀNG NGA	83	sinh nhật
ĐỊNH NGUYÊN	90	*lục bát 9*
NGUYỄN THỊ LONG AN	92	đường về quê mẹ
PHẠM NGỮ YÊN	104	cổ tích
NGUYỄN MẠNH TRINH	118	phỏng vấn nhà văn tạ tỵ
HOÀNG XUÂN SƠN	137	*sông về tới bến*
VĂN HỌC	138	giới thiệu nhà thơ lưu nguyễn
NGUYỄN QUỐC TRỤ	141	tạp ghi
TRẦN VẤN LỆ	151	*đường chiều*
VĂN HỌC	152	thư tín
VĂN HỌC	154	hộp thư
VĂN HỌC	155	giới thiệu sách mới

Copyright by authors and Văn Học, 1997
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1997

Thư tòa soạn
Văn Học

Tháng Năm năm 1985, tạp chí Văn Học Nghệ Thuật, tiền thân của tạp chí Văn Học hiện nay, ra số đầu tiên giữa những ngày cộng đồng người Việt tị nạn cộng sản trên khắp thế giới kỷ niệm mười năm lìa bỏ quê hương. Từ đó đến nay, đều đặn hằng tháng, Văn Học đã đến với bạn đọc, tính cho đến số báo này đã được mười hai năm.

Trong mười hai năm ấy, biết bao nhiêu thay đổi lớn lao đã diễn ra trong đời sống của từng cá nhân, từng gia đình, thay đổi trên bình diện chính trị thế giới cũng như quốc gia. Các biến chuyển ấy dĩ nhiên phản ảnh trong văn chương, và Văn Học là tấm gương trung thực phản ảnh được tâm tình của cộng đồng người Việt tị nạn trong cuộc đổi thay ấy.

Chúng tôi nói "trung thực", vì ngay từ đầu, Ban Chủ biên Văn Học đã chủ trương luôn luôn giữ một khoảng cách cần thiết đối với những phong trào, những thị hiếu của đám đông. Văn Học là những tiếng nói tâm tình chân thành ở chỗ riêng tư, không phải là những lời hịch, những bản tuyên ngôn đọc ở quảng trường. Có lẽ nhờ thế mà Văn Học được nhiều người cầm bút từ nhiều xu hướng khác nhau cộng tác. Trên trang báo Văn Học, không có những lời hò hét cổ động, không có những tranh luận giật gân nẩy lửa. Chỉ có những lời tâm tình, những đối thoại tương kính. Bước sang năm thứ mười ba, Văn Học vẫn tiếp tục giữ y chủ trương đó.

Một tạp chí văn chương có giá trị hay không, không do khả năng và uy tín của Ban Chủ biên. Giá trị ấy tùy thuộc trước hết vào bài vở đóng góp của giới cầm bút, sau đó là sự tiếp nhận của bạn đọc. Ban Chủ biên chỉ là chiếc cầu nối giữa người viết và người đọc. Chiếc cầu đó đã vững vàng trong suốt mười hai năm qua, giao tiếp được một bên là đông đảo những cây bút tài năng, một bên là những bạn đọc yêu mến văn chương.

Bước sang năm thứ mười ba, Văn Học hy vọng mối giao tình tốt đẹp ấy ngày càng phát triển và sâu đậm hơn.

Nhìn lại bốn mươi năm văn học chiến tranh Việt Nam

Nguyễn Vy-Khanh

Lời Tòa soạn: *Nhân dịp kỷ niệm hai mươi hai năm ngày Việt Nam Cộng hòa sụp đổ, nhà nghiên cứu Nguyễn Vy Khanh đã cố gắng hoàn tất một công trình khảo luận qui mô, để nhìn lại bốn mươi năm văn học chiến tranh, và ông đã có nhã ý gửi bản thảo cho Văn Học. Vì thiên khảo luận quá dài, Văn Học xin phép tác giả được trích đăng phần thứ hai, tức là phần nhìn lại văn học chiến tranh Việt Nam sau năm 1975, ở trong nước cũng như ở hải ngoại. Phần trích đăng này cũng phân làm hai kỳ, do số trang của Văn Học bị hạn chế, mặc dù Tòa soạn muốn đăng một lần để bạn đọc dễ dàng ghi nhận công phu của tác giả hơn.*

II. Văn học Chiến tranh sau 1975

30-41975 được coi là mốc lịch sử phân chia văn học Việt Nam Cộng sản cũng như Cộng hòa. Đối với "đồng minh" Hoa Kỳ, chiến tranh đã chấm dứt. Nhưng chiến tranh sẽ vẫn tiếp tục đày đọa con người, vẫn có những kẻ buông súng phải trả giá trong những địa ngục trần gian có mỹ từ "trại học tập", sẽ còn chia rẽ nhiều người Việt dù cùng chiến tuyến.

1. Văn-học cộng sản hậu chiến :

Ở trong nước, "chiến thắng" xong, một cuộc chiến khác bắt đầu và cả nước đi lên xã hội chủ nghĩa. Chiến tranh nội bộ dù đất nước đã thống nhất. Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và chính quyền quân quản xong sứ mạng và biến mất. Và người thua cuộc trở thành tù binh, "con tin" của

một chiến tranh vừa tàn. Bắt đầu một văn học cách mạng "cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các tỉnh phía Nam" tiếp thừa cái mô hình đã áp dụng ở Bắc vĩ tuyến 17 với những hậu quả nghèo đói, ly tán nhưng vô tình đã đưa tới chiến thắng 1975. Văn học tiếp tục phục vụ chính trị và một chiều.

Việt Nam Cộng Hòa bị xóa trong lịch sử kẻ thắng đã đành, văn học của kẻ chiến bại Việt Nam Cộng hòa cũng bị xóa bỏ bằng những nghị định và chiến dịch. Nghị định 20-8-1975 của Lưu Hữu Phước bộ trưởng Thông tin Văn hóa của chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam cấm lưu hành sách báo xuất bản tại miền Nam trước đó. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV (1976) ghi rõ nhiệm vụ phải "quét sạch ảnh hưởng của tư tưởng và văn hóa thực dân mới" ở miền Nam (19). Tác giả và tác phẩm. Những trình diện và những lớp học tập. Tháng 3-1976, từng đoàn từng đoàn cán bộ càn quét tịch thu hết sách báo xuất bản dưới thời chế độ cũ, để đốt, "tẩy". Chiến dịch thanh toán "bọn văn nghệ sĩ phản động" khởi đầu sáng 3-4-1976, hai ngày sau vụ nổ công viên Con Rùa đường Duy Tân : công an lùng bắt hầu hết văn nghệ sĩ và trí thức. Một danh sách 122 tác giả miền Nam với toàn bộ tác phẩm bị cấm lưu hành. Sau đó là tù đày, cải tạo, và khi nghi bóng gió lại tiếp tục càn quyét thu vén sách Việt Nam Cộng Hòa như vào tháng 3-1981. Nhà Nước ra hẳn một cuốn danh mục sách và tác giả cấm lưu hành. Những gì không xuất phát từ văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản đều phải xóa bỏ, phủ định, vì "mảng" văn học này bị kết án là "đồi trụy hóa con người", "phục vụ xã hội tiêu thụ miền Nam" tức một thứ "văn học phục vụ chính trị phản động", phản cách mạng - những cái nhãn hiệu có thể làm tiêu mạng con người ! Từ 1975 đến nay có gần 20 cuốn sách chửi bới phê bình văn nghệ Việt Nam Cộng Hòa: văn học tay sai nhưng đáng sợ như những trái bom !

Miền Nam được "giải phóng", đất nước đã "thống nhất". Đối với các nhà văn của chế độ là sự hồ hởi chiến thắng, là đời sống mới hậu chiến. Chế Lan Viên ca Ngày Vĩ Đại (1975), Xuân Diệu Bay Theo Đường Dân Tộc Đang Bay (1977), Giang Nam thỏa mãn Hạnh Phúc Từ Nay (1978). Một Hội nghị các nhà văn giải phóng miền Nam được tổ chức lần đầu tại Sài Gòn ngày 17 & 18-6-1975 muốn lèo lái văn học giai đoạn mới đi theo chính sách tình hình mới: tiếp tục đẩy mạnh sáng tác về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và chiến thắng vĩ đại của dân tộc, văn học từ nay phải phản ánh khí thế của công cuộc đại lao động toàn dân, và văn học phải góp phần xây dựng con người mới (20). Bùi Hiển viết Tâm Tưởng. Dương Thu Hương có Ban Mai Yên Ả, Những Bông Bần Ly kể chuyện cô gái già

kháng chiến xơ xác vào Sài Gòn "giải phóng" đi ăn tình cờ gặp một cô điếm lúc đầu liền có mặc cảm, nhưng cấu trúc "minh họa" của câu chuyện xoay qua chi tiết cô điếm ăn cắp ổ bánh mì bị bắt, cô gái già cả đời hy sinh cho cách mạng bèn thôi không tiếc tuổi xuân nữa. Nguyễn Minh Châu viết Miền Cháy. Vũ Tú Nam viết Sống Với Thời Gian Hai Chiều. Xuân Thiều có Gió Từ Miền Cát. Ma Văn Kháng viết Mùa Lá Rụng Trong Vườn về xã hội Hà Nội đầy biến đổi phức tạp sau chiến tranh. Lê Minh Khuê viết Căn Nhà Bên Kia Sông, hy sinh tình yêu cho xây dựng chủ nghĩa. Nguyễn Mạnh Tuấn viết Năm Hòa Bình Đầu Tiên rồi Những Khoảng Cách Còn Lại nói về sự gặp gỡ thành gần gũi của người Bắc Nam. Anh Đức viết Người Về Hưu kể chuyện một thượng tá trở về đời bình thường, sống tốt với mọi người như đạo đức cách mạng đòi hỏi. Vv và vv.

Và dĩ nhiên một khuynh hướng hồ hởi chiến thắng với những truyện kể thành tích thời "chống Mỹ ngụy", chuyện nằm vùng phá hoại chế độ miền Nam, khơi động đấu tranh sinh viên như Giữa Cơn Lốc của Đào Chí Hiếu, Ghi Chép Về Tây Nguyên của Nguyễn Văn Bổng. Chuyện tuyên truyền như Chùm Me Chín của Huy Phương muốn chứng minh chỉ có "cách mạng" mới giải phóng con người, trong truyện là một cô gái điếm. Khi Nhà Nước ra nghị quyết phá vỡ những gì còn lại của chế độ cũ, Năm Hòa Bình Đầu Tiên của Nguyễn Mạnh Tuấn liền theo đó mà minh họa theo công thức cứ người của xã hội cũ là xấu, nhưng khi có giải phóng tự nhiên họ đều "bừng tỉnh và quyết sống khác đi". Ranh Giới của Lê Lựu chuyện "cách mạng" móc nối với một cô gái để cô ta tố cáo một nhóm "ngụy quân, công chức chế độ cũ" tổ chức đi chui. Miền Cháy của Nguyễn Minh Châu là miền đất vừa xong giao tranh, tức mới giải phóng: "... Xưa nay đất dưới chân những người vừa thắng giặc có bao giờ nở sẵn đầy hoa? Mảnh đất vừa được giải phóng này như một lời thách đố, như một thứ chiến trường mới lập tức mở ra trên chính vùng chiến trường cũ... Bước ra khỏi một cuộc chiến tranh cũng cần thiết phải có đầy đủ trí tuệ và nghị lực như bước vào một cuộc chiến tranh" (tr. 119-120). Tác giả sẽ thất vọng không lâu sau đó! Đảo Yêu Thương của Hồng Dương và Đất Mới Vỡ là những chuyện tuyên truyền về nông dân thời "ngụy" và những vùng kinh tế mới. Nhưng có khi quá cường điệu kể những chuyện không hề có hoặc dựng đứng ngôn từ "ngụy" mà có lẽ có người viết chưa bao giờ gặp hoặc nghe nói chuyện như nhận xét của Vương Trí Nhàn, một nhà phê bình văn học xuất phát từ chính chế độ cộng sản! (21)

Những cây viết miền Nam nằm vùng dĩ nhiên nay vẫn tung hoành, bí mật như Lý Văn Sâm (Bến Xuân, 1982; Những Bức Chân Dung, 1983),

công khai như Trang Thế Hy (Con Cá Không Biệt Tăm, Mưa Ấm - chuyện hai cơn mưa cách nhau 15 năm, những người "chân chính cỡ nhỏ" gặp gỡ người yêu vô bưng đi làm "cách mạng"), như Sơn Nam (Bến Nghé Xưa, Chuyện Tình Một Người Thường Dân, Ngôi Nhà Mặt Tiền vv), Vũ Hạnh (Chất Ngọc), Ngụy Ngữ. Riêng Đông Trình (Rừng Dậy Men Mùa), Tân Hoài Dạ Vũ, Trần Vàng Sao, Trần Duy Phiên và Tường Linh thì "tịnh khẩu" hoặc gác bút cùng trường hợp với Nguyễn Trọng Văn, cho đến thời "Cởi trói".

Sự hồ hởi vì "chiến thắng" quá bất ngờ lúc đầu rất là kịch liệt, nhưng trong văn chương cái chiến thắng này sẽ không kéo dài lâu. Cũng như về chính trị quân sự, những kẻ đã tham gia cái chiến tranh thần thánh giải phóng, trốn trong bưng biền ăn cơm vắt, sẽ phải nhường chỗ cho những kẻ chủ xướng chiến tranh. Ngay khi miền Nam được "hoàn toàn giải phóng", nếu các nhà văn từ Bắc vào hoặc chỉ viết về miền Nam như Chu Văn, Bùi Hiển, Tô Hoài (Một Người Bạn), Huy Phương, Nguyễn Mạnh Tuấn, Lê Lựu, vv hồ hởi vui vẻ náo động văn chương thế nào thì một vài nhà văn miền Nam Việt Cộng đã bắt đầu tỏ lộ ê chề, buồn bã. Nếu Nguyễn Quang Sáng trong Người Con Đi Xa (1977) nay là đại tá trở về khải hoàn sung sướng thì Tô Đức Chiêu trong truyện ngắn Ngày Về kể chuyện một anh "sư trưởng" xa cách vợ 20 năm, lúc đi mới cưới nhau được bảy ngày, nhưng khi "chiến thắng" về, người vợ đã cắt tóc đi tu, tuyệt thông (22).

Trong các tình cảnh sau 1975 được các nhà văn đưa vào tác phẩm , có những chuyện đạo đức giả như anh Từ trong truyện Đứa Con của Trần Ninh Hồ (1976) : anh cán bộ nằm vùng từng được chủ nhà bao che dưới thời Cộng Hòa, nay không dám cứu con trai của ân nhân phải đi học tập với lý do vớ vẩn "đưa anh ấy về sống với cụ khi anh ấy chưa hoàn toàn gột rửa được tội lỗi thì liệu cụ có vui lòng chung sống với một người như vậy không ?" (23). Dĩ nhiên cha con anh em ruột còn chưa cứu được !

Trong cùng tuyển tập Ở Phía Nam đã được lựa chọn kỹ để kỷ niệm 10 năm chiếm miền Nam, một truyện khác kể lại phản ứng đặc biệt của một ông lão nông dân ở Duy Xuyên (Đà Nẵng), bị ép vào hợp tác xã đã không chịu làm đơn, chỉ vì "Rứa hồi đánh Tây tui có làm đơn không ? Hồi đánh Mỹ tui có làm đơn không ? mà tui cũng đi theo mấy ổng? Thì tại răng chừ lại biểu làm đơn ? (24)

Sau khi đã đời mừng chiến thắng và thống nhất, tâm hồn lắng xuống,

thực tế hậu chiến hòa bình đã nhìn thấy, tài cán thời chiến mất hiệu lực thời bình, lúc đó cái "chiến tranh giải phóng thiêng liêng vĩ đại (...) bị quy kết là vô nhân tính, cam tâm tương tàn huynh đệ, làm cuộc thí nghiệm đối đầu cho những thế lực trên trời dưới biển dâu kia" (25)

Nhà văn đại tá bộ đội Nguyễn Minh Châu đăng bài "Viết về chiến tranh" trên tạp chí Văn Nghệ Quân Đội số tháng 11-1978 chỉ trích việc nhà văn không được viết về những đau khổ mất mát do chiến tranh gây ra: "nhìn lại những tác phẩm viết về chiến tranh của ta, các nhân vật thường khi có khuynh hướng được mô tả một chiều, thường là quá tốt, chưa thực...". Ông phê bình chung văn học chiến tranh do đảng cộng sản điều động từ thời kháng chiến đến chiến thắng 1975 quá công thức và giả tạo, thiếu cảm xúc và quan hệ tình người. Hoàng Ngọc Hiến phụ họa theo với bài "Về một đặc điểm của văn học nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua" (Văn Nghệ, 9-6-1979). Ông nhận xét rằng các tác phẩm của giai đoạn chiến tranh vừa qua là giả tạo vì các nhà văn phải làm văn học hiện thực một cách công thức. Tất cả chỉ vì cái "cao cả" ảnh hưởng quá lớn cho nên lý tính lấn át cảm tính, cái hiện thực máy móc giết chết cái bản lãnh của cá tính ! Cái "phải đạo" giết chết mọi suy nghĩ, sáng tạo: "Đứng ở bình diện cái phải tồn tại, người nghệ sĩ dễ bị cuốn hút theo xu hướng mô tả cuộc sống cho phải đạo, còn đứng trên bình diện cái đang tồn tại, thì mối quan tâm hàng đầu là mô tả sao cho chân thật. Đọc một số tác phẩm, chúng tôi thấy tác giả dường như quan tâm đến sự phải đạo nhiều hơn tính chân thật, có thể gọi loại tác phẩm này là chủ nghĩa hiện thực phải đạo".

Nhưng nhà văn Nguyên Ngọc là người đã công khai hóa cái phản tỉnh này. Trong "đề cương đề dẫn thảo luận ở hội nghị đảng viên bàn về sáng tác văn học" vào tháng 6-1979, ông đã phê bình : "Trong văn học, lô lộ khá rõ là số phận chung của cả dân tộc, cả đất nước, nhưng còn số phận của từng người, từng thành viên của đội ngũ đó thì còn khá sơ lược, giản đơn... Tính thơ lý tưởng của cuộc chiến đấu được biểu hiện khá mạnh, còn tính sần sùi phức tạp của đời sống thì yếu hơn cho nên tính hiện thực của văn học có bị hạn chế. (...) Phải chăng lúc này có hiện tượng không ít phổ biến là người viết, vẫn cứ viết mà không thực tin ở chính điều mình viết ra: Người là muối mà chính người lại không mặn thì biết lấy gì để muối người..." (26)

Từ đó khởi đầu những hối hận, tự kiểm thảo, "khủng hoảng niềm tin" và nhìn lại cuộc đời. Nguyễn Minh Châu là nhà văn mở đường cho mảng

văn học phản tỉnh mới này, với truyện ngắn Bức Tranh được viết từ những năm 1976 với tựa Cái Mặt nhưng bị từ chối xuất bản cho đến 1985 (27). Đề tài là chiến tranh sau chiến tranh, ông báo hiệu những biến dạng của con người sau chiến thắng. Bản tự kiểm, sự hối hận dày vò của một anh họa sĩ bộ đội đối xử không tốt với người bộ đội đã giúp anh khiêng quân dụng xuyên rừng. Vì trong rừng không có máy chụp hình, anh này chỉ xin anh họa sĩ vẻ chân dung anh rồi đưa giùm cho bà mẹ của anh để bà tin con mình còn sống vì bà đã nghe nhầm tin con trai hy sinh. Nhưng anh họa sĩ hèn, lần lữa và dối lòng, nhận ơn mà không muốn trả, đã không đưa khiến bà mẹ già khóc đến mù đôi mắt. Còn anh họa sĩ nhờ vào bức họa chân dung anh bộ đội đó mà nổi tiếng như cồn. Tám năm sau, anh bộ đội làm nghề hớt tóc, người họa sĩ tình cờ là khách hớt tóc, một tấm ảnh chụp lại bức tranh nổi tiếng đó chưng trên tường, bà mẹ già mù lòa quét rác quẩn quanh, nhưng anh bộ đội hớt tóc vô tình hay cố ý không nhận ra anh họa sĩ khiến anh này phải hối hận dày vò sám hối đã gây khổ cho mẹ con anh bộ đội :

"Bây giờ thì cái tác phẩm mới của tôi đã hoàn thành. Tôi đang đối mặt với chính mình, để viết những dòng này, như những lời chú giải cho một tác phẩm hội họa thể hiện một cái mặt người rất lớn : Những luồng ánh sáng hàng nghìn nến từ phía trước và trên đầu chiếu thẳng xuống một nửa mái đầu tóc tốt rợp như một khu rừng đen bí ẩn, và một nửa mái tóc đã cắt, thoạt trông như một phần bộ óc màu xám vừa bị mổ phanh ra. Phần bên dưới khuôn mặt như vẫn đang được giấu kín dưới một cái mặt nạ. (...). Và nổi bật trên cái khuôn mặt là đôi mắt mở to, khắc khoải, bồn chồn, đầy nghiêm khắc, đang nhìn vào nội tâm ... (28)

Sau đó ông viết Người Đàn Bà Trên Chuyến Tàu Tốc Hành (1983) nói lên những đau đớn cá nhân và những suy nghĩ về cuộc đời và xã hội hậu chiến, với nhân vật cô Quỳ tìm lẽ sống. Rồi trong tập truyện Bến Quê (1985) ông đã nói đến những cái nghịch lý, đau xót mà nghệ thuật trước nay chưa đề cập đến: Hương Và Phai phủ nhận cái quan niệm tàn bạo xem con người là trò chơi nghiệt ngã trong bàn tay của số phận và hoàn cảnh, đồng thời phủ định quan niệm về sức mạnh toàn năng và trơ vững không thể khuất phục của con người. Một Lần Đối Chứng đặt lại vấn đề về sức mạnh khủng khiếp của hai tính ác và thiện gắn với phần "con" và phần "người" trong bản tính con người. Sống Mãi Với Cây Xanh đặt lại vấn đề về khả năng tiếp nhận chủ nghĩa cộng sản ở một nước nông nghiệp lạc hậu, đặc biệt xã hội của người nông dân gia trưởng. Để chống lại một số tiền đề, Nguyễn Minh Châu bắt đầu một loại tiểu thuyết luận đề.

Nguyễn Trọng Oánh, một nhà văn tiền phong khác, trong tiểu thuyết Đất Trắng (2 tập, 1979, 1984) đã muốn nhìn lại cuộc chiến tranh cách mạng vừa qua. Ông là nhà tiểu thuyết đầu tiên chuyển hướng khi dám nói lên những bất bình, hy sinh mất mát của người lính trong cuộc tấn công Tết Mậu Thân ở ngoại vi Sài Gòn. Đất Trắng không che giấu những tổn thất lớn, những sai lầm và đê hèn phản bội của một số bộ đội sĩ quan cao cấp. Cuộc chiến bớt thần thánh, trừu tượng mà tối đen, không lối thoát; thần chết và số phận con người bắt đầu lẩn quẩn, ám ảnh ! Đất Trắng cũng muốn nói lên cái thất bại thật sự của "chiến thắng 1975". Ý tưởng "trật lề", "trái đạo" này đã gây phẫn nộ bất bình trong giới lãnh đạo văn nghệ Hà Nội.

Kế đó có Nguyễn Kiên với Đáy Nước và Trái Cam Trong Lòng Tay (12-83): từ cái bệnh của thể chất, ông chiêm nghiệm về ý nghĩa của sự sống; nhà thương là không gian nơi cho những tâm hồn cô đơn tìm đối thoại và đến với ... người khác, những cựu chiến binh, thương binh. Chuyện để nói là những câu chuyện cũ, chuyện chiến trường. Trái cam cầm trong tay trong khuôn viên nhà thương chính là hạnh phúc tìm thấy sao bao năm chiến đấu....

Nguyễn Khải với Gặp Gỡ Cuối Năm, Thời Gian Của Người, Ma Văn Kháng với Mưa Mùa Hạ (1982), Mùa Lá Rụng Trong Vườn (1985) được giải thưởng của Hội nhà văn, đã có những suy nghĩ soi mói, chưa muốn thoát ly "đạo lý" cũ nhưng đã đòi thay đổi để có thể tôn trọng cá tính con người. Đó cũng là trường hợp một số nhà văn như Vũ Bảo, Cao Duy Thảo, Dương Thu Hương, Trang Thế Hy, vv sau có truyện in trong tuyển tập Tướng Về Hưu (1988, nhưng ghi năm sáng tác 1984-1985), đã có những suy nghĩ chao đảo, những chớm nghi ngờ. Tất cả những chao đảo này chuẩn bị cho những "đổi mới", "cởi trói" kể từ cuối năm 1986. Big Bang tới, nếu không thay đổi thì Big Crush sẽ còn tệ hơn !

2. Văn Học Việt Nam Hải Ngoại :

A. Giai đoạn 1975-1980

Sau ngày 30-4-1975, một cộng đồng người Việt hải ngoại được hình thành ở ngoài dải đất hình chữ S và trải dài khắp năm châu. Hoạt động văn học đã bắt đầu ngay từ những trại tị nạn ở đảo Guam và nơi những

vùng "quê hương thứ hai". Một nền văn học không cộng sản tiếp nối nền văn học miền Nam cộng hòa, ở hải ngoại. Trước 1975, hoạt động chính trị và báo chí thân cộng mạnh thế nào thì sau 1975 lại trở thành thiểu số, một lật ngược thế cờ một cách ... tự nhiên. Các cơ quan truyền thông trước thân cộng sản đa số cũng nối tiếp nhau chống đối chế độ bên nhà hoặc đình bản : Hành Trình, Đất Việt, Người Việt, Diễn Đàn Người Việt ở Canada, Đoàn Kết ở Pháp, Nước Việt ở Thụy Sĩ, Đất Nước ở Đức, Người Việt lưu vong trước trung lập hay thiên tả thì nay đa phần trở thành "chống cộng". Sau những hoảng hốt xa xứ lúc đầu, một nền văn học lưu vong khởi dựng từ những bàn tay trắng nhưng đã có sẵn những tấn thảm kịch riêng chung, những bi thảm hậu quả của chiến tranh. Những thăng trầm, đổi đời. Rồi những cố gắng hội nhập, tìm sống và xây dựng cho thế hệ tương lai. Người thiểu số trên xứ lạ, đất tạm dung, tiếng nói, phong tục, cuộc sống mới với những đảo lộn văn hóa, những ly dị, con cái tự do hơn, người lớn tuổi cũng cô đơn hơn. Nói chung, đây là một văn học lưu vong đầy hoài niệm nhưng tự do và nhân bản dù lúc nào cũng có những lực lượng tự tại hoặc ngoại nhập sử dụng bạo lực để ức hiếp những tiếng nói tự do đó!

Các báo Hồn Việt (số 1, 11-1977) Đất Mới, Văn Học Nghệ Thuật (4-1978), Nhân Chứng, Việt Chiến, Trắng Đen, Người Việt, Việt Nam Hải Ngoại, Quê Mẹ, Dân Quyền là cái nôi xuất hiện những nhà văn mới, chống Cộng như Giang Hữu Tuyên, Vũ Kiện, Bắc Phong, ... sau thêm Nguyễn Ngọc Ngạn, Võ Kỳ Điền, Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Lương, Hồ Trường An, Tưởng Năng Tiến, Võ Hoàng, vv bên cạnh những nhà văn di tản đã từng hoạt động trước 1975 ở quê nhà. Những Lê Tất Điều, Võ Phiến, Thanh Nam, vv đã có những tác phẩm về cuộc đời mới và về cuộc chiến vừa "kết thúc". Các đề tài chính là đời sống lưu đày, hoài niệm, đối kháng, chiến tranh, vv với hai khuynh hướng một bên tục lụy, hoài niệm, một bên cáo trạng, phân biệt bạn thù..

Cao Tân xuất hiện lần đầu trên tờ Bút Lửa năm 1977, sau xuất bản tập Thơ Cao Tân (1985). Những hoài niệm ngày xưa, người cũ và những phẫn uất bi hùng về cuộc chiến :

"Trong ví ta này chứng chỉ tại ngũ
Mất nước rồi còn hiệu lực hơi lâu
Chiều lưu lạc chợt thương tờ giấy cũ
Tái tê cười: Giờ gia hạn nơi đâu?
... Mười tám tuổi thành công dân nước Việt

Tên chụp hình làm ta xấu như ma
Thằng khốn nạn làm sao mà nó biết
Ta sẽ thành dân mất nước tan nhà
Hai mươi tuổi ta đi làm chiến sĩ
Bước giày đinh lạng quạng một đời trai
Vừa đánh giặc vừa lừng khừng triết lý
Nhưng thằng này yêu nước chẳng thua ai ...
... Hỡi thằng chiến binh một đời dũng cảm
Mày lang thang đất lạ đến bao giờ
Ôi trong ví mỗi người dân mất nước
Còn một oan hồn mặt mũi ngu ngơ
Ôi trong trí mỗi anh hùng thuở trước
Còn dậy trời lên những buổi tung cờ'
(Cảm khái, 1977)

"... Sàn gác trọ những tâm hồn bão nổi
Những hào hùng uất hận gối lên nhau
Kẻ thức tỉnh ngu ngơ nhìn nắng mới
Ta làm gì cho hết nửa đời sau ? ..."

"... Thêm một lần thứ sáu trắng đêm
Để hồn về một Sàigòn đang sống
Giờ đường đã đóng
Xin chia nhau ngày khốn khổ cùng em..."
(Chỗ Giấu Kho Tàng)

Lê Tất Điều với tập bút ký Ngưng Bắn Ngày Thứ 492 (1978), là nỗi phẫn uất trước những tàn bạo của chiến tranh, những cái chết phi lý: những nạn nhân là cả một gia đình gồm người mẹ đang mang thai và hai đứa con bị pháo kích chết trong khi ngủ. Những chi tiết bi đát : "Chú em báo tin nói đúng. Xác em tôi nguyên vẹn. Phải cám ơn chút lòng trắc ẩn cuối cùng của định mệnh hay cám ơn trái hỏa tiễn đã tha, không làm thêm công việc cắt xén thảm khốc". Ông viết chung với Võ Phiến tùy bút Ly Hương (1977) cuộc đời mới Kéo Cày Trên Đất Mỹ.

Võ Phiến xuất bản Thư Gửi Bạn (1976), Đất Nước Quê Hương, Lại Thư Gửi Bạn (1979) viết về đời sống lưu vong, không gian xa lạ. Truyện dài Nguyên Vẹn (1978) tả cuộc đời biến đổi từ trong nước ra nước ngoài, những tâm tình nhớ quê nhà, những người bạn mới cũ. Đặc biệt truyện

Chiếc Chìa Khóa (Tùy Bút 2) tả lại tâm tình hoảng hốt và hối hận với cha già và người nhà ở lại của một người ly hương.

Thanh Nam với tập Đất Khách (1983) là nỗi lòng lưu xứ với những đổi thay quá triệt để do đó đau thương nhiều :

"... Chấp nhận hai đời trong một kiếp
Đành cho dông bão phũ phàng đưa
(...) Canh bạc chưa chơi mà hết vốn
Cờ còn nước đánh phải đành thua
(...) Đầu thai lần nữa trên trần thế
Kéo nốt trăm năm kiếp sống nhờ
Đổi ngược họ tên cha mẹ đặt
Tập làm con trẻ nói ngu ngơ
Muốn rơi nước mắt khi tàn mộng
Nghĩ đắt vô cùng giá tự do
(...) Vùi sâu dĩ vãng vào tro bụi
Thân phận không bằng đứa mãng phu"
(Thơ Xuân Đất Khách)

Người sống kiếp lưu đày sẽ héo tàn như xác thân người lính vừa thua trận:

"... Giống như người lính vừa thua trận
Nằm giữa sa trường nát gió mưa
Nhắm mắt cố quên đời chiến sĩ
Làm thân cây cỏ gục ven bờ"

Nhất Tuấn thì tự vấn :

"... Bỏ đơn vị, gia đình
Thoát thân bố chạy trước
Tên Trung tá đào binh
Cắm đầu giông khỏi nước
Làm thân cây bật gốc
Trong kiếp đời lưu vong
Tan hàng trong tủi nhục
Sống đây mà như không..."
(Mò Kim Đáy Biển)

Minh Đức Hoài Trinh là một trong những nhà văn vận động lập lại Văn Bút Việt Nam hải ngoại. Bà viết nhiều tác phẩm về một quê hương đã mất : Chiếm Lại Quê Hương (kịch thơ), Giòng Mưa Trích Lịch, Bài Thơ Cho Quê Hương, Bên Ni Bên Tê, vv.

B. Giai đoạn 1981-1987

Phải đợi đến những năm đầu của thập niên 1980, văn học ở ngoài nước khởi sắc ra, nhưng là một khởi sắc buồn thảm. Cộng đồng nhà văn Việt Nam tị nạn ngày một đông đảo hơn. Đặc biệt các vị rời nước sau này, khi còn ở trong nước, họ đã có kinh nghiệm với cộng sản, đã là nạn nhân, đã nhìn thấy trò đời. Đã vậy họ bị cấm viết, bị cầm tù vì hoặc với "tư cách" là văn nghệ sĩ hoặc công chức, đi lính cho chế độ Cộng hòa. Nay vượt biển đi chui hoặc đoàn tụ gia đình, tha hương, họ bắt đầu viết lại và bộ phận văn học chiến tranh do người Việt hải ngoại do đó sung tích, đa dạng hơn nữa. Các nhà văn của giai đoạn này mạnh thêm tư cách tị nạn chính trị. Nhưng viết về chiến tranh, đa phần là cay đắng, buồn tức, tức người lẫn ta. Những kinh qua đắng cay của trại cải tạo, của đời sống tối tăm sau 1975. Và nhất là ý chí chống cộng sản độc tài, những trì trệ không giải phóng được đất nước khỏi nghèo đói và chậm tiến.

Giai đoạn hai có Văn (7-1982), Văn Học Nghệ Thuật (bộ mới, 5-1985 sau đổi thành Văn Học), Làng Văn (1984). Thêm những nhà văn thơ thuyền nhân, có những nhà văn viết vì phẫn nộ như Nhật Tiến : "Tôi vẫn hằng quan niệm rằng thiên chức của người cầm bút là phản ảnh được môi trường xã hội mà họ đang sống, và đấu tranh cho những nguyện vọng tha thiết nhất của con người trong xã hội ấy được thể hiện. Môi trường xã hội hiện nay của người cầm bút là tình cảnh lưu vong mà họ đang sống, là anh em, bạn bè, đồng bào còn đang rên siết ở quê nhà và những đồng bào tị nạn đang lây lất ở các trại tạm trú...(34)

Cùng thời với Nhật Tiến có Nguyễn Ngọc Ngạn, Mai Thảo, Nguyễn Mộng Giác, vv. Sự kiện thuyền nhân (boat people) đã thực sự đánh thức phần nào lương tâm nhân loại trước đó đã đạo đức giả xem người Việt miền Nam là những kẻ thua trận không có gì đáng quan tâm. Hơn thế nữa, những trò tuyên truyền của thế giới cộng sản và thiên tả chỉ có giá trị giai đoạn, khi hoả mù chiến tranh lắng từ từ, người ta mới nhận ra chân, giả, và mới có những lời tự hối của giới văn hóa Âu Mỹ như Jean-Paul Sartre, Olivier Todd, vv. Và tập thơ Tiếng Vọng Từ Đáy Vực của Nguyễn Chí Thiện được xuất bản năm 1980 như một tiếng sét khác đánh động lương

tâm con người và đánh tan những ảo tưởng về một thiên đàng cộng sản. Ông từ ngục tối nghe tin miền Nam rơi vào tay quỷ :

"Vì ấu trĩ, thờ ơ, u tối
Vì muốn an thân, vì tiếc máu xương
Cả nước đã quay về một mối
-Một mối hận thù, một mối đau thương !
Hạnh phúc, niềm mơ, nhân phẩm, luân thường
Đảng tới là tan nát cả !
Lịch sử sang trang, phũ phàng, tai họa
Nào đâu chính nghĩa thắng gian tà ?
(...) Miền Nam ơi, từ buổi tiêu tan
Ta sống trọn vạn ngàn cơn thác loạn !"
(Vì Ấu Trĩ, 1975)

Trước 1975, ở miền Nam ít có hồi ký. Sau 1975, hồi ký, bút ký là thể loại chiếm một phần quan trọng từ 1980 đến 1997. Đây là nhân chứng của tấn bi kịch chung trong đó có những cuốn có giá trị văn chương đặc biệt. Trần Huỳnh Châu là người đầu tiên xuất bản hồi ký cải tạo với Những Năm Cải Tạo Ở Bắc Việt (1981) kể lại chuyện tù đày, cải tạo của một công chức hành chánh của chế độ cộng hòa. Nhưng nhà văn đánh mốc cho giai đoạn này là Hà Thúc Sinh với Đại Học Máu (1985) - hơn 820 trang cáo trạng đanh thép chống chế độ lao tù với mỹ từ học tập cải tạo. Trong lời mở đầu, tác giả cho biết đây là "bản phúc trình của người lính Việt Nam Cộng hòa bị bỏ rơi, bị ở tù cộng sản, rồi thoát được ra ngoài, ngồi viết lại để kính gửi tới những ai còn thương yêu và còn quan tâm đến nước Việt Nam và con người Việt Nam còn ở lại" (Tựa). Chuyện người lính tên Vĩnh nhập cuộc chiến, thua những kẻ không đáng thắng, anh bị khổ nhục nhưng vẫn tự tin và bất khuất. Sau đó ông xuất bản truyện dài Hai Chị Em. Lan và Trực vượt biển, trôi giạt vào một hòn đảo hoang nhưng kết thúc tuyệt vọng vì hai chị em chỉ mong giữ được một ngọn khói với hy vọng được cứu mà cũng không được : người em đi tìm củi đã không trở lại ! Sau sửng sốt của Đại Học Máu là hồi ký của những sĩ quan tâm lý chiến như Phạm Quang Khai với Trại Cải Tạo, Cai Tù Việt cộng, Tạ Tỵ với Đáy Địa Ngục (198) trần gian nơi các trại cải tạo từ Nam ra Bắc cũng như Thép Đen của Đặng Chí Bình.

Lê Văn Phúc viết Tôi Làm Tôi Mất Nước (1984) để tự trách và phúng thích những kẻ có trách nhiệm mà không hành xử cái trách nhiệm của mình; nạn nhân thủ phạm là mỗi người ! Thấy ai cũng viết sách đổ lỗi cho

người khác, ông kể tội mình đã làm những việc góp phần làm mất nước.

Cao Xuân Huy với Tháng Ba Gãy Súng (1986) chuyện mất nước với kinh qua của chính tác giả khi Huế rơi vào tay cộng sản Hà Nội. Anh trung úy Thủy Quân-Lục Chiến không có ý làm người hùng, đi lính vì phải đi, như mọi người; đi lính vì tuổi trẻ và chống cộng vì mọi người chống cộng. Nhưng đánh giặc tận tình và sống vì danh dự , hết mình với đồng đội.

"... Người có quyền hành mà không có trách nhiệm nào có khác gì kẻ phản bội. Chúng ta thua không phải vì kẻ địch mạnh mà vì trong hàng ngũ chúng ta có quá nhiều kẻ phản bội và hèn nhát." Ông viết vì "lòng thù hận sự hèn nhát và vô trách nhiệm của cấp chỉ huy", "một đại tá Lữ đoàn trưởng và trung tá lữ đoàn phó bỏ lữ đoàn gồm bốn tiểu đoàn tác chiến và các đơn vị phụ thuộc tổng cộng vào khoảng trên dưới bốn ngàn người trong cơn quẫn bách để chạy lấy thân..." lên chiếc tàu cuối cùng, để đám tàn binh bị cộng sản rỉa và bắt giữ sau đó. "Ngày 26 tháng 3 là ngày cả một Lữ đoàn TQLC bị khoảng một đại đội du kích Việt cộng bắt sống. Chuyện không bao giờ tin được đã xảy ra"

Những chuyện thí lính, chiến đấu với súng không đạn, bằng mồm. Những dã man, thú tính; tình chiến hữu bị thử thách khi tàu hết chỗ. Những cảnh tự xử bi hùng :

"...Bây giờ họ không tự tử từng người, từng cá nhân mà họ tự tử tập thể. Không rủ, không hè đi nữa họ cũng không thể nhận ra nhau trước khi cùng chết với nhau một lúc. Giòng người chúng tôi đang chạy, một người tách ra ngồi lại trên cát, một người khác cũng tách giòng người ra ngồi chung, người thứ ba, người thứ tư, người thứ năm nhập bọn, họ ngồi tụm với nhau thành một vòng tròn nhỏ, một quả lựu đạn nổ bung ở giữa.

Giòng người chúng tôi tiếp tục chạy, lại một người tách ra ngồi trên cát, lại người thứ hai, người thứ ba, người thứ tư, ... nhập bọn, lại tụm với nhau thành một vòng tròn nhỏ, lại một quả lựu đạn nổ bung ở giữa.

... Tôi không thể nhớ để mà đếm nổi là có bao nhiêu quả lựu đạn đã nổ giữa những vòng tròn người như vậy. Nhiều, thật nhiều quả lựu đạn đã nổ..."

Những cử chỉ anh hùng dù trong cơn mạt vận:

"... -Bọn này ngoan cố, không hàng, chúng ông bắn bỏ mẹ.

Nhiều tiếng nói trong chúng tôi vang lên.

- Bị bắt là tù binh, giơ tay hàng tụi nó coi mình là hàng binh. Không giơ tay!

Nhất loạt chúng tôi không ai giơ tay, chỉ nối đuôi nhau thành một hàng dọc đi tới.

Đang đi một hàng dọc như vậy, một người tách ra khỏi hàng, chạy ào ra ôm cứng một tên Việt cộng. Tiếng lựu đạn nổ, cả hai ngã vật ra chết.

Một người khác lại chạy ào ra ôm cứng một tên Việt cộng khác, lại một tiếng lựu đạn nổ, lại cả hai ngã bật ra chết. .." Việt cộng sợ chết sẽ bắt tất cả cởi hết quần áo. Lại một đấu trí bi hùng khác !

Nguyễn Đức Lập trong Cuộc Chiến Tàn Chưa ? (1987) vẽ lên cái cuộc chiến sau 1975 tiếp tục trong lòng người, trong xã hội "lục tỉnh" với những nhiễu nhương do những người chủ mới gây ra. Người dân thường của miền Nam dù muốn dù không vẫn bị đứng về phía thua trận, bị đối xử tàn tệ đã đành, mà những người từng chiến đấu bên cạnh kẻ chiến thắng, những bà mẹ có con hy sinh trong bưng biền cho chiến tranh "thần thánh" đó cũng bị đối xử táng tận lương tâm như thường. Người chiến thắng hưởng thụ như Sáu Vịnh đã thú với đồng chí quá ... sạch sau mấy tháng không gặp "Sáu Vịnh đã thay đổi một trời một vực. Bộ mặt ốm đói, đen mét như đất sình của lão đã biến đâu mất. Thay vào là một khuôn mặt phì nộn, hồng hào. Lão bận một bộ quần áo may bằng một loại vải ngoại quốc đắt tiền" :

" ... ĐM thương anh chừng nào, tui càng giận tụi nó chừng nấy. Anh hổng thấy đó sao? Từ ngày đất nước hoàn toàn được giải phóng, thằng nào cũng vơ vét hết. Vì quyền lợi, thằng này lo tìm cách hạ gục thằng kia. Thằng thì giành nhà, thằng thì giành đất. Đâu có được mấy người giữ được tinh thần "cần, kiệm, liêm chính" như anh. Không mất phẩm chất thì cũng bị hủ hóa cả lũ. Mà rồi tốt như anh thì được cái gì. Anh bị tụi nó đá như đá banh... trời ơi, ba mươi mấy, bốn mươi mấy tuổi đảng mà để cho một thằng con nít sai lên, sai xuống... (...) Nói ra anh đừng buồn, tui mà hổng tham nhũng, móc ngoặc, tiền đâu mà lo bịnh cho anh, tiền đâu mà lo đám cưới cho thằng Hai?" (Thực Tế Phũ Phàng)

Nhưng Nguyễn Mộng Giác là nhà văn đầu tiên gây tranh luận chính trị (quốc-cộng) nhiều hơn là văn học về tác phẩm khi ông bắt đầu xuất bản bộ tiểu thuyết Mùa Biển Động (5 tập, 1984-89, 1816 trang) viết về 17 năm chiến tranh vừa xong. Cuốn đầu của MBĐ vừa xuất bản đã gây tranh luận ngay trong cộng đồng người Việt tị nạn ở hải ngoại. Tác giả MBĐ đã viết lên những sự thực tư duy của một người trí thức đã có dịp nhìn thấy, đã phải chịu đựng, cái nhìn tổng quan và lịch sử. Trường thiên kể lại 17 năm chiến tranh (1963-1981), tranh chấp chính trị, những lãnh tụ quân cờ mang họa cho dân tộc: cả hai phía quốc-cộng đều làm chiến tranh ủy nhiệm thay vì tự quyết tự chủ vì quyền lợi đất nước.. Một bên

nhân danh chiến tranh "thần thánh" chống Mỹ để biện hộ cho những tội ác Tết Mậu Thân 1968 ở Huế:

"... Phải rồi! Người ta giết người an nhiên, dễ dàng còn hơn dẫm lên một ngọn cỏ, vì người ta được niềm tin che chở. (...) Kẻ đầu tiên khai thị một niềm tin bao giờ cũng bị chính người đồng thời miệt thị như một kẻ điên khùng làm rối loạn trật tự (...) Rồi đến cái thời kẻ đó trở thành một bí nhiệm đủ sức xoa dịu những vết thương. Người điên và kẻ tử tội trở thành thần linh. Cho tới lúc những tên buôn thần bán thánh tìm được cơ hội tốt để bày món hàng mới, những á thánh giả hiệu đông như kiến giữa số ít những á thánh chân chính. Đủ loại sấm ký ra đời, và từ đây kẻ giết người không giấu bàn tay hoen máu đi mà kiêu hãnh chùi bàn tay máu ấy lên ngực áo mình như một thứ huân chương. Cái thời đó mình đang sống đây. Những tên sát nhân tân thời đó, mình đang gần gũi. Họ giết chừng ấy người một cách thông minh, không hại sức. Xong việc thì an nhiên hút thuốc. Ngủ một giấc ngon lành, ăn một bữa cơm nóng, mọi sự coi như vẫn bình thường. Kinh khủng quá ! (tr, 723-724)

"Đêm nào toán công tác "thanh lọc" của Ngô cũng làm việc tới khuya, công việc lại thường căng thẳng như trò mèo vờn chuột. Ngô phải ngồi đó chứng kiến cảnh Thuấn dùng mưu mẹo bắt bẻ, khi dọa dẫm trắng trợn (...) Nhìn cảnh một cậu thanh niên non choẹt nạt nộ những người đáng tuổi cha chú mình, rồi nhìn phản ứng bạc nhược hãi hùng của các nạn nhân, Ngô chua chát nhận ra sự tàn bạo của lịch sử, sự mong manh của ý chí, và dù không dám nói ra, chàng ác cảm, thù ghét tất cả cái khung triết lý đồ sộ biện minh cho bấy nhiêu sự hỗn láo, đanh ác" (tr. 654).

Nhiều nhân vật trong truyện xông xáo kiếm tìm hạnh phúc nhưng tất cả đều rơi vào ảo ảnh, vô vọng. Kẻ theo Cộng như Tường trở thành công cụ "sẽ chết dần mòn vì cô đơn" (tr. 1818), như Mười Chí cuối cùng cũng phải vượt biển - "hồi trước nó hăm hở vì nghĩ mình là người hùng. Bây giờ thấy đàn áp bất công mà không dám hở môi, nó tự thấy mình hèn. Dù ở đây hay trốn đi, hèn vẫn là hèn. Tâm trạng chung của tụi tranh đấu hồi trước đều như vậy" (tr. 1816). Kẻ đi lính quốc gia như Ngữ. Có những cái chết anh hùng như đại úy Thường chống cộng chết vì đạn Việt cộng. Một cuộc chiến buồn thảm, không tương lai vì hai phía đều lệ thuộc người ngoài, thiếu lý tưởng khách quan, thiếu yếu tố dân tộc. Sau "cách mạng" và chạy đua theo quyền lực là tỉnh mộng. Sau các biến động là những hối tiếc, là những tính toán thực tế hơn : vào Sài Gòn, Quy Nhơn hoặc vượt

biển. Cuối truyện, tác giả như thiên về đấu tranh trong nước: trung tá Thanh trốn ngục và ở lại, cũng như muốn hướng thông điệp cho thế hệ tương lai: hai trẻ nhỏ, bé Bình ở lại, bé Thuận ra hải ngoại. Tâm sự của Ngữ kẻ phải ra đi vì không còn chổ đứng trong xã hội mới :

"Không có cuộc ra đi nào là giải thoát cả. Ra đi là đứt ruột, là cái cây bị bật gốc ra khỏi lòng đất. Người ta chỉ bỏ nước ra đi vì chẳng còn cách nào khác. Ở đây họ không được quyền sống. Họ không có ngày mai. Họ sống trên quê hương mà bẽ bàng lơ láo như sống tha hương..." (tr. 1829). Ở đây tác giả như nhắc nhở đấu tranh nếu còn hãy vì dân tộc trên hết mới tránh được thảm kịch đã qua. Tác giả viết bộ trường thiên vào lúc tâm hồn có những xúc động xâu xa: mất nước, vượt biển, xa gia đình, hải ngoại chống cộng cực đoan mạnh. Nếu MBĐ được viết vào giữa thập niên 90, tác giả sẽ vẫn viết với những tha thiết và phê phán chân thành đó nhưng có thể đánh động tâm hồn người đọc, cảm hóa con người ở cả hai phía hơn, do đó sẽ thuyết phục sắc bén hơn vì can đảm tinh thần tác giả không thiếu. Sự thực bao giờ cũng khó nói, những người đã lựa chọn nói cái khó có Nguyễn Khắc Ngữ (Những Ngày Cuối Cùng Của Việt Nam Cộng Hòa, 1979), Cao Xuân Huy, Hoàng Khởi Phong, Trần Hoài Thư, Dương Thu Hương, Tiêu Dao Bảo Cự, Bảo Ninh...

Một số truyện khác của Nguyễn Mộng Giác như hai tập Ngựa Nản Chân Bon (1984), Xuôi Dòng (1987) đề cập đến những mảnh đời trong và sau cuộc chiến với những bế tắc, trái ngang của những nhà trí thức, sĩ quan ngụy và cả người bên kia chiến tuyến. Rồi cuộc đời mới ở xứ người cũng không hạnh phúc gì !

Nhật Tiến là nhà văn thứ nhì gây phản ứng chính trị khi ông xuất bản Mô Hôi Của Đá (1988) và đăng báo truyện Gặp Gỡ Cuối Năm : người anh đại tá Việt cộng đòi thăm em đang bị cải tạo, người em không chịu tiếp. Trong Mô Hôi Của Đá, qua chuyện của những người ở trong nước như Nguyệt, Toàn, Hoàng, ông Năm Tỏa, ..., ông đề nghị đối thoại và tìm hiểu trong tinh thần nhân bản và dân tộc, để xây dựng lại quê hương. Ông nói đến con người, dân tộc, muốn không phân biệt nữa. Cuộc chiến mới ông muốn đề ra là cuộc chiến giữa nhân bản và phi nhân, giữa lẽ phải và sai quấy và giữa dân tộc và phi dân tộc. Tập Tiếng Kèn (1982) là bức tranh sống động về cuộc đổi đời của miền Nam, những đối xử dã man, không nhân tính với đồng loại. Đến Một Thời Đang Qua (1985) gồm hai phần quê người sống hối hả máy móc với những va chạm văn hóa, những người mẹ già lạc lõng ngay trong gia đình mình, trong khi quê nhà giữa bao thảm kịch, sĩ quan bộ đội hủ hóa, tình cờ vẫn có người thủ trưởng công an

biết nói cám ơn. Trong tập truyện này, Nhật Tiến đi bước đầu trong việc tìm hiểu và viết về con người ở miền Bắc và những người ở miền Nam sau 1975 như những con người "ruột thịt". Văn ông hiền lành nhưng ông đã nói đến những khúc mắc của con người cùng là nạn nhân của chiến tranh, ông luôn khẳng định sự thất bại của cộng sản muốn tiêu diệt nhân tính nơi con người. Trong tập Cánh Cửa (1987), ông đi xa hơn, cho Trường, một người tù cải tạo thuyết phục, cải tạo lại tên công an có trách nhiệm cải tạo chàng. Ông chủ trương không chống Cộng triệt để một sống một chết như trước, nhưng chống Cộng bằng ý thức mới của tình thế mới của dân tộc.

Duyên Anh là nhà văn thứ ba gây tranh luận, nhưng trong trường hợp ông, nghi vấn hãy còn cho tới khi qua đời (6-2-1997), trước đó ông bị đả thương thành tật nguyền. Khi ra ngoài nước, ông viết nhiều về chiến tranh : Một Người Nga Ở Sài Gòn (1986) kể chuyện một người Nga muốn trả nợ cho nước mình, đế quốc Liên Sô; Sỏi Đá Ngậm Ngùi (1985) viết về những người đàn bà trong tù cộng sản; Bầy Sư Tử Lãng Mạn (1986) về 28 người tuổi trẻ sau 1975, trong hầm đá trại Đầm Đùn. Cuốn Đồi Fanta có dư luận coi là có tinh thần "thỏa hiệp" (!) và hai cuốn hồi ký Nhìn Lại Những Bến Bờ và Sài Gòn Ngày Dài Nhất có thể chuốc thêm oán. Ông có tập Thơ Tù (1984) và Em Tôi Sài Gòn Và Paris (1989), có những bài thơ căm hận :

"... Sài Gòn khăn sô
Mùa Xuân tím tái
Lưỡi lê đàng ngoài thù hận đàng trong
Chim hạc hồng tiếp tục trốn mùa Đông
Chả thấy Hoàng Diệu nào tuẫn tiết
Anh chỉ thấy bọn tướng hèn khốn kiếp
Lột xé chiến bào, phi tang tích huân chương
Đứa tham sinh rời lủi quê hương
Đứa úy tử gục đầu chịu trói..."
(1979, Thơ Từ 3)

Võ Kỳ Điền với tập Kẻ Đưa Đường (1986) muốn nói lên tiếng nói chống độc tài, ngu xuẩn (Lời tựa). Phần lớn là những chuyện sau 1975 qua các nhân vật quê mùa nhưng tinh thần chống áp bức lộ rõ như bác Năm hớt tóc, ông Bảy thợ rèn, chú Bảy Cò, qua các cán bộ từ rừng ra từ Bắc vào tiếp thu trường học, cơ sở, "tiếp thu" cả con chó của Ty giáo dục, chuyện trả thù cán bộ, "sửa lưng" cán bộ quá thuộc lòng những lời tuyên

truyền - những bức tranh bi hài về con người, xã hội. Chuyện một anh học trò cũ vô bưng nay trở về tiếp thu ngôi trường cũ, sau bị một cán bộ từ Bắc có tuổi đảng vào thay thế. Ông thầy an ủi : "... Đừng mong làm hoa hướng dương, suốt ngày ngước mắt nhìn mặt trời hoài mỏi cổ lắm. Cũng đừng thèm làm đá xanh cứ phải lót đường cho người ta đi. Em phải nhớ một điều, vì lý tưởng cao cả, chúng ta có thể chấp nhận hy sinh thân xác để bón lúa, chớ đừng bao giờ dùng nó làm phân để bón cho thứ cỏ dại sinh sôi nẩy nở..." (Đá Hoa Cương).

Sau ông có truyện dài Pulau Bidong, Miền Đất Lạ (1992) tả cuộc ra đi đầy bất trắc và lưu đầy của những người bình thường không thể sống chung với cộng sản.

Hai người lính Cộng hòa khi vượt thoát khỏi Việt Nam vẫn tiếp tục chống Cộng bằng chính máu xương mình là Tưởng Năng Tiến và Võ Hoàng. Hai ông đã xuất bản chung hai tập truyện Đất Lạ, Măng Đầu Mùa (1982) và làm chung tờ Nhân Văn. Tưởng Năng Tiến có những truyện viết về người cải tạo như "những cái lon ghi-gô". Võ Hoàng có Trong Lòng Cách Mạng (1983), Góc Bể Chân Trời (1983). Cùng khuynh hướng có nhà thơ Bắc Phong với tập Chính Ca (1986) và nhà văn Trùng Dương qua những sáng tác trên tờ Kháng Chiến.

Xuân Vũ tiếp tục lột trần sự thật về những tên đồ tể chiến tranh, trong giới văn nghệ và lãnh đạo, những cảnh chiến trường, thí người, từ đường mòn HCM vô Nam, những chặng đường oan nghiệt mà mỗi tấc đã phủ xương trắng nhuộm máu tươi của hàng triệu thanh thiếu niên trong số có những người vì lý tưởng mà bị oan khiên, những tranh chấp tư tưởng, giai cấp, những kỳ thị, trong bộ hồi ký Đường Đi Không Đến (xuất bản ở ngoài nước tập 2 đến 5, từ 1989). Ngoài ra ông còn là tác giả Con Người Vốn Quý Nhất (1989), Đỏ và Vàng (1990), vv

Nguyễn Tấn Hưng viết rất nhiều về một miền Nam trong cuộc chiến với những cuộc tình tuổi trẻ, những lối sống "vườn" và thủ đô. Những xáo trộn, chiến tranh, đi lính, những chuyến về phép bay bướm. Một Thuở Làm "Trùm", Một Chuyến Ra Khơi là chuyện đời lính. Một Trời Một Biển (1993) chuyện sinh viên sĩ quan hải quân ở Nha Trang, những chuyện tình và phiêu lưu tình cảm.

Nguyễn Bá Trạc với Ngọn Cỏ Bồng (1986) rồi Chuyện Của Một Người Di Cư Nhức Đầu Vừa Phải (1993) muốn vượt những thành kiến chính trị

trong những nhận xét, lo toan của tác giả về dân tộc và tập thể người Việt ở hải ngoại.

Nguyễn Ngọc Ngạn xuất bản The Will of Heaven (1982), Truyện Ngắn Nguyễn Ngọc Ngạn (1982), Biển Vẫn Đợi Chờ (1984), Nước Đục, Chính Khách, vv, Màu Cỏ Úa (1986) vẽ lại xã hội cộng sản miền Bắc thời đầu chiến tranh: xã Xuân Thành, công giáo, có cô gái tên Hợp con gia đình có "nợ máu với nhân dân", có Quảng, anh cán bộ tàn bạo xen cản tình yêu Hợp với Thụ. Quảng hiếp Hợp. Nhưng trong một xã hội bưng bít và chính trị hoá như miền Bắc, nạn nhân Hợp bị người yêu Thụ nghi ngờ, trong khi Quảng cán bộ hủ hóa vẫn được Thụ coi là đại diện chân chính và là hình ảnh của "bác", người "yêu nước" chân chính. Trên Lối Mòn Hậu Chiến (1990) kể chuyện người cộng sản hăng say "chiến thắng" rơi vào sa lầy của những tham vọng mới ở Đông dương. Ông chống cộng và có tài tiểu thuyết hóa cũng như châm biếm khiến đọc ông không thể lầm với những nhà văn trong nước như Chu Văn, Nguyễn Khắc Trường về cùng một đề tài và không gian chung. Nước Đục và Chính Khách là chuyện dài người Việt hải ngoại. Một cộng đồng có những kẻ ăn không ngồi rồi giành nhau chức hão, những chuyện chụp mũ, chim vợ bạn, ... một xã hội bị nhiễm độc bởi cuộc chiến vừa qua và cái độc ăn ra đến hải ngoại.

Hậu quả của chiến tranh tức đời sống lưu vong, như những khắc khoải người đi người ở, những hoài niệm quê xưa, cũng được thể hiện trong các tác phẩm của Nguyễn Văn Sâm (Câu Hò Vân Tiên, 1984, Ngày Tháng Bồng Bềnh, 1987), Hồ Trường An (Tạp Chủng, vv), Hồ Đình Nghiêm, Phạm Quốc Bảo (Cõi Mộng Du, 2 tập, 1984-85, Gọi Bình Minh 1989, Dâu Bể 1989), Phan Thị Trọng Tuyến (Mùa Hè Ở Một Nơi Khác), Nguyễn Thị Hoàng Bắc (Long Lanh hạt Bụi), Nguyễn Thị Thanh Bình (Ở Đời Sống Này, Cuối Đêm Dài,1993), Trần Diệu Hằng (Vũ Điệu Của Loài Công), Nguyễn Xuân Quang (Những Mảnh Đời Tị Nạn), vv.

Về thơ, Du Tử Lê lo xa :
"Khi tôi chết hãy đem tôi ra biển
đời lưu vong không cả một nấm mồ
vùi đất lạ thịt xương e khó rã
hồn không đi sao trở lại quê nhà

Khi tôi chết hãy đem tôi ra biển
Nước ngược dòng sẽ đẩy xác tôi đi

bên kia biển là quê hương tôi đó
rặng tre xưa muôn tuổi vẫn xanh rì..."
(Khi Tôi Chết Hãy Đem Tôi Ra Biển)

vì người thua trận tâm sự nào vui :

"*... Đạn bom ngốn mất đời trai trẻ*
cải tạo khơi khơi năm mười niên
ra tù mất vợ, con quay mặt
cười gượng ra điều ta vẫn ... ngon
(...) Nhìn nhau chợt thấy ra sông núi
có chút gì nghe rất thốn đau
hẹn bay về chết trong tay mẹ
tổ quốc nghìn năm bỏ được sao ?
(1991, Nhìn Nhau Chợt Thấy Ra Sông Núi)

Luân Hoán có những bài làm khi còn ở trong nước trong tập Hơi Thở Việt Nam (xuất bản ở hải ngoại 1986) kể chuyện thân thế và học tập :

"*Ông bà tôi đã chết*
cha mẹ đã làm ma
tôi chừ cũng đã chết
tất cả đều Quốc gia
(...) rồi thì tôi đi lính
đuổi giặc chạy dài dài
tiếc rằng chưa giết hết
lũ khát máu độc tài
(...) rồi thì cách mạng bắt
một hai bảo tôi khai
tôi khai hoài khai mãi
tôi khai mãi khai hoài
lý lịch tôi từ đó
đâm ra thành truyện dài
mai sau in thành sách
may ra thành thiên tài
xin cảm ơn cách mạng
tôi nguyện cầm bút hoài..."

Thái Tú Hạp, tác giả Chim Quyên Lạc Đàn (1982) và Miền Yêu Dấu

Phương Đông (1987) :

"Trên dốc đèo đá dựng
bà mẹ già thăm nuôi
qua trại tù im vắng
đứa con mẹ về đâu?
Trên những cánh rừng sâu
người vợ hiền qua trại
nắng chiều đọng bờ lau
ngậm ngùi như chiếc lá
Trên hàng sắn mộ xanh
xác người tù rã mục
mắt em bé long lanh
nuốt hờn căm sôi sục
...Tiếng lau buồn thiên thu
bên mồ hoang hiu hắt
cõi hư vô về đâu?
người tù binh tự sát.."
(Người Tù Binh Dũng Liệt)

Nguyễn Tất Nhiên nhà thơ tình yêu nay trong hoàn cảnh chung có những bài viết về thân phận tù cải tạo:

"... Ta lê lết qua từng giờ như tử
ngày bức hơi, đêm tra tấn tinh thần
bốn thước vuông ngọ nguậy hai mươi thằng
bị đè bẹp, dĩ nhiên, con thú dẹt!
Bạn tù ơi vô tình bày ác nghiệt
cơm thăm nuôi ta liếc trộm chực thầm
bây ăn rơi ăn rớt, dửng dưng
lại nói dóc: bo bo ngon hơn gạo !
Ta nhẫn nhục qua từng giờ tàn bạo
chứng kiến thân nhân, cha mẹ trần truồng
chứng kiến nạn nhân sợ chết cuống cuồng
trước họng súng lạnh lùng, tùy tiện ! ..."
(Điều Muốn Khuyên Nhau)

(còn tiếp một kỳ)

trên vùng tuyết tan

NGUYỄN XUÂN THIỆP

này em. hãy mở tung cửa sổ
sớm mai đang rộ cười
tuyết tan
tuyết bắt đầu tan trên mái nhà. bờ rào
tiếng nước chảy reo vui từ máng xối
trên những lối đi trong vườn
ran ran dưới lá. băng vỡ. nõ nức màu hợp kim
chớp mắt. nắng đầy phố xá
người đi. như trong mơ. cười nói. cùng bông tuyết bay từ cành thông
mặt đất ấm lại sắc nâu già
như đã hẹn từ mùa thu trước. bầy chim xưa về sắp hàng trên
những đường dây điện cao
rỉa lông. nói với nhau điều gì
những chú sóc mê nắng. nhảy chuyền trên cành khô. kêu khan mấy tiếng
mùa xuân đã trở về

đêm qua. một vầng trăng soi trên tuyết
em đọc lại bài thơ của buổi lên đường xa xứ
tìm sâu trong hồn. một vết dao
rồi như chợt tỉnh. nhìn ra vườn khuya
ô kìa. trái tim anh là ngọn lửa
cháy trên vùng tuyết tan

và mùa xuân trở lại
không còn bóng quạ đen
và những con đường im lặng dưới băng
mây. mùa thu đông quên lãng. vỡ đàn bay đi. bay đi. không hẹn ước
trong anh cũng một vùng tuyết tan
nắng như ngày hong tóc
thôi hãy quên đi những cơn bão. sương mù. những cành
khô gãy. và lối xe đi lầy lội
hãy nói với quê nhà
mùa xuân rồi đấy
hãy nói với mọi người
rằng hoa dã quỳ bắt đầu nở lại trên vùng tuyết tan

Chuyện những vì sao và 39 người đi.

Nguyễn Bá Trạc

"Những Vì Sao" là tên một câu chuyện ngắn của Alphonse Daudet mà thủa thiếu thời, người kể chuyện này rất yêu mến vì sự trong sáng và tính thơ mộng của nó. Nhưng đây là một câu chuyện khác về những vì sao. Chuyện này gồm có 9 đoạn, đặt tên như sau:

1/ Ngôi sao gieo mầm sống

2/ Thế giới có triệu điều không hiểu

3/ Vật lạ ngoài không gian

4/ Quả đất sắp tái dụng

5/ Những người đại diện

6/ Sao chổi, sao Hỏa, nguyệt thực, bầu trời đêm hôm ấy.

7/ Trở về với sao trời Mai Thảo, tiếp tục những lời bông đùa và láu cá như thường lệ của những người già vờ chưa hiểu.

8/ Kiếp người mỏng manh - Trích lời nguyện của Môi Sê.

9/ Trích Phẩm Thập Địa, kinh Hoa Nghiêm.

Câu chuyện này tuy cũng khá dài nhưng lại là một bài viết vội vã. Vì suốt ngày phải ngồi trước máy điện toán đọc tin, dịch tin cho các nhật báo Việt ngữ, vừa phải viết bài cho các tạp chí phổ thông để làm kế sinh nhai, người kể chuyện rất tiếc không thể có nhiều thì giờ hơn nữa để bố cục lại, viết lại cho gọn gàng trau chuốt hơn.

Nếu quả có sự khác biệt giữa tin tức nhật báo, những tạp chí phổ thông, những tác phẩm văn chương nghệ thuật - thì thành thực mà nói, đây chỉ là chắp nhặt những mẩu tin thời sự lưu trữ trong máy điện toán, trích kèm thêm chút đỉnh kinh sách, có thể làm mất thì giờ của những bạn đọc có nhiều công việc bận rộn trong thời buổi ngày nay.

Tuy nhiên nếu đã có lời nói trước mà bạn đọc vẫn muốn đọc, thì xin vui lòng đọc cho đáng công. Nghĩa là đọc cho đến giòng chót của Phẩm

Thập Địa, kinh Hoa Nghiêm. Hai đoạn chót, đọc chậm lại. Trong câu chuyện này, chính những gì không do người kể viết ra thì mới là những gì đáng đọc.

(1) Ngôi sao gieo mầm sống:

Ngày 23 tháng Bẩy năm 1995 - vào giờ chập choạng tối, gần như cùng một lúc - Alan Hale, thuộc Viện Nghiên Cứu Không Gian ở Cloudcroft tiểu bang New Mexico, và Thomas Bopp, một nhà thiên văn tài tử ở Glendale tiểu bang Arizona, đều báo cáo là "có nhìn thấy một điểm sáng lờ mờ nằm ở phía chòm sao Cung - Sagittarius".

Vài giờ sau, Tổng Đoàn Thiên Văn Quốc Tế lên tiếng công bố sự xuất hiện của sao chổi "Hale-Bopp"; ngôi sao đã mang tên của cả hai người đầu tiên nhìn thấy nó.

Hale-Bopp là một trong những ngôi sao chổi lớn nhất mà nhân loại có tài liệu ghi lại. Các nhà thiên văn tính ra chiều dài đuôi sao ước khoảng 10 đến 20 triệu dặm. Đường kính khoảng 25 đến 30 dặm. Hale-Bopp được xem là lớn hơn sao chổi Halley từ ba đến bốn lần.

Hale-Bopp bay quanh mặt trời với một quỹ đạo không cân. Quỹ đạo này đưa ngôi sao băng ngang trung tâm Thái dương hệ theo định kỳ. Nhưng nếu sao chổi Halley cứ 75 năm đến thăm trái đất một lần - lần cuối cùng là vào năm 1986 - thì Hale-Bopp cứ khoảng 4000 năm mới bay vào Thái Dương Hệ.

Lần này, với trình độ hiện tại của khoa vật lý thiên văn, sau khi phân tích hàng tấn phân tử hữu cơ nhả ra từ ngôi sao, các nhà khoa học đưa tới một số kết luận hỗ trợ cho một lý thuyết.

Lý thuyết này tin rằng chính những ngôi sao chổi, tương tự Hale-Bopp, đã gieo xuống hành tinh quả đất những hạt giống hóa chất để cấu tạo nên sự sống ngày nay.

Trong bản nghiên cứu công bố ngày 28/3/1997, khi nêu thành phần cấu tạo và đặc tính các loại bụi, loại hơi từ sao chổi Hale-Bopp nhả ra, nhà Vật Lý Thiên Văn Harold Weaver thuộc đại học John Hopkins cho biết "Đa số những gì chúng tôi đang thấy đây là nước đông đá, nhưng cũng có rất nhiều hydrocarbon và các phân tử hữu cơ. Và đấy là những gì cần phải có cho căn nguyên sự sống."

Hale-Bopp, cũng như những sao chổi khác, được các nhà khoa học quan niệm là một khối kết hợp của nước đá, bụi và hóa chất, xem như một thứ "quả cầu tuyết bẩn" duy trì trong tình trạng đông đá lúc bay ngoài không gian lạnh lẽo. Nhưng với các khí cụ ráp trong viễn vọng kính ngày

nay, Weaver cho biết, có thể xác định được thành phần của nước đá trong sao chổi bằng cách phân tích các đám mây tạo nên khi nước đá chuyển thành hơi.

Weaver giải thích "Bằng cách xác định các loại nước đá trong những phân tử sao chổi, chúng tôi hy vọng sẽ đào sâu được các điều kiện vật lý hóa học trong thời kỳ thái dương hệ cấu tạo cách đây 4.6 tỉ năm".

Weaver cho biết việc nghiên cứu các thành phần cấu tạo sao chổi cũng sẽ giúp xác định xem sao chổi đã gieo xuống những hóa chất nào cho hành tinh quả đất vào khoảng nhiều tỉ năm về trước.

Đến nay, sau khi nghiên cứu, các nhà khoa học của thời đại chúng ta đã tìm ra được " ít nhất 13 phân tử hóa chất khác nhau trong sao chổi Hale-Bopp, một số trong đó có thể đã là khởi điểm để cấu tạo nên amino acid, những phân tử căn bản của sự sống".

Weaver cho biết nước là 80% thành phần của sao chổi Hale-Bopp, cùng với khá nhiều carbon dioxide và carbon monoxide, ngoài ra còn tìm thấy một số hợp chất hóa học khác như methane, acetylene, hydrogene cyanide, hydrogene sulfide, carbon disulfide, methyl cyanide, formic acid, ethylene và carbon sulfide.

Dale P. Cruikshank, khoa học gia tại Trung Tâm Khảo Cứu Ames thuộc cơ quan NASA tại California, cũng phát biểu trong tờ tạp chí "Science" rằng: Kết quả phân tích hóa chất của sao chổi Hale-Bopp đã hỗ trợ cho ý tưởng là chính các ngôi sao chổi này có thể đã cung cấp nước, carbon dioxide, và những chất liệu hữu cơ phức tạp khác cho hành tinh quả đất - "giúp cho tất cả mọi sự khởi đầu".

Những khám phá này - Cruikshank tuyên bố - "đã đẩy mạnh cho một lý thuyết mới - là chính qua những ngôi sao chổi đến từ xa xôi ấy, những ngôi sao ở ngoài khu vực các hành tinh thuộc thái dương hệ chúng ta, mà đời sống đã bắt đầu xuất hiện trên quả đất.

"Đời sống trên quả đất gắn liền với những vì sao."

...

Những tuần lễ cuối tháng Ba và đầu tháng Tư 1997 là lúc sao chổi Hale-Bopp đến gần quả đất nhất.

Khi mặt trời vừa lặn, đứng chỗ trống trải là có thể thấy rõ ngôi sao hiện lên trên nền trời tây bắc.

Một ngôi sao lớn hơn thường.

Một ngôi sao khác thường.

Một ngôi sao mới mẻ, tỏa ra một cái đuôi ánh sáng dài và lạnh lẽo.

Ngôi sao ấy sau 4000 năm lại trở về gần trái đất. Lần này đã đánh dấu cho một cuộc tự tử tập thể kỳ lạ - hay nói bằng cách của họ - là đánh dấu

lời gọi 39 sứ đồ đạo Thiên Môn - "Heaven's Gate" - "ra đi để sống còn ở một cõi cao cả hơn nhân loại".

(2) Thế giới có triệu điều không hiểu:

"Ai hiểu được bí nhiệm này, và ai sống trong rừng, huân tập lòng trung tín và đạo hạnh, người đó sẽ đi về phía ánh sáng, từ ánh sáng đến ban ngày, từ ban ngày đến ánh sáng của vừng trăng khuyết, từ ánh sáng của vừng trăng khuyết đến suốt sáu tháng lúc mặt trời chuyển về phương bắc, từ sáu tháng tới một năm, từ một năm cho tới mặt trời, từ mặt trời cho tới mặt trăng, từ mặt trăng cho tới ánh sáng...(Ảo Nghĩa Kinh)

Ngày thứ Tư 26/3/1997, sau khi nhận được một cú điện thoại, cảnh sát Mỹ đến một tòa nhà tại Rancho Santa Fe, đã tìm ra được 39 xác chết.

Tất cả gồm hai mươi mốt người phụ nữ, mười tám người đàn ông, tuổi từ 26 tới 72.

Tất cả đều nằm ngay ngắn trên giường nệm hoặc những chiếc giường hai tầng.

Nét mặt họ đều thanh thản bình yên, hai tay đặt ngay ngắn hai bên thân mình.

Trên mặt và trên ngực, mỗi người đều phủ một tấm khăn tam giác mầu tím.

Người nào cũng mặc quần đen, đi giầy thể thao hiệu Nike mầu đen mới.

Trong túi mỗi người đều để sẵn giấy tờ căn cước, một tấm giấy bạc 5 mỹ kim, và vài đồng 25 xu Mỹ. Y như nhau.

Trong nhà không có ghi chú, không chúc thư để lại, không một ai có dấu vết thương tích nào.

39 tín đồ đạo "Thiên Môn" - "Heaven's Gate" - những người được mô tả là "có tài trong lãnh vực điện toán", "những người đẹp đẽ, tử tế", những người "dễ thương và thông minh", họ đều đã tự tử tập thể trong một tòa biệt thự sang trọng, "trị giá 1 triệu 600 ngàn mỹ kim", tọa lạc tại Rancho Santa Fe, gần thành phố San Diego.

Các đài truyền hình địa phương tường thuật lời Milton Silverman, một luật sư của chủ nhân tòa biệt thự này, cho biết rằng tòa nhà này đã được thuê bởi một nhóm "tôn giáo điện toán".

Các đài truyền hình tường thuật rằng "Các hội viên của nhóm này đều sống độc thân, không uống rượu, không hút thuốc, tự xem là những thiên thần đã đến với người Mỹ."

Tom Goodspeed, Quản lý câu lạc bộ thể thao "Polo Club" tại San Diego cho biết các hội viên của nhóm này có đến thương lượng việc quảng cáo cho câu lạc bộ. Chính ông cũng đã thuê họ thiết trí một mạng tin điện toán."Họ là những người rất có tài trong kỹ thuật điện toán". "Họ thường mặc quần áo mầu sậm", "Mặc dù bộ dạng bên ngoài có vẻ hơi kỳ lạ, nhưng họ là những người rất có tài trong việc sáng chế mạng tin điện toán cho chúng tôi."

Một thương gia tại Beverly Hills, ông Nick Matzorkis cho biết một nhân viên của ông là cựu hội viên của nhóm này, trong hôm thứ Tư 26/3, có nhận được một bưu kiện do những người trong nhóm Thiên Môn gửi đến và chính ông là người đã điện thoại cho cảnh sát để yêu cầu đến xét tòa nhà, vì trong gói bưu kiện mà người nhân viên của ông nhận được cũng gồm có một cuốn băng video có chiếu cảnh các hội viên nói lời vĩnh biệt, "họ đều có vẻ sung sướng với quyết định ra đi".

Scott Warren, nhân viên bán địa ốc phụ trách dắt người đến xem để dạm bán tòa nhà, cho biết tòa nhà này có một quang cảnh "kỳ lạ", những người ở đây xem tòa nhà này là một "ngôi đền". Tòa nhà có nhiều máy điện toán. Phòng ngủ có kê những chiếc giường hai tầng, hệt như cách bài trí tại các nhà ở tập thể.

Một người xóm giềng trong khu vực này, Bill Strong cho các phóng viên biết chủ tòa nhà là Sam Koutchesahani, đã cho "những người ở các tiểu bang khác tới" thuê vào hồi tháng Mười.

Bill Strong cũng cho biết những người sống trong tòa nhà này là "những người đàn ông đàn bà trung niên." Tòa biệt thự bao quanh bằng tường gạch, tọa lạc trong một khu vực sang trọng vẫn được mệnh danh là "Beverly Hills của San Diego", cách San Diego 20 dặm.

Bản tin của thông tấn AP nhận xét "Lúc sống, những tín đồ của đạo Thiên Môn đã theo những cung cách quy định y như nhau. Họ thức dậy cùng một lúc. Họ cắt cùng một kiểu tóc ngắn. Họ nấu nướng cùng một thực đơn. Lúc chết, họ cũng giống nhau từng chi tiết. 39 xác chết nằm gọn ghẽ, từng chiếc va li gói ghém ngăn nắp, đặt sẵn ở dưới chân".

Sau khi giảo nghiệm, các điều tra viên đã xác định rằng "đây là một vụ tự tử tập thể. Tất cả 21 người đàn bà và 18 người đàn ông đều đã dùng độc chất phenobarbital pha với rượu vodka".

Tòa nhà mà họ tự tử tập thể, cũng là trụ sở một công ty điện toán do họ lập ra để làm việc. Công ty này mang tên là "Higher Source" - phụ trách thiết lập mạng tin điện toán cho các cơ sở thương mãi.

Họ đã chuẩn bị chuyến đi trong suốt hơn hai mươi năm nay.

Họ ra đi vào lúc sao chổi Hale-Bopp tiến đến vị trí gần nhất so với

quả đất.

Họ viết trong một mạng tin điện toán "World Wide Web" rằng "Sao chổi Hale-Bopp tới gần là một dấu hiệu báo cho biết là chúng tôi đang được đón chờ. Chúng tôi rất sung sướng chuẩn bị rời khỏi 'thế giới này'."

Họ uống độc dược, "phá cái bình chứa, phá chiếc xe, phá cái phương tiện chuyên chở ở cõi giả tạm này, để đưa họ tới điểm hẹn, nấp sau ngôi sao chổi Hale-Bopp".

(3) Vật lạ ngoài không gian:

"UFO" là chữ tiếng Anh viết tắt để chỉ "những vật lạ bay ngoài không gian hiện nay chưa xác định được". Người thì cho là đĩa bay, người thì cho là phi thuyền không gian từ hành tinh khác tới.

Các thông tấn tường thuật rằng "tín đồ đạo Thiên Môn tin là sao chổi Hale-Bopp chỉ là cái khiên che đằng trước. Nấp sau ngôi sao chổi này là một UFO, một vật lạ ngoài không gian đón chờ họ ra đi".

Thống tấn Mỹ tường thuật rằng người cựu tín đồ của đạo Thiên Môn - cũng là người chuyên viên điện toán làm việc ở Beverly Hills đã nhận gói bưu kiện trong đó có thư từ và cuốn băng video mà các cựu đồng đạo để lại trước khi ra đi - cho biết ông ta đã gặp khoảng 15 tín đồ của nhóm này từng nói rằng có một "phi thuyền không gian" đã đến nấp sau sao chổi Hale-Bopp trong lúc ngôi sao chổi này tiến gần đến quả đất.

Một thông điệp của nhóm này xuất hiện trên mạng tin Internet, nói rằng "Sao chổi Hale-Bopp có hay không có một 'bạn đồng hành' đi theo, thì cũng vẫn là những gì bật trội trong viễn tượng của chúng tôi. Việc ngôi sao này tới đây là một sự kiện rõ rệt vui mừng đối với nhóm Thiên Môn chúng tôi. Niềm vui này đã được các Thành viên kỳ cựu hơn trong mức Tiến Hóa vượt trên Nhân Loại của chúng tôi từng giải thích minh bạch với chúng tôi rằng đây chính là dấu hiệu chờ đợi chúng tôi - là thời điểm của chiếc phi thuyền không gian đã đến từ mức độ đứng trên tầm mức của con người, nó sẽ đưa chúng tôi đến thế giới của họ".

(4) Quả đất sắp tái dụng:

Các cuộc giảo nghiệm xác sau khi thực hiện xong cho biết một số đàn ông trong nhóm này, kể cả người lãnh đạo nhóm, đều đã giải phẫu để diệt dục và triệt sản. Các cuộc giảo nghiệm ấy cũng xác nhận rằng người lãnh đạo nhóm này, Marshall Applewhite, 66 tuổi, có mặt trong những xác chết cùng với 38 người đồng đạo, đã không bị ung thư gan đang gần

chết như một số báo chí đăng tải.

Trong cuốn băng video để lại, có phần hình ảnh của một người đàn ông đứng tuổi, mặc quần áo đen, sơ mi không cổ. Người đàn ông ấy lấy tên là "Do", đã được cựu tín đồ Matzorkis xác nhận là Marshall Applewhite.

Truyền thông Mỹ cho biết Marshall Applewhite, nguyên là một ca sĩ và một giáo sư âm nhạc - cùng với một nữ đồng đạo tên Bonnie Lu Trusdale Nettles, nguyên là một y tá - đã thu phục vài trăm người từ khắp các tiểu bang California, Colorado, New Mexico, và Oregon. "Những tín đồ này đều giã biệt gia đình, từ bỏ hết tài sản của cải để nhập đạo trong năm 1975".

Hai đạo sĩ nam nữ này đã tự gọi họ với biệt danh là "The Two" "Cặp Đôi".

Nữ đạo sĩ Bonnie Lu Trusdale Nettles - trong các văn bản của đạo Thiên Môn còn được gọi là "Ti".

Các tài liệu do tín đồ để lại đều viết với cách cho biết "Ti" đã qua đời khoảng vài năm nay; "Ti" - tức là Netlles, đã chết vào năm 1985.

Một quyển sách dầy 4 inch do Marshall Applewhite để lại đã có viết "những lời tuyên ngôn ra đi". Một phần được viết với tên "Anlody", nói rằng "Cuộc sống còn đã ràng rịt lấy chúng ta, và sự sinh tồn của thân xác con người này đã buộc chặt lấy chúng ta ở nơi đây."

"Nhưng không có của cải giầu sang nào, không có chức tước địa vị nào, không có tên tuổi lẫy lừng nào, không có gia đình thân thích nào, không có tín điều tôn giáo nào có thể giúp cho con người ta sống còn. Tất cả chỉ đều là những cái bẫy."

Trong cuốn băng video để lại, Marshall Applewhite nhấn mạnh từng lời, từng lời một là "Hành tinh quả đất sắp được tái dụng. Cơ hội duy nhất để sống còn hoặc để di tản, là theo chúng tôi".

(5) Những người Đại Diện:

Đăm đăm cặp mắt mở mơ hồ
Ngó trắng vô hình cái ngó khô
Đâu đó mưa đêm từng tiếng thả
Từ đỉnh thời gian xuống đáy mồ

Tòa nhà mà các tín đồ Thiên Môn thuê đã được rao bán ít nhất một năm nay; nhưng nhân viên địa ốc đã gặp khó khăn trong lúc làm hẹn dẫn người đến xem nhà, vì "những người ở tại tòa nhà này thường xuyên tổ chức các buổi lễ tôn giáo".

Một luật sư của sở hữu chủ tòa nhà, ông Silverman cho biết những người ở trong nhà có nói với chủ nhà rằng trong tuần lễ này họ không muốn có ai đến xem nhà. "Họ bảo tuần này là Tuần Thánh của họ"

Nhưng chính trong tuần này, họ đã ra đi. Quần đen, giầy đen mới, chỉnh tề, ngay ngắn.

Trong túi mỗi người để sẵn một tờ giấy bạc 5 đô la, vài đồng 25 xu Mỹ, y như nhau.

Mặt mày êm đềm, thanh thản, họ ra đi y như nhau.

Tuần Thánh của họ cũng chính là tuần lễ Phục Sinh của các tín đồ Thiên Chúa Giáo.

Theo Phúc Âm Lu Ca, Chúa Giê Su đã bị đóng đinh trên cây thánh giá vào ngày thứ Sáu. Các tín hữu chôn cất Chúa trong một ngôi mộ, rồi dựng một tảng đá trước mộ. *"Ngày thứ nhất trong tuần, vừa tang tảng bình minh, các bà đến mồ, có mang theo hương liệu họ đã dọn sẵn. Và họ thấy tảng đá đã lăn ra khỏi mồ,nhưng khi vào trong, họ không gặp thấy xác Chúa Giê Su. Đang khi hô phân vân về điều ấy, thì này: có hai người bỗng hiện ra cho họ, áo chói lòa. Họ đâm sợ, sấp mặt xuống đất; hai người kia mới nói cùng họ: "Làm sao các ngươi đi tìm đấng sống giữa những người chết? Ngài không có đây, nhưng đã sống lại. Các ngươi hãy nhớ lại Ngài đã nói làm sao với các ngươi, khi còn ở Galilê, rằng: "Con Người phải bị nộp trong tay những kẻ tội lỗi, bị đóng đinh thập giá, và sống lại ngày thứ Ba". Và họ đã nhớ lại các lời của Ngài.*

Một quyển sách dầy 200 trang do nhóm Thiên Môn xuất bản vào năm ngoái cũng nhắc nhở đến Chúa Giê Su với những từ ngữ khác.

Họ nói rằng vào 2000 năm trước, Vương Quốc Đứng Trên Trình Độ của Nhân Loại đã chỉ định một Thành Viên Kỳ Cựu để gửi xuống quả đất một Đại Diện hầu dậy dỗ loài người biết cách làm thế nào có thể bước vào được Vương Quốc "Thật" của Thượng Đế.

Họ nói rằng: Nhưng loài người, vì bị cám dỗ bởi những sức mạnh của quỷ, đã giết chết vị Đại diện - cũng còn được gọi bằng một tên khác là Thuyền Trưởng - rồi đã biến đổi những lời rao giảng của ông thành một thứ "tôn giáo hạ giá xuống mức của những loại câu lạc bộ quê mùa".

Theo những tài liệu này, thì một cơ hội mới nữa, đã được trao cho loài người vào thập niên 1970, là thời gian mà Vương Quốc Đứng Trên Trình Độ của Nhân Loại đã gửi thêm một toán thứ nhì, gồm có hai thành viên kỳ cựu, lấy xác thân của loài người (còn gọi là "phương tiện", là "chiếc xe chuyên chở") để tiếp tục những lời rao giảng.

Tập tài liệu này chứa đựng nhiều lời tiên tri về tình trạng thế giới, báo động rằng các chính quyền, các nhà lãnh tụ "đạo đức", những người giầu

có hiện nay đã bị kiểm soát bởi những loại quỷ quái ngoài không gian, là những lực lượng cũng đã xử dụng các tôn giáo để lừa lọc loài người về Thượng Đế.

Tập tài liệu này cũng cảnh cáo là một thời đại Khải Huyền sẽ triệt hạ nền văn minh - mà các cuộc chiến tranh giữa các băng đảng, việc tiêu diệt các chủng tộc thiểu số đều là những bằng chứng cho thấy tiến trình này đã bắt đầu, để rồi sẽ tiến đến một "thời đại phục sinh", trong đó một nền văn minh mới sẽ ra đời.

Báo chí truyền thông Mỹ, phần lớn mô tả rằng nhóm người này có hơi "khật khùng", nhưng lại "dễ thương". Bỏ vợ chồng con cái theo đạo bậy bạ, lại tự tử chết bậy bạ rất uổng.

(6) Sao chổi, sao Hỏa, nguyệt thực, bầu trời đêm ấy:

Tuần lễ mà 39 tín đồ của đạo Thiên Môn khởi sự ra đi là tuần lễ Phục Sinh, nhưng cũng còn là thời điểm có nhiều hiện tượng khác xẩy ra trên bầu trời. Trước hết là nguyệt thực.

Mặt trăng bắt đầu chuyển vào vùng bóng tối của quả đất lúc 10 giờ đêm, giờ quốc tế, chủ nhật 22/3/1997, tức là thứ Hai 23/3/97 tại California.

Nguyệt thực toàn phần xẩy ra lúc 11 giờ 39 phút đêm, giờ quốc tế. Phần bóng tối của quả đất đã che lấp 92% mặt trăng.

Đêm hôm ấy, hiện tượng này được nhìn thấy tại khắp Bắc Mỹ, Tây Âu và hôm sau còn được nhìn thấy tại nhiều vùng ở Phi châu và Trung Đông.

Khi nguyệt thực xẩy ra, lại còn có thêm một hiện tượng khác. Vụ nguyệt thực này gần như trùng hợp với lúc mà ngôi sao Hỏa nằm vào một vị trí trực tiếp đối xứng với quả đất từ phía mặt trời.

Khi mặt trăng tiến vào vùng bóng tối của quả đất, ngôi sao Hỏa với ánh sáng đỏ rực đã soi lên trên mảnh ánh sáng mặt trăng đang mất dần.

Đến khi mặt trăng tối hẳn, chỉ còn thấy ngôi sao chổi Hale-Bopp với tia sáng quét dài trên chân trời tây bắc.

Đêm hôm ấy họ "đập thùng chứa", "đập chiếc xe chuyên chở", họ phá hủy thân xác bằng độc dược phenobarbital pha với rượu vodka để ra đi.

Nhóm thứ nhất 15 người. Nhóm thứ hai 15 người. Nhóm thứ ba 7 người. Hai người cuối cùng đi sau chót.

Khi một nhóm đi trước, nhóm còn lại xếp đặt mọi thứ cho ngay ngắn, kể cả đổ rác.

Tòa nhà hoàn toàn sạch sẽ ngay ngắn.

Những người ra đi, mỗi người đều phủ trên mặt và trên ngực một chiếc khăn mầu tím, mầu của sự chết, mầu của tuần lễ Phục Sinh.

Điểm hẹn là ngôi sao chổi Hale-Bopp - nơi mà các nhà Vật Lý Thiên Văn khoa học cũng đang nghĩ rằng có thể chính nó là nguồn reo rắc sự sống xuống tinh cầu quả đất này vào thời gian vài tỉ năm về trước.

Đầu tuần lễ phục sinh, nguyệt thực xẩy ra vào lúc sao Hỏa nằm đối cực với quả đất, bầu trời tối đen chỉ còn rọi xuống ánh sáng của một ngôi sao chổi to lớn mà người Cổ Ai Cập đã chứng kiến vào 4000 năm trước.

Đêm hôm ấy, họ bắt đầu ra đi.

(7) Trở về nhìn sao trời Mai Thảo, tiếp tục những lời bông đùa và láu cá như thường lệ của những người già vờ chưa hiểu:

Ông Mai Thảo, lúc cao tuổi làm thơ thật hay.

Khi cao tuổi, tự nhiên là có nghĩ đến cái chết, nghĩ đến ngày ra đi. Những bài thơ vào thời gian này là trong số những bài thơ hay nhất của ông Mai Thảo.

Mùa đông đã tới mưa tê thấp
Lại úng đầy thân bất toại từ
Giải nắng ung thư mùa hạ trước
Đã hủy xong phần lục phủ hư.
.....
Bước một mình qua ngưỡng cửa năm
Nhân gian tịch tịch tiếng mưa thầm
Chợt đâu vẳng tiếng gà lai kiếp
Báo vẫn đêm dầy ở cõi âm
.....

Có lúc hứng chí, ông Mai Thảo còn tưởng cái cái cảnh tượng "Ta thấy tên ta những bảng đường, đời ta sử chép cả ngàn chương...".

Sao không? Hạt cát sông Hằng ấy
Còn chứa trong lòng cả đại dương
...
Ta thấy hình ta những miếu đền
Tượng thờ nghìn bệ những công viên
Sao không? Khói với hương sùng kính
Đều ngát thơm từ huyệt lãng quên

Tuy nhiên, có lẽ thích nhất, lại là khi thấy ông Mai Thảo nhất định... khiêm tốn mà chấp nhận ra cái giới hạn của mình.

Ông nhận ra rằng:

"Thế giới có triệu điều không hiểu
"Càng hiểu không ra lúc cuối đời...!"

Chả phải như các anh duy vật biện chứng, tưởng chừng như...cái gì cũng hiểu cả!

Hai câu này đã được dùng làm tiểu tựa của bài viết dài giòng nửa văn nửa báo này. Và viết đến đây, người viết bèn tưởng ra - không phải là những miếu đền - mà là cái cảnh tượng của quán Song Long, gần căn phòng nơi ông Mai Thảo thuê dưới quận Cam.

Trong cái quán ăn nửa Tây nửa Ta nửa Tầu ấy, một cái bàn dài chen chúc những Nguyễn Mộng Giác, Đỗ Ngọc yến, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Đức Quang, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn Xuân Hoàng... đa số tóc đã bạc, có anh bạc phơ, có anh bạc vừa vừa, nhưng kể cả những anh trẻ trung nhất như Bùi Vĩnh Phúc, Khánh Trường thì xét ra người ngoại tứ tuần, người ngoại ngũ tuần, cũng chẳng còn trẻ trung gì.

Cao niên Mai Thảo ngồi chủ tọa.

Bên tả là chai cô nhắc.

Bên hữu cũng là chai cô nhắc.

Tao nhân mặc khách ngồi chung quanh.

Vũ Huy Quang, mặt mày sưng sỉa và nghiêm trọng, bắt đầu là chuyện sao chổi Hale-Bopp - toàn các chi tiết khoa học với rất nhiều con số thống kê; tiếp theo, sang chuyện ra đi của 39 tín đồ Thiên Môn - lại rặt giọng báo chí, đủ thứ lời phát biểu rất khách quan của toàn những thứ thông tấn lớn như AP, Reuter; sau hết, lại kết luận một cách triết lý, với giọng Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc của cụ Nghiêm Xuân Hồng.

Từ miền Bắc Ca Li này, mùa xuân đang về, các loài hoa đang tưng bừng nở. Vườn nhà tôi gà gáy cúc cù cu, chim công đang xòe đuôi ưỡn ẹo múa...Tôi bèn tưởng ra cái cảnh ông Mai Thảo gật gù lắng nghe anh Vũ Huy Quang kể lể xong...Tôi tưởng ra cái giọng hơi lè nhè như thường lệ, ông bảo:

- Mày...Thăng Long Văn Sĩ! Mày biết cái đếch gì mà nói chuyện sao này với sao nọ?! Đi tìm...thằng Văn Lang Thi Sĩ mà nói. Dài giòng lôi thôi cho kín giấy thì chỉ đến viết báo lá cải... kiếm mấy chục mà ăn!

...

Mắt đã từ lâu mù dáng người
Tai đã từ bao lạc tiếng đời

Đứng lên gửi lại lời xin lỗi
Của kẻ ra về giữa cuộc chơi
...
Một triệu ngày trên một lộ trình
Thét rồi hết thẩy hóa lung linh
Xe lao chở tượng người vô giác
Vào ngả lâm chung lối tử hình
...

Chớ sao anh Thăng Long? Ông già cũng đồng ý là thế giới này có cả triệu điều khó hiểu. Mà lại càng hiểu không ra lúc cuối đời. Nhưng chả lẽ lại tình nguyện đi theo làm anh thứ 40?! Mà chuyến tới, lại phải chờ đây đến... 4000 năm nữa?!

Cho nên ông Mai Thảo. Chấm. ổng cũng có mấy ngôi sao trời. Chấm. Không phải sao đặc trời sao lại chia đôi đất nước như sao Nguyễn Bính. Chấm. Mà là những vì sao sẽ thì thầm kể chuyện. Chấm. Sau này.

Thế giới cả triệu điều khó hiểu
Càng hiểu không ra lúc cuối đời
Chẳng sao khi đã nằm trong đất
Đọc ở sao trời cũng hiểu thôi.

Chính ổng đặt câu hỏi. Chính ổng mau miệng trả lời, bén nhọn hệt như... vấn đáp Thiền. Khó hiểu đấy, nhưng tà tà... cũng hiểu thôi.

Tất cả những giòng chữ nào trong bài này mà có vần vèo với nhau, ấy đều là thơ Mai Thảo.

(8) Kiếp người mỏng manh - Trích lời nguyện của Môi Sê, người của Thiên Chúa

Lạy Chúa, người là nơi chúng tôi trú ẩn
từ đời này qua đời khác!
Trước khi núi non được sinh ra?
Từ đời đời cho đến đời đời
Người vẫn là Thiên Chúa!

Người bắt phàm nhân lui về đất bụi
và Người phán 'Về đi hỡi con cái Adam!'
chỉ như một ngày hôm qua đã vãn

như một canh tàn đêm khuya.

Người cuốn lôi đi, chúng là giấc mộng,
chúng như cỏ sáng ngày mọc lên,
tinh sương nó trổ hoa vươn mọc,
chiều đến nó khô héo úa tàn..."
("Thánh Vịnh", bản dịch của Linh Mục Nguyễn thế Thuấn - Dòng Chúa Cứu Thế)

(9) Phẩm Thập Địa:

"...Chư Phật Tử! Bồ Tát trụ bực Hoan Hỉ địa vì nhớ chư Phật nên sanh vui mừng, vì nhớ Phật Pháp nên sanh vui mừng, vì nhớ chư Bồ Tát nên sanh vui mừng, vì nhớ thanh tịnh ba-la-mật nên sanh vui mừng, vì nhớ Bồ Tát địa thù thắng nên sanh vui mừng, vì nhớ Bồ Tát không hư hoại nên sanh vui mừng, vì nhớ chư Phật giáo hóa chúng sanh nên sanh vui mừng, vì nhớ có thể làm lợi ích cho chúng sanh nên sanh vui mừng, vì nhớ vào trí phương tiện của chư Phật nên sanh vui mừng.

"Bồ Tát này lại tự nghĩ: vì tôi đã chuyển và rời tất cả cảnh giới thế gian mà hoan hỉ, vì thân cận tất cả chư Phật mà hoan hỉ, vì lìa xa hạng phàm phu mà hoan hỉ, vì gần bực trí huệ mà hoan hỉ, vì dứt hẳn tất cả ác thú mà hoan hỉ, vì làm chỗ y chỉ cho tất cả chúng sanh mà hoan hỉ, vì thấy tất cả Như Lai mà hoan hỉ, vì sanh vào cảnh giới Phật mà hoan hỉ, vì vào trong tánh bình đẳng của tất cả Bồ Tát mà hoan hỉ, vì xa lìa tất cả những sự kinh sợ rùng mình mà hoan hỉ.

"Tại sao vậy? Vì Bồ Tát đã được bực hoan-hỉ-địa thời được khỏi hẳn tất cả sự kinh sợ. Như là xa lìa hẳn sự sợ chẳng sống, sợ tiếng xấu, sợ chết, sợ sa ác đạo, sợ oai đức của đại chúng,

"Tại sao lại được khỏi hẳn những sự kinh sợ?

"Vì Bồ Tát này đã lìa ngã tưởng, thân mình còn không mến tiếc huống là của cải, vì thế nên không kinh sợ về sự không sống.

"Vì Bồ Tát này không trông cầu người khác cúng dường mình, chỉ chuyên cấp thí tất cả chúng sanh nên không kinh sợ về sự tiếng xấu.

"Vì Bồ Tát này đã lìa ngã-kiến không có ngã-tưởng nên không kinh sợ về sự chết.

"Vì Bồ Tát nầy tự biết sau khi chết quyết định không rời chư Phật Bồ Tát nên không kinh sợ về sự sa ác đạo.

"Vì chí nguyện của Bồ Tát nầy, trong tất cả thế gian còn không ai

Sang sông
VẠN GIẢ

Nụ cười giấu kín môi khô
Từ sau ngày tháng nhấp nhô sóng cuồng
Cõng đời bất hạnh qua truông
Mà tha thiết với diệu buồn chung thân
Tình xanh xao xác mộ phần
Mai hương lửa muộn cũng ngần ngại nhau
Ngjiêng vai cho nhẹ gánh sầu
Lại xa xót núi sông đau ngất trời
Lối về dẫm ngọn mưa rơi
Xô ta biền biệt cõi đời bình yên.

bằng huống là hơn, nên không kinh sợ đối với oai đức của đại chúng.

"Chư Phật tử! Bồ Tát này lấy đại bi làm trước, chí nguyện rộng lớn không gì trở hoại được. Lại thêm siêng tu tất cả thiện căn mà được thành tựu..."

(Phẩm Thập Địa, kinh Hoa Nghiêm, bản dịch của Thích Trí Tịnh)

Lời Cảm Tạ của Người Kể Chuyện:

Xin cảm tạ sự nhẫn nại của những độc giả đã có thể bỏ thì giờ quý báu để đọc tới những giòng này. Đặc biệt cảm tạ những bạn mà ban ngày vừa lái xe trên xa lộ tám lằn, vừa nhai hăm bơ gơ, vừa gọi điện thoại để theo kịp đà văn minh nhân loại nhưng ban đêm vẫn có thể đọc Bhagavad Gìtà, đọc Diệu Pháp Liên Hoa, đọc các "Sách Khôn Ngoan" của Cựu Ước, và thỉnh thoảng lại còn có dịp nhìn lên trời, nghĩ đến các vì sao của Alphonse Daudet, hoặc như các vì sao trong sách Yob với câu hỏi là: ***"Ngươi có thể lấy dây buộc chòm sao Rua? Hay ngươi đã cởi được thừng của vừng sao Cày? Đem lại sao Mai vào thời buổi nó? và Hùng Tinh với bầy con của nó...?"***

San Jose, Chủ Nhật 30/3/1997, ngày Phục Sinh

Nụ em

Y CHI

Sao nụ cười em không nhốt thủ
Vào một nghìn lẻ tám chiếc hộp con
Bao giờ đêm dài anh mất ngủ
Mở một ngăn tìm môi đỏ tí hon

Đặt lên tay, anh thổi vào nhè nhẹ
Môi êm nhung dìu dịu ngọt cánh mềm
Nhắp một tí sẽ quay cuồng trời đất
Bao ưu phiền quên hết, giấc bình yên.

Hay bao giờ chợt nghe lòng chỉ rối
Lại nhón một ngăn, nặng thật nặng tiếng cười
Chưa kịp mở đã nghe lùa gió mát
Đã em về quấn quít những lời vui

Ngăn chứa gió, chứa mây, ngăn nắng ấm
Ngăn có hoa, có cỏ, có tình êm
Ngăn có dáng em hiền như lụa trắng
Trải tình anh làm cỏ rối chân mềm

Ngăn biển ngậm núi, hồn nhiên thanh thản
Ngăn sông dài hiền dịu cuộn phù sa
Mỗi ngăn nhỏ là một rừng phép lạ
Chở hồn anh vào hạnh phúc không ngờ

Thương anh nhớ dem nụ cười nhốt lại
Trăm năm dài mình vẫn ngọt ngào mơ.

Allen Ginsberg làm đẹp bằng sự thật

Ngu Yên

Tin thơ ca và văn học: *Hôm thứ Bảy ngày 5 tháng 4 năm 1997 thi hào công huân quốc tế Allen Ginsberg từ trần tại tư gia thuộc chung cư Lower East Side ở Manhattan New York bởi bệnh ung thư gan, thọ 70 tuổi. Thi sĩ William Burroughs nói rằng sự ra đi của thi hào Ginsberg là: "một mất mát lớn lao cho chính tôi và cho tất cả mọi người. Chúng tôi làm bạn đã hơn 50 năm. Allen là một người tên tuổi có ảnh hưởng trên toàn cầu. (Trong thơ ca) Anh ấy là người dẫn đầu và lấy đời sống làm mẫu mực chứng minh cho sự thành thật ngay thẳng..Anh có ảnh hưởng lớn bởi vì anh nói những gì anh tin tưởng"...*

Houston Chronicle, Chủ Nhật, ngày 6-4-97.

1.

"Tôi thấy đỉnh cao trí tuệ của thế hệ tôi bị tiêu diệt bởi phẫn nộ, thèm khát được trần thật trong cuồng điên"...câu mở đầu bài thơ *Howl* năm 1955 của nhà thơ Ginsberg đã được trích dẫn làm tiêu biểu cho thế hệ của những người phản kháng lại sự máy móc của đời sống, truyền thống mù quáng của xã hội, đức tin độc đoán do con người mặc lên Thượng Đế. Họ là những người không chịu được những lối sống không còn sinh khí, những giá trị không còn ý nghĩa, những qui ước về hay đẹp đúng sai không còn chân thật mà chỉ là những thói quen khờ khạo của những bộ não từ chương, của những trái tim tham lam, của những tâm hồn sợ hãi không dám chối dậy, của những đức tính cẩn thận khiêm nhường nghĩ ngợi chuyện thiệt hơn. Họ thổ tả khi nhìn thấy những thứ vô giá trị ấy đang trị vì khắp nơi, đang được công kênh áp dụng và đè nặng trên đời họ khiến cuộc sống vốn phi lý lại thêm phần phi nhân.

Thời trẻ uống bia mửa mật xanh
Lớn lên uống rượu mửa máu đỏ
Bây giờ tôi mửa ra không khí
(Maturity- 1982)

Tại sao họ phản kháng? Có phải họ là những người thất bại trong đời sống bình thường nên chống đối cho thỏa mãn tâm lý? Có phải họ là những dị nhân nhìn thấy những gì khác hơn, cao hơn, sâu hơn những gì mà đám đông đang tôn tin? Có phải vì bẩm sinh họ dị ứng với truyền thống? Có phải vì số mệnh của họ đã định như số mệnh của Du Già được sinh ra để bán Giê Su? Cho đến nay, vẫn chưa có ai giải đáp một cách thoả đáng về những trí tuệ và tâm tình đã vượt ra ngoài vòng cương tỏa bình thường của nhân loại. Thành công và thất bại là hai yếu tố dùng để ca tụng hay khinh bỉ những nhân vật này. Ông Thích Ca vượt ra thành công trở nên Phật. Ông Giê Su vượt ra thành công trở nên Chúa. Ông Khổng Tử vượt ra thành công trở nên Vạn thế Sư biểu. Ông Applewhite vượt ra thất bại, thằng điên. Ông Bùi Giáng vượt ra thành công về thơ, thất bại về đời, khùng mà hay. Và hiện nay còn rất nhiều người vô danh đang chen ngược đám đông cố vượt ra những vòng vây nghẹt thở. Sự thành công hay thất bại sẽ xét xử họ. Dù họ thành thánh nhân hoặc kẻ điên khùng, thành hay bại, họ đều có một điểm giống nhau: *Đi tìm sự thật.*

Trăng sẽ biến mất
Sao sẽ lẩn khuất
Thành phố sẽ tiêu tan
Tôi vẫn đứng
với đôi giày đã bị quên lãng
với đôi vớ vô hình
Đó là tiếng gọi của chuông vang
(Guru- 05-1965)

Có lẽ nên dừng lại, nghĩ một chút về cái gọi là sự thật. Cái đó là cái gì? Xưa nay chẳng có ai còn sống mà biết hoặc gặp sự thật tuyệt đối. Mỗi giáo chủ mỗi lãnh tụ hoặc tin tưởng hoặc lý luận khác nhau. Bởi vậy những chi tiết về sự thật đều không lấy gì làm thật. Ví dụ, sự thật chỉ có một. Đã thấy chưa mà biết? Sự thật có một trăm. Sự thật có mấy triệu. Sự thật không có. Hỏi ai?

Người đi tìm sự thật chia làm hai nhóm với hai thái độ và mục tiêu khác nhau. Sự thật lớn của con người là trước khi sinh ra và sau khi chết.

Sự thật về Thượng Đế. Có Thượng Đế. Không có Thượng Đế. Thượng Đế đã chết. Con người lập ngôn. Thượng Đế có hay không, đến hay đi đều qua trí tuệ và tâm tình của con người. Những tranh cãi này đã qua mấy ngàn năm, đã tốn hao xương máu, đã tạo thâm thù không biết bao thế kỷ. Đến nay cuối thế kỷ 20 sự thật này vẫn huyền bí. Câu hỏi lớn vẫn không có câu trả lời đồng nhất. Người ta vẫn tiếp tục đi tìm sự thật để giải phóng toàn thể nhân loại.

Và sự thật này đang lung lay biến chuyển. Tháng 3 năm 1997, khi các nhà khoa học ở Anh quốc tuyên bố thí nghiệm thành công về việc sử dụng DNA để tạo nên đôi cừu, ở Mỹ người ta thành công tạo nên đôi khỉ. Việc tạo nên sinh vật mà không cần trải qua truyền thống sinh sản là một cú hỏi nặng nề về sự hiện hữu của Đấng Sáng tạo, của nhân quả luân hồi. Ở một nơi bí mật nào đó, họ đang sáng tạo con người không theo thiên luật mẹ cha. Con người đang trên đường thực tập những việc làm của Thượng Đế. Thật là điên rồ khi nghĩ rằng con người sẽ trở thành Thượng Đế nhưng ý tưởng điên rồ này đã manh nha. Trực giác của thơ không dùng để chứng minh và lý luận mà để ghi lại những ý tưởng lóe lên trong cảm xúc.

Tôi là hoàng đế của vũ trụ
Tôi là đấng cứu rỗi với sáng tạo tân kỳ
Xin lỗi tôi dẫm lên đỉnh nhọn
Có lẽ tôi lầm
Có lẽ trên thiên đàng tôi không phải là dân tài phiệt
Có lẽ tôi chỉ là người canh cổng dựa cột trời ngủ say
Không, không đúng, tôi thật sự là Thượng Đế
Không phải là người, đừng cho tôi liên hệ với nhân gian
Bất luận đúng hay sai hãy tin lời tôi nói
(Proclamation-10-1987)

Có hay không có Thượng Đế con người vẫn sinh ra sống rồi chết. Chính sự tương quan giữa người và người tạo ra tất cả những khổ lụy nhiều nhương. Chính người tạo hệ thống sống, lý tưởng hóa guồng máy này, giáo điều luật lệ hành xử các mối tương quan. Người giết người nhiều hơn là bị bệnh tật và tuổi già giết chết. Người gây đau khổ cho người nhiều hơn do thiên tai địa họa. Trong những thập niên về sau, con người nhìn ra sự cần thiết nên tìm những sự thật thực sự liên hệ đến đời sống.

Cứu rỗi con người toàn thể đời đời có khi không gấp gáp bằng cứu lấy con người trong những chi tiết của đời sống hàng ngày. Bên cạnh thái độ và mục tiêu đi tìm sự thật lớn lao, người ta đi tìm những sự thật thực tế.

Thay vì lo tìm tòi một phương thuốc trường sinh, hãy tìm những phương thuốc chữa những bệnh nan y, bệnh bình thường vì sợ rằng khi tìm ra phương thuốc bất tử thì bệnh thâm niên đã thành cố tật. Nếu nhân loại xấu xa bệnh từ tâm đến xác thì sống hoài để làm gì?

Bà mặt tròn và ba con chó lớn làm chủ cả con đường
Lắt lư với túi đồ băng qua đại lộ B.
Bốc ngay đáy quần tôi, the thé: Này sao không nói chuyện với em?
Cười nhe răng tiếng nói chói như kèn xe chở khách:
"Cà chớn.....tưởng ông nổi tiếng lắm sao?"
Làm tôi nhớ đến mẹ.
(Lower East Side- 04-1980)

Bú đít là một phần của hòa bình
Mỹ Quốc sẽ phải bú đít thế giới (*)
Da trắng phải bú đít da đen để được yên vui và sung sướng
Con đường duy nhất đạt đến hòa bình là bú đít
(Kiss Ass- 04-1968)

Nếu đang giặt đồ tôi sẽ giặt Iran dơ bẩn
Quăng Mỹ Quốc vào, đổ xà phòng Ivory, cào rửa Phi Châu,
trả chim chóc và voi về lại rừng già
Tôi giặt sông Amazon, làm sạch dầu loang ở vịnh Carib và
vịnh Mễ Tây Cơ
Lau sương mù ở Bắc Cực, chùi những ống dẫn dầu ở Alaska
.....
Bỏ hết rắc rối giữa Nga và Trung Hoa vào trục quay, vắt ra chuyện
tầm phào của trung tâm tình báo Mỹ
Đặt trái đất vào máy sấy khô, chờ 20 phút hay chờ một kỷ niên
chờ cho đến khi nó sạch sẽ.
(Homework- 04-1980)

Đừng hút thốc đừng hút thuốc đừng hút thuốc
Chín triệu đô la
Chuyện tiếu lâm tư bản cộng sản
Đừng hút thuốc đừng hút thuốc đừng hút thuốc
.....
Anh hút thuốc trong giường
Chị hút thuốc trên đồi

Hút cho đến khi chết
Hút xuống tận địa ngục
Đừng hút thuốc đừng hút thuốc đừng hút thuốc
.....
30 ngàn người chết vì uống Coke và vượt tốc độ mỗi năm
430 ngàn chết vì thuốc lá
Hút thuốc thật đáng sợ
Ở nước Mỹ đừng hút thuốc đừng hút thuốc đừng hút thuốc
.....
(Put Down Your Cigarette Rag- 05-1996)

Và trong bài thơ nổi tiếng của Allen, Howl, dài 112 câu, mỗi câu có khi là một đoạn, ông ghi nhận tàn tệ những bệnh xấu di truyền, những tang thương phi lý, những đổ vỡ tâm linh mà thế hệ của ông và những người về sau phải gánh chịu.

Con người trong xã hội có thói quen dối trá che đậy. Sự văn minh cùng một lúc tạo ra sự giả hình vì lợi vì danh vì tình có khi vì Thượng Đế. Thói quen này đến nay đã là tập quán. Đối với một số người thói xấu này đã trở thành niềm tin. Ví dụ như kẻ giỏi mánh mung được xem là kẻ thông minh. Từ vô tâm dối trá, vô tình giả hình đi đến thành thật dối trá, lương thiện giả hình chẳng còn bao xa. Dối trá giả hình là căn bệnh nhẹ nhưng lại là sự bắt đầu cho tất cả những tội xấu khác. Ví như bệnh AIDS, mắc bệnh này thân thể không còn sức phòng vệ đối kháng, mở ngỏ cho tất cả các loại trùng độc khác tiến vào chiếm cứ. Dối và giả làm tình-lý, trí-tuệ, lương-tâm của con người mất đi tiềm lực bẩm sinh để xác định giá trị tinh thần. Ghê gớm nhất là làm mất đi khả năng xấu hổ của tính lương thiện, vốn là mức độ để điều chỉnh hành vi, mục đích sống. Đi tìm sự thật để tháo gỡ những giả và dối. Nói đúng hơn là làm thật lại cách sống của con người là một công việc khẩn cấp.

Thơ ca là lãnh vực nhạy cảm nhất của nghệ thuật. Nghệ thuật đi nhanh và trước hơn khoa học. Khoa học thì chính xác, nghệ thuật thì sáng láng. Thi sĩ thật là người có trực giác tinh tế, nhạy, mạnh và có tấm lòng làm đẹp bằng sự thật. Làm đẹp cái gì và làm đẹp như thế nào sẽ xác định chiều cao của mỗi thi sĩ. Ở vị trí bẩm sinh này, thi sĩ thường là kẻ dấn thân phản kháng, chống đối nhiều bình diện, nhiều mức độ khác nhau từ tâm linh đến xã hội chính trị, từ nghệ thuật đến Thượng Đế.

Bộ xương Tổng Thống nói:
- Tôi không ký dự luật này

Bộ xương Chủ Tịch Hạ Viện đáp:
- Vâng, Ông phải ký
.....

Bộ xương Phật nói:
- Lòng từ bi là gia sản của người
Bộ xương công ty đáp:
- Nó không tốt cho sức khỏe

Bộ xương Chúa Giê Su nói:
- Thương mến kẻ nghèo
Bộ xương con của Chúa đáp:
- Bệnh Aids cần phải chữa
.....
Bộ xương chậm tiến nói:
- Chúng tôi cần gạo cơm
Bộ xương cường quốc đáp:
- Bán xương mày đặt vào canh bạc
.....
(The Ballard of the Skeleton-02-95)

Trăng tròn treo trên phố lớn
Ngọn đèn im trong cửa kính chưng bày
Người mẫu giả trần truồng nhìn móng tay
(Spring Fashion-Boulder- 1979).

2.

Thi hào Allen Ginsberg sinh năm 1926 tại New Jersey. Cha là Louis Ginsberg cũng là một nhà thơ trung bình hành nghề thầy giáo dạy các trường trung học. Ginsberg tốt nghiệp đại học Columbia. Cùng với LeRoi Jones, William Burroughs, Jack Kerouac, Lawrence Felinghetti.....tạo ra phong trào Beat. Xuất bản tập thơ đầu tiên 1956 tại San Francisco, *Howl and Other Poems, Tiếng rú và thơ tuyển.*

Phong trào Beat trong văn chương, tạm dịch là phong trào Nhịp Đảo, là một phong trào nổi dậy trong thập niên 40-50 nhằm phản kháng lại nền văn-chương-chết của chủ thuyết hình thức đã ngự trị quá nhiều thế kỷ. Trong một bài viết đăng ở New York Time năm 1952, John C. Holmes viết về phong trào Nhịp Đảo như sau:*"...đại để có liên hệ từ sự không che giấu của trí tuệ cho đến chốn cuối cùng là linh hồn."* ...

Phong trào Nhịp Đảo sáng tác bằng cách sử dụng những phương

pháp tịnh thiền của Ấn giáo hay của Phật giáo hoặc sử dụng thuốc như LSD hoặc cần sa để tạo thêm cảm giác. Phong trào không có một chủ thuyết hay một chủ trương rõ rệt. Sáng tác của họ liên quan nhiều đến âm nhạc, nhất là nhạc Jazz. Họ thường thành công trong những buổi trình diễn và đọc thơ trước công chúng.

Phong trào này đã giúp một tay trong cuộc thành hình của phong trào Hippy trong thập niên 60. Họ chống đối chính quyền, phản lại chiến tranh, tranh đấu cho quyền tự do, yêu chuộng nhân quyền và hòa bình. Họ là một phản ứng ngược lại của sự cứng ngắt, qui tắc, giả tạo, lãnh cảm của những thế hệ trước, của nền văn hóa trọng hình thức và của một xã hội cân đo giá trị bên ngoài.

.....

Nếu có hồn tôi sẽ bán để đổi lời hay đẹp
Nếu có thân tôi sẽ ép cho bản chất tuông trào
Nếu có trí tôi sẽ dùng tình yêu bao bọc
Nếu có tâm hơi thở tôi sẽ quên
Nếu có ngôn từ tôi hãnh diện
Nếu có ước mơ tôi tống ra hậu môn
Nếu có đủ đam mê tự giải thoát
Sao tôi còn chờ trong thân xác nhăn nheo?
.....(After Lalon- III- 03-1992)

Allen Ginsberg dẫn đầu phong trào này với tất cả những điều hay điều dở của một người nhiệt huyết, dám nói dám làm, dám đi ngược những trào lưu lớn. Ông là một người hiếu sự nên có lúc phản ứng bị cường điệu. Ví dụ như có lúc ông trần truồng phản đối trước đám đông. Cho đến lúc chết ông vẫn thuộc vào thành phần thiểu số. Ở bất cứ thời điểm nào, người sống thật vẫn là người thiểu số. Tuy chủ nghĩa hình thức không còn ngự trị độc tôn như hồi đầu thế kỷ 20 nhưng nó vẫn còn gốc rễ chằng chịt trong giòng giống di truyền. Chủ nghĩa hình thức biến dạng vẫn đầy dẫy trong văn chương, thơ ca, văn hóa, chính trị, xã hội, gia đình, tôn giáo...vì nó ở ngay trong con tim. Ông làm thơ ngang nhiên cổ động chuyện đồng tính luyến ái. Ông là người đồng tình ái nam. Đó là vùng rất nhạy cảm của đại đa số thiên hạ, kể cả những trí óc cao văn hóa. Allen Ginsberg phản kháng đời sống cho đến lúc cuối cùng. Năm 1981 ông đoạt giải thưởng National Book cho tác phẩm *Plutonian Ode*.

Mất ngủ tỉnh dậy nghĩ về sự chết
Chắc chết gần hơn lúc tôi lên mười

Tự hỏi lớn bao nhiêu vũ trụ?
Nếu không lo ngủ sẽ chết sớm hơn
Nếu ngủ làm sao cứu rỗi linh hồn
Nửa mê nửa tỉnh
Allen Ginsberg trên giường
lúc nửa đêm
(After Lalon-IV- 03-1992)

Thơ đã xuất bản: *Howl and Other Poems*, 1956. *Kaddish and Other Poems*, 1961. *Empty Mirror: Early Poems*, 1961. *Reality Sandwiches*, 1963. *Planet News*, 1968. *The Gates of Wrath: Rhymed Poems* 1948-1951, 1972. *The Fall of America: Poems of These States*, 1973. *Iron Horse*, 1973. *First Blues*, 1975. *Mind Breaths: Poems 1971-1976*, 1982. *Plutonian Ode: Poems* 1977-1980, 1984. *Collect Poems 1974-1980*, 1984. *White Shroud: Poems 1980-1985*, 1986. *Cosmopolitan Greetings: Poems 1986-1992*, 1994. *Selected Poems: 1947-1995*, 1996.

Ông còn xuất bản nhiều tập văn xuôi, hình ảnh, băng đọc thơ và băng nhạc.

3.

Thơ của Allen Ginsberg mang hai đặc điểm nổi bật về cách diễn đạt và chắc nịch bên trong những ý tưởng xây dựng từ một thái độ của người lột trần sự thật. Ông không ngại phải nói sống sượt. Ông không ngần lời chê bai. Ông không sợ đụng chạm đến những chốn linh thiêng, những nơi ê ẩm của giới thượng lưu quyền cao chức trọng.

Về thể loại thơ, ông mang nặng và phổ biến thơ Âm Thanh (Sound Poetry). Ngôn ngữ trong thơ của ông dùng để đọc, để hát, để trình diễn trước công chúng. Allen rất thành công trong những buổi trình diễn thơ ở chốn công cộng.

Về cách biểu hiện ông thường tấn công các vùng chính trị, chính quyền, những sự gian trá bình thường hàng ngày, tôn giáo. Đặc biệt nổi bật là thản nhiên trình bày chuyện tình dục giữa các ái nam như một cách khai chiến với xã hội đương thời phủ nhận giới đồng tính ái.

Nói chung, người ta thường nghĩ đến chuyện tình dục trong chữ nghĩa như một cách khiêu dâm. Ngày xưa có thể đúng. Nhưng ngày nay, nếu muốn hưởng dâm, xem phim X, nhìn *Husler, Playboy*, đi ngắm thoát y. Một bài thơ tình dục, mạnh sao đủ, dài sao vừa. Nếu người thưởng ngoạn

nào cho rằng nhà thơ làm thơ tình dục để thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý thì quả là một ý tưởng hời hợt. Tình dục cũng chỉ là một khía cạnh như chiến tranh, thân phận, tình yêu, quê hương...v..v...qua đó nhà thơ muốn diễn đạt một nhân sinh quan, một sự suy nghĩ, một ngấm ngầm chỉ trích, khôi hài hóa hoặc có khi nhẩn nhủ cùng người đọc một điều hết sức đứng đắn. Khi chọn chiến tranh để diễn đạt thơ, thi sĩ muốn dùng hình ảnh tàn khốc của bom đạn, của chết chóc, của nát tan chia lìa để tạo nên những cảm súc mạnh. Nương theo cường độ cảm xúc ấy, thi sĩ chia sẻ nhiều tầng lớp ý tưởng qua ngôn ngữ thơ. Thay vì chọn quê hương, tình yêu hay thân phận, nhà thơ chọn tình dục. Tại sao? Vì mỗi khía cạnh của đời sống có ưu điểm khác nhau nên khéo sử dụng vào đúng đề tài, hình ảnh, ngôn ngữ thì tư tưởng và tâm tình dễ chia sẻ hơn.

Dâm dục là một kinh nghiệm rộng rãi, thâm niên và hàng ngày. Có người không có kinh nghiệm chiến tranh, có người không có kinh nghiệm thân phận. Chín mươi chín phần trăm nhân loại có kinh nghiệm tình dục. Tại sao thơ tình yêu lộng lẫy và phổ biến. Hơn một nửa thơ hay trên thế giới là thơ tình vì ái tình là một kinh nghiệm ai cũng có, đa số ai cũng thích. Trên cùng căn bản ấy, lẽ ra thơ tình dục cũng phải được phổ biến không thể kém, vậy mà kết quả ngược lại. Tại sao? Đạo đức, luân lý, tôn giáo, lễ nghĩa dạy nhân loại điều ấy xấu. Dạy đã trăm năm, ý niệm "điều này xấu" thấm vào tiềm thức. Hễ dục là xấu. Chuyện ấy đúng nhưng chỉ đúng phần đầu.

Dâm dục tự nó không xấu. Xấu hay tốt là tùy vào dâm dục với ai. Dâm dục với đúng người là điều cần thiết cho quân bình tâm sinh lý và làm tiêu giảm lòng ác độc, hà khắc và mù quáng. Dâm dục với chồng hàng xóm là xấu. Dâm dục với vợ là tốt. Nếu không, làm đám cưới chi cho linh đình?

Hay hoặc dở, có giá trị cao hoặc thấp là tùy vào bài thơ, cách làm thơ, không phải tùy vào loại thơ. Hãy tự hỏi lòng mình, chúng ta có bất công đối với thơ tình dục không? Có phải tự dưng chúng ta đã không ưa, đã khó chịu khi đọc loại thơ "thô bỉ" này, nên dù có hay cũng bị bớt điểm? Có phải lắm khi cũng thích thú cười khúc khích nhưng không khen thưởng như khi bình phẩm các loại thơ khác? E rằng người ta sẽ ghép mình vào loại dâm không đứng đắn chăng? Bởi lẽ khen thơ quê hương là có lòng yêu nước. Bình thơ tình yêu là người tâm lý lịch duyệt. Chê bai chiến tranh là tỏ ngời nhân bản. Nếu người đọc đã biết như vậy, tác giả còn biết sớm hơn nữa nhưng tại sao họ vẫn làm? Đa số thi sĩ không khờ như độc giả nghĩ. Thi sĩ thật cũng không cần lập dị. Họ làm thơ tình dục nếu không vì muốn chống đối lại nền đạo đức giả thì họ làm để ca tụng cái đẹp của

Cỏ dại
NGUYỄN CHÍ KHAM

hôm ấy lúc cười thắp ánh lửa
ngày đi qua như mỗi con tàu
khắp cả buổi chiều về chưa hết
không ai gặp mình trong mai sau

nhà tôi quanh núi đồi dốc cũ
vài cây khô thầm lặng tuổi già
vang bóng mùa thu buồn nuối tiếc
dợi mãi em về lúc đi xa

khi mỗi mùa hoa hẹn với thơ
reo mừng ôm nắng để mong chờ
xanh những hạt cười thơm mái tóc
dòng dời buông thả khói mây chưa

em quen một lần mơ gặp lại
mười năm như ước mở khung trời
áo rộng trở về nguồn gió núi
mỗi niềm vui nhỏ với xa xôi.

tình yêu qua khía cạnh trần thật hơn loại tình yêu lãng mạn đầy lời lẽ sang trọng, mơ màng. Cũng có những lý do khác nhưng tựu trung là họ nhàm chán sự thiếu thật thà trong cuộc sống, sự thiếu thật thà trong văn chương.

Làm thơ là làm đẹp nghệ thuật, tư tưởng, tâm tình, ngôn ngữ.....nói chung là đời sống. Chỗ thường hay bị lầm lẫn là:

1-Làm đẹp cho sự thật?

2-Làm đẹp bằng sự thật?

3-Làm đẹp bởi sự thật?

Allen Ginsberg là người làm đẹp bằng sự thật. Đó là chỗ lớn trong thơ của ông.❐

đi với về, cùng một nghĩa như nhau

Nguyễn Mộng Giác

Bây giờ thì ai cũng biết hai biến cố quan trọng xảy ra vào thời gian trước ngày Phật đản: sao Chổi Hale-Bopp sau bốn nghìn năm lại xuất hiện, và lần này bay đến gần quả địa cầu nhất, gần đến nỗi những đêm quang đãng không mây mù, mọi người có thể hình thấy một vệt sáng rực rỡ có những cánh đuôi xoè như đuôi công trên bầu trời đêm; sao Chổi xuất hiện làm nảy sinh một biến cố khác: ba mươi chín tín đồ giáo phái Heaven's Gate (nhiều báo dịch là Thiên Môn, Cửa Thiên Đường, tôi thích dịch thành hai chữ Cổng Trời hơn) đã tự tử tập thể tại một ngôi biệt thự sang trọng ở Rancho Santa Fe ngoại ô thành phố San Diego tiểu bang California, để kịp đáp chiếc phi thuyền từ "cõi khác" đến đón họ (họ tin chiếc phi thuyền này đang bay đằng sau sao Chổi).

Khác với những vụ tự tử tập thể vì tín ngưỡng trước đây, những vụ tự tử đầy bạo động và gây hỗn loạn, ba mươi chín tín đồ giáo phái Cổng Trời "ra đi" một cách lặng lẽ, sạch sẽ, ngăn nắp, theo một kế hoạch được chuẩn bị tỉ mỉ và khoa học.

Nhờ một cú điện thoại thông báo, cảnh sát San Diego khám phá ra ba mươi chín xác chết tại ngôi biệt thự nói trên chiều ngày 26 tháng Ba . Họ gồm hai mươi mốt phụ nữ, và mười tám người đàn ông, tuổi từ 26 tới 72. Tất cả tử thi đều nằm ngay ngắn trên giường, mặc cùng một loại quần áo, mang giày Nike đen mới, túi xách tay cá nhân đặt ở cuối giường. Không hề có dấu hiệu của sự sợ hãi hoặc đau đớn quằn quại trước khi tìm cái chết. Khuôn mặt mọi người đều bình thản, hai tay đặt ngay ngắn bên thân mình, thân xác phủ bằng một tấm vải hình tam giác mầu tím. Nhờ khám nghiệm tử thi cảnh sát San Diego xác nhận họ ra đi theo ba đợt, đợt sau giúp đợt trước nằm ngay ngắn trong tư thế lìa đời. Đợt cuối cùng có hai người, và có lẽ chính hai người cuối cùng này đã dọn dẹp sạch sẽ quang cảnh trong ngôi biệt thự để khỏi làm phiền những người ở lại.

Tin vụ tự tử tập thể của giáo phái Cổng Trời loan đi, ngay lập tức cả

thế giới rúng động. Không như vụ Waco, hình như báo chí và các đài truyền hình cố tình giới hạn việc loan tin và bình luận vụ tự tử này.

Cơ quan cảnh sát San Diego cũng như FBI vội vã loan báo là các cuộc điều tra coi như chấm dứt sau hai tuần, không có gì hồ nghi để phải tìm hiểu thêm. Tổng thống Mỹ Clinton tuyên bố hành động tự tử tập thể có tính chất bệnh hoạn, và Quốc Hội cũng không vin vào đó để làm rùm beng, bắt bẻ chính quyền như đã làm sau vụ Waco. Hai công ty địa ốc vội vã lên tiếng muốn mua căn biệt thự để san bằng đi, xây một ngôi biệt thự khác để xóa sạch dấu vết thảm họa, giữ cho nhà cửa khu sang trọng quí phái này khỏi xuống giá.

Giới truyền thông Mỹ lần này cũng "ngoan ngoãn" một cách bất thường. Sau khi tìm lại những đoạn phim video và các bài giảng của giáo phái Cổng Trời trên Internet, biết rõ giáo phái này coi cuộc đời ở hành tinh này là giả tạm, thân xác của họ chỉ là "cái bình chứa" nhất thời ở trần gian trong khi họ chờ cơ hội thoát khỏi nó mà lên một cõi cao hơn, biết rõ giáo đồ Cổng Trời đã chuẩn bị cho cuộc ra đi hôm 26 tháng 3 từ hơn hai mươi năm trước, giới truyền thông trở nên băn khoăn, lúng túng, không biết phải đối phó như thế nào. Họ rất xông xáo sành sõi trong những điều mà ba mươi chín người ra đi cho là giả tạm, và mù mờ về cái cõi cao hơn trần thế. Cho nên giới truyền thông tìm cách kéo các giáo đồ Cổng Trời trở lại trần thế: họ ăn ở làm sao, chi tiêu làm sao, kéo nhau đi nhà hàng trước khi dắt nhau lên đường ở đâu, cư xử với cha mẹ hay người phối ngẫu thế nào...

Tôi nghĩ những người phương Đông như chúng ta không bàng hoàng bối rối trước vụ tự tử tập thể ở Rancho Santa Fe như người Tây phương. Chuẩn bị chu đáo cho cái chết, đối với Tây phương, là một hành động khắc kỷ, dị thường. Vì họ sợ chết. Vì họ đặt hết hy vọng, tìm lẽ sống ngay trong đời sống này. Họ có thể hiểu những cái chết của giáo phái Davidian ở Waco, tự phóng hỏa mà chết trong tư thế cố thủ chống trả lại lực lượng FBI vũ trang hùng hậu. Chết vì không còn cách nào khác, chứ không phải điềm tĩnh an nhiên chuẩn bị cho cái chết sạch sẽ trầm lặng như giáo phái Cổng Trời. Còn người Việt Nam chúng ta, ít ra là thế hệ trung niên như thế hệ tôi, phần lớn đã từng chứng kiến cách chuẩn bị chết của những người đi trước.

Thời gian kháng chiến chống Pháp trước hiệp định Genève, gia đình chúng tôi về quê sống với bà ngoại trong một gian nhà lá mái rộng rãi giữa một vùng đồng bằng phì nhiêu ở miền Trung. Phần rộng rãi và trang trọng nhất của gian nhà, dĩ nhiên dành cho người chết. Những bàn thờ tổ tiên ở gian chính lúc nào cũng được chăm sóc sạch sẽ, bàn thờ gỗ mun

đánh bóng, lư đồng sáng choang, nến hương lúc nào cũng nghi ngút. Không khí huyền bí của gian chính khiến đám trẻ cháu bà ngoại tôi lo sợ, không bao giờ chúng tôi dám một mình bén mảng lên đó. Chúng tôi còn có một lý do nữa để tránh chỗ đặt các bàn thờ. Phía sau bàn thờ ông ngoại tôi, có một cái quan tài với đầy đủ đồ khâm liệm dành cho bà ngoại. Một tháng đôi lần, đích thân bà ngoại mở cửa sổ gian trên cho đủ ánh sáng để lau chùi chiếc quan tài của mình. Tôi còn được các dì cho biết chính bà chọn loại vải may đồ khâm liệm, chính bà chọn đất sinh phần.

Bà ngoại tôi suốt đời lo cho chồng cho con, không hề thắc mắc về những điều trừu tượng trọng đại như vì sao ta sinh ra? vì sao ta chết đi? chết rồi sẽ về đâu? Bà không hề suy nghĩ về cái chết như các triết gia, đạo gia suy nghĩ. Bà không hề xem đời sống này là không quan trọng. Không hề coi cõi đời này là cõi tạm, thân xác này là "cái bình chứa" (container) nhất thời. Bà sống trọn vẹn như mọi người, nhưng một cách không ý thức, bà tôi cũng hiểu rất rõ câu "sống gửi thác về".

Bà ngoại tôi thản nhiên chuẩn bị cho chuyến "về quê" như những bà ngoại bà nội khác trên đất nước Việt Nam, mà không ai xem đó là hành động dị thường, hay phi thường.

Trong cuốn video giáo phái Cổng Trời để lại và được phát hình nhiều lần trên tivi, một nữ giáo đồ nói rằng có thể những đồng đạo của bà hơi điên khi quyết định ra đi cho bắt kịp chiếc phi thuyền bay đằng sau sao Chổi Hale-Bopp, nhưng bà thấy sống hơn ba mươi năm trên trần thế này không có gì vui, nên bà quyết định cùng đi với các bạn. Bà ngoại tôi có cuộc đời mà theo tôi nghĩ, cũng "không có gì vui". Lấy chồng từ năm mười sáu, sinh được hai con thì thành góa phụ khi tuổi chưa tới đôi mươi. Một mình vất vả với hai đứa con dại, gần ba mươi bà tái giá, lấy ông ngoại tôi lúc ấy cũng góa vợ, gà trống nuôi đàn con sáu đứa. Hai ông bà có với nhau mười người con nữa, và mặc dù nhà có nhiều ruộng, việc nuôi nấng cho một lần ba giòng con có lẽ không mấy vui. Rồi ông ngoại tôi mất, để gánh nặng gia đình cho một mình bà tôi gánh vác. Lúc tôi đã đủ khôn lớn để nhận xét về thế giới người lớn, là lúc kháng chiến bùng nổ, tất cả cô dì cậu mợ (kể cả gia đình tôi) đều về quê sống nhờ nơi bà. Bà chu toàn mọi trách nhiệm, trách nhiệm làm mẹ của ba giòng con, trách nhiệm làm bà của một đám cháu nội ngoại đông đúc, và có lẽ khi bận bịu quanh năm với bao trách nhiệm nặng nhọc đó, chưa bao giờ bà tôi xem cuộc đời này là giả tạm. Bà tôi không chán đời, sống mà chỉ nghĩ tới chuyện ra đi. Yêu đời mà vẫn thản nhiên chuẩn bị sẵn sàng chiếc quan tài, đồ khâm liệm và sinh phần. Bởi vì khác với người nữ giáo đồ giáo phái Cổng Trời thấy đời không có gì vui nên bằng lòng "ra đi", bà tôi thấy cuộc đời cũng vui

nhưng biết thế nào cũng tới lúc "phải về", đã biết phải về sao không chuẩn bị "chuyến về" cho tươm tất, khỏi làm phiền con cháu trong việc ma chay.

Bây giờ, tôi băn khoăn không biết hồi đó bà tôi có biết mình "về" đâu không? Tôi ngờ bà tôi không có những suy nghĩ rắc rối về "chốn về", về những gì xảy ra sau cái chết. Có lẽ điều bà tôi nghĩ trước hết là sẽ về với ông, được nằm bên cạnh ông ngoại dưới chân một cái gò cao gần bên đám ruộng Miễu. Sinh phần của bà ở sát bên mộ ông ngoại. Sau ông ngoại, có thể bà nghĩ đến hai bà dì của tôi, một bà chết lúc vừa sinh ra và một bà chết vì bệnh đậu mùa lúc mới lên hai. Có thể thế giới mới trong trí tưởng tượng của bà không cao hơn mà cũng không thấp hơn cuộc đời bà vừa lìa bỏ, và những vui buồn cũng không khác mấy với những vui buồn cũ. Bà sẽ gần gũi thân mật trò chuyện với Đức Quan Thế Âm để xin Ngài phù hộ cho đám con cháu còn ở lại trần gian. Bà sẽ gặp những tiên ông râu tóc bạc phơ chống gậy trúc dạo chơi với đám trẻ thơ mũm mĩm trong các tranh Tầu ngoài chợ Kiến hàng, hoặc bay chơi đó đây với các cô tiên tóc dài cài trâm mặc áo lụa hồng thướt tha thắt lưng dài bay phất phơ như tranh vẽ trên bức bình phong. Có lẽ "cõi về" của bà tôi vui hơn, thanh thản hơn cõi trần, nhưng không khó vào đến nỗi muốn nhập vào đó phải qua một cái "cổng trời" có lính gác cổng, hoặc có một phán quan mặt sắt đen sì cầm sổ tra xét công tội rồi mới cấp thẻ vào cửa.

Càng nghĩ, tôi càng hiểu vì sao thế hệ bà ngoại tôi sống hết mình và chết hết mình như vậy. Chung qui chỉ từ hai tiếng "đi" và "về".

Ba mươi chín người giáo phái Cổng Trời suy nghĩ theo cái nếp của văn minh Tây phương xem đường đời là một thứ đường một chiều duy nhất, nên thắc mắc về cái mốc ban đầu của sự sống (vì sao ta sinh ra?), về ý nghĩa của đời sống (vì sao ta chết đi?), về những gì xảy ra ở cuối đường (chết đi ta về đâu?). Họ không tìm được câu trả lời, họ thấy "cuộc sống không có gì vui" nên tìm cách thoát ra khỏi con đường ấy. Họ không chịu lầm lũi đi cho hết con đường gian khổ. Họ dừng lại, họ tìm lối thoát. Trí khôn bảo họ ngước lên trên, thoát theo chiều cao. Họ tìm Cổng Trời, và sống khắc kỷ cách ly với đời sống chung để nhẹ gánh mà bay lên cõi cao hơn. Sao Chổi Hale-Bopp xuất hiện, họ cho đó là cơ hội ngàn năm một thuở. Sau sao Chổi, họ tin có một con tàu không gian đang chờ họ. Thế là họ quyết định "ra đi".

Bà ngoại tôi không thông thái về triết học, tôn giáo, không nhíu mày băn khoăn vì những câu hỏi siêu hình. Nhưng nhờ truyền thống văn hóa Đông phương bắt rễ ăn sâu vào tiềm thức tập thể của dân tộc, bà ngoại tôi biết rằng "đường đời có trăm vạn nẻo", không phải chỉ là con đường duy

nhất. Những con đường ấy tỏa ra trăm ngàn hướng, không thẳng băng chạy mất hút về hướng xa tít tắp mà uốn khúc phất phơ như dải lụa thắt lưng của các nàng tiên, vừa tiến về phía trước đã thấy quành trở lại phía sau, vừa chạy bên nhau đã cắt nhau ở giao lộ, "ra đi" và "trở về" không rành rẽ phân biệt. Nói như nhà thơ Du Tử Lê:

Đi với về cùng một nghĩa như nhau...

Vâng. Nếu bà ngoại tôi còn sống, bà sẽ mỉm cười gật gù khi nghe cháu ngoại của bà đọc câu thơ nói trên.

Bà hồn nhiên chuẩn bị cho "chuyến trở về", không phải với một thứ vé "one way ticket" (không được "refund", không được đến trễ) đến nỗi phải dứt khoát chộp lấy cơ hội ngàn năm như nhóm Cổng Trời. Tấm vé của bà không giới hạn thời gian, có thể là vé một chiều mà cũng có thể dùng như vé khứ hồi. Vâng, nếu muốn bà tôi vẫn có thể đầu thai trở lại trần thế, lại gặp ông ngoại tôi, lại sinh ra mẹ tôi, lại ôm đứa cháu trai ngoan của bà vào lòng, lại vui buồn với nỗi vui buồn của con của cháu. Bà thản nhiên vì bà biết mình có tự do, đi hay về là do ở mình.

Có thể tôi đã đem cái rắc rối phức tạp của đời nay mà gán cho bà ngoại. Chắc nhiều người đọc bài này nghĩ vậy. Xin cho tôi biện minh. Bà tôi chuẩn bị kỹ lưỡng cho chuyến về, nhưng hoàn cảnh không cho bà tôi được như nguyện. Năm 1952, chính quyền cộng sản trong vùng kháng chiến liên khu V bắt đầu thi hành chính sách cải cách ruộng đất. Trước các cuộc đấu tố đẫm máu là chính sách thuế nông nghiệp nhằm thu vét tất cả tài sản của người có ruộng ở thôn quê. Hết thuế nông nghiệp lại tới thuế khả năng, hết thuế khả năng lại thuế tiên thu (thu thuế trước vì nhu cầu kháng chiến). Trong chốc lát, bà tôi bị khánh kiệt. Cái quan tài bằng gỗ vàng tâm của bà cũng phải đem bán để nộp thuế. Rồi bà tôi bị đấu tố. Cả đại gia đình như đàn ong vỡ tổ, phân tán mỏng ra khắp phương để kiếm sống. Rồi hiệp định Genève. Rồi lại chiến tranh. Quê ngoại của tôi trở thành vùng xôi đậu, rồi trở thành vùng oanh kích tự do. Ngôi nhà lá mái bị cháy. Ruộng vườn bị bỏ hoang. Bà phải tản cư xuống tỉnh lỵ sống với cậu tôi, và khi mất, bà tôi không được yên nghỉ trong chiếc quan tài chính bà tôi chọn, không được về nằm bên cạnh ông tôi ở chân Gò Miễu. Nhưng thái độ của bà lúc mất vẫn không có chút nào tiếc nuối, khốn khổ. "Trở về" bằng chiếc quan tài gỗ quí hay bằng chiếc quan tài gỗ tạp, thong dong bên cạnh ông tôi hay phải chen chúc trong một nghĩa trang chật chội ồn ào, đối với bà, không quan trọng.

Vì "đi" với "về" cũng thế thôi, trên "đường đời vạn nẻo" này. Vì Cổng Trời ở khắp nơi, không phải hiếm hoi đến độ bốn ngàn năm sao Chổi xuất hiện mới có chuyến phi thuyền đón người lên đó.❐

nghĩa trang westminster gặp bạn cũ

TRẦN HỒNG CHÂU

Bạn cũ tìm thấy lại
(Nửa thế kỷ
Hai đại dương)
Tuổi đời chồng chất chín đợt phù đồ
Sợi bạc phơ
Phất bụi trần
Ngàn trắng
Bướm hoa lau
Ngàn năm mây trắng
Trùm lấp nghĩa trang
Trắng tay cuộc đời!

Sao cỏ vẫn xanh
Trên thân chết lạnh
Sao môi con gái vẫn hồng
Ôm bó hoa vẫn vòng lửa rực

Ta hờn
Màu xanh sắc đỏ
Ta hờn
Búp nhỏ bướm non
Nơi còn nguyên si
Chiếc bánh cuộc đời

Ta đang đi về cửa mồ bỏ ngỏ
Bước chân cùm nặng
Kỷ niệm ngàn cân

Người thiếu phụ gục đầu
Bia mộ rưng rưng
Hóa thạch khăn sô
Vai gầy rung lên
Không dỗ nổi trời đông xám chết
Không dỗ nổi nỗi đau đi thẳng vào tâm thất!

Ta đứng ngay tượng đá
Đời vỡ tan từng mảnh lưu vong
Chân trời xa
Có trở lại hòn đất, ngọn cỏ
Cuống nhau?
Đời vàng vọt
Thiếu quê hương!

Không ta chưa muốn chào vĩnh biệt!

Chưa cạn hết dáy ly ân ái
Chưa quặn hết niềm đau sông núi
Chưa nói hết Lời thơ hằng cửu

Không ta chưa muốn chào vĩnh biệt!

Không gian hiển hiện
Trắng bạc nghĩa trang
Trắng hồn cô lữ

Bạn ơi, mặc lá vàng rơi!

Hậu cứ

Hồ Đình Nghiêm

Gửi nhà văn Hồ Minh Dũng

Ra khỏi đồn Măng Cá, người đàn ông có hơi tần ngần trước con đường ngập nắng. Màu hoa phượng đỏ thắm, rực rỡ đến nhức nhối và mặt nhựa đường như biết co giãn để cảnh vật cuối tầm nhìn mãi luôn xao động.

Trưa yên tĩnh, trưa đứng gió. Mọi thứ như thiêm thiếp giấc ngủ say. Có tiếng máy nổ nghe mỗi lúc một gần và rồi thì cận kề sát bên hông.

- Thiếu úy đi mô đó? Leo lên em cho quá giang.

Chiếc Honda 50 màu đen mới nước sơn. Nó sạch sẽ bóng loáng tới độ có thể phản chiếu trung thực những gì đang đọng vào đấy. Người đàn ông nhìn ra bộ quân phục mình mặc trên người. Màu cức ngựa trộn lẫn với màu bụi vàng. Màu sương gió và màu trận mạc. Một thứ màu xác xơ chẳng giống ai. Anh kéo chiếc nón xuống thấp trước trán và anh lắc đầu. Người lính trẻ phóng xe đi với tiếng máy gầm gừ hung hãn. Mọi thứ ở hắn thảy đều lạ lẫm trong mắt anh, mặc dù cả hai đều có cái phù hiệu số 1 giống nhau may chặt bên tay áo. Hắn quá trẻ và hắn có tác phong của một cậu học sinh sau giờ bãi học. Người đàn ông đi dọc theo hồ Tĩnh Tâm. Anh nhớ tới thằng em trai đang học lớp 10. Hắn cũng có một chiếc xe gắn máy. Hắn vừa có bồ và anh cầu mong hắn đừng phải chịu cảnh bị bồ đá. Trong đám lính của anh, cái lý do để tụi nó sớm nằm gai nếm mật đa số đều quy về mẫu số chung: Thất tình. "Em học không nổi Thiếu úy ơi... nhà em nghèo quá mạng!". Duy có mình thằng Phúc là ngoại lệ: "... Em vừa ra khỏi chợ Đông Ba, có hai ông nội xáp vô kẹp tay em lôi đi. Cái mặt em như ri đây mà bọn nó đổ hô là Việt cọng. Tụi nó còng em về bót cảnh sát tẩn cho một trận nhừ tử: Mụ cô mi, hôm nọ mi đi rãi truyền đơn tau đã chụp hụt một lần rồi. Chứ cơ sở mi đặt ở chỗ mô? Khai mau... Nói Thiếu úy đừng cười, lúc nớ em khóc như cha chết mạ chết vậy. Khóc như rươi.

Em đi lính với cái đầu óc đặc sệt một chữ: Trả thù. Ba em chửi đổ báo đời. Mạ em khóc, con chi mà bất hiếu rứa bây! Vì mấy cái lời lẻ đó nên em không đành lòng chọn thứ dữ, em chui vô Sư đoàn 1 đặng gần gũi có chi mà phụ đỡ gia đình..."

Người đàn ông nhìn xuống hồ. Tĩnh Tâm, ai đặt cho mày cái tên nghe hay ho đến vậy? Mặt nước đục, cạn. Những cành sen khô cằn và mùi bùn thì luôn hôi tanh. Anh tháo gỡ cái bông mai trên cổ áo, cất vào túi quần. Năm ngón tay vọc giỡn những tờ giấy bạc nhàu nát bên trong. Quang Trung, Lê văn Duyệt. Những vị tướng lỗi lạc được hậu thế ghi ơn và cái mãi lực khiêm nhường đáng phàn nàn mà nó có. Tiền lính là tính liền. Anh không đủ tĩnh tâm để toan tính được chuyện gì cả. Anh cũng là một đứa báo đời. Đầu óc anh cũng đặc sệt một chữ: Trả thù. Anh hối hận đã không hỏi Phúc cái câu lý ra cần hỏi nhất: Mày đã trả thù được chưa? Mày có ngang tàng trở về và tẩn lại thằng cảnh sát ngày nọ một trận đòn sòng phẳng? Phúc à, ơn đền oán trả là câu nói mà tao cho là văn chương nhất ở cõi đời này. Cái chẳng được "văn chương" là sự yếu hèn luôn có trong mỗi chúng ta. Buồn tay tao vẫn mang khẩu Colt 45 ra lau chùi tháo gỡ lắp ráp lại mãi. Đạn lên nòng nhưng đạn chẳng thể bay đi theo đời đạn. Tao quẩn trí và nhiều lần tau có ý định đào ngũ...

Ve kêu râm ran một góc vườn nhà ai cây lá rậm rạp. Vô tình, người đàn ông để cho bước chân đạp trên một lối đi quen thuộc. Anh hơi lưỡng lự, bần thần. Trong trí anh thoáng bày biện một hình ảnh vừa diễn ra có thứ tự, lớp lang. Bụi chè tàu, cái bể cạn, vuông sân nhỏ, cây trứng cá, một cái am... Nó còn đó hay nó đã chịu sự đổi thay theo cái chia lìa của chủ nhân? Sau Mậu Thân, Ba Mạ anh đã quyết định bán căn nhà chôn đầy kỷ niệm ấy để vào ở hẳn trong Nha Trang. Anh là một thằng lính và Nha Trang là một địa danh quá đỗi cách xa với bàn chân anh. Sao Ba Mạ không mua nhà ở Đông Hà Khe Sanh Quảng Trị cho tiện việc thăm hỏi? Ba Mạ trách cứ thì con xin cúi đầu đón nghe. Thiếu úy chứ có phải Thiếu tá Thiếu tướng gì cho cam. Thiếu úy là thiếu đủ thứ. Còn như Ba Mạ muốn lánh xa mũi tên hòn đạn chừng nào tốt chừng đó thì cũng có cái lý trong việc phòng hờ, nhưng nhân danh một Thiếu úy con cũng xin thưa là chạy trời làm sao cho khỏi nắng đây? Ba Mạ có tốn bạc triệu chạy chọt cho con về làm lính kiểng trong đó thì ra phố thằng đạp xích-lô cũng có thể gây tử thương cho mình nếu cái số con đến hồi mạt vận.

Người đàn ông dừng bước. Anh sững sờ. Tất cả còn y nguyên, không suy suyễn chợt vẹt, và cảnh vật ấy, nó như mếu máo được gặp lại anh dù cậu bé hồn nhiên ngày nào giờ đã biến đổi ra thân phận khác. Một hình nhân có thể làm con nít nín bặt tiếng khóc nhè.

- Dạ xin lỗi chớ anh muốn hỏi ai?

Đứa con gái nằm ru em nhổm người dậy trên võng. Võng chòng chành. Hoa nắng lỗ chỗ đâm nát người anh.

- Phúc...

- Dạ không có ai tên Phúc ở đây cả.

Người con gái trả lời. Nó đứng ôm đứa nhỏ trên đôi tay gầy. Đứa nhỏ ngủ say không nghe ra mẫu đối thoại và khoảng cách giữa ba người luôn cách ngăn bằng một vuông sân vàng nắng.

- Tôi nói lộn. Trước đây tôi ở nhà này, bây giờ tôi về chỉ để ngó qua một lần, rứa thôi.

Chiếc võng tạo thành những đường hằn đỏ lên da thịt đứa con gái. Nó nhìn tới người lính bằng ánh mắt lạ lùng. Cái ánh mắt thường có ở những tù binh đợi chờ anh lấy khẩu cung.

- Em cho anh xin một vài cây hương, anh thắp lên am rồi anh đi ngay.

Đứa con gái biến mất sau cánh cửa đóng vội và anh nghiêm chỉnh đứng ở tư thế đợi chờ. Anh tự đánh cuộc và anh thất vọng với cái ý nghĩ là đứa con gái sẽ tái xuất hiện. Mặt trận miền Tây vẫn yên tĩnh. Anh thầm thì đùa cợt. Ngay cả một con chó dữ bất thần nhảy ra giữa sân ngửa cổ tru tréo cũng chẳng có. Anh đốt một điếu thuốc. Khói Bastos xanh mắc cứng trong cần cổ, nuốt không xuống. Anh thèm uống vài cốc rượu cay với đô nhắm tim cật ruột gan ngoài tiệm cháo lòng Đồng Ý nhưng lại sợ mình đánh mất trí khôn.

Người đàn ông bỏ đi, anh ngạc nhiên khi tự nhận thấy là mình chẳng có một ham muốn nào cả. Người anh trống trải, tựa một cao điểm mà cả hai phía đều không tìm thấy cái vị trí chiến lược có nơi đó. Phúc, chẳng rõ tao có đủ can đảm để bước chân vào nhà mày không? Tao thích đánh một trận đánh cho thật đường hoàng. Chường mặt ra, trực diện nhau, phân minh giữa trắng và đen.

Mồ hôi ràn rụa đổ khi người đàn ông ra tới phố. Anh dừng chân ở nhà sách và lựa mua một cuốn tiểu thuyết tình cảm. Truyện in chữ to dễ đọc, dày 160 trang vừa phải, đủ để tìm tới giấc ngủ; nhét nó vào túi quần người đàn ông bước lên những bậc cấp sức mẻ nền gạch hoa. Thằng con trai nhai cây tăm tre bật người khỏi chỗ ngồi, hấn quơ tay như đang phủi ruồi chờn vờn trước mặt:

- Anh đi một mình thôi à?

Người đàn ông nhìn lui. Anh cởi nón và dùng nó để lau lên trán. Trán anh cau lại những nếp nhăn.

- Muốn có tiết mục đặc biệt thì nhớ nói sớm nghe đại ca.

- Là sao? Phòng có gắn máy lạnh hả?

- Dạ không. Khách sạn bình dân mà anh... Anh ưa có bò lạc không?

Người đàn ông đón lấy chiếc chìa khóa. Anh ngó cái hình xăm nơi tay thằng "quản lý khách sạn". Một đứa con gái cởi truồng, xấu xí và vụng về nét vẽ.

- Tui nói nó tắm rửa cẩn thận rồi chạy ù lên phòng đại ca hí?

- Tao không có hứng. Ngủ xong một giấc rồi hẳn tính.

Đàn bà. Lỗ chiếu môn đến đỉnh đầu ruồi. Tội nghiệp! Vày vò dẫm nát một cành hoa còn rẻ hơn ra chợ trời lựa mua một đôi bốt-đờ-sô ngó tử tế. Căn phòng nóng như một lò lửa. Người đàn ông mở toang cánh cửa sổ và tức thì những thứ tiếng động tạp nhạp dưới đường phố tràn ngập vào ngay. Tiếng động làm anh choáng váng, anh đợi một cơn gió thoảng ngang nhưng chẳng thấy. Anh vác mặt ngó xuống cái thế giới mà anh có bổn phận phải giữ gìn cho nó được an vui yên thắm. Anh ra tuyến đầu, làm cái hàng rào làm cái bờ đê làm cái vật cản, nhưng anh ý thức được có khi kẻ thù mình không hẳn là những bóng đen đang di động trước mũi súng. Mệnh lệnh. Kỷ luật là sức mạnh của quân đội. ừ, thì cứ nên tin như vậy, nhưng thi hành trước khiếu nại sau thì quả là thái độ ngược ngạo dễ dẫn người ta đi vào tuyệt lộ. Anh tự nghiệm ra một bọn người lúc nhúc ngồi dưới giao thông hào như trung đội anh chẳng có đứa nào nuôi dưỡng được một sứ mạng gì gọi là ghê gớm, thậm chí có đứa không lý giải được cái công việc giết người chẳng gớm tay của nó. Bộ mặt dửng dưng, ngầy ngật thiếu ngủ. Đôi mắt ánh lên nét ngây thơ nhưng miệng mồm thì ăn nói dữ dằn: "Tổ cha bây, không sợ chết hay răng mà cứ tràn lên hoài rứa. Ở ngoài nớ bọn bây có biết câu súng đạn vô tình không?... Đụ mạ, đánh nhau hoài phát nhàm, làm răng yên yên một bữa tụi mình ngồi nhậu với nhau quên trời đất Thiếu úy hỉ. Thiếu úy biết mụ Sẻ bán cháo lòng ở gần hồ Mưng không? Dách cô nhạn đó Thiếu úy. Mụ nớ nổi tiếng từ vụ Mậu thân kia, có người nói ban đêm mụ ra chuồng heo hốt thịt vụn sau khi nó bị ăn pháo kích tanh banh, vô tình hốt cả ruột gan của xác người nằm chết trong chuồng mà chẳng hay. Nghe ớn lạnh chưa? Tui quen thằng Bảy bên Đại đội Hắc báo, hắn nói: "Mi lỡ ăn thịt người mà mi chẳng hay thì cuối cùng cũng huề tiền thôi. Thịt gì thì cũng đều được gọi là thịt cả, vấn đề là nó có phục vụ được cho cái bao tử luôn đói khát một bữa ăn no không?". Cái thằng nớ thì cóc có sợ ai cả, lính tráng mà được như hắn thì thua cọp nữa à? Cọp thiệt nhiều thì hòa bình ngay!"

Người đàn ông nằm vật xuống giường. Tấm khăn trải hoen ố và như tuồng nó được đánh cắp từ bệnh viện ra. Xanh cái màu xanh rất đặc thù. Anh rút cuốn truyện từ túi quần. Anh sửa thế nằm thoải mái, kê gối cao và

dọn lòng cất bước. Một chuyện tình không êm xuôi. Chàng và nàng đầu hàng trước nghịch cảnh. Chàng vào Thủ-đức và nàng lên xe hoa. Chàng luôn gọi nàng bằng cô bé. Nàng chàng cô bé. Cô bé nàng chàng... Người đàn ông gấp cuốn truyện lại, mệt mỏi ném nó xuống đất. Anh thấy xa lạ, không thể hòa nhập vào trong những dòng chữ ấy để cho hai nhân vật chính lôi kéo mình đi tới hết "đoạn đường chiến binh" của họ. Anh thấy tiếc tiền, hối hận là đã không mua cuốn "Nghệ thuật Sống" hoặc cuốn "Đắc nhân tâm".

Giấc ngủ không tìm đến. Người đàn ông ngồi dậy thắp thuốc hút. Anh mở bọc ny-lông đựng giấy tờ và nhặt ra một bức ảnh đen trắng. Tấm ảnh nhỏ như ảnh căn cước, trong đó đóng khung một khuôn mặt đen đúa. Khuôn mặt gượng cười trước ống kính và sự miễn cưỡng ấy như làm tăng lên vẻ ngây ngô có nơi mặt một đứa con trai tóc húi cua. Phía sau có hàng chữ viết nguệch ngoạc: "T.N. Phúc. Kỷ niệm ngày quyết định khoát chiến y". Trong bao ny-lông gạo sấy còn chứa đựng thêm những giấy tờ lụn vụn, những thứ mà người đàn ông từng mở ra và gấp lại nhiều lần. Những thứ giấy tờ tùy thân cá nhân mà thằng Phúc chỉ đưa ra nếu đứng trước mặt một thằng Quân cảnh có bộ mặt khảu ó. Sao tóc mày dài vậy? Sao giày mày chẳng được bóng láng? Mụ cô mi, mi thử dãi dầu ở đường 9 Nam Lào. Mi thử ăn dầm ở dề bên sông Thạch hãn. Mi thử đóng chốt gần cổ thành Quảng trị... coi thử mi có còn giữ được cái dáng dấp một thằng lính sạch nước cản mà mi luôn trau chuốt không? Bày đặt tra với khảo. Bỏ đi tám!

Người đàn ông xếp ngay ngắn những nếp gấp có sẵn ở túi ny-lông, xong rồi buộc ở ngoài hai ba sợi cao-su, cất lại trên túi áo. Anh rửa mặt nơi cái la-va-bô cáu vàng và không nhìn mặt mình trong gương soi. Anh tựa cửa nhìn ra dòng sông giờ này xanh mát bóng mây. Anh đi đái, áo bỏ vào quần và đóng mạnh cửa phòng bước xuống cầu thang ẩm tối. Nắng đã co mình thu bớt những ngọn lửa. Tiếng động về chiều mỗi lúc một bành trướng hẳn lên, nó rầm rập chui đầy vào lỗ tai anh nhưng đôi khi anh chẳng nghe thấy gì cả, tựa một cuốn phim câm. Anh đi vô chợ, anh đứng trước "thị tại môn tiền náo" và mua một ly xi-rô trộn hột é với đá đập vụn. Ly nước rẻ tiền, mát ngọt, thông cần cổ và mang lại cho anh chút tỉnh táo. Cái tỉnh táo của một đầu óc đã nghe ra những mẩu đối thoại của mấy người bán hàng. Họ nói về thằng cha làm nghề mãi võ Sơn-đông đang đứng ngoài bến xe bán thuốc trị sán rất công hiệu. Ừ, hắn mát tay lắm, ai đời mà nhổ răng mình ra hồi nào cũng không hay, thiệt êm ái dễ dàng rứa đó. Họ nói về những giọt nước mắt của con Năm, ai đời một chục lon sữa hiệu ông Thọ thì có sáu bảy lon chứa đựng toàn cả bùn với cát ở bên

trong. Bọn mô mà chơi kiểu ác đức rứa hè, làm răng mà sinh con! Họ nói dạo này trong chợ thỉnh thoảng bà con la lên ơi ới như gặp ma, mã cha cái đứa diệu thủ thư sinh, hắn có bùa ngãi chi không mà móc hết tiền túi mình hôi mô chẳng biết.

Người đàn ông đi quanh quất trong chợ. Hàng vải, hàng bán nón lá, hàng bán chén đọi ly tách và cuối cùng là cái sạp bán hương đèn vàng bạc xe hơi nhà lầu thiếu nữ thanh niên. Tất cả đều bằng giấy, có chiếc xe đạp èo ọp lòi ra những nan tre. Màu sắc tập trung ở đó thật nhiều, rực rỡ, vui nhộn.

- Trời đất!... Anh Cư... Ngó lạ chưa tề. Rứa lon lá thu mô mà không đeo?

Người đàn ông vày vò chiếc nón trong đôi tay. Anh hối hận đã không mang cuốn truyện tình lỡ mua để tặng lại cô gái. Anh nhìn một thằng con trai đứng trong góc, mặt tươi rói. Tại sao không bôi râu mà lại tô son điểm phấn lên mặt hắn?

- Anh mới về?

- Ừ. Ông già đâu?

- Ba em về làng chia tiền lúa, mai mới trở lại. Anh ngồi chơi.

Người đàn ông ngồi xuống chiếc ghế đẩu. Mắt anh vẫn ngó tới thằng con trai. Nếu khoát cho hắn bộ đồ trận bên ngoài, xong rồi hí hoáy vô cổ áo một hai cái bông mai bạc thì ai cấm?

- Anh uống nước.

Người con gái mang tới một cái ly, nước màu vàng sóng sánh, mùi đậu ván nướng cháy thơm át cả mùi hương đèn vàng bạc. Cô bận đồ bộ màu ruốc, nơi túi áo gài kín cây kim băng.

- Buôn bán ra răng?

Anh hỏi. Cô gái ngồi ké né nơi cái giường tre nhỏ.

- Dạ đắp đổi qua ngày. Tết nhất thì không nói, ngày thường vắng như chùa bà đanh.

Người đàn ông lấy thuốc ra hút. Anh thở khói xanh um. Cái thế giới người ngợm xe pháo nhà cửa ấy thật an lành. Sau cái chết, những kẻ đó có cầm súng để giết hại lẫn nhau một lần nữa

không?

- Sao chẳng thấy súng ống?

- Anh thiệt méo mó nghề nghiệp.

- Súng bằng giấy có dễ làm không?

- Dễ. Mấy tháng trước có bà khách đặt làm một khẩu, ba em loay hoay có mấy tiếng là xong. Bà ấy nói con bà chết trận, chừ đốt cho hắn khẩu súng để xuống dưới khỏi buồn tay. Con bà lúc nào cũng nói súng là

vợ đạn là con.

- Bữa mô rãnh làm cho anh một khẩu. Loại M-16.

- Tầm bậy nờ. Anh là lính tráng mà chẳng biết kiêng cữ, cái miệng ưa ăn mắm ăn muối.

- Nếu kiêng cử thì còn chi để gọi là lính. Mấy người tu hành kiêng cử thịt cá thì cái đó đáng hoan nghênh.

- Ba biết người đặt hàng là anh thì sức mấy ông làm cho.

- Nói là anh đặt cho một người đã chết. Còn sống ai lại khơi khơi đi mua một khẩu súng giấy?

- Em nghe trong chợ họ đồn là sắp có hòa bình rồi, đúng không anh?

- Anh đâu biết. Mới ban hành lệnh ngưng bắn, nhưng mà cái đó đâu có liên quan chi tới hòa bình.

- Không liên quan à?

- Giống như chuyện đốt pháo vậy. Năm hết Tết tới người ta mới đốt nó, ba trăm sáu chục ngày còn lại ai rãnh tay mà nghịch tới pháo?

- Anh nói chi mà tối nghĩa. Dạo ni ra đường em thấy lính tráng mô mà chật phố chật phường, nếu chiến tranh căng thẳng thì họ đã ở ngoài mặt trận cả rồi, có đúng không? Nội chuyện nớ thôi là đủ để mình tin sắp có hòa bình.

- Ừ. Cũng đáng tin lắm. Hòa bình thì có trở ngại chi trong việc bán buôn này không?

- Chà. Câu anh hỏi mới trúng tủ Ba em. Ít người chết thì hàng đồ mã phải chôn luôn môn bài.

- Mấy giờ em dẹp hàng?

- Anh hỏi có chuyện chi không? Rứa thì tối nay anh ngủ ở mô?

- Có rảnh Cúc ghé ngang dưới cầu Gia-hội đưa giùm anh cái gói ni.

Người đàn ông mở hạt nút túi áo, anh lấy bao ny-lông ra cầm ở tay.

- Cái chi rứa?

- Thằng lính của anh bị chết, anh muốn Cúc vô nhà ông già nó mà loan tin giùm.

- Í, không được mô, bậy nà. Tìm cô nào mà đưa thư xanh thì họa may... Em nhát gan lắm. Anh vô nhà họ thì hợp lẽ hơn.

- Giúp anh một lần đi mà.

- Em hứa làm cho anh một khẩu súng thiệt đẹp thiệt giống, cái đó hợp với em hơn. Đúng không? Tưởng tượng mấy người trong nhà đó họ bu quanh em, họ tra khảo em, họ nằm vạ, họ khóc lóc, họ chửi rủa, em ngán lắm. Trời, cho em sống với chớ!

Người đàn ông cúi đầu xuống, anh ôm trán, anh vò đầu và anh đứng lên.

- Đừng giận em nghe anh Cư.

- Không, anh nói câu đó với Cúc mới phải. Và Cúc cũng nên quên chuyện làm khẩu súng đó đi. Hòa bình gần kề rồi, thử làm con bồ câu rồi đem đi đốt coi thử ra răng, có chuyện lạ xẩy ra không?

- Tối anh có về không? Em đợi cửa.

- Tưởng có ba thì anh ghé, ổng về làng thì thôi, để khi khác. Nhắn với ba là anh có ghé thăm.

Người đàn ông quay lưng, anh nắm chặt cái túi ny-lông trong tay. Tay anh nhớp nháp cả mồ hôi. Anh đi lên cầu Trường-tiền, đứng vịn vài cầu mà hóng gió. Từ xa, bóng chiều đã nhuộm thẫm hình dáng của núi. Gần hơn, cầu Bạch-hổ vàng vọt thứ sắc màu của một chân mây sắp đi ngủ. Cái chateau d'eau thọc lên như cột trụ muốn chống đỡ, muốn ngăn ngừa màn đêm. Tối đó có tiếng súng nổ lạch tạch, lát sau thằng Nhị xuất hiện với một hình hài sũng nước, mặt cắt không còn hạt máu, hắn mếu máo: Thằng Phúc... ông thầy ơi... thằng Phúc... Chuyện gì đó? Đứa nào cả gan nổ súng đó? Tụi bây không biết là lệnh ngưng bắn đã có hiệu lực từ mấy hôm nay... Dạ thằng Phúc, hắn rủ em bơi qua sông, hắn nói tụi mình chộp cổ con gà về nấu cháo cho ông thầy tẩm bổ...không biết tình hình ra răng, trời đen như mực, em quýnh quáng bơi một mạch, cầu Trời hắn chỉ bị thương thôi...

Phúc, những gì tao có thể làm cho mày tao đã rán sức. Tao đợi chờ mày suốt ba ngày ngồi bên bờ sông nhưng chẳng thấy xác mày nổi lên. Tao biết mày đã bị ăn đạn, những kẻ bắn mày là những đứa mới ngày nào còn đứng lạ mặt nhìn nhau, mời mọc trao đổi nhau điếu thuốc Bắc, Nam trên một hàng rào ngăn chia tưởng tượng. Mày đi lính vì một sự ngộ nhận và khi chết đi, cái đó có phải là ngộ nhận không? Chết vì một con gà, có đáng không Phúc? Cho dầu cái hành động đó nhằm chứng minh thứ chân tình mộc mạc có giữa thầy trò mình. Huynh đệ chi binh. Chữ ấy càng ngày càng nhạt nhòa đi và mày muốn làm đứa tô đậm nét?

Tiếng đò máy chạy giữa sông vang vọng ra trên mặt nước thứ âm thanh nghe phành phạch như cánh quạt của trực thăng đang cố gắng xuống bãi đáp. Người đàn ông cúi đầu nhìn theo đường sóng nhăn nhó giữa con nước đen, anh ném xuống dưới cái thẻ bài có khắc số quân và loại máu của anh. Vĩnh biệt nghe Phúc. Nước mắt anh ứa ra. Gần bốn năm ở quân đội, tham dự bảy trận đánh lớn nhỏ khác nhau, lần đầu tiên Thiếu úy Cư biết khóc.❐

Bốn mùa

VƯƠNG THÚY LỆ

Bên ngoài cửa sổ nhà em
trăng ẩn sau đám mây
trời vào đông
se sắt lạnh thân gầy
em vẫn sống
bên kia đời
cô quạnh
tôi vẫn đợi chờ
tay buốt tay

Bên ngoài cửa sổ nhà em
đường phủ lá cây
trời mới chớm thu em mê say
gió vẫn mơn man từng nhịp thở
em vẫn dại khờ theo lá bay

Bên ngoài cửa sổ nhà em
nắng rọi lá cây
nắng cháy tâm can
da mật say
nắng cháy cuộc đời
tôi sôi nổi
nắng giục em đi
dừng đợi ngày

Bên ngoài cửa sổ nhà em
hoa nở trong tầm tay
xuân đến vội vàng
em chẳng hay
se sắt đợi chờ
lòng rạo rực
xuân điểm hồng
em xanh lá cây

Bên ngoài cửa sổ hồn tôi
em ngủ trên tầng mây.

Tuổi thơ

Phùng Nguyễn

Khi những người lính biệt kích tỉnh mặc kaki đen và mang giày bố màu xanh bước thành hàng dọc trên con đường chính xuyên qua làng, mặt trời đã lên quá đỉnh đầu. Thằng Phú mặc chiếc quần đùi mốc cời, ở trần, lưng cõng đứa em nhỏ ba tuổi, đứng cạnh cổng vào nhà Hương Văn nhìn trân trối những người lính lần lượt bước qua trước mặt nó. Đây là "lính Đại Úy Sáu," những người lính thám báo tỉnh nổi tiếng gan dạ và dữ dằn.

Đám lính bước đi lặng lẽ, tiếng giày vải sột soạt dưới nhịp chân, tiếng lắc cắc của băng đạn kim loại chạm vào bá súng các bin, tiếng chó sủa ông ổng ở phía đầu của đoàn người. Có những người lính mặt khó đăm đăm, có những người lính mặt mũi tươi tỉnh. Có người còn cười với thằng Phú nữa!

Người lính cuối cùng trong hàng đã qua mặt thằng Phú cả trăm thước. Có tiếng chó sủa ran ở Tứ Điện, ngôi làng phía trên. Chắc là khúc đầu của đám lính đã tới trên đó rồi. Thằng Phú quay lại dòm mấy cây "keo" trồng làm hàng rào, lựa hái mấy trái keo non lấy hột nhai cho đỡ buồn. Đứa em nhỏ trên lưng nó bỗng dưng trở nên nặng ì. Thằng Phú ngồi thụp xuống, hai tay vòng ra sau lưng đỡ em mình xuống đất, miệng la lối, "Xuống mi, nặng tổ cha!"

Cuộc hành quân của đám lính Biệt Kích tỉnh xảy ra đúng như dự đoán của dân chúng khu "Gò Nổi" này. Mới tuần trước, thằng Phú nghe bà hàng xóm than thở với mẹ nó, "Mấy ổng làm kiểu ni thì trước sau chi lính Đại Úy Sáu cũng lên càn cho mà coi!" Mẹ hắn chép miệng, tiếp lời, "Thằng Tín hắn ỷ y quá. Thời buổi chi mà chết dễ như không!"

Anh Tín là cháu họ xa của mẹ thằng Phú, nhà ở làng kế cận. Anh đi lính Đại Úy Sáu, thỉnh thoảng về làng, mặc đồ lính màu xanh, đội lệch

chiếc "bê rê" màu đen ra chợ tán tỉnh mấy cô thợ may. Đôi khi thằng Phú gặp anh ở tỉnh lỵ, nơi nó đang ở trọ đi học Trung học, anh niềm nỡ hỏi thăm, "Cô Út có khỏe không mi?" Út Giỏi là tên của ba thằng Phú nên mọi người đều gọi mẹ nó là chị Út Giỏi, thím Út Giỏi, hay cô Út Giỏi. Tháng trước, mấy ổng về làng, chụp được anh Tín ngoài chợ bèn mang ra chỗ cây "gạo" cổ thụ bắn mấy phát vào đầu rồi bỏ đi. Cũng chính ở chỗ gốc cây "gạo" đó, nơi anh Tín nằm chết với cái đầu bể nát, máu óc văng tung tóe trên đám cỏ còi cọc, hai tháng trước phe Quốc Gia đã kéo hai cái xác chết thuộc phe mấy ổng chưng để mấy ngày để thị oai. Hôm đó thằng Phú đi học ở tỉnh về, nhìn thấy hai xác chết ở trần, da trắng nhờ nhờ, miệng há hốc, đám ruồi nhặng bay lên đáp xuống quanh đống dãi nhớt kêu o o, nó về nuốt cơm không vô.

Bỗng dưng tiếng súng nổi lên như bắp rang. Đứa em nhỏ của thằng Phú òa lên khóc, miệng há hốc để lộ mớ hột keo xanh lè trong miệng. Thằng Phú hấp tấp xốc em lên, ẵm chạy lúp xúp vào căn nhà bếp trống hoang của bà Hương Văn, trống ngực đánh ầm ầm. Dạo sau này nó ở dưới tỉnh thường, ít nghe súng đạn nên trở thành nhát hít. Tiếng súng vẫn nổ giòn giã, tiếng các bin lộp bộp, tiếng đại liên oàng oàng, thỉnh thoảng lại có tiếng lựu đạn nổ đánh ầm. "Không biết mấy ổng bắn cái chi mà bắn dữ rứa?" Thằng Phú nghĩ thầm. Con nhỏ em của nó vẫn khóc ngất, mấy hột keo trộn lẫn với nước dãi nhểu lộp độp trên tấm lưng trần của thằng Phú nhớt nhợt.

Tiếng súng bây giờ đã thưa hẳn, chỉ còn vài tiếng nổ lộp bộp lẫn với tiếng chó sủa ran ở làng trên. Tự dưng thằng Phú cảm thấy đói bụng. Nó quay đầu nhìn quanh quất, cặp mắt lùng sục cái bếp trống bằng sắt bám khói đen thui, đến bức vách bằng phên tre với mớ soong chảo, nồi đồng móp méo treo lỉnh kỉnh, và sau cùng dừng lại ở chiếc lu sành đựng gạo đặt cạnh bếp. Thằng Phú thả đứa em xuống nền đất, với tay nhấc chiếc rổ tre đan thưa đậy chiếc lu, vục một tay vào mớ gạo lức trộn bắp xay nhỏ tìm kiếm. Dân trong làng thường hay giấu mảng cầu ta hoặc "sa bô chê" trong lu gạo cho mau chín. Tay thằng Phú chạm phải một vật gì cưng cứng. Nó hì hục lôi ra. Đó là một khẩu súng lục có hình ngôi sao năm cánh ở bá súng. Nó đưa khẩu súng lên ngang tầm mắt, dùng một ngón tay chà lớp bột gạo bám trên bá súng, ngắm nghía một cách thích thú rồi cẩn thận bới mớ gạo độn bắp "chôn" món vũ khí xinh xắn đó về chỗ cũ. "Của thằng Trường chớ còn ai vô đây!" Thằng Phú lẩm bẩm.

Thằng Trường là cháu ngoại bà Hương Văn. Mẹ nó chết từ hồi nào, còn cha nó thì đi tập kết cả mười năm nay. Thằng này lớn hơn thằng Phú ba tuổi, lớn đầu mà học ngu như bò! Học hết lớp nhì trường làng, thằng

Trường nghỉ học, tối ngày lang thang ngoài đồng bẫy mấy con cu ngói, cu đất bằng những cái bẫy chim làm bằng căm xe. Mùa hè năm ngoái, thằng Trường cho thằng Phú đi theo bẫy chim, hai thằng bắt được ba bốn con cu đất mập ù về làm "nhưm" ăn với bún tươi ngon hết biết. Mới tuần trước, tuần đầu tiên của kỳ nghỉ hè năm nay, thằng Phú lại kiếm thằng Trường thì bà ngoại nó bảo, "Thằng Trường về bên nội nó ở Đại Lộc chơi mấy tháng rồi cháu." Kiểu ni thì bà Hương Văn "phỉnh" mình rồi, thằng Phú nghĩ thầm. Hắn đi mô mà súng ống bỏ đây? Chắc lại theo đám huyện ủy Quý, tối tối mới mò về! Thằng Phú liếc nhìn cánh cửa hông thông lên nhà trên của bà Hương Văn – tự nãy giờ vẫn đóng im ỉm– một cách e dè. Biết đâu thằng Trường hay huyện ủy Quý nãy chừ nấp trong nhà thấy nó lục lọi trong lu gạo. Thằng Phú xốc đứa em nhỏ, rón rén bước ra đường. Nó nghe ơn ớn ở chỗ mấy bãi nước dãi trộn lẫn hột keo đang se dần lại trên lưng nó.

Không biết đám biệt kích tỉnh có làm ăn được gì không mà mới chập tối đã nghe tiếng loa oang oang của anh Thôi kêu mọi người đi dự phiên xử của Tòa Án Nhân Dân. Anh Thôi là nhân viên thông tin của xã ăn lương "Quốc Gia." Dạo sau này anh kiêm luôm chức vụ thông tin liên lạc cho Mặt Trận, lương hướng bao nhiêu thì không ai biết. Thực ra nhiệm vụ của anh cũng dễ thôi! Chỉ cần đổi cách xưng hô từ "yêu cầu toàn thể đồng bào" sang "yêu cầu toàn thể nhân dân" là xong ngay. Hôm nay anh yêu cầu toàn thể "nhân dân" có mặt tại đình Tứ Điện để tham dự cuộc xử án Trần Tư Giá, phụ tá tài chánh kiêm quản trị lò gạch công cộng của xã. Thằng Phú có nhiệm vụ đi thế mẹ nó. Mỗi nhà phải có ít nhất một người hiện diện.

Đình Tứ Điện nằm dưới gốc một cây "gạo" sum suê mà phần gốc được phủ đầy bởi những ông bình vôi sứt mẻ và những ông táo, vòng kiềng nấu bếp đen kịt. Những đồ thờ cúng lỉnh kỉnh trong ngôi đình ba gian được dẹp đi đâu không biết. Trên vách tường gian giữa là chiếc cờ đỏ búa liềm ngự chễm chệ phía trên lá cờ nửa đỏ nửa xanh của Mặt Trận. Vị chánh án mặt mày xương xẩu, đen đúa mặc chiếc áo len đỏ có những sọc nổi vặn vẹo hình con rết ngồi trước chiếc bàn nhỏ xem lại mớ giấy tờ. Bị cáo đứng gần một cây cột đình, nhỏ thó, lơ láo, thỉnh thoảng đưa hai bàn tay trói chặt với nhau lên gãi gãi vào mặt. Một giải phóng quân cầm súng canh bị cáo, khuôn mặt nghiêm trọng.

Phiên tòa bắt đầu. Ông chánh án đọc bản cáo trạng dài ngoằng, nhưng thằng Phú chẳng nghe được gì hết. Nó đang nhìn con Xuyến. Con nhỏ này học sau nó một lớp ở trường tỉnh, nhà ở gần nhà nó. Thằng Phú đưa tay giật nhẹ một món tóc của con Xuyến. Con nhỏ quay lại, cặp môi chu ra

sẵn sàng để gây gỗ bỗng nở ra thành nụ cười bẽn lẽn khi chủ nhân của chúng nhận ra thằng Phú. Lúc này bản cáo trạng đã đọc xong, đến phiên "nhân dân" đóng góp. Một chị chừng mười bảy tuổi đưa tay phát biểu. "Tên ác ôn Trần Tư Giá có lần đòi xáng hòn gạch vô mặt tui. Tui còn nhỏ mà hắn bắt tui phải rinh một lần mười cục gạch!" Một người khác tố cáo bị cáo đã ỷ quyền thế đòi ăn hối lộ cặp gà mới chịu chứng giấy làm khai sinh tòa án cho con của bà ta. Ngoài ra còn vài vụ xích mích lặt vặt giữa Trần Tư Giá với mấy người trong làng cũng được đem ra mổ xẻ. Cuối cùng thì ông ủy viên Mặt Trận phải tuyên bố là ngoài các tội lỗi ghê gớm kể trên, bị cáo còn mang tội làm tay sai cho bè lũ bán nước, tức là phụ tá ủy viên tài chánh xã kiêm nhân viên quản trị lò gạch cộng đồng. Ông đề nghị nhân dân tuyên án tối đa tên ngụy có nợ máu với nhân dân này để làm gương. Chị tre trẻ hồi nãy đòi xử tử hình! Có tiếng xì xào trong số thính giả. Thằng Phú nghĩ thầm trong bụng, "Vậy là chết cái lão Giá rồi. " Nó không ưa lão này, có lần nó vô vườn mía của lão bẻ có hai cây mía mà lão vác gậy rượt nó thiếu điều muốn ná thở. Chương Một Mắt, ủy viên thanh thiếu niên Giải phóng đề nghị Cách mạng khoan hồng cho bị cáo học tập cải tạo cho đến ngày thành công rồi hãy đưa ra xét xử. Mọi người hình như có vẻ hài lòng với bản án này. Ông ủy viên tuyên án đúng như anh Chương đề nghị. Anh sướng quá, mặt mày dáo dác, nhìn ngang nhìn ngửa, con mắt trái đục lờ thiếu điều muốn nhảy ra ngoài.

Trên đường về, con Xuyến phàn nàn: "Ông Giá có làm chi mô mà bắt người ta!" Thằng Phú làm ra vẻ thông thái, trả lời: "Không có chó bắt mèo ăn cức chớ chi. Mấy ông đại diện với tư pháp xã chạy về quận hết trơn, thì cha Giá lãnh tội chớ còn ai vô đây!" "Thấy ổng tội nghiệp quá hà," con Xuyến than thở. Con nhỏ này thì cái gì cũng tội nghiệp! "Chắc họ nhốt ổng mấy bữa rồi thả ra, Xuyến đừng có lo," thằng Phú an ủi. Thằng Phú hoang đàng nghịch ngợm có tiếng, cả làng cứ kéo tới nhà mẹ nó mắng vốn tối ngày. Vậy mà đối với con Xuyến lúc nào nó cũng dịu dàng, cái mới lạ! "Lão Chương Một Mắt bữa ni ngon dữ," thằng Phú nhận xét. Con Xuyến chợt dừng bước, giật giật lưng áo thằng Phú:

"Ông Chương nói sẽ họp kiểm thảo anh Phú đó."

"Kiểm thảo chi?"

"Thì ai biểu anh đánh thằng Hải, hắn đi báo cáo ông Chương."

"Cái thằng đó ỷ có cha đi tập kết, nói xấu ba anh thì anh đánh hắn chớ răng!"

"Ông Chương nói anh có đầu óc chống phá cách mạng."

"Răng Xuyến biết?"

"Thì ông Chương nói với mẹ em đó!"

Thím Bích góa chồng năm sáu năm nay, lão Chương cứ theo cà rà mãi, có chuyện gì cũng đem kể lể để làm quà.

"Rồi thím có nói chi không?"

"Mẹ em nói thằng Phú con nít biết chi mà chống với phá, nói rứa tội nghiệp hắn. Ông Chương nói biết mô thằng Phú giống cha hắn không chừng!"

Thằng Phú thấy tức trong bụng. Ba nó mà có ở đây thì ông nội lão Chương cũng không dám hó hé. Mà ba nó đi đâu mất tiêu mấy năm nay, bỏ mẹ con nó côi cút, ai cũng hiếp đáp được hết. Thằng Phú cắm cúi bước đi, lòng nặng trịch. Con Xuyến lúp xúp chạy theo, nói nhỏ:

"Mẹ em nói anh Phú đừng có cứng đầu với mấy ổng, rủi có chuyện chi tội nghiệp thím Út."

"Chuyện chi là chuyện chi?"

Thằng Phú trả lời cấm cẳn rồi bỏ đi một nước. Ánh trăng hạ tuần đẩy bóng nó ngã dài, nhảy nhót trên những bụi cây ven đường. Bỗng nó ngừng lại, nghe ngóng. Có tiếng vật gì đang xé gió kêu u u trên đầu nó. Thằng Phú cắm đầu chạy ngược lại con đường lúc nãy, miệng kêu lớn "Xuyến ơi Xuyến ơi!" Con Xuyến đứng nép vào hàng rào keo cạnh bờ giếng, hai tay bưng chặt lấy tai, thân hình run rẩy. Thằng Phú nhào lại ôm chặt lấy con Xuyến cùng lúc viên đạn trái phá nổ đánh ầm ở một nơi nào đó gần bờ sông Cái. Lại có tiếng đạn trái phá kêu xè xè trên đầu. Kinh nghiệm cho thằng bé mười bốn tuổi biết rằng lần này đạn sẽ nổ gần hơn. "Hắn kêu u u thì còn đỡ, kêu xè xè là đang chúi xuống, mi lo mà nằm xuống đi," chú Năm Hổ dặn nó như vậy. Hai tiếng nổ choáng óc vang lên trước sau chỉ có vài giây, khu đầu làng sáng rực lên trong khoảnh khắc và mặt đất rung lên như động đất. Có tiếng con Xuyến khóc thút thít, đòi về nhà. Thằng Phú gắt, "Nằm im đó. Bộ Xuyến muốn chết răng mà đòi về!"

Cuộc oanh kích kéo dài khoảng mười lăm phút. Những viên trái phá được gởi đi từ những họng đại pháo bố trí ở một nơi nào đó trong quận lỵ cách ngôi làng của thằng Phú trên mười cây số đường chim bay tiếp tục kêu u u, xè xè trên đầu hai đứa trẻ và nổ tung chung quanh chúng cùng với những bụng lửa sáng lòa và mặt đất nghiêng ngả như đang dậy sóng. Thằng Phú tựa lưng vào hàng rào "keo" lởm chởm, ôm chặt thân hình run rẩy của con Xuyến vào người. Chen lẫn giữa những tiếng nổ là tiếng thở hào hển đứt quãng của hai đứa bé trong nỗi kinh hoàng. Chúng chia tay nhau ở bờ giếng sau đó, ù té chạy về nhà của mình. Ở đó, có mẹ của chúng đang lo lắng mong đợi chúng, nếu chính họ may mắn không bị tên bay đạn lạc.

Thằng Phú giật mình choàng tỉnh. Lưng nó ướt sũng mồ hôi dính vào

chiếc chiếu cũ mèm trải trên miếng vạt giường làm bằng những thanh tre mỏng rít chịt. Lỗ tai vẫn còn lùng bùng bởi tiếng đạn trái phá hồi chập tối khiến nó không hiểu chuyện gì xảy ra. Nó dụi mắt và nhận ra dáng người nhỏ thó của mẹ nó đang cúi xuống lay nhẹ vai nó.

"Con dậy xuống bếp rửa mặt cho tỉnh táo lên mẹ biểu." Mẹ nó thì thào.

"Chuyện chi rứa mẹ? Con buồn ngủ quá mà!" Thằng Phú cằn nhằn.

"Dậy mau đi." Mẹ nó thúc, giọng vẫn thì thào nhưng quyết liệt.

Lúc thằng Phú trở lên nhà trên, nó bắt gặp mẹ nó đang ngồi khóc thút thít trên chiếc chõng tre ọp ẹp của nó.

"Chuyện chi rứa mẹ?" Thằng Phú lo sợ hỏi.

"Chút nữa chú Năm Hổ qua dẫn con đi ra bến đò Phong Thử. Con đón xe ra Đà Nẵng để chị Giang đưa con đi Sài Gòn."

Tự nhiên lại đi Sài Gòn! Thằng Phú thích đi Sài Gòn lắm, nhưng mà tại sao lại đi Sài Gòn bây giờ?

"Răng phải đi gấp rứa mẹ?"

"Mi mà còn ở đây mấy ổng bắt mi đem xử tội?"

"Con có làm chi mô?"

"Mi chửi lính huyện đội, đòi oánh người ta hộc máu!"

"Tại thằng nớ gây sự trước chớ bộ! Con qua thím bảy Vượng kiếm thằng Mỹ chơi, hắn nói giặc Mỹ ở bên Mỹ chớ đâu ở đây mà kiếm. Hắn ỷ có cái "sào đuổi vịt" đó rồi làm trời. Cái mặt thằng nớ mà không có súng con đá một cái hộc máu." Thằng Phú gân cổ cãi.

"Thôi đi. Còn thằng Hải con cán bộ tập kết mắc chi mi oánh hắn?"

"Tại hắn nói ba là đồ phản động chi! Mẹ nói hồi đó ba là anh hùng kháng chiến đánh giặc bị thương mà!"

"Đó là hồi nớ, bây chừ khác rồi."

Mẹ hắn nói tiếp:

"Chú Năm Hổ nói huyện ủy Quý nghi mi do thám cho Quốc Gia! Mi vô nhà Hương Văn lục lạo lão thấy hết!"

Vậy là lão Quý trốn trong nhà Hương Văn sáng nay rồi, thằng Phú nghĩ thầm.

"Mà con có lấy chi mô! Con kiếm đồ ăn thôi mà!"

"Mi đi kiếm mấy ổng mà cãi," mẹ nó gắt.

Thằng Phú nghĩ bụng nếu gặp huyện ủy Quý thì nó cũng cãi tuốt chớ sợ chi! Cùng lắm ổng móc súng ra dọa cho nó sợ rồi cũng tha thôi chớ không lẽ ổng bắn nó. Mới hai tháng trước đây, mấy ông bên phe Quốc Gia cũng làm dữ với nó mà có sao đâu! Hôm đó cơn bão ở đâu kéo qua tỉnh lỵ nơi nó trọ học, trời mưa tầm tã, gió mạnh làm tróc nóc mấy lớp

học, trường cho học trò nghỉ mấy hôm để sửa chữa. Thằng Phú nóng ruột mẹ và em nó, lội bộ mấy chục cây số về nhà. Cảnh hoang tàn dọc con đường về làm nó càng lo hơn, cứ muốn chạy về nhà cho nhanh. Về đến chỗ giáp ranh của Đông Đài và Định An, thằng Phú bắt gặp một nhóm người mặc bà ba đen mang súng tiểu liên thấp thoáng trong mấy khu vườn đổ nát. Thằng Phú làm ngơ, tiếp tục dấn bước. Được một quãng, hai người đàn ông trung niên mang tiểu liên Tôm Xông ở đâu không biết xuất hiện ngay trước mặt nó. Người mập lùn cất tiếng hoạnh họe:

"Mi ở mô về đây?"

"Tui đi học dưới Hội An về."

"Mi về mô?"

"Về La Khom chớ về mô." Thằng Phú quạu quọ trả lời.

La Khom là làng của nó, giáp ranh với Định An. Lão mập lùn trừng mắt nhìn nó, tra vấn tiếp:

"Nãy chừ mi có gặp ai mang súng ống như tau không?"

"Có thiếu chi! Mấy ông cu dê đê mang súng ca răng nớp đi đầy đàng dưới kia."

Thằng Phú trả lời, tay chỉ về hướng nó vừa đi qua. Cu dê đê là chữ tắt của Quốc Dân Đảng, thằng Phú nghe người ta kêu như vậy thấy ngô ngộ nên bắt chước. Lão mập lùn biến sắc, nạt lớn:

"Mi nói cái chi bậy bạ đó!"

Tự dưng lão nổi quạu, kéo tai thằng Phú đau điếng, dúi nó vào vách tường của trạm thông tin cạnh đó. Lão kéo cò khẩu tiểu liên kêu rôm rốp, chỉa mũi súng vào ngực nó, quay qua người đồng hành, một lão ốm nhách mặt mày sần sùi tự nãy giờ im như thóc, nói:

"Tui làm thằng ni nghe anh Ba? Để hắn về trên kia nói bậy nói bạ không được đâu."

Thằng Phú dương mắt nhìn mũi súng đen ngòm, thấy ơn ớn, nhồn nhột trước ngực. Lỡ mà lão mập bóp cò một cái thì rồi đời! Mà không biết tại làm răng khi không lão lại nhảy dựng lên rứa không biết. Nó đưa mắt nhìn lão ốm nhách, hy vọng lão nói đỡ cho vài câu. Lão ốm vẫn làm thinh quan sát nó. Cuối cùng lão lừ lừ bước đến gần, mở miệng:

"Mi con cái nhà ai?"

"Tui con ông Út Giỏi," thằng Phú lẹ làng trả lời.

"Mi con Út Giỏi thiệt hả?" Lão mập vọt miệng hỏi.

"Cha mi đang làm chi trên nớ?" Lão ốm hỏi tiếp.

"Tui đâu biết. Ba tui bỏ đi đâu mấy năm ni rồi."

"Rứa là đúng rồi," lão ốm nhách quay lại nói với bạn mình.

Lão quay qua nói với thằng Phú:

"Mi về trên nớ không có nói bậy bạ coi chừng mất đầu như không nghe chưa!"

Thằng Phú làm thinh làm thế quày quả bước đi, nghe ơn ớn sau lưng. Đi dược một quãng khá xa, nghĩ bụng hai lão đó không đuổi kịp, nó la lớn "Tổ cha mấy người ỷ lớn ăn hiếp con nít" rồi ù té chạy.

"Con mà không đi cho lẹ thì nguy lắm. Chú Năm Hổ nói ..."

Bỗng nhiên mẹ nó ngừng bặt. Có tiếng sột soạt như vuốt mèo cào nhè nhẹ trên tấm cửa liếp ở nhà bếp. Hai mẹ con rón rén đi xuống phía nhà bếp, ngọn đèn dầu tù mù trên tay mẹ thằng Phú chao qua chao lại như muốn tắt. Mẹ nó cất tiếng hỏi nhỏ:

"Ai rứa?"

"Tui Năm đây chị Út."

Chú Năm Hổ len qua tấm phên đóng khung bằng những nẹp tre mỏng một cách gọn gàng. Chú trừng mắt nhìn thằng Phú nạt nhỏ:

"Mi hoang đàng chi địa làm khổ mẹ mi, mi có biết không?"

Thằng Phú cúi mặt nhìn xuống đôi chân sứt sẹo, im thin thít. Chú Năm là xã đội trưởng du kích. Nghe nói hồi Kháng chiến chú ở trong tổ của ba nó, hai người thân nhau như anh em. Từ hồi ba nó bỏ đi, mấy ổng về làng thường xuyên, chú Năm ra coi đội du kích của xã. Khi nào lính Quốc Gia lên thì chú Năm đi theo mấy ổng rút đi đâu mất biệt. Có lần chú rút không kịp, mẹ nó đưa chú vào trốn trong hầm trú ẩn nhà thằng Phú. Chú thường hay giúp mẹ thằng Phú những công chuyện lặt vặt như leo lên mái nhà thay tấm tranh cũ nát hay ra ngoài vườn đốn tre chẻ lạt đan cái rổ mới cho nhà nó. Đôi khi chú nhìn thằng Phú chăm chú rồi quay lại nói với mẹ nó, "Thằng ni giống anh Út như đúc." Thường thì mẹ nó trả lời bằng nụ cười buồn bã.

Chú Năm quay qua mẹ nó, hỏi:

"Chị Út sửa soạn xong chưa tui đưa hắn đi cho rồi. Trời sắp sáng bét rồi dó!"

Mẹ thằng Phú quày quả đi lên nhà trên, trở lai với cái túi xách bằng cói trên tay. Bà đưa chiếc túi xách cho thằng Phú, dặn nhỏ:

"Có lá thơ của mẹ viết cho chị Giang trong nớ, con nhớ đừng làm mất nghe."

Quay qua chú Năm, bà nói:

"Thôi trăm sự nhờ chú. Thằng Phú còn nhỏ dại có biết chi mô..."

Câu nói bị cắt ngang bởi tiếng nấc nhỏ. Thằng Phú nhìn lên, bắt gặp cặp mắt sũng nước của mẹ. Tự dưng mắt nó nhòe đi, tay nó níu lấy vạt áo

của mẹ nó không muốn rời. Chú Năm Hổ đẩy nó ra cửa, nói nhỏ:

"Thôi đi đi Phú!"

"Khoan đã chú!"

Thằng Phú lật đật chạy lên nhà trên, len lén bước vào buồng ngủ của mẹ nó. Đứa em nhỏ ba tuổi của nó nằm co quắp trên chiếc chõng tre, ngủ say mê. Nó cúi xuống hôn lên trán em mình, nói nhỏ "Thôi anh đi nghe," rồi len lén bước ra.

Thằng Phú ngập ngừng bước theo chú Năm Hổ, thỉnh thoảng quay lại nhìn về phía cánh cửa liếp bây giờ đã khép lại. Nó biết chắc có đôi mắt ướt đẫm nước mắt của mẹ nó ở đàng sau cánh cửa đang dõi theo từng bước chân của mình.

Còn khoảng hơn một cây số nữa thì sẽ tới bến đò. Thằng Phú mà qua lọt tới bờ bên kia là kể như thoát nạn. Chú Năm dã quay trở lại sau khi dẫn nó đi xuyên qua làng, chui vào khu vườn sau của ông Hương Trà, băng qua đám mía mật rậm rịt của lão Xã Hành để tránh đám anh em trong đội du kích của chú. Lúc chia tay, chú chỉ nói "Chú gởi lời thăm cha cháu mạnh giỏi" rồi mất hút trong đám mía dầy đặc.

Thằng Phú lủi thủi bước trên con đường rợp bóng tre. Ánh trăng hạ tuần ném những mảng ánh sáng yếu ớt xuống con đường đất mấp mô. Chân nó vấp phải một mô đất, đau điếng. Nó tức giận nghĩ đến khuôn mặt láu cá của thằng nhóc có cây súng dài như sào đuổi vịt. "Cái mặt nớ tau đá một cái là hộc máu," thằng Phú lẩm bẩm. Nó lại nghĩ đến hai người đàn ông đã chận nó lại ở ranh giới làng Định An và Đông Đài. "Đồ người lớn ăn hiếp con nít!" Nó nhớ lại nhân dáng nhỏ thó và khuôn mặt chịu đựng của lão Giá, thỉnh thoảng đưa hai bàn tay bị trói lên mặt gãi gãi. Rồi khuôn mặt lạnh tanh của chị tre trẻ đẹp ở Tư Phú, "Tui đề nghị tòa án Mặt trận xử tử tên ác ôn Trần tư Giá để làm gương!" Rồi tiếng u u xè xè của những viên đạn trái phá trên đầu nó lẫn với tiếng thút thít của con Xuyến đang nằm run rẩy trong lòng nó, "Xuyến muốn về nhà!" Rồi tiếng mẹ nó than thở, "con tui còn nhỏ dại có biết chi mô..." Bỗng dưng thằng Phú nghe có tiếng chân ai nện thình thịch ở phía sau. Nó hoảng hồn quay lại nhìn. Mặt trăng đã biến đi dâu mất. Con đường sau lưng nó vắng tanh. Xa hơn nữa, phía trên cái rặng tre xám xịt nó vừa đi qua là dãy Trường Sơn với ngọn núi Quắp sừng sững dọa nạt. Và vắt ngang đỉnh núi Quắp là dải mây đen kịt, bằng tam tấp như dải lụa đen ai kéo ngang chân trời. Mây thành, nó nghe người lớn gọi như vậy.

Thằng Phú quay lưng hướng về phía bến đò. Bỗng dưng tai nó ù đi. Âm vang những bước chân của chính nó dội lên như tiếng trống làng,

qua biển về đây

NGUYỄN NAM AN

Qua biển về đây, mưa ào ào nhớ
Đi đâu tìm gì tạm bợ hôm nay
Phố cũ và cây mây bay xuống thấp
Lạ con mắt người lạ nắng mưa đây

Chân bước trên mây, lòng rầu nhớ xuống
Một hướng về tây, đêm thúc muộn chờ
Chia những múi giờ em con mắt sợ
Chợt tôi bềnh bồng đi ở bơ vơ

Ngày ở Portsmouth mưa ào ào nhớ
Qua mấy từng mây che núi che sông
Che vọng động đêm em lòng con sóng
ở lại thì thầm một khúc trông mong

Giờ ở hay đi vẫn bềnh bồng đó
Chẳng ai tiễn người một chuyến xe ra
Thêm một chuyến bay một phi trường lạ
Một ga giang hồ, tôi ngó chân qua.

phóng lớn mãi ra thành tiếng sấm gầm ghì. Nỗi kinh hoàng mênh mông như bầu trời xám trên cao úp chụp lên đầu thằng bé mười bốn tuổi, sinh ra trong căn hầm tránh bom ở vùng tản cư thời Kháng chiến, lớn lên cùng với tiếng bom rơi đạn réo, cùng với hoang tàn của chiến chinh và điêu linh của lòng người. Nó ngã khuỵu xuống trên đám cỏ mềm cạnh bờ sông, miệng kêu nhỏ, "Mẹ ơi!"

Bờ sông vắng tanh, rặng tre đen thẫm phía sau đứng im lìm, và ở phía chân trời, dải mây thành đen kịt vẫn sừng sững vắt ngang dãy Trường Sơn như đã ngàn năm.❐

Mưa

Ngô Nguyên Dũng

"Tôi lại thấy cha tôi đứng bên cánh cửa dẫn ra vườn sau. Khuôn mặt ông an lành, bình thản. Tia mắt đầy sức sống xoáy nhìn tôi, sâu hút, nghiêm nghị. Sau một đổi chết lặng, tôi từ từ nhận ra những nét thân quen trên gương mặt cha đã nhiều năm xa cách. Không gian những năm xưa rập rờn hiện về. Tấm ảnh cha tôi, đầu đội nón nỉ, khoác măng-tô, đứng trên vỉa hè một góc phố Paris vào thập niên 30. Tôi đã tìm thấy nó trong mớ ảnh lưu niệm gia đình cất bừa bộn trong thẩu sành. Nét mặt cha sáu mươi năm về trước và trong những lần hiện về bên cửa mấy hôm nay chẳng có gì thay đổi. Sự sống và cái chết, sum hợp và ly biệt hoàn toàn không còn ranh giới. Tôi run run giơ tay về chỗ cha đứng. Ông thản nhiên như không thấy tôi, nhẹ nhàng lách người qua khe cửa, mất dạng. Tôi ứa nước mắt ngẩn ngơ trước thái độ gần như từ chối ấy..."

Đặng Tường viết tới đấy, buông bút, ngước mặt nhìn sang chỗ chàng thường thấy hồn ma cha hiện về mấy ngày qua. Chàng không kể cho Trầm Hương nghe chuyện này, vì biết nàng sẽ cho đó là chuyện hoang đường. Riêng cảm giác Đặng Tường khi gặp lại cha là thứ cảm giác lẫn lộn giữa e dè và thương mến, hoang mang ngờ vực ở thị giác mình.

Có tiếng chuông điện thoại reo vang. Đặng Tường lẩm bẩm:

- Lại anh chàng ký giả Trần Vỹ.

Chàng nhấc ống, "a-lô" một tiếng, chờ nghe giọng kể liếng thoắng của gã. Nhưng không, một giọng trẻ con khe khẽ cất lên bên kia đường dây:

- Mama.

Đặng Tường ậm ừ, không biết phải nói gì. Giọng nói lại ngập ngừng vang lên:

- Mama, Tutu đây...!

Đặng Tường nói bằng tiếng bản xứ:

- Đây là nhà của bà Trầm Hương, chủ nhiệm bán nguyệt san *Văn Đàn*.

Giọng nói rụt rè:

- Tutu muốn nói chuyện với mama Hương.

Đặng Tường bối rối:

- Bà Trầm Hương không có nhà, cậu bé là ai, tìm bà Hương có chuyện gì?

Một thoáng im lặng, rồi giọng nói chậm chạp vang lên, cố gắng giải thích:

- Tutu là.. là... con của mẹ Tầm và của.. của... mama Hương.

Đặng Tường không hiểu gì cả, buông một tiếng ngắn:

- Sao?

- Hôm nay là.. là... sinh nhật của Tutu, sao chưa thấy mama Hương tới? Mẹ Tầm đang làm bếp, một mình Tutu gọi phôn cho mama Hương.

Nhiều nghi vấn nẩy ra trong trí Đặng Tường. Trầm Hương chưa hề kể chàng nghe về một đứa con có tên Tutu. Nhưng tại sao lại có thêm "mẹ Tầm"?

Đặng Tường hỏi tới:

- Cậu bé là gì của bà Trầm Hương?

Cậu bé còn đang lắp bắp "là.. là...", thì Đặng Tường nghe thêm một giọng đàn bà hoảng hốt dội vào ống nghe:

"Tutu, làm gì đó? Thôi, chết rồi."

Tiếp theo là tiếng cúp máy khô khan. Đặng Tường ngẩn người nhìn chăm chăm vào ống nghe, áp tai vào lần nữa. Chỉ còn lại tràng âm thanh đều đặn, buồn buồn. Chàng không tin vào mắt, tai mình, gác máy, trở lại bàn ngồi trước tập giấy dập xoá lem nhem.

Đặng Tường ngồi như thế, không biết bao lâu, khi nghe tiếng cửa mở, chàng nhìn đồng hồ, thấy đã gần 11 giờ đêm. Có tiếng Trầm Hương càu nhàu:

- Nhà cửa gì mà tối om thế này? Tường ơi!

Đặng Tường vẫn ngồi im, chụp đèn soi một vũng sáng yếu lên trang giấy, lên một phần mặt chàng lạnh lẽo. Trầm Hương bước lại, choàng tay ôm lấy Đặng Tường, kê đầu lên vai chàng, nhìn xuống tập bản thảo, giọng đùa cợt:

- Hôm nay thời tiết cảm tính Tường ra sao?

Đặng Tường định không trả lời, nhưng thấy có vẻ trẻ con nên nắm tay Trầm Hương, hờ hững:

- Lúc mưa lúc nắng, đang có cảm hứng thì tắt ngang.

- Sao vậy?

Đặng Tường hỏi lảng:

- Em ăn cơm tối chưa?

- Rồi, qua loa.

- Đói không?

- Không đói lắm. Tường không cần hâm lại cơm, em ăn một trái táo trước khi ngủ là đủ.

Nói xong, Trầm Hương bước lại bàn điểm trang, ngồi xuống, lau vội dấu phấn son trên mặt. Đặng Tường nôn nóng, chỉ muốn chất vấn Trầm Hương ngay về mẩu điện thoại kỳ lạ chiều nay. Nhìn sang, chàng thấy gương mặt người tình trần trụi phản chiếu trong gương, chợt nhận ra rõ rệt khoảng dị biệt mười năm giữa hai người. Sau một ngày làm việc dài, sắc diện Trầm Hương trở nên nặng nề, u ám; tia mắt nàng đục lờ như của con cá mắc lưới. Đáy lòng Đặng Tường chợt dấy lên một xúc động kỳ quặc. Không phải thứ tình yêu sôi nổi, cuồng nhiệt giữa một người đàn bà từng trải và một người đàn ông chưa hết thanh xuân, mà là nỗi rung cảm tựa như thương hại. Lần đầu tiên Đặng Tường tự đặt nghi vấn về liên hệ tình cảm giữa chàng và Trầm Hương. Một thoáng ngờ vực dâng lên. Chuyện chàng về đây sống chung với Trầm Hương ngần ấy năm trời, đúng hay sai? Cả việc chàng thù tạc với văn chương, nên hay không? Nếu Đặng Tường không tình cờ gặp gỡ Trầm Hương trong buổi họp mặt văn hữu tối nào, nhịp sống chàng đã khác. Giản dị, êm xuôi, không có những vọng chấp. Nhưng chàng đã muốn vậy mà. Chính chàng đã để cho Trầm Hương khuyến khích, nâng đỡ bước vào nghiệp văn. Chính chàng đã đảm nhận vai trò mình trong đời sống Trầm Hương, như một thứ nô lệ cho tình cảm, vật chất và danh vọng.

Đặng Tường ngẩn người nhận ra những thay đổi trong quan niệm mình. Trầm Hương thấy Đặng Tường ngắm nàng đăm đăm từ nãy giờ với vẻ mặt lắng đọng vô biên như có niềm u uất nào trì nặng, quay mặt hỏi:

- Hình như Tường có chuyện lo nghĩ?

Đặng Tường chớp mắt, ngập ngừng:

- Lúc nãy có... có người gọi điện tìm Hương.

Trầm Hương xoay hẳn người lại, mau mắn:

- Sao bây giờ mới nói?

- Một cậu bé xưng tên Tutu.

Trầm Hường lặp lại cái tên như chưa hề quen, rồi sửng sờ kêu thầm: "Chết rồi, hôm nay là sinh nhật thằng bé."

Đặng Tường tới tấp:

- Tutu là gì của em? Tại sao gọi em là mama?

Trầm Hương nhìn sâu vào hai mắt đầy trách cứ của Đặng Tường, đến bên đặt tay lên vai chàng, nhỏ nhẹ:

- Tường đi theo em, em sẽ kể cho nghe.

Đặng Tường lẳng lặng thay nhanh áo quần. Hai người khoác vội áo choàng mỏng, bước ra. Đêm mùa nắng dịu mát. Đặng Tường ngước mặt,

thấy trời cao vằng vặc tinh tú. Trầm Hương bảo chàng lái xe thay nàng. Vào ngồi trong xe, Trầm Hương xin Đặng Tường một điếu thuốc. Đặng Tường nhìn người đàn bà run tay châm lửa, cõi lòng bật nỗi xót xa như có cơn gió lạnh lướt qua. Chờ cho Trầm Hương bình tĩnh trở lại, Đặng Tường mới nhỏ giọng hỏi:

- Đi đâu?

- Về hướng bắc thành phố.

Đường khuya vắng xe. Lâu rồi, Đặng Tường không còn ra ngoài vào những khi khuya khoắc thế này. Trên đoạn đường chưa biết tới đâu, chàng ray rứt nhớ lại đêm nào xa xưa, chú Hoàng lái xe chở chàng chạy lòng vòng vô hướng trong đường phố Sàigòn trước giờ giới nghiêm. Thuở đó chàng còn nhỏ dại, vô cùng ngạc nhiên khi thấy chú Hoàng cứ hút hết điếu thuốc này tới điếu thuốc khác. Và đôi mắt chú sao long lanh quá. Đặng Tường vẫn còn ghi đậm cảm giác rờn rợn khó tả khi chú Hoàng dừng xe nơi khúc đường vắng, gục đầu xuống tay lái, vai run run. Vị kẹo ngọt trên môi cậu bé Đặng Tường trở nên nhạt nhẽo. Bé Tường giơ bàn tay nhỏ nhắn, vuốt ve bờ vai chú Hoàng, không dám lên tiếng. Chú Hoàng ngẩng mặt. Ánh đèn xe ngược chiều quét lên khuôn mặt chú nhoè nhoẹt nước mắt. Bé Tường thốt khẽ: "Đừng khóc!", rồi luống cuống nuốt trửng viên kẹo xuống bụng... Vài tháng sau chú Hoàng tới từ giã gia đình ba má Tường, cho hay chú sắp đổi xuống một quận lỵ heo hút dưới miền Nam. Bé Tường nghe má hỏi đùa: "Chú buồn tình nên xin đổi đi xa chứ gì?" Chú Hoàng cười khoả lấp. Bé Tường sực nhớ lại thái độ kỳ lạ của chú đêm nào, thầm đoán, "cái nỗi buồn tình" của chú chắc lớn lắm. Độ nửa năm sau, bé Tường hay tin chú Hoàng bị mất tích sau một trận đánh gần biên giới Cao-miên. Từ đó, mỗi lần nhắc tới chú, má lại chép miệng thở dài: "Thiệt tội, số mạng chú rủi nhiều hơn may."

Trầm Hương bảo Đặng Tường dừng xe ở cuối con đường cụt. Trầm Hương bước xuống, lẹ làng rẽ vào một ngôi nhà hai tầng. Đặng Tường thấy ở tầng trên còn ánh đèn mù mù sau khung kính mờ. Chàng lẽo đẽo vào theo Trầm Hương. Người đàn bà ra mở cửa cho hai người có khuôn mặt phúc hậu, dễ gây cảm tình. Thấy Đặng Tường đứng sau Trầm Hương, bà ta kéo lại cổ áo khoác mặc trong nhà, rồi kêu khẽ:

- Sao giờ này mới tới? Nó ngủ mất tiêu rồi!

Trầm Hương chau mày phân trần:

- Nhiều việc quá, quên mất!

- Thôi, lên nhà đi!

Vào nhà, Trầm Hương giới thiệu chị Tầm với Đặng Tường. Chị Tầm gật đầu chào chàng, mỉm cười, ánh mắt dò xét. Chị Tầm mời hai người

vào phòng khách. Chị dợm quay lưng thì Trầm Hương đã lên tiếng ngắn:

- Em và Tường đến thăm chị và Tutu giây lát thôi, chị không cần pha trà, mang nước đâu. Hôm nay cũng là dịp em cho Tường biết chuyện Tutu...

Nói tới đấy, Trầm Hương ngưng lời, đưa mắt nhìn Đặng Tường và chị Tầm. Đặng Tường vẫn im lặng chờ đợi. Nét mặt chị Tầm thoáng hoang mang. Trầm Hương còn đang lựa lời thì chị đã lên tiếng:

- Tutu chờ em từ xế chiều, không chịu ăn cơm tối, bảo đợi mama Hương tới ăn chung cho vui. Cả chiếc bánh sinh nhật, nó cũng không chịu cho châm nến. Cái gì cũng bảo đợi mama Hương.

Vừa nói, chị vừa chỉ ổ bánh kem đặt trên bàn, còn cắm chín cây nến chưa thắp. Chén dĩa, ly tách và khăn giấy vẫn bày biện ngăn nắp chờ đợi. Chỗ Tutu thường ngồi, chiếc hộp âm nhạc còn để đấy. Trầm Hương tưởng tượng ra bàn tay trẻ con nhỏ nhắn, vụng về vặn khoá dây thiều. Hai con ngỗng bằng thiếc trên nắp hộp sẽ quay vòng theo diệu hát "Sinh nhật vui". Ánh mắt Tutu, thường ngày vẫn lờ đờ xa vắng, sẽ rực lên lửa vui. Trầm Hương xoắn lại nắm tay, giấu niềm xúc động. Đặng Tường ngồi cạnh, lặng lờ trông đợi lời giải thích.

Trầm Hương đứng lên, kéo chị Tầm ra hành lang, khép hờ cửa lại. Nàng nở xắc, rút tờ giấy bạc dúi vào tay người đàn bà, nói như xin lỗi:

- Chị cầm lấy, mua quà cho Tutu. Em thật đáng tội!

Chị Tầm vân vê tờ giấy bạc trong tay, thấy Trầm Hương đáng thương hơn đáng trách. Chị thầm thì:

- Anh Tường biết chuyện này chưa?

Trầm Hương lắc đầu lặng lẽ, rồi xoay lưng, rón rén tới mở cửa phòng ngủ Tutu, bật đèn. Tutu đang say ngủ, người cong như con tôm, một cánh tay duỗi ra mặt nệm, trông như gẫy. Gương mặt úp nghiêng, mép môi rỉ một đường nước bọt, sẩm màu trên gối. Trong giấc ngủ, nét mặt Tutu trông an lành như của một thiên thần. Trầm Hương tới gần, khẽ ngồi xuống mép giường, úp tay thằng bé vào lòng tay mình. Nàng rưng rưng nhận ra chút nước mắt đọng nơi khoé mi Tutu. Chiều mưa nhiệt đới ngày xưa hiện về lung linh trong trí nàng. Gió từ khơi xa thốc về từng cơn. Cành lá run bật xao xác chung quanh. Tiếng một con hải âu rời rạc, hốt hoảng trên khung trời tro xám... Sau khi thoả mãn dục vọng, gã đàn ông bản xứ cuống quýt bỏ chạy, bỏ nàng nằm đấy với những vết đau rát da. Mưa xuyên qua lùm cây rậm, nhỏ giọt xuống thân thể nàng. Trầm Hương nằm như thế, rồi ngồi bó gối như thế, run rẩy thất thần như con thú chờ bị xẻ thịt, không biết bao lâu. Khi nàng lê thân tới được cổng chùa thì mưa đã tạnh. Trầm Hương lả người gục xuống thềm đá xanh. Nàng ngước mắt

Thơ lục bát Huệ Thu

Tại sao?

Tại sao không nói với em
tại sao không chịu vuốt lên tóc sầu
rượu nồng, hương dậm bao lâu
tâm cang hồ dễ biết đau một ngày
ngày xưa tay dã cầm tay
chút hơi ấm cũ, giờ đây nguội rồi.

Và mưa thôi mà

Gió dùa thích nhỉ mây bay...
ước chi trọn sáng hôm nay dừng buồn
ước chi trái đất dừng tròn
để cho hạt bụi dừng vương mắt người

Trăm năm ngó lại, xa rồi
một hai phút dợi, chuyện đời nói chưa
còn chi mà thốt mà thưa
mây tan sẽ tụ và mưa thôi mà

thấy tấm bảng gỗ khắc vụng về dòng chữ Hán Việt Liên Hoa Tự lung linh in lên nền trời tái ngoét. Thân xác nàng lênh đênh trôi đi như chiếc thuyền vượt biên trong ngày biển xấu, và chỉ tỉnh lại khi có bàn tay ai lay nhẹ vai. Nét vui sướng lộ trên khuôn mặt từ ái của nhà sư da trắng. Ông nhẩm kêu hai tiếng: "Mô Phật...", rồi hấp tấp gọi chú từ ra dìu Trầm Hương vào trong. Nàng tá túc ở đấy tới ngày thứ ba thì Tính tìm đến. Trầm Hương thuật cho Tính nghe hết tự sự. Người đàn ông độ lượng bảo nàng hãy quên đi, đừng lo lắng gì cả, ông ta sẽ đùm bọc giúp đỡ nàng, coi như không có gì xảy ra. Kể từ đấy, Trầm Hương thường bị ám ảnh bởi tiếng chim hải âu và cảnh tượng tấm bảng gỗ lắc lư chực đổ trong chiều mưa tạnh.

Trầm Hương đứng dậy, tắt đèn, khép cửa lại. Nàng tìm tay chị Tầm, nắm lại, giọng cương quyết:

- Em sẽ kể cho Tường nghe, đêm nay.

Chị Tầm siết chặt tay Trầm Hương, miệng nở nụ cười chia sẻ.❐

(trích đoạn "Trang sách Trầm Hương")

Sinh nhật

Hoàng Nga

- Đêm qua mẹ nằm mơ... -i, nằm mơ... Thật buồn cười...

Thiếu nữ chớp mắt :

- Mẹ thấy gì hả mẹ ? Nhất định không phải là mẹ thấy bố rồi phải không ?

- Không.

Hai mẹ con cười với nhau. Thấy bố chỉ toàn cãi nhau! Chỉ trừ một lần duy nhất trong đời, lúc còn ở Việt Nam, mẹ thấy bố đưa mẹ đi nhảy đầm, sáng hôm sau, nhận được một cái giấy báo bố gửi tiền về. Cả nhà cười ầm ĩ con ạ.

- Mẹ nhớ lúc mình ở Mount K. không ?

- Nhớ.

- Lúc bố với mẹ cãi nhau, con bịt hai tai lại mà vẫn nghe rõ mồn một, cuối cùng chán quá con phải chạy vào trong toilet đóng cửa lại.

- Sao không chạy ra ngoài ?

- Ra ngoài thì con lại cãi nhau với thằng Bobby. Con ghét thằng này nhất trên đời.

Hai mẹ con nằm trên giường. Cô con gái cứ vài phút là lại cầm cái đồ bấm TV lên, bật đổi qua một đài khác. Vẻ bồn chồn như những bài hát điệu Rave hayTechno mà cô vẫn hay nghe. Nàng bảo :

- Mẹ nghe không nổi loại nhạc này. Pop, hay Rock "n" Roll thì còn được. Thậm chí Rap cũng không đến nỗi. Nhưng nghe loại nhạc này sốt ruột quá con ạ.

Thiếu nữ không trả lời mẹ nhưng nhỗm dậy :

- Mummy, đi nghe concert với con không ?

- Ai hát vậy?

Thiếu nữ cười :

- Không phải Lệ Thu, Khánh Ly, Vũ Khanh... của mẹ đâu. Cũng

không phải Robert Palmer hay Phil Collins già ơi là già mà mẹ thích...

Nàng im. Con nàng hay chê nàng nghe toàn những loại nhạc rầu rĩ. Chỉ đỡ rầu hơn nghe vọng cổ một chút thôi. Cô nhận xét. Mà vọng cổ "traditional", nghe thấm thía lắm, mẹ ạ. Chứ mấy bài mẹ thích, bài nào cũng "love sick", buồn thấy mồ. "Anh đi rồi còn ai vuốt tóc". Cần gì phải có người vuốt tóc hả mẹ, vuốt một mình không thẳng thì ra tiệm uốn tóc. Nàng phì cười:

- Mẹ thích nhiều người trẻ khác nữa chứ bộ.

Cô gái cười trả:

- Con biết rồi. Bryan Adams với "everything I do, I do it for you", hay Meat Loaf với "I will do anything for love" chứ gì! Toàn những bài romantic, lãng mạn, nhưng hơi hơi rên rĩ một chút vậy phải không?

Nàng chưa kịp trả lời, thiếu nữ đã diễu mẹ:

- Mẹ tôi, một người phụ nữ Việt Nam, nhỏ con, để tóc ngắn như con trai, biết đánh bài xập xám, biết uống bia chút chút, tuần nào cũng đi nhà thờ, hay cằn nhằn, thích nghe tất cả các loại nhạc buồn, thỉnh thoảng có viết văn làm thơ, lâu lâu nói tiếng Đức bị lộn qua tiếng Anh... Muốn làm quen với tất cả các ông sồn sồn chưa có "dợ", hay bị "dợ" bỏ...

Nàng ký đầu con:

- Bắt chước cô Tú chọc mẹ hả?

Cô gái cười. Rồi khều mẹ:

- Mẹ, mẹ nghe được Janet Jackson mà, phải không ? Hôm nọ mẹ khen cô ấy hát bài where are you now hay đó.

Nàng lót hai tay dưới ót, gối đầu lên, nhìn ngọn đèn thủy tinh với những hoa văn chạm trổ tinh vi trên trần nhà. Nàng ư hử không trả lời. Bài hát có mấy lời hay hay. I regret the day you went away. I was too young to understand my love. Tôi hối tiếc ngày em lìa xa. Tôi đã quá thơ dại để hiểu tình tôi. Where are you now. Bây giờ em ở đâu...

Thiếu nữ nằn nì:

- Mẹ, đi nha mẹ?

- ờ, ờ...

- Mẹ, mẹ phải stop "ờ ờ" mới được. Phải trả lời yes hay no, ja hay nein mẹ ạ. Đi nhé?

Cô chồm lên nhìn mẹ:

- Hôm ấy là ngày sinh nhật của mẹ. Con sẽ mua tặng mẹ một cái vé. Ngồi hạng C. Hơi xa một chút nhưng không sao đâu, con sẽ mang theo cái ống dòm cho mẹ xem cô Janet hát và nhảy.

Cô nheo mắt:

- Mẹ thử nhìn những cái sôi động ở chung quanh mình xem sao đi

mẹ. Không phải cái nào cũng dở cả đâu.

Nàng cười hiền. Cô gái vuốt má nàng:

- Mẹ còn trẻ chán mẹ ạ. Mẹ đừng thèm sống rầu rĩ nữa.

Nàng im. Thiếu nữ ôm cánh tay mẹ, rồi gối đầu lên đó. Nàng úp mũi vào mái tóc dài thơm ngát mùi xà bông mới gội. Ngày xưa trước khi ngủ, nàng hay có thói quen kéo một mảng tóc thoảng hương bồ kết của mình lên mặt. Cái thói quen đó nàng quên đã lâu. Mái tóc không còn dài khi người đàn ông không còn ở bên cạnh. Và mùi hương bồ kết, lá sả cũng đã nhạt nhòa theo thời gian. Lấy nhau chẳng đặng thương hoài ngàn năm. Bỏ nhau đã đặng cũng thương hoài ngàn năm!

Nàng trở lại với giấc mơ của mình:

- Trong mơ sao chẳng bao giờ thấy có màu sắc con nhỉ?

...

- Kỳ, con nhỉ?

- Gì hả mẹ? À, giấc mơ...Mẹ nằm mơ thấy ai vậy?

Nàng diễu hát một câu trong bài hát cô gái vừa nhắc đến:

- If I close my eyes and make a wish, when they open will be you right here with me...

Thiếu nữ cười :

- Mẹ nhất định mơ thấy chú nào rồi. Chứ con đang nằm bên cạnh mẹ, mẹ đâu có cần phải make a wish, con vẫn be right here cơ mà.

Nàng cười :

- Ừ, mẹ đang nghĩ đến một chú xưa như trái đất. Mấy chục năm nay mẹ không nhớ gì đến chú ấy, cũng không nghe ai nhắc nhở, tự dưng lại hiện ra trong mơ của mẹ.

- Thảo nào mà mẹ cười mãi...

Cô mân mê mấy ngón tay của mẹ:

- Chú ấy ra sao hả mẹ?

Nàng lại cười:

- Dĩ nhiên mẹ sẽ nói chú ấy đẹp trai, học giỏi.

- Mà đẹp trai, học giỏi thật không?

- Thật chứ!

- Ái chà, biết con có nên tin mẹ không nhỉ. Should I, mummy?

- Nên, con ạ.

- Thế mẹ có yêu chú ấy không?

- Ư... không biết nữa.

- I got you! Không yêu mà đỏ mặt.

- Bậy. Đỏ đâu mà đỏ. Chỉ thấy buồn cười.

- Sao lại buồn cười hả mẹ?

- Cái kỷ niệm ngày xưa với chú ấy...

- Good hay là bad memory? Kỷ niệm đẹp hay xấu hở mẹ?

Nàng mơ màng:

- Ngày xưa, mỗi tuần, mẹ chỉ được học chung với chú ấy một buổi. Buổi chiều thứ sáu. Con biết không, trưa thứ sáu nào cũng đạp xe đi học thật sớm. Áo dài lụa trắng ủi láng bóng như mới vừa lấy ở tiệm về.

- Cái áo đẹp nhất của mẹ phải không?

- Dĩ nhiên phải là cái áo đẹp nhất chứ con.

- Thời nào, ở đâu cũng giống nhau mẹ nhỉ?

- Ừ. Nhưng cái thời của mẹ thì nắng mưa gì cũng đạp xe đi học thật sớm, chú ấy cũng đến trường bằng chuyến xe sớm nhất, ngồi chờ mẹ ở bên kia công viên, đối diện với cổng với nữ sinh, mà chỉ để ngó nhau một cái, cuống quít vội vã, rồi... mạnh ai nấy về lớp mình. Không dám mặc áo đẹp nhất xong ngang nhiên tới trước mặt người ta, hỏi,"how does it look?"

Thiếu nữ cười. Giọng cười bồi hồi. Dễ thương quá hả mẹ. Mẹ biết không, sáng nào đưa dùm con bé con cô Tú đi nhà trẻ, con cũng thấy có một đứa con trai cùng tuổi với nó đứng chờ nó ở cổng. Thằng bé ga lăng hết cỡ mẹ ạ, nó chờ con bé để xách dùm cái bịch thức ăn trưa. Rồi nó còn khoe với con, con bé là "freundin", bạn gái của nó nữa. Hai mẹ con cười dòn. Thiếu nữ vuốt ve những sợi gân xanh trên bàn tay mẹ:

- Mẹ với chú ấy có bao giờ nói chuyện với nhau không?

- Có.

- Ai làm quen trước?

- Chú ấy.

- Á hà, gan nhỉ? Làm quen như thế nào hở mẹ?

Nàng cười, kể:

- Một buổi sáng không nhớ là mẹ đi cộng sổ hay đi làm báo cho lớp mẹ, mà phải ở lại trưa trong trường. Lúc đang ngồi với một cô bạn ở cuối lớp, mẹ bỗng giật mình vì thấy chú ấy xuất hiện ở ngưỡng cửa. Chú ấy nhìn mẹ, mỉm cười... Trời đất ạ, mẹ cuống cuồng, không biết phải làm sao.

- Sao thế mẹ?

- Thì... sợ chú ấy tới bắt chuyện chứ sao!

- Lâm ly nhỉ? Rồi chú ấy đến bắt chuyện với mẹ không?

- Có. Nhưng không phải để bắt chuyện, mà đến thẳng tới chỗ mẹ ngồi, không nói năng một tiếng nào, chỉ thả vội lên mặt bàn một nắm kẹo. Rồi... đi ra.

Cô gái kêu lên:

- Trời ơi, giống truyện phim trinh thám!

Nàng huých chõ vào hông con:

- Love story mà dám bảo phim trinh thám.

Thiếu nữ cười:

- Love story gì mà chẳng nói năng câu nào! Thời của mẹ là hết... phim câm rồi chứ bộ.

Nàng phì cười. Hai mẹ con nằm duỗi thẳng chân. Thiếu nữ ngó lên trần nhà, còn nàng thì nhắm chặt mắt lại như cố làm hiện lên cái quãng đời vàng óng của mình. Nàng nhận ra một điều là không chỉ ở trong mơ, mà trong đôi mắt nhắm cũng không có màu sắc. Nhưng không có thì mặc không có. Bởi vì chưa có cái đất nước nào trên cõi đời này dám đặt ra luật cấm, không cho con người ta tưởng tượng ra màu sắc. Nhất là trong mơ và trong đôi mắt nhắm có dính dáng đến một cái quá khứ đẹp. Cô gái lại hỏi:

- Sao nữa mẹ? Chẳng lẽ tới đó là the end rồi sao?

Nàng mở mắt ra, cười:

- Còn nhiều chứ.

- ???

- Sau đó là làm quen thật. Có nói chuyện đàng hoàng. Và có một buổi tối chạy giặc chung với nhau nữa.

Thiếu nữ gật gù:

- Đến cái chương này mới có thể tính là love story. Hơi hơi giống đoạn Doctor Zhivago gặp nàng Lara!

Nàng gạt ngang:

- Giống đâu mà giống.

- Giống chỗ gặp nhau lúc đang chiến tranh.

- Không giống!

Thiếu nữ dụi đầu vào ngực mẹ, trêu:

- Vậy thì love story của mẹ đâu có mùi mẫn lâm ly gì.

Nàng "hừ" lên nho nhỏ:

- Con chưa nghe mà biết là không mùi.

- Mùi như Hương Lan hát cải lương không?

- Mẹ không biết nữa...

- Rồi sao nữa mẹ?

- Buổi tối hôm đó hai người ngồi với nhau dưới một tàn cây, trên hai khúc gỗ cưa cụt trong một khuôn viên nhà thờ.

- Ghê nhỉ? Ôm vai hay ôm eo hở mẹ?

- Không có ôm gì hết. Ngồi cách nhau bởi một khúc gỗ khác, ngăn ở giữa.

Thiếu nữ cười khúc khích:

- Nghe sao giống cái tựa bài thơ mẹ hay ngâm. Bài "đôi bờ"!

Nàng quay sang nhìn con, ngạc nhiên:

- Ái chà, nhớ cả tựa bài thơ mẹ hay ngâm nữa!

- Thì có lần con hỏi mẹ đấy... Nhưng mà chuyện của mẹ tới đâu rồi?

- Tới chỗ "đôi bờ".

- Không ôm eo, không ôm vai thì làm gì?

- Chỉ nói chuyện suông.

- Thế thì chán chết.

- Thơ mộng vậy mà chán. Nhưng mà có cái này, mẹ kể, không được cười.

Thiếu nữ... phì cười:

- OK.

- Khỉ! Chưa gì đã cười ngoác mang tai thế kia rồi mà dám bảo là OK.

- Promise, không cười nữa. Mẹ kể tiếp đi.

- ... Hai người ngồi dưới bóng cây, tối nhá nhem, mẹ đặt bàn tay lên khúc gỗ "ngăn cách". Trời hơi lành lạnh vì sương đêm. Lúc mẹ định rụt tay về đặt vào lòng, thì bỗng dưng nghe như có bàn tay khác, ấm thật ấm đặt lên trên. Chao ơi, mẹ giật mình, run bắn lên, không dám cựa quậy hay nhúc nhích gì cả. Con thừa biết rồi chứ gì, bàn tay của chú ấy! Nhưng cái điều buồn cười ở đây là cái bàn tay ấy chỉ dám đặt lên trên tay mẹ chứ không dám cầm...

Thiếu nữ không nhịn được nữa, bật cười to. Nàng la lên. Cô gái đưa tay chùi những giọt nước mắt đọng nơi khóe mi:

- I'm sorry, mummy. But I can't stop laughing. Mẹ phải để cho con cười một chút đã.

Rồi cô quay sang ôm chặt lấy mẹ. Nàng la lên như vậy nhưng rồi cũng cười khúc khích với con. Thiếu nữ nhận xét:

- Thấy chưa, có mùi mẫn gì đâu!

Nàng chớp mắt:

- Không mùi, nhưng ngát hương.

Và nàng kể tiếp:

- Qua hôm sau, sinh nhật của mẹ, lẽ ra hai người đã được chạy chung với nhau trên một chuyến tàu rồi... Có lẽ, đến lúc ấy thì sẽ có cầm tay hay ôm vai con ạ. Thế mà bỗng dưng ông ngoại quyết định không đi nữa. Chao ơi đời! Muốn không tin số phần cũng không được con à...

Thiếu nữ nằm im. Nàng thở dài:

- Đấy là lần đầu tiên trong cuộc đời của mẹ, mẹ biết thế nào là chia ly, cách biệt. Buổi sáng hôm ấy là sinh nhật của mẹ, nhưng cũng là cái buổi sáng ảm đạm, u buồn nhất mà mẹ nhìn thấy. Con biết không, chú ấy đứng trên lề đường, dáng hao gầy buồn bã. Mẹ ngồi trên xe, quay quắt

nhìn lại phía sau lưng. Gió từ phía bờ sông thổi lên lồng lộng làm bay những sợi tóc mềm của chú ấy. Bàn tay chú ấy vẫy theo... Nước mắt mẹ nhòe nhoẹt cả hai bên má. Trời ơi, cái bàn tay nồng ấm đặt trên bàn tay mẹ đêm hôm trước, cái bàn tay từ từ dần xa rồi khuất dạng. Các cậu con la lên, anh Nguyễn con trai mà cũng khóc chị Nga ơi...

Thiếu nữ lặng yên, bồi hồi. Nàng để nguyên hai bàn tay mình trên ngực. Tay này níu giữ tay kia, như thể đang tìm lại chút hơi ấm của ngày sinh nhật, hai mươi mấy năm về trước. Thiếu nữ ôm ngang bụng mẹ một lúc lâu rồi nói:

- Chuyện tình nào của mẹ cũng buồn quá. Từ cái mối tình chưa cầm tay này cho đến chuyện của bố...

Nàng im. Thiếu nữ dịu giọng:

- Rồi mẹ xa chú ấy luôn hả mẹ?

Nàng ngậm ngùi:

- Thuở ấy mẹ có chép cho chú ấy bốn câu thơ của ông Tường Linh. Ngày nắng lên rồi lối sỏi bơ vơ. Bến cũ sông xưa hoang vắng đôi bờ. Tóc xõa vai gầy đơn sơ áo trắng. Nhịp guốc khua dòn chừ tựa cơn mơ... Chú ấy bây giờ cũng giống như những nhịp guốc khua dòn của mẹ ngày xưa. Đã xa lắc xa lơ. Đã như mộng như mị. Mẹ đâu có dịp nào để gặp lại chú ấy nữa con...

Tiếng chuông điện thoại ngắt ngang câu chuyện của mẹ con nàng. Thiếu nữ vùng dậy, chạy ra ngoài. Nàng nằm im, lắng nghe tiếng con xì xào nói chuyện với ai đó bằng cái ngôn ngữ mà nhiều người bảo chỉ nên được dùng để đọc diễn văn. Bất giác nàng mỉm cười một mình. Tự hỏi không hiểu người ta có lầm lẫn khi đưa ra cái nhận xét đó hay không. Chứ riêng nàng, nàng thấy tất cả mọi lời tỏ tình, và mọi lời mà người con gái dùng để nũng nịu với người yêu, thì dẫu bằng ngôn ngữ nào, cũng dễ đều thương như nhau.

Nàng nhắm mắt. Chấp chới bay vào cõi mơ với một chùm hoa vàng thời con gái, giữa những tiếng thầm thì, dịu dàng của người thiếu nữ đang ngồi bên điện thoại ngoài phòng khách. ❐

tìm đọc
tháng giêng tháng bảy buồn như nhau
tập truyện đầu tay xuất sắc của
Hoàng Nga
Làng Văn xuất bản. Sách hiện có bày bán tại các hiệu sách

Lục bát 9
ĐỊNH NGUYÊN

Rủ nàng ngắm lục bát trăng
Cho anh chú cuội đối gian một đời
Gốc da hết dúng lại ngồi
Ngóng đêm thiên cổ tơi bời vàng bay.

Rủ nàng lên lục bát mây
Cho anh nguyệt tận buồn ngây mưa hồng
Nhớ nhau ngậm ngải tìm trầm
Trầm chôn cổ tích, ngải chìm ca dao

Rủ nàng xem lục bát sao
Cho anh hoàng hạc bay vào thiên thai
Đôi ta động khóa, non gài
Yêu nhau cho cả trần ai ưu phiền

Rủ nàng về lục bát tiên
Cho anh mở sách khêu đèn liêu trai
Bùa mê viết sẵn lòng tay
Ôm tranh Tố nữ dứng ngoài u minh

Rủ nàng niệm lục bát kinh
Kim Cương tẻ nhạt, Hoa Nghiêm lạnh lùng
Miệng lời Bát Nhã sắc không
Lòng bồ đề rụng vô thường Như Lai

Rủ nàng khướt lục bát say
Cho anh quẳng hết thơ ngây để dành
Vì dâu bóng cứ theo hình
Men không bỏ rượu cho mình quên nhau

Rủ nàng xuống lục bát dau
Cho anh dào thử tình dầu lên xem
Khối tình thơ dại còn nguyên
Chỉ mình ngơ ngẩn vô duyên với tình

Rủ nàng đắm lục bát điên
Cho anh ra biển trầm mình theo mưa
Phách hồn lạc lõng trong thơ
Xác thân hóa thạch vẫn chờ giải oan

Rủ ai vào lục bát cuồng
Cho anh phá nát âm dương tìm người
Đạp tan tiền kiếp luân hồi
Tìm nhau dội đá vá trời cũng cam.

Đọc và cổ động tạp chí Văn Học

Xin bạn đọc yểm trợ tạp chí Văn Học bằng cách:

- Ghi danh mua báo dài hạn (phiếu mua báo ở trang cuối)
- Mua báo năm tặng cho các bạn thân yêu văn chương
- Giới thiệu tạp chí Văn Học với thân nhân, bạn bè.
- Đóng góp bài vở, ý kiến để nội dung tạp chí càng ngày càng phong phú và trang nhã hơn

Riêng bạn đọc đã là độc giả dài hạn, xin tái hạn mua báo kịp thời để bộ sưu tập Văn Học được đầy đủ. Trên nhãn gửi báo ngoài phong bì, hàng số đầu tiên mã số trong danh sách độc giả là thời hạn hết hạn báo. Ví dụ: **5/1/97** có nghĩa là phiếu mua báo của quí vị sẽ hết hạn vào **ngày 1 tháng 5 năm 1997**.

Đường về quê mẹ

Nguyễn thị Long An

Đã ba ngày qua, nhịp sống trái giờ chưa quen, tôi đang tập lần sự bình thường như mọi người, vậy mà đêm nay cũng tỉnh giấc giữa lúc cả nhà đang say sưa trong hơi thở.

Ánh sáng mù mờ tỏa ra từ ngọn đèn nhỏ áp sát tường soi mơ hồ căn phòng gần đầy đủ tiện nghi của người chú dành cho đứa cháu thân thương từ phương xa mới về. Nằm yên trên mặt giường rộng, mắt mở lớn dòm trần nhà xuyên qua nóc mùng lưới, bốn cánh quạt xoay vù vù hòa với tiếng muỗi kêu vo ve xa xa trong hóc kẹt, thêm những tiếng động đâu đó thỉnh thoảng dội lại. Đồng hồ dưới nhà gỏ lên ba lần ngân dài trong khoảng không gian im vắng thầm nghĩ có thể đêm mai mình sẽ tròn giấc hơn. Nhắm mắt cố gắng ngủ tiếp nhưng thần trí tỉnh táo lạ lùng, tôi ngồi dậy nhẹ nhàng bước xuống giường, mở cửa đi ra ngoài.

Tựa người vào bao lơn, tôi nghe một chút hơi sương mát mát dịu dàng phả vào mặt vào cổ. Vòm trời trong đen rải rác mấy ngôi sao nhỏ lạc lõng, nhấp nháy từng tia sáng bơ vơ Ngọn gió nhẹ từ một hướng xa xôi nào thổi tới, lay động ngọn cây, đùa mớ tóc phủ xuống che gần hết nửa mặt, mặc nhiên cảm nhận chút dễ chịu len nhẹ trong hồn và không khí oi nồng đang lắng xuống của đêm hè về sáng. Vài chiếc lá khô của một ngọn cây sát góc nhà, tách mình rời cành rơi xuyên qua từng chòm lá xanh, bay vèo xuống mặt hẽm tối đen. Mùa nắng ở đây nóng bức mường tượng cái nóng ở xứ "cao bồi" của nước Mỹ, nơi chốn tôi lớn lên và đã hấp thụ những thứ văn minh vật chất hơn hai mươi năm.

Trên lầu cao, dòm khoảng không gian trước mắt, phai tàn một vài hình ảnh quen thuộc ngày xưa. Những nóc nhà chen chúc dầy đặc, cái thấp cái cao, nóc xam xám, đen đen mập mờ giữa sương đêm, không nhận ra nơi nào, vùng nào của thành phố. Xa xa từ khung cửa nhỏ nào đó gần bên mái, tỏa ra những vệt sáng lợt lạt, dường như có mùi khói bốc từ củi lửa

trong lò và mùi mốc meo còn lại của thời gian trước. Mùi hăng hăng trong không khí len lén đi vào cảm giác ngất ngưởng vờn lên thuở xa xưa và khuấy động nỗi cô đơn trong tâm thức như thúc giục nhớ tới một bóng đen lớn úp chụp xuống đời mình, lao đao ngập hồn với sự côi cút từ tuổi ấu thợ...

".... Một tỉnh lỵ xa xôi, miền cao nguyên đất đỏ. Ngoài đường rần rần người di tản, trong nhà mẹ ngồi chóng tay lên bàn bất động, dường như đang suy nghĩ điều gì? Tiếng súng mỗi lúc một nhiều và gần thêm. Ba từ đơn vị trở về theo sau là chú lính cận vệ quen thuộc. Mẹ vội vàng vào phòng trong, ôm ra bọc quần áo và phong thơ trao cho chú lính, hối tôi thay áo quần theo chú lính di tản trước. Tôi vùng vằn, bật khóc, không muốn đi, nắm áo mẹ trì kéo. Mẹ gỡ tay nói giọng nghẹn ngào giữa hai hàng nước mắt :

-"Con theo chú Bổn về Sàigòn ở với bác Hai trước cho ba mẹ yên lòng, vài tuần nữa ba mẹ sẽ về theo, không có con ba mẹ dễ dàng lo liệu".

Từ phòng thay áo trở ra chưa kịp nói lời nào, ba đã vội nắm tay tôi lôi đi ra ngõ như trốn chạy, gấp rút đẩy lên chiếc xe "Jeep" đậu sẵn, dục chú tài xế lái xe ra phi trường. Nỗi ấm ức còn đeo đẳng chưa từ giả mẹ, chưa được mẹ ôm vào lòng như những bận trước phải đi xạ. Nước mắt đầy tròng, quay mặt phía sau, dòm qua lớp bụi mù dáng mẹ lung linh bên khung cửa ngóng theo Hình ảnh mẹ khuất sau khúc quanh, cụm thông già che mất mấy dãy nhà tôn trắng, không còn thấy tôi đành xoay mình lại phía trước ngó con đường đá đỏ ngoằn ngoèo, có những chiếc xe chạy hối hả vô duyên quậy lên những vần bụi đỏ tấp vào đầu tóc áo quần và lẩn quẩn trong hơi thở. Không khí trong xe im lặng biết có chuyện quan trọng, nhưng trong lòng còn tư tưởng đến sự trở về muốn cầu cứu cha nhưng khuôn mặt trang nghiêm rắn rỏi pha chút xót xa ẩn kín trong đôi mắt có màng nước mong mỏng quanh tròng, tôi đành nuốt xuống sự mong muốn, cúi đầu khóc thầm với sự chia ly vội vã.

Chú Bổn ẩm tôi chạy nhanh lên thang của chiếc vận tải cơ C 130. Không còn chỗ ngồi tôi phải ngồi trên mình chú Bổn. Tiếng nổ của máy ầm ầm, phi cơ rời phi trường chạy một đường dài rồi cất lên cao đảo vòng trở lại, tôi chòm qua khung cửa nhỏ dáng cha đứng yên lặng nhỏ xíu mờ lần dưới sân bay cạnh bên rừng cây dầy đặc.

Ở gia đình bác, siêng năng đi học mỗi ngày hầu quên lảng nỗi buồn đơn độc. Sự mong đợi mẹ cha mõi mòn, sự ước vọng sum họp cũng lần trôi theo ngày tháng, mường tượng nỗi mong ngóng đó ngàn năm không hề lai vãng, và thứ hạnh phúc nhỏ nhoi bên cha mẹ bình thường hạn hẹp

khẩn cầu không hề thấy tới. Một ngày về học, bỗng nhiên bác Hai gái ôm tôi vào lòng nói trong tiếng khóc : "Thảo ơi! Ba mẹ con chết hết rồi". Tôi ngơ ngác không biết nổi sự chết chóc ra sao, đứng im lặng với hai hàng nước mắt. Cả nhà buồn bã, thương cảm và xót xa mỗi khi thấy tôi đứng thơ thẩn trước sân nhà, mặt đăm chiêu ngóng về hướng có những tiếng súng nổ ì ầm xa xôi. Lần lần tôi hiểu và biết được rõ ràng hơn ba mẹ tôi không còn trên thế gian, hai người đã thành cát bụi, linh hồn bay về đất khác do lửa hồng, súng đạn của chiến tranh. Vĩnh viễn không còn thấy lại gặp lại hai người thân yêu. Hình ảnh cuối cùng gờn gợn lên trong trí, căn nhà nơi trại gia binh có mẹ, có cha và sân bay bên cánh rừng dẫy đầy người di tản. Trong gia đình bác mọi người thương yêu chiều chuộng tôi hơn, nhứt là bác Hai lo lắng và coi tôi như con ruột để bù đắp nỗi bất hạnh của đứa cháu còn quá nhỏ... Nỗi đau buồn tang tóc chưa nguôi, tai họa dữ dội khác trút xuống thành phố và nguyên cả miền Nam mà mọi người đang sống êm đềm hạnh phúc. Hàng loạt súng nổ rất gần giữa đêm khuya, xa hơn đại bác rền rĩ, càng lâu càng nghe dữ dội bốn bề. Từ ngoại ô, từ nơi nào đó đạn pháo kích bay vút lướt trên những nóc nhà, đổ xuống vùng nầy, góc kia, lửa đỏ lan tràn. Một lần nữa phải rời bỏ chút kỷ niệm ngắn ngủi nơi học đường nơi thành phố ngựa xe, cùng gia đình bác di tản. Lại phải ra đi sang một đất nước xa lạ, không biết sẽ tới đâu, ra sao những ngày kế tiếp...."

Mọi việc đã qua rồi rất lâu, hình ảnh tan tác đã bay vèo mất hút và bây giờ ở đây giữa lòng đất cũ dường như tôi còn nghe mơ hồ, tiếng xe chạy rộn ràng hòa với tiếng đạn nổ. Những đống binh phục hiển hiện bên lề đường, ngập đầy các góc phố, hình dáng những người lính chỉ còn chiếc quần đùi trên mình chạy trốn còn ấn sâu trong trí nhớ.

Đứng bên hành lang một lúc chân đã mỏi, tôi đi lần về phía sân thượng. Ngồi lên băng đá đưa mắt lướt qua bốn bề mênh mong. Từng vũng tối, sáng kế tiếp xen kẽ rộng lớn, dòm sâu vào những nơi không có ánh sáng đó, tìm kiếm nguyên do, nhưng sự tìm tòi không lâu, hiểu ra những vùng tối đen là những nơi bị "cúp điện".

Đầu hẽm bây giờ đã có bóng người, chị bán phở đang nhóm bếp hâm nồi nước lèo. Ánh lửa bập bùng soi rọi những chiếc ghế đẩu kê chung quanh cái bàn cây cũ gá nhờ vào bức tường phía trên của căn nhà nấu sữa đậu nành, tiếng rang đậu rào rào vang động như tiếng mưa rơi trên mái tôn và những luồng khói trong lò bay tỏa khắp các khu nhà lân cận. Lần lượt những món hàng ăn sáng khác, được mang ra bày biện mọi chỗ ở đầu hẽm. Hầu hết mọi người ở đất nước nầy sanh phương bằng những nghề buôn bán nhỏ nhoi, nồi chè, nồi cháo, tràn bánh hay những nghề lao động

chân tay - gánh gồng, đạp xe ba bánh, đạp xích lô - kiếm cái sống qua ngày

Chân trời phương đông hừng lên dãy sáng dài. Sao Mai sừng sững sáng rực phía trên cao. Uể oải, trở vào phòng lên giường, giấc ngủ chập chờn trở lại giữa sự huyên náo đầu ngày. Bỗng một thứ âm thanh từ xa văng vẳng xoáy vào đầu óc, lối gỏ nhịp dòn tan sành sỏi của hai thanh tre nhỏ "lắc cắc cụp, lắc cắc cụp, cắc cụp, cắc cụp " mỗi lúc một gần thêm, tiếng rao mì mà lâu lắm tôi chưa hề được nghe ở phía bên kia trời

Chiếc "Honda dame" hai bánh nổ dòn trước nhà, tôi leo lên ngồi "chàng hảng" phía sau yên xe của cô em họ. Hằng cho xe lao ra khỏi hẽm, chạy chầm chậm sát lề ngược chiều, chờ khoảng trống để đâm thẳng qua phía chiều bên kia. Lao lách giữa rừng xe gắn máy, san sát, kè nhau trong gang tấc. Một chiếc xe từ sau ủi tới chặn trước đầu rồi lòn qua bên trái, tôi hết hồn bấu chặt hai tay vào phía trước bụng cô em. Hằng vẫn băng băng phóng tới, được một đoạn ngắn, hai tay tôi càng bấu chặt hơn vào người Hằng để kềm thân thể vững vàng. Nhiều tiếng máy nổ khác nhau ồn ào vang rền bên tai. Lần đầu tiên ngồi xe hai bánh chạy vun vút, lách qua bên nầy, lượn qua bên kia giữa khoảng đường nhiều thứ xe chạy hỗn độn, tôi nín thở, muốn biểu Hằng quay về, nhưng chút tự ái của người ở từ một nước văn minh bắt tôi im lặng. Mặt đường có nhiều lỗ bể lớn, bánh xe lọt xuống nhảy lên nhiều bận. Nãy giờ thế ngồi của tôi bị chệch một bên, chưa biết làm sao sửa, lại lọt xuống và hất lên với lỗ đường quái ác khác. Tôi chưa dám nhích người, lúc bánh xe còn lăn tròn trên mặt lộ và còn hàng hàng lớp lớp những chiếc xe honda xấn tới vây quanh.

Nắng hè gay gắt chiếu trên tóc, trên vai, trên cổ. Sự nóng rát bắt đầu, mồ hôi tuôn từng dòng từ mặt xuống cổ. Đã được chở đi qua nhiều con đường, dường như tôi đã quen với hoạt cảnh tấp nập trên những đoạn đường bể nát . Cơn lốc hãi sợ lắng xuống, bây giờ mới cảm thấy đôi mắt cay cay mù mờ bởi lớp bụi, nhè nhẹ rút một tay lên dụi mắt, một lằn nước đen đen quét dài trên mu bàn tay. Dòm sang chiều đối diện, có những bà, những cô che mặt như mang mặt nạ sát thủ, che luôn hai tay bằng chiếc găng dài từ bàn tay đến khuỷu, nghĩ mình chưa có chút kinh nghiệm nào về sự di chuyển bằng xe Honda ở đây.

Hằng và tôi di hành khắp nẻo trong thành phố, từ những nơi đông đúc nhứt tới những chỗ hẻo lánh ngoại ô. Đọc tên đường lạ lẫm. Khuôn mặt đời quen thuộc bây giờ biến thành kẻ lạ. Ngồi trên xe không nhận được phương hướng, tôi phó mặc Hằng muốn đưa tôi đến nơi nào cũng được. Những dãy nhà cũ phá bỏ, xây lên những cái mới, có lầu cao, khang

trang xinh xắn, nhưng không hiểu sao tôi cảm thấy bất ổn, cứ ngỡ mình đang đi đến nơi chốn nào, một đất nước khác. Những căn nhà mới mọc thêm, xen kẽ quán xá thay cho những hàng cây rợp bóng lúc nhỏ nhiều lần tôi đi bộ dọc dài từ nhà bác đến nhà bạn, thường khi núp nắng hoặc ẩn tránh đám mưa mây. Soát lại trí nhớ không còn thấy một quen biết nào trong tâm thức qua mấy tiếng đồng hồ dạo quanh thành phố, lòng bâng khuâng tự hỏi mình đi tìm gì trên những chỗ đổi dời, ngày trở về với cuộc hành trình vô bổ mà tốc độ từ đầu dốc của hiện tại nầy từ từ tuột thẳng xuống đáy vực trong tương lai. Những biến cố của đời đã tạo nên, không can đảm đương đầu đã băng mình chạy đi trước những tiếng kêu cứu mất còn vừa dấy lên trên mảnh đất an bình. Và bây giờ trở về như con thú bị thương kiệt sức oằn mình phủ phục trước thợ săn...Đi ngang qua ngôi trường mang tên một nhà bác học, cũng nhà cửa, hàng quán che khuất, ngôi trường lùi vào phía trong ẩn dật, khiêm tốn cũng như tên trường đã thay vào một tên khác. Tôi quay đầu tìm kiếm cổng ra vào không thấy, ngước dòm nhú trên chóp cao mái ngói rêu phong và chút tường vôi loang lở. Đột nhiên nhớ da diết những ngày theo bác với các anh các chị trên chiếc xe "Jeep" mỗi ngày đưa lũ chúng tôi đi học. Không phải một ngôi trường học nầy mà tất cả những ngôi trường khác cũng vậy mà thôi. Lạ một điều, những khách sạn, những căn nhà mới rất nhiều, nhưng chưa hề thấy một ngôi trường mới được dựng thêm. Tôi thở dài bởi trong lòng ngao ngán với nhiều đổi thay vô dụng. Chớp mắt lắc mạnh đầu để xua đi những ám ảnh làm đôi mắt cay cay muốn khóc.

Nắng chiều vàng hoe nhảy nhót trên những nóc nhà cao, trãi dài con đường trước mặt có hàng hàng lớp lớp xe đạp, xe Honda, vội vã hấp tấp ngược xuôi dưới sức nóng thiêu đốt của mặt trời hè.. Tôi mệt nhoài và đói bụng, không còn muốn dòm ngó nữa, tất cả mọi chỗ gần như giống nhau dưới đôi mắt đầy bụi đường lẫn với mồ hôi chảy đầy mặt mũi.

Chú, thím và các em đã ùa xuống nước. Tôi ngồi trên bãi lắng nghe tiếng sóng vô vào bờ, ngoài khơi thật xa có những con tàu nhấp nhô tưởng như những chiếc tàu chở đầy người trước kia lặn hụp trong đêm với vô số vì sao chiếu sáng soi đường. Xôn xao lo lắng sự sống và chết về số phận hàng ngàn người đang ngã nghiêng trong lòng khoan chật cứng. Tiếng khóc của trẻ thơ lẫn tiếng cầu kinh vang dậy vọng âm vào tiếng sóng vỗ bên thành tàu. Đưa tầm mắt xa hơn mường tượng như có những xác tàu chìm trôi dạt giữa lòng biển và những ngọn thủy triều lớn bạc đầu đua nhau nhận chìm những thi hài bạc phước bây giờ đang cuồn cuộn lướt vào bờ đập ào ào giữa ghềnh đá. Ngồi đây một mình ngơ ngáo dòm quanh

quất chạnh lòng nhớ ba mẹ vô vàn, nhưng đành bó tay không thể tìm đâu ra hai mảnh hài cốt chôn vùi thất lạc trên vùng đất cao nguyên.

Thoạt thấy hình dáng ốm nhom của người chú lững thững bước đi xiêu vẹo trên mặt cát. Chú ở thành phố, làm việc đầu tắt mặt tối mới nuôi nổi mấy đứa con và có được ngôi nhà kha khá như vậy thì những cuộc vui chơi những hưởng thụ chung quanh chú không hề nghĩ tới. Tự biết cuộc sống ở đây thật khắc khổ, thật vất vả mới tìm ra được đồng tiền. Lòng thầm ray rứt, muốn giúp đỡ mọi người thân nhưng ngoài tầm tay với, ngoài sức của mình. Nghe mấy đứa em nói với nhau "Lần đầu tiên mới biết biển". Thật tội nghiệp, từ nhà tới bờ biển không xa mấy mà suốt cuộc đời, nếu không có dịp trở về của tôi thì có thể cả nhà chú và các em không hề đặt chân tới nơi nầy

Vòm trời đang trong sáng bỗng tối sầm. Mây đen từ phía cuối trời kéo lên. Gió bắt đầu thổi mạnh hơn, sóng biển chòm lớn hơn. Chú, thím và các em ùa lên bờ, tắm rửa ra xe trở về. Người tài xế cho xe rời khỏi bãi đậu thì trận mưa trút xuống, xe lăn bánh thật chậm lần ra khỏi tỉnh Vũng Tàu dưới màn nước trắng đục mù mờ.

Chiếc xe đò ì ạch lăn trên mặt lộ. Đường về quê ngoại không còn thấy đôi bờ ruộng lúa mênh mông, không còn thấy những bụi tre già, những đoàn mục tử trên lưng trâu, những đám người lom khom cấy hay gặt lúa trên mặt ruộng. Cũng nhà nhà, quán quán dọc dài theo quốc lộ, chắn ngang tầm mắt, tôi không còn phân biệt được những địa danh nhỏ ngày xưa nhiều lần theo mẹ về thăm quê ngoại. Nơi chốn quen thuộc gần như xóa sạch. Không ngắm được cảnh vật hai bên đường tôi đành dựa vào lưng ghế nhắm mắt hình dung ngôi nhà ngoại và vuông vườn cây ăn trái, ngỏ ra vào có hàng sua đủa cao lêu nghêu, có những cây me đậu phọng bên dãy rào bông bụp, hình ảnh mấy dì và cậu út tất cả mơ hồ lung linh trong trí và bức thư sáu tháng trước bỗng hiện lên đậm nét những dòng chữ báo tin ngoại mất. Tôi mơ màng như vậy cho tới khi tiếng ồn ào và giựt mình vì một cái giặc mạnh khi xe de vào bến đậu. Theo hành khách xuống xe, chân bước khỏi xe vài bước tôi ngơ ngác kiếm tìm giữa bến xe xa lạ chiếc xe lam - theo như lời chỉ dẫn của chú - có thể đưa mình về làng quê. Không thấy bản treo, không thấy chữ ghi địa danh nơi xe đến, vài chiếc góc nầy, vài chiếc góc kia, bối rối ngó quanh quất chưa biết hỏi ai, bỗng một bà già đến gần nói:

- Cháu muốn kiếm xe về Cầu Vàm hả?

Ngạc nhiên nhưng vẫn gật đầu, tự nghĩ bà già nầy chắc có sự thần giao cách cảm.Thộn mặt suy nghĩ chưa tìm được nguyên do sự đoán đúng

của bà già, lại nghe bà nói tiếp:

- Bà cũng đi về gần đó, theo bà đến bến xe đậu ngoài kia.

Bước đi sau lưng bà ra khỏi bến, đi hết con đường rồi quẹo sang phải một chiếc xe lam, máy đang nổ nhiều hành khách ngồi đầy trên băng. Lẽo đẽo leo ngồi kế bên bà già. Người tài xế cho xe chạy. Trong lòng có chút áy náy khi chợt thấy những người ngồi trên dãy băng đối diện, dòm tôi chăm bẳm, quan sát từ chân lên tới đầu, tưởng như một cái gì khác lạ trước mắt. Tôi giả đò không biết và làm ngơ ngóng ra khoảng trời trên cao. Chiếc xe rời khỏi tỉnh một thôi đường thì bắt đầu trời lên hụp xuống giữa hai hàng dương liễu bị róc hết cành lèo tèo trên cao vài ba nhánh nhỏ héo úa vàng nghếnh chỉa ngọn lên trời Hết đoạn đường nhựa bể nát nghèo nàn, xe quẹo sang con lộ nhiều bùn đen lẫn với đất đỏ bắt nghĩ tới trận mưa bất ngờ giáng xuống. Trên cao vài cánh còn trắng bập bềnh nổi bật giữa khung trời trong xanh, lòng thôi thắt thỏm với khoảng đường dài mười hai cây số, thoải mái ghi nhận cảnh vật xung quanh qua võng mô từng cụm cây, vườn chuối bên cạnh hàng dừa nước ven sông, từng con rạch nhỏ ngoằn ngoèo chạy qua cánh đồng luồn vào thôn xóm. Bà già ngồi cạnh bên như một nắm chắc, một cái phao để yên lòng hướng theo ngõ về ngập tràn bóng nắng. Ngồi sát bên bà như đứa cháu nhỏ. Cánh tay bà xuôi theo chân tạo thế ngồi thong thả. Cái khăn xéo trên đầu, hai chéo buộc vòng xuống cổ, hình ảnh đó gợi nhớ trong tôi da diết người bà đã khuất, tự nhiên muốn kêu lên hai tiếng "ngoại ơi! " thật lớn. Những ngày nghỉ học về thăm, không có mấy dì và cậu út ở nhà, bà ra đón chúng tôi tận ngoài đầu bờ cái - gió mưa làm mặt đất lầy lội - bà cõng tôi trên lưng đi nghiêng ngã trên những đám bùn trơn trợt. Những lần mẹ về, không có tôi theo, lúc trở lên bà gởi cho đứa cháu ngoại mọi thứ trái cây vườn nhà. Hai mươi năm vật vờ nơi đất khách, không hề thấy mặt ngoại, không thể hình dung được hình dáng bà lúc tuổi đã về chiều, chỉ còn nhớ mang máng mặt bà lúc còn trẻ, trí óc non nớt chưa nhận biết được những đường nét nào quen thuộc đặc biệt trên khuôn mặt. Bây giờ thân thể người đã rã tan dưới huyệt lạnh, đâu còn thấy lại người bà thân yêu thuở trước. Tôi thở dài, quay sang bà già bên cạnh, bắt gặp bà đang dòm tôi chăm chú, trong đôi mắt có một chút gì đó thật gần gũi thật thiết tha. Tôi nghe giọng bà thoảng bên tai:

- Cháu là người ở xa về phải không?

Tôi hơi luống cuống, nửa muốn gật đầu, nửa muốn chối từ. Trước khi ra đi tôi đã mượn áo quần của Hằng mặc cải trang vậy mà cũng có người nhìn ra được. Cuối cùng không thể chối tôi gật đầu, lại nghe bà nói tiếp:

- Bây giờ cũng còn sớm, đừng ở lại, cố gắng trở về thành phố trước khi trời tối.

Vâng dạ, nhưng quả thật trong lòng đã nghĩ, không thể trở về được trong ngày, dẫu sao tôi phải ở lại với dì với cậu một hai hôm.

Nắng nửa chiều e ấp chiếu xuống mặt ruộng loang loáng nước, dàn trải trên những ngọn cau sau dãy nhà ai và phủ xuống lũy tre già ven xóm. Ngoài cánh đồng xa mấy đứa mục đồng trên lưng trâu như những chấm đen lớn đang di động nhẹ nhàng theo bờ ruộng. Ở đây, tôi mới thấy được cánh đồng xanh thẳm và những hoạt cảnh còn sót lại thuở xưa.

Người tài xế cho xe ngừng, hành khách và bà già bước xuống xe. Trước khi rời chỗ bà vỗ nhẹ vào cánh tay tôi như thầm nhắc nhở nhớ lời dặn dò. Tôi cúi chào bà, dòm theo dáng đi nhanh nhẹ, xấn vào lùm cây gần đó mất hút. Xe chạy. Trong xe còn lại một vài người, băng ghế trống rỗng, tôi quay mặt về phía trước đầu xe khoản cách không xa, cây Giáng Hương cao nghệu hiện ra trước mắt làm điểm chỉ cho tôi biết chỗ đầu bờ cái, thuở nhỏ tôi thường ngồi dưới đó chờ người nhà ngoại ra cõng về.

Xuống xe, men theo lối mòn trên bờ đất với hai hàng cỏ mọc xanh um. Tiếng gà gáy nơi nào thật xa vẳng lại, tiếng ầu ơ....điệu hát đưa em từ căn nhà ai vang ra não nuột. Đi một đoạn không xa, bắt gặp nhiều ngã rẽ trước mặt. Tôi bỡ ngỡ đứng khựng, không biết nên rẽ lối nào. Dòm quanh quất không có một vật gì, một dấu vết có thể gợi ra trong trí để dễ dàng tìm được nơi chốn mà tôi muốn tới. Phân vân trước mấy ngả đường, đành bước vào căn nhà phía ven cây gần nhứt hỏi thăm. Cửa ngõ khép hờ, trong sân dưới tàn cây một người đàn ông đang ngồi chẻ lác. Lại một lần nữa bối rối, không biết tên ngoại, chỉ nhớ tên dì ba em kế của mẹ. Ông nhìn tôi từ đầu đến chân, chừng như quan sát người đối diện, mới chịu trả lời:

- Chị ba Sen hả? Cô là cháu chị ba ? Để tôi biểu con nhỏ tôi dắt cô đi.

Ông kêu vọng vào trong nhà, có tiếng dạ lớn, một cô bé khoảng mười tuổi bước ra sân ngó tôi không nháy mắt. Giọng ông ngọt ngào nói với con gái :

- Tầm à, dắt cô nầy đến nhà bà ba Sen, nha con".

Đứa con gái không nói không rằng, đi ra ngõ, tôi vội vàng cám ơn, cuối đầu chào ông ta và đi mau theo đứa nhỏ.

Đi loanh quanh mấy con bờ cặp theo xóm, tôi đến trước ngôi nhà lá một căn một chái lụp xụp xác xơ, đàng sau có con rạch nhỏ với những bụi dừa nước, tàu lá đan nhau. Bước chân của hai người trờ tới, từ trong nhà vọng ra sân tiếng chó sủa gâu gâu. Đến cửa dòm vào không có ai chỉ thấy mấy món đồ vật cũ kỹ, một cái bàn dài với sáu cái ghế loại cây thường kê

giữa nhà, phía sau sát vách buồng là bàn thờ, lư hương và hai chân đèn bằng cây đã ngả màu đen mốc, đáng kể hơn hết bộ ván gỏ bóng láng bên tay phải kê sát vách. Lòng tôi chợt nhói đau và đứng lại ngay giữa cửa. Con bé gái khi nãy, chạy tuôn ra phía chái kêu lớn :

-"Bà ba ơi ! có ai kiếm ở ngoải á".

Tiếng chân khua động, một người đàn bà ốm yếu bước ra, mặt hốc hác nhưng những đường nét giống mẹ tôi còn phản phất trên đó. Tôi nhận ra ngay người dì sau những năm xa cách. Ngược lại, dì ngó tôi với ánh mắt ngỡ ngàng không biết tôi là ai. Nén cơn xúc động đang dâng tràn nghẹn cổ, tôi nói lớn thảng thốt :

- Dì ba, cháu là Thảo, dì quên cháu rồi sao? ".

Mắt dì mở lớn sáng rực, nói trong tiếng khóc :

- Trời ơi! Con chị hai... Cháu Thảo, lớn quá, dì không nhận ra cháu.

Dì chạy tới nắm tay kéo tôi tới ngồi trên bộ ván gõ mếu máo hỏi:

- Cháu về lâu chưa? ghé trên nhà mấy chú rồi hả? Về đây ở chơi với dì lâu lâu nghe cháu Còn dì tư với mấy đứa con đi làm đồng chưa về. Một lát dì sai mấy đứa nhỏ chạy cho cậu Út con hay. Tội nghiệp lúc bà ngoại mất cậu Út lo lắng hết mọi bề. Dì già yếu nhờ mấy đứa nhỏ con dì tư, vợ chồng tụi nó ở đây với dì".

Đứa con gái nhỏ đưa đường còn đứng xớ rớ chỗ đầu bộ ván. Dì quay sang phía nó nói:

- Tầm à, con chạy ra ruộng gần gò trăm bầu kêu dùm dì tư và dượng tư về gấp dùm bà.

Nó "dạ" một tiếng lớn và chạy ra ngoài.

Độ nửa tiếng đồng hồ, dì dượng tư và hai đứa con trai về đến nhà. Sau khi chào hỏi, mừng rỡ cả nhà nhôn nhao, hỏi điều nầy, điều kia tôi trả lời không dứt. Sau những phút hàn huyên dì ba hối dì tư đi lo cơm nước. Dượng tư dành phần đi trình giấy tờ của tôi ở đồn Công An xã.

Cả nhà ăn cơm trên cái bàn dài sáu ghế, vừa ăn vừa nhắc lại chuyện ngày xưa cho tới khi hoàng hôn xuống. Bóng tối buông mau phủ trùm khu nhà nhỏ rợp bóng lá dừa lúc tôi dòm ra phía bên ngoài. Vệt sáng cuối cùng mờ mờ hấp hối vươn hắt hiu phía chân trời Trong hơi gió mát mẽ của buổi tối thôn quê, tôi nghe thoang thoảng mùi lúa đồng nồng dịu. Từ xa văng vẳng trong màn đêm điệu nhạc muôn đời của đám côn trùng tấu lên từng đoản khúc. Ngọn đèn dầu leo lét trên bàn, gợi ở lòng nỗi bâng khuâng nhớ về một thành phố ngút lửa bây giờ đã xa xôi trong không gian và đời sống.

Trời bên ngoài tối hẳn, mấy em đã lên giường chỉ còn lại dượng tư và hai người dì cùng tôi ngồi trên bộ ván. Bỗng cậu Út từ bên ngoài chạy vào

và nói:

- Con Thảo đâu rồi, theo cậu về bên nhà ngoại, bên đây không có chỗ ngủ.

Tôi ngó người cậu bây giờ lạ hoắc, nếu không ngồi trong nhà nầy, gặp cậu ngoài đường không thể nào tôi nhận ra. Cậu dòm tôi, khóc ròng.

- Nó giống chị hai quá.

Hướng về dì ba, dượng tư và dì tư cậu nói:

- Em đưa con Thảo về bên nhà, ngày mai chị ba, anh tư, chị tư mấy đứa nhỏ đi qua bển rộng rãi hơn. Gia đình đoàn tụ một bữa.

Day qua phía tôi cậu nói tiếp:

- Đi Thảo, theo cậu về nhà ngoại. Đáng lẽ cậu gặp cháu từ hồi sớm, nhưng phải đi về bên ngoại sắp nhỏ. Nghe mấy đứa nói lại, lật đật chạy qua rước cháu.

Dì ba đưa sắc quần áo và hối tôi đi với cậu Út. Tôi cúi chào hai dì và dượng tư, theo cậu Út ra ngoài.

Đường bờ nhỏ khó đi, cố gắng lắm mới theo sát được cậu Út. Nền trời trong đen lấp lánh từng chùm sao dầy đặc. Khoảng độ mười lăm hai mươi phút thì đến nhà. Đứng trước căn nhà thuở xưa, hiển hiện giữa màn đêm rõ ràng quen thuộc. Thời gian làm cũ kỹ và xập xệ hơn nhưng dễ dàng nhận ra ở vài nét đặc thù của nó. Vào nhà, sau khi đốt nhang trên bàn thờ ngoại, tôi đi tắm và vào căn phòng mợ út đã sửa soạn sẵn, căn phòng trước kia mẹ tôi và tôi thường ngủ mỗi khi về. Một ngày mệt mỏi, đặt lưng xuống mặt giường, mắt hướng qua khung cửa sổ nhỏ trước mặt, bên ngoài tối đen không thể thấy gì chỉ nghe tiếng gió rì rào pha vào tiếng chó sủa và những tiếng động ngoài bờ rào. Cũng như trên nhà chú, tôi nghe tiếng muỗi vo ve chung quanh trong bóng tối. Khoảng vắng lặng của đêm ngoài những tiếng động thông thường dường như có tiếng đập cánh của dơi đâu đó. Mợ út vào buông mùng tấn bốn góc cho tôi, chúc tôi ngủ ngon rồi đi ra ngoài. Nằm yên trên giường ngỡ như mình đã lùi lại lúc sáu bảy tuổi, cũng trên chiếc giường nầy ngủ với mẹ, thấy như mẹ đang nằm bên cạnh, và cuộc sống thuở nhỏ chập chờn trong tôi hầu như ru tôi lịm lần trong giấc ngủ có nhiều mộng mị.

Trời bên ngoài chưa sáng hẳn, tôi giựt mình tỉnh giấc, tung mền ngồi lên. Ngoài hàng ba, tiếng người nói, tiếng bước chân nện mạnh trên mặt đất xôn xao. Bước xuống giường, đi về hướng có tiếng nói, tôi dừng lại bên trong cửa lắng nghe. Dường như tiếng dượng tư nói:

- Đâu lối mười hai một giờ gì đó, đám công an kêu cửa xét nhà. Không biết họ kiếm tìm gì, không hỏi một câu, đi khắp nhà, lục lọi đồ đạt. Ý như muốn kiếm con Thảo.

Lại nghe tiếng nói của dì ba:

- Nhà nghèo với lại đâu có chứa chấp cái gì? Tao cứ để yên cho họ xét.

Mọi người sửa soạn kéo vào nhà, tôi rời chỗ đi thẳng ra sau vườn. Đưa mắt ngắm một vòng, cây cối già cỗi, những bụi bông mẫu đơn, bông trang dường như mới được trồng lại, tươi tắn và đơm đầy hoa. Cuối gốc vườn, cây bưởi bây giờ cao hơn, tàn lớn hơn vẫn trổ đầy bông trắng. Mặt trời thập thò sau dãy mây hồng tỏa từng chùm tia sáng rực rỡ phía bên kia hàng cây xanh. Ý nghĩ sẽ ra đi trong vài giờ nữa khiến một chút xao động, một chút gờn gợn se thắt trong lòng, biết bao giờ thấy lại những băng đá dưới cội cây bồ đào, những bật thềm nhà thông ra vườn và nhứt là cái võng giăng muôn đời dưới gốc hai cây cau cạnh giàn trầu nghệ. Tôi nghe nhói đau trong lòng ngực, không được thỏa thuê hưởng dụng vòm trời quê ngoại với đầy đủ hương thơm bát ngát của cây lá, của nụ hoa và cả mùi ẩm ướt của hơi sương sớm. Đến, rồi lại tức tưởi ra đi. Mặt trời bây giờ đã rạng rỡ trên những luống thược dược trắng và đám nở ngày tím rịm bên hàng trắc bá dịp ủ rũ như buồn bã cho sự vô phần của người con gái cút côi. Tôi vội vàng đến bên lu nước với lấy cái gáo cán dài múc nước rửa mặt, dòng nước mát làm thần trí tỉnh táo và ý chí trở về thành phố sớm cho mọi người thân tránh được tai họa. Tiếng kêu của mấy dì vọng ra vườn:

- Thảo ơi, vô nhà ăn sáng.

Tôi quay vào nhà thấy mọi người đều ngồi quây quần quanh bàn, kế cậu út là cái ghế trống có lẽ chừa cho tôi. Tuy ăn sáng nhưng nhiều món bày ra như một bữa tiệc tiễn hành nho nhỏ. Cậu Út nói:

- Cậu mừng cháu Thảo trở về, cậu ước ao cháu ở chơi với cậu vài tuần. Lần về nầy không biết khi nào cháu trở lại nữa. Cháu cứ coi nơi đây như nhà của mẹ cháu. Lẽ ra cậu phải nuôi dưỡng cháu, nhưng hoàn cảnh đưa đẩy cháu phải đi xa.

Cả nhà chúc tụng tôi, sau đó thì mọi người vui vẻ ăn uống. Tôi do dự nhưng cuối cùng cũng xin mọi người cho tôi được trở về thành phố trưa nay. Đang vui vẻ, bỗng không khí im lặng buồn thiu chụp xuống tôi rơm rớm nước mắt nói:

- Cháu biết ai cũng thương yêu cháu, nhưng có chuyện xảy ra đêm qua, cả nhà đã dấu không muốn cháu mất vui những ngày về đây. Nhưng suy nghĩ kỹ, cháu không thể ở lại thêm phiền phức cho cậu và các dì dượng.

Cơm nước xong, vào phòng dọn đồ đạc, lấy ra ít tiền chia cho mọi người. Tội nghiệp dì ba bây giờ đã bắt đầu khóc thút thít, cả nhà phải khóc theo Tôi cũng không cầm được nước mắt trước cảnh kẻ ở người đi. Từ giã

mọi người tôi lầm lũi bước theo cậu Út.

Qua mấy đường bờ đất ngoằn ngoèo tới trước mộ ngoi. Màu nước vôi trắng toát, không một miếng lá khô không một cây dại mọc xung quanh. Đốt ba cây nhang cắm xuống đất và quì lạy, bỗng nhiên đôi mắt tôi mở lớn ngó thẳng vào tấm hình nhỏ gắn dưới miếng kiến đặt trên đầu mộ, kê mặt sát vào dòm, dụi mắt hai ba lần, người trong ảnh quá giống bà già đã gặp trên xe, đúng là bà ngoại. Đường xương sống buốt lạnh, há miệng nhưng kịp bậm môi ngăn tiếng la thất thanh sắp thoát ra khỏi cổ, ráng trấn tỉnh nhưng hai tay tôi vẫn run bây bẩy. Tôi lầm thầm khấn nguyện có linh thiên thì ngoại phù hộ con cháu tránh được tai nạn. Chần chờ chưa đi, dụ dự muốn nói với cậu út những điều đã gặp dọc đường. Không biết cậu có tin hay cho là một sự lầm lẫn.

- Thảo, thôi đi cháu, huốt chuyến xe lam chót, không kịp về tới thành phố.

Tôi vội vã theo sau cậu Út, đi tắt trên bờ nhỏ xuyên qua mấy đám ruộng tới lộ cái.

Đứng trên lề lộ ngó mông về phía ngôi mộ, tầm mắt ngừng chỗ có lùm cây rậm, đúng là nơi bà già xuống xe đi vào lùm cây đó. Một sự trùng hợp hay sự hiển linh của người chết, hiện hình giúp đỡ đứa cháu mồ côi và như ngầm cho biết "đất nước nầy không phải là một đất nước an bình cho những người từ phương xa trở về ".

báo cũ

Trên mười hai năm hiện diện trên diễn đàn văn chương hải ngoại, Văn Học đã trở thành một tài liệu quí giá để tìm hiểu tâm tình của tập thể người Việt sống lưu vong ở nước ngoài. Vì thế càng ngày càng có nhiều bạn đọc hoặc các thư viện, viện nghiên cứu viết thư về Tòa soạn tìm mua những số báo cũ để có Văn Học Toàn Bộ.

Văn Học xin trả lời chung những lá thư đó như sau:

Hiện Tòa soạn Văn Học còn lưu trữ những số báo cũ sau đây:

*** Giá 3 Mỹ kim**: Các số Văn Học Nghệ Thuật 6 và 7.

Các số Văn Học: 42, 44, 53, 54, 59, 60.

*** Giá 3.50 Mỹ kim**: các số Văn Học 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70 & 71, 72 & 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80 & 81, 82, 83. 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107.

*** Giá 4 Mỹ kim**: Các số Văn Học 108, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 119, 120, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132

Tòa soạn sẽ chịu bưu phí gửi báo theo hạng **bookrate** và **surface.**

Cổ tích

Phạm Ngũ Yên

Tôi không có trí nhớ tốt để nhớ mọi điều gì làm nên bối cảnh gia đình tôi lúc đó. Hình như các sự kiện xảy ra mới đầu có vẻ như tốt đẹp, nhưng dần dà, chúng bỗng trở nên tồi tệ. Và ngược lại, lúc tôi chờ đợi những cơn giông làm hoen ố mái ấm gia đình thì lập tức hạnh phúc lại hiện ra. Và thời gian đối với tôi cũng lộn xộn không thứ tự. Cho nên, bây giờ khi hồi tưởng lại để có thể kể cho Duy nghe mà không sợ làm chàng chán nản, tôi không biết mình nên phải bắt đầu từ đâu. Duy không khó khăn trong việc đánh giá những câu chuyện không đầu đuôi kia, giống như những món đồ chơi được lấy ra từ trong chiếc túi của ông già Noel. Chàng nghe tôi nói với tấm lòng bao dung của một người đàn ông. Đôi khi mang một dáng điệu ngưỡng mộ của một đứa trẻ. Chính nhờ vậy, những mảnh vụn quá khứ của cô gái hai mươi mốt tuổi đã là cái cớ làm cho tình yêu của hai chúng tôi tồn tại. Tôi cũng không có tài kể chuyện. Và nếu những gì tôi nói ra mà quý vị không cảm thông được, thì đó là do tôi vụng về, không phải câu chuyện thiếu thốn những kịch tính của nó.

Duy an ủi tôi:

- Đừng quan trọng hóa vấn đề. Em hãy coi như cuộc đời này luôn có hai mặt tốt xấu lẫn lộn. Nhưng em cố gắng sử dụng tối đa mặt tốt của nó.

- Vậy sao?

- Nhờ đó, chúng ta có cảm giác rằng mình được nhiều hơn là bị mất.

Duy lớn hơn tôi mười tuổi. Cho nên chàng không cần phải sắp đặt những suy nghĩ của mình trước khi nói .Vả lại, Duy có thừa sự thuyết phục để cho bất cứ ai cũng đều tin vào những lý lẽ của chàng.

Ngày Thanksgiving vừa qua là tôi đúng hai mươi mốt tuổi. Và đáng lẽ Duy cùng ăn tối với tôi đêm thứ năm, nhưng vì chàng không về kịp nên lùi lại đêm nay. Nơi tôi và chàng tìm đến là một nhà hàng Tàu nằm ở miền

South, có một cái tên mỹ miều là August Moon- Trăng tháng tám. Chúng tôi chọn một cái bàn trong một góc phòng khuất tối, có cửa sổ nhìn ra những cây anh đào và con đường phía trên cao chạy quanh co vào một lòng cầu. Hồ cá vuông có gắn đèn soi sáng những hòn non bộ cầu kỳ và những cành rong xanh mướt. Đây là lần thứ hai chúng tôi ăn tại đây. Lần trước có mặt vì tham dự tiệc cưới của người bạn làm chung hãng của Duy. Người bồi bàn đứng băn khoăn ở bên cạnh Duy chờ đợi, cuốn sổ ghi chép món ăn cầm trên tay.

- Anh vui lòng cho chúng tôi hai ly sâm banh và hai ngọn nến. Duy nói. Và chúng tôi sẽ chọn món ăn trước khi anh trở lại.

Khi người bồi quay lưng đi, Duy vuốt ve bàn tay ở không của tôi trên bàn. Điều này làm tôi nhớ đến ba tôi. Khi ông còn sống, ông vẫn thường xoa xoa bàn tay khô ráp của ông trên tay tôi, mỗi khi tôi có dịp ngồi bên ông. Đó là cách bày tỏ nỗi cô đơn của ông trên đứa con gái thích làm phiền ông nhiều hơn là cho ông sự thảnh thơi. Nhưng cả tôi và ông đều yêu mến điều đó. Tôi nhìn Duy, cố thuyết phục với mình đừng khóc vô lý. Hãy để cho niềm vui ngày sinh nhật tự nó nẩy nở như mấy đài hoa chen chúc trong bình sứ trước mặt. Vì không ai muốn níu kéo nỗi phiền muộn đi theo mình suốt đời.

- Em không muốn thổi tắt ngọn nến của mình. Tôi nói với chàng.

- Không sao. Những ngọn nến có mặt chỉ để làm cho đời ấm áp hơn.

- Vừa rồi anh làm em nhớ đến Ba.

- Anh xin lỗi. Chỉ vì anh không thể cầm lòng trước sự lộng lẫy bất ngờ của em.

Tôi chế nhạo:

- Câu này xưa rồi. Tôi nói và thấy Duy khựng lại. Nghĩa là từ trước đến nay em chỉ là con bé lọ lem? Và đêm nay mới hóa thân thành một người khác?

Duy nhìn tôi đăm đăm. Chàng định nói nhưng người hầu bàn đã đem nến và sâm banh ra, phân đều cho mỗi người. Ánh lửa bùng ra từ ngọn diêm trong lòng bàn tay hắn, kỳ diệu như một người làm ảo thuật. Người ta không biết làm thế nào để trong một phút giây cái bóng tối ràn rụa của một đêm tháng mười một bỗng khép nép đâu đó và chúng tôi nhìn thấy hình của nhau trong ánh mắt. Và qua hắn, đêm bỗng trở nên linh động hơn. Duy kêu món ăn cho tôi và chàng. Một con cá hấp với bào ngư. Hai con tôm càng lột vỏ dùng với sốt Mayonaise. Sườn xào chua ngọt. Một dĩa sành có bông cải xào dầu hào. Một món mà ngày xưa cha tôi rất thích. Và hai thố cơm. Bữa ăn có vẻ tươm tất và hơi thịnh soạn. Chàng đưa tôi ly sâm banh và nâng ly của chàng lên mời:

- Mừng sinh nhật của em. Và đêm Thanksgiving nữa.

- Em cũng không biết mình có nên tìm một cái cớ nào để chúc lại anh. Tôi nói, trong lúc đưa ly rượu của mình lên miệng nhấm nháp. Hay là anh chờ cho đến sang năm vậy? Em sẽ chúc anh có một người bạn mới nào đó, để không phải khổ sở vì tính bốc đồng của em?

- Good idea! Duy tán thành ngay.

Chàng cười nửa miệng. Tôi rất thích nụ cười khinh bạc đó. Nhưng tôi không muốn Duy chia sẻ cho một ai khác. Giống như nụ cười của ba tôi dành cho mẹ tôi, khi những năm tháng tôi chưa ra đời. Căn nhà thời thơ ấu của tôi, nơi phòng khách chật hẹp vừa đủ kê một bộ sô pha cũ mà người láng giềng tốt bụng đem biếu cho lúc chúng tôi mới vừa từ Việt Nam sang, có treo bức ảnh của ba mẹ tôi chụp chung ngày cưới. Sau này, khi lớn khôn, và suốt những năm đầu trung học, tôi vẫn thấy ba tôi không bao giờ cười khác với nụ cười trong ảnh.

Bữa ăn ngon và kéo dài đến khi khách khứa không còn một ai. Ngọn nến cũng lụn tàn cong queo trên mặt đĩa. Lọ hoa có những nụ hoa Daisy màu vàng giống như một loài cúc núi có mùi thơm. Chúng sống rất lâu và bóng tối đang ràn rụa trên từng cành nhánh mỏng. Đã bao lâu rồi chúng chứng kiến những hạnh phúc và lắng nghe đủ mọi chuyện tầm phào của mọi người- cho đến khi nào gói ghém tất cả những thứ đó vào nằm yên lặng trong thùng rác. Chúng tôi không nhớ là đã nói với nhau những gì. Nhưng đã đến lúc chúng tôi phải đứng lên ra quầy tính tiền, trả lại cho những bàn ghế và người hầu bàn tốt bụng một phần còn lại của đêm. Tiếng nhạc bây giờ nghe rõ rệt như bài hát dành cho hai chúng tôi, trong khi những con cá màu cam quẫy đuôi mừng rỡ. Giống như những nụ hoa, chúng cũng có mặt trong một cõi thiên nhiên giả tạo giống như cuộc đời thu hẹp- và niềm hoan lạc đầy ứ bên những cánh rêu trôi giạt quanh chúng. Bài hát đuổi theo chúng tôi ra tới tận ngoài sân. Tôi đứng lại để nghe cho rõ, trong khi Duy tìm kiếm trong túi áo xâu chìa khóa. Bãi đậu xe vắng lạnh và đêm chạy sâu trên những vũng tối khuất lánh tầm mắt. Ánh điện mù căm trước tiệm làm liên tưởng đến một cà phê đèn mờ, và chúng tôi như thể hai con chim đêm vừa rời khỏi chỗ nấp. Duy ôm tôi từ phía sau. Những ngón tay gai góc sờ soạng trên vai, trên lưng, như những nhánh xương rồng ngoài đêm. Chàng hôn tôi. Tiếng nói anh nghe khàn đục như hai buồng phổi bị ngợp nước:

- Đố em biết bản gì?

- Bản gì? Tôi hỏi lại.

- "Cây Chanh"- Lemon Tree- Của Peter, Paul và Mary. Có một thời bản này nổi tiếng ở Mỹ. Ra ngoài xe anh mở lại cho em nghe.

Chúng tôi quấn quít lấy nhau. Căn nhà nhỏ xinh xắn mới vừa vắng bóng ba mẹ tôi. Tôi thấy xấu hổ vì không cưỡng chống được những quyến rũ từ đôi môi ham hố của Duy trên cổ tôi. Nơi những hàng nút áo vừa mở bung như một vết thương bị mở miệng. Bức tranh chụp lại từ nguyên tác của Claude Monet treo nghiêm trang trong phòng ngủ. Những con thuyền bồng bềnh trên một bến nước, ràn rụa như thể toàn bộ phong cảnh đang chìm đắm trong sương mù. Không biết ai đã lôi kéo ai ngã xuống nơi chiếc giường giờ đây cũng bồng bềnh một cảm giác chóng mặt. Có một lúc nào đó, qua vai Duy, tôi thấy màu bọt đô của chiếc rèm kéo lại nửa chừng phơi bày một khung trời đầy bóng tối bên ngoài. Nơi chỉ có đêm và giá rét tháng mười một. Nơi mà mới vừa hôm qua tôi vẫn đi một mình dưới lòng mùa thu đếm thầm những năm của mình. Đứa con gái lớn lên cùng với những phiền muộn và biết mình yếu đuối khi không còn ai thân thuộc. Ba mẹ tôi đã dừng lại, chia tay với tôi không một lời hẹn, từ mùa hè năm trước. Họ đã rẽ đâu đó, nơi ngã ba cuối đường, cuối đời.

Bây giờ, sự phiền muộn cũng thản nhiên chia tay với tôi, khi những niềm hoan lạc như dấu chân của loài sâu bò trên thân thể không gì che đậy của hai đứa. Duy đang cúi mặt trên khuôn ngực xuân thì của tôi như một đứa trẻ. Không biết anh có nghe những tiếng kêu gọi vô nghĩa của tôi vừa ném trên mái tóc thơm mùi rượu sâm banh hồi chiều. Chỉ biết rằng chúng tôi đùa giỡn, khóc lóc, cấn nát những thanh xuân của nhau với một tấm lòng không muốn nhìn về phía trước. Vì thời gian không có là bao.

Duy cắt chiếc bánh sinh nhật đời con gái tôi, đêm đó. Cho tới giờ phút nầy, khi ở xa, tôi không biết Duy nghĩ thế nào về tôi. Người đàn bà lớn hơn anh ba tuổi đã giật anh khỏi tay tôi. Và hai người có chiều hướng hợp thức hóa mối tình chênh lệnh đó bằng một đám cưới? Tôi không hề biết thêm điều gì mới mẻ về Duy. Trong khi tôi bù đầu chuẩn bị cho một cuộc thi cuối khóa. Thật ra mọi việc làm hoen ố mối tình của tôi với chàng không phải chỉ đơn giản như vậy.

Một buổi chiều mùa đông, trước Giáng sinh vài ngày, trong khi tôi ngồi ở Barnes & Noble, tiệm sách nổi tiếng có bán cà phê vừa lật quyển " War in shadows" của Robert Asprey- nói về cuộc chiến tranh Việt Nam- thì thấy bà. Người đàn bà xin lỗi đã quấy rầy tôi và xin được nói chuyện với tôi trong vài phút.

- Tôi thấy không có gì phiền lòng. Xin mời bà ngồi xuống đây.Tôi nói với lòng xúc động thì ít, mà hồi hộp thì nhiều.

- Chị muốn đi thẳng vào vấn đề vì biết em không có nhiều thời gian. Người đàn bà nói. Tên chị là Ngọc. Em cứ gọi chị như vậy.

- Vui lòng được biết chị.

- Chị mới vừa biết em qua Duy. Người đàn bà bắt đầu nói sau khi nhìn tôi đăm đăm. Mái tóc bà ướt đẫm hơi sương vì mới vừa đi bộ từ phía bên kia đường. Nơi mà bà phải đậu xe vì parking của tiệm sách đầy ắp xe cộ. Khuôn mặt trắng như một pho tượng mệt mỏi và màu viết chì xanh dưới quầng mắt cố che giấu được những vết tích mất ngủ chừng nào hay chừng ấy. Nhưng nhờ vậy tia nhìn trở nên thu hút hơn. Nhìn chung, bà rất hấp dẫn, nếu không nói là quá đẹp. Mới vừa tháng trước, chị không hề biết em là bạn gái của Duy.

- Em không nghĩ chuyện đó làm cho chị đến đây?

- Tại sao không? Người đàn bà cười. Vẻ mệt mỏi thình lình biến mất sau nụ cười đó. Vì chị là bạn gái của Duy.

Vấn đề có vẻ không được suông sẻ. Tôi nghĩ thầm và nhìn ra vuông cửa sổ. Có ngọn đèn tròn treo giống như một chiếc bong bóng màu trắng trôi giạt giữa lối đi và lát nữa đây sương mù sẽ làm nhòe nhoẹt nó. Hàng cây co ro ôm trong lòng chúng những giá rét. Và không ai hình dung ở đàng sau những gờ mái kia đêm có một màu sắc gì. Những vệt đèn xe cắt ngang một vùng tối, nơi có những cánh chim nằm thao thức chưa ngủ. Một buổi tối có lắm chuyện và không biết bao lâu nữa nỗi buồn sẽ theo tôi trở về. Nơi kệ sách, những quyển sách đủ loại, đầy màu sắc, thơm phức, chen chúc, xô đẩy nhau để báo tin cho cuộc đời này sự hiện diện của chúng. Trên trần của quầy bán cà phê, người ta vẽ bức tranh lớn, nhắc nhở một thời xa xưa, nơi mà những nghệ sĩ tầm cỡ của thời đại đã từng tề tựu nơi đây. Hình như trên chiếc bàn chật hẹp phủ vải trắng kia đang nở bùng một thứ ký ức quen thuộc. Và màu sơn làm nền phông của bức tranh có khả năng đẩy lùi thời gian mấy chục năm lại gần với chúng ta thay vì làm xa cách. Ở đó có Hemingway hút vố. Ông vừa từ bỏ những thảm tuyết rực nắng ở đỉnh Kilimanjaro, hay mới trở về sau cuộc chia tay với bầy sư tử nơi rừng già Châu Mỹ- giờ đang cúi xuống Shelley, dáng điệu quê mùa, nhưng thành khẩn. Trong khi Orwell chăm chú nhìn Nabokov. Và Joyce ngồi nghe Mark Twain kể chuyện tiếu lâm.

" Chị cũng là bạn gái của Duy- Và nay mai chắc chắn sẽ là vợ Duy". Người đàn bà ho nho nhỏ và rút từ trong ví ra một tờ Kleenex lau miệng. Có một chút màu son môi in dấu mờ nhạt trên nền giấy trắng mịn màng. Tôi nhìn trân trối vào đó và tự hỏi màu son đó đã in dấu trong trái tim Duy từ bao giờ. Nhưng với tôi, trong lòng tôi vẫn còn nguyên vẹn những dấu ấn của chàng, như mới vừa hôm qua.

- Duy không nói với em điều đó. Tôi nghe giọng nói mình trầm xuống, như sợ những quyển sách đang mọc ra những lỗ tai.

- Hôm nay chị nói với em. Chắc chắn Duy không thể bày tỏ cho em

hiểu thế nào về tình yêu của Duy với em và Duy nói với chị là rất tiếc về sự đổ vỡ. Riêng chị muốn khuyên em là hãy quên...

Hãy quên? Lời nói của người đàn bà làm tôi lạ lẫm. Không biết nàng đã tốn bao nhiêu thời gian và công sức để đến đây nói với tôi như vậy? Và tôi ngạc nhiên thấy mình dửng dưng. Tôi xếp chồng sách bề bộn trước mặt chuẩn bị ra về:

- Không phải chị có mặt chỉ để khuyên em ngần ấy thôi sao? Còn vấn đề yêu cầu em hãy bước ra khỏi cuộc đời anh ấy sao không nghe chị nhắc tới?

- Chị không có quyền. Người đàn bà từ tốn đáp. Vì Duy là người sẽ quyết định chớ không phải chị hoặc em, phải không?

Tôi đứng lên tìm tới những ngăn kệ và để lại những quyển sách mà tôi đã mượn vào đúng vị trí ban đầu. Người đàn bà cũng đi theo tôi và tôi có ý nghĩ tôi sắp sửa trả Duy về nơi chốn của chàng. Không phải ai cũng tìm thấy nỗi hân hoan và những màu sắc lấp lánh trên những ngăn đời có quá nhiều gai góc kia. Và bàn tay đưa ra để hái những hạnh phúc chông chênh bỗng nghe đau buốt. Tôi nghe tiếng người đàn bà thì thào bên tai tôi, ngọt ngào như một người bạn gái quen thuộc từ lâu:

- Em còn trẻ. Chị không tin em biết buồn.

- Em mong như vậy. Tôi đáp. Chúng ta có nên chia tay nhau chưa? Tôi hỏi.

- Nếu em muốn. Người đàn bà sờ soạng để tìm chìa khóa.

Chúng tôi bước ra khỏi đó. Và chia tay hai phía. Đêm ném tới mặt mũi tôi những cái tát lạnh run tháng chạp. Khoảng sân ngập đầy những tuyệt vọng. Nơi một khu nhà giàu, người ta treo đèn rực rỡ trên mấy nhánh cây, nhìn xa như một thành phố truyền kỳ trong cổ tích. Chuyện ba Vua tìm Chúa theo ánh sáng của vì sao phương Đông. Chuyện mục đồng thức canh ngoài đồng chờ Hài Nhi Thánh ra đời. Chuyện hang đá quạnh hiu ở Bết Lê Hem mà nơi đó người ta thấy mấy con bò đang thao thức chờ mong một điều trọng đại sắp sửa hiện ra. Ông già Santa Claus râu trắng mặt mũi hồng hào ngồi trên chiếc xe do những con tuần lộc kéo bay ngang qua những mái nhà, kéo theo đàng sau những bánh xe những bông tuyết trắng xóa. Những bông tuyết không ngại ngần phung phí thanh xuân của nó trên bóng tối của ngọn thông, trong khi các vì sao kêu gọi một tình yêu bình dị bên ngoài đời sống vĩnh hằng. Có tình yêu nào cho tôi không? Tôi thầm nghĩ trong khi chạy xe chầm chậm. Lẽ ra tôi phải thấy rõ cuộc chia tay của tôi và Duy từ những tuần lễ trước, không đợi đến khi người đàn bà báo tin. Không ai cúi xuống chiếc bóng của người khác để tìm kiếm một dày vò của lương tâm. Bài học từ cây chanh mới những

ngày qua khiến tôi ngỡ ngàng không tin mình đang gặm nhấm nỗi chua chát. Thực ra thì cũng không phải vì cớ những lời hát mà tôi chạm mặt với nỗi buồn. Nhưng đó là sự thật. "It's common tale but true." ... Cây chanh thật xinh xắn và hoa chanh rất ngọt ngào. Nhưng trái chanh không dễ dàng cho con thưởng thức. "Don't put your faith in love... Đừng nên gởi gắm vào trong tình yêu một sự thủy chung nào hết...

Nếu ai có thể cho tôi biết điều gì rực rỡ hay khác thường về một người lính, và những lý do nào đã gắn chặt những năm thanh xuân của ba tôi vào trong một cuộc chiến không lối thoát, có lẽ tôi sẽ không chú tâm tìm kiếm một giấc mộng u ám nào trong những mớ ký ức hỗn độn mà mẹ tôi thường ném vào ba tôi khi hai người lời qua tiếng lại với nhau. Không ai nói cho tôi biết rằng cách đây mấy chục năm, có một quốc gia nhỏ giống như một vệt bụi nằm trên bản đồ thế giới nhưng rất nổi tiếng vì bom đạn cày xới và chết chóc mỗi ngày. Nơi có đủ tất cả mọi khổ đau và con người ta luôn luôn sợ hãi mỗi khi đêm xuống. Ba tôi đã từng là một người lính trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Ông tham dự vào cuộc chiến với nhiệt tình của một người ở phe bên này chống lại phe bên kia- Và theo như lời ông nói, có một phần cơ thể ông bị mất mát để bảo vệ cho cái chính nghĩa tự do kia. Nhưng không phải hoàn toàn như vậy. Mẹ tôi tiết lộ cho tôi biết cái vết thương mà ba tôi đang có trên người chính là kết quả của một mối tuyệt vọng thăm sầu nào đó khi ông chưa gặp bà. Mối tình bèo bọt và phù phiếm nhưng đủ để làm ba tôi "thân bại danh liệt". Và chính điều này đã khiến mẹ tôi ghét cay ghét đắng cái "con mẹ" không ra gì làm vẩn đục hạnh phúc của bà.

Tôi không kiểm chứng được bằng trực giác những gì ba mẹ tôi nói. Những uẩn khúc và những đau khổ từ phía nào cũng làm cho tôi buồn rầu- Dầu tôi chưa có kinh nghiệm để nắm bắt một mảnh vụn riêng tư của quá khứ làm trầy trụa hạnh phúc chung của hai người. Nhưng chắc chắn là quyền sử của gia đình chúng tôi có nhiều trang được viết bằng những chủ quan nhiều hơn là vô tư. Và ai là người "phóng đại" thêm để gây xúc động cho đứa con gái mười tuổi vốn hay vòi vĩnh và xí xọn. Ba tôi không nhắc nhở hoặc hé môi cho tôi biết thêm những gì liên quan đến những lời tố giác của mẹ tôi. Nhưng dầu sao, trí óc thơ dại của tôi vẫn bị kích thích bởi bóng dáng sừng sững của ông và mong muốn thấy ông là một người anh hùng, thay vì là một kẻ tình si.

Buổi chiều mùa đông phả những hơi lạnh trên mấy tàn cây ủ ê trước sân nhà, ba tôi trở về sớm từ sở làm và ngồi chờ mẹ tôi làm cơm bên ly cà phê không được nóng lắm. Chiếc áo khoác rộng màu kem mua từ Việt

Nam hơi cũ vì thời gian hay vì nỗi sầu muộn trộn vào đó. Lớp bông gòn chính giữa hai lớp áo lộ rõ ra ngoài . Ba tôi nói đùa: "Đây là áo vũ cơ hàn". Tôi không hiểu ý nghĩa của những tiếng đó. Mẹ tôi giải thích đó là một tuồng cải lương xa xôi , và khuyên tôi đừng bận tâm về những vớ vẩn của ông. Ba tôi thản nhiên ngồi ngắm mẹ tôi nấu nướng. Bà luôn cảm thấy bận rộn với những chuyện bếp núc cuối tuần. Không một ai thích ăn đồ Mỹ. Riêng tôi còn thưởng thức chút đỉnh, khi thì miếng pizza, khi thì món hamburger mua vội vã ở Mac Donald, hoặc Burger King. Thứ nào cũng bị ba tôi chê lên chê xuống. Cơ thể ông ốm yếu nhưng không phải vì vậy mà ông tiếp thu được những thứ "hầm bà lằng" như vậy. Món mà ông tạm chấp nhận là cà phê. Dĩ nhiên không phải cái thứ nước đen chua chua lờ lợ nằm trong chiếc bình thủy tinh luôn tỏa mùi thơm kia đã quyến rũ được ông. Nhưng tìm kiếm ở đâu ra những giọt cà phê phin chảy quạnh hiu xuống đáy ly như những giọt buồn? Những ly cà phê làm gợi nhớ những buổi sáng dĩ vãng. Những hoàng hôn mịt mùng ướt đẫm sương mù và mưa bụi. Những ly cà phê nơi bến xe đò khi chia tay với người bạn gái tuổi dần đẹp não nùng như lời ông nói. Nào ai biết được từ những ly cà phê uống một mình như vậy, ba tôi đã gởi gắm hay chia sẻ với cuộc đời lưu vong này một chút thương tật nào đó?

Mẹ tôi là người cương quyết chống lại việc uống cà phê của ba tôi, từ khi còn ở quê nhà. Không biết theo một sách vở nào bà cho rằng uống cà phê làm đen phổi. Và vết nám trong phổi ba tôi là hậu quả của nó. Trước ngày lên đường sang Mỹ định cư, mẹ tôi đã khốn đốn vì vết đen nằm trong phổi của ba tôi. Vì bệnh viện Chợ Rẫy đã từ chối cho chúng tôi lên đường. Nghe mẹ tôi kể lại bằng giọng bực bội cố hữu, tôi cũng cảm thấy ái ngại muốn đứng về phía bà, nếu không nhìn thấy vết thương trên ngực ba tôi. Viên đạn đã xuyên từ trước và trổ ra sau lưng, để lại vết thẹo bằng đầu ngón tay. " Lâu quá rồi để ba không còn nhớ là Việt cộng nó bắn ba trong dịp nào". Ba tôi nói một lần chở tôi đi nhà thờ không có mẹ tôi theo." Con cứ biết rằng chiến tranh luôn đem đến cho người ta sự mất mát." Và ông nói tiếp: " Nhưng chiến tranh cũng làm cho người ta nhìn cuộc đời khoan dung hơn".

Căn nhà chúng tôi dọn về ở có tuổi thọ là mười hai năm, nằm trong khu trường A.C.C- chữ viết tắt của Austin Communication College- Ba tôi muốn sau này khi tôi lên trung học sẽ học ở đó. Trường cách hai bloc đường và nếu không có xe tôi có thể đi bộ băng qua một khu Plaza và một bãi cỏ lúc nào cũng có bàn tay người chăm sóc. Ngày nào đi học tôi đều nhìn thấy những cây anh đào non đang phơi mình trong nắng. Và vòi nước phun những tia nước màu bạc trên màu cỏ xanh, đôi lúc làm ướt một

bên kiếng xe- khi thì chỗ tôi ngồi- khi thì chỗ ba tôi- lúc chạy ngang. Tôi nhớ những con chim én bay thành từng bầy hồi tháng mười hai năm ngoái, khi những cơn gió lạnh thổi ngược về hướng đông, lúc trường học đóng cửa hai tuần. Những con chim của thời thơ ấu mỏi cánh bỗng đậu thành từng hàng trên đường dây điện cao thế sau nhà. Chúng hiện diện và kêu gọi một tấm lòng thủy chung nào đang phôi pha và mệt mề vì cơm áo để bỏ bê một khoảnh khắc mùa Xuân lồng lộng bên ngoài. Nơi những gờ mái và dưới những đầu hồi chưa kịp quét sơn làm mới lại, tôi thấy những chiếc tổ nhỏ được bện bằng rơm đang run rẩy trong gió- vết tích của một thời ghé lại của chúng trước khi bay tiếp về phương nam. Trí óc thơ dại của tôi khiến tôi thương xót những con chim bé bỏng trong tưởng tượng:

- Làm sao chúng sống được ? Tôi hỏi. Khi không có ai cho chúng ăn.

- Ba má chúng tha mồi về mớm cho chúng.

- Chim nó có gây gổ với nhau không ba?

- Con này ngu quá. Ba tôi nói trước khi nhìn mẹ tôi. Nó không biết nói làm sao gây gổ được?

Nhưng không hẳn vậy. Sau này tôi biết ba tôi giải thích sai lạc. Năm tôi học lớp năm hay lớp sáu, thằng Ung Hoach cho tôi biết là hai con chim hoàng yến nuôi ở nhà nó bỗng gây gỗ và mổ nhau, một con sổ lồng bay đi. Ung Hoach là người Mỹ gốc Chinese, dân nhà giàu, xài kỹ. Nhưng mùa Valentine năm đó bổng dưng nó tặng tôi một cây viết xài mực có khắc hai chữ U.H. Tôi không biết dùng như thế nào và cứ để nguyên trong hộp đựng trên bàn làm việc của ba tôi, bên cạnh cây Bonsai lùn xủn. Thật kỳ lạ. Khi tôi lớn khôn, tôi mới biết rằng mẹ tôi chăm sóc tôi giống như người ta trồng Bonsai trong chậu. Bà muốn tôi trưởng thành trong một khuôn khổ do bà sắp đặt. " Húp thêm chén canh nầy cho nó bổ." Hoặc: "Đừng ăn món đó nhiều nóng lắm, mai mốt nổi mụn giống như ba mầy". Đôi khi đang dán mắt say sưa vào bộ phim hoạt hình Walt Disney, bà la: "Tắt T.V, lấy cửu chương ra học..."

Ba không có như vậy. Ông để tôi an tâm bước đi trên đôi chân của mình. Đôi khi tôi sẩy chân vấp té. Nhưng mỗi lần như vậy tôi trở nên tự tin hơn. Mẹ tôi không thích ra mặt. Bà phàn nàn:

- Anh chìu nó làm cho nó hư.

- Nhưng không phải cứ áp đặt là nó phải theo. Sự giáo dục ở đây không giống như hồi chúng ta còn nhỏ. Vả lại em nhớ là chúng ta không phải lột da sống đời để đi bên cạnh nó.

- Chính vì vậy nên phải uốn tre khi còn măng.

Toàn là những danh từ lạ lẫm tôi không rõ nghĩa. Nào là "uốn tre khi còn măng" và "lột da sống đời"... Nhưng tôi không có cơ hội để hỏi ngay

khi vừa mới nghe, vì sau những lời qua tiếng lại như vậy thì cuộc chiến bùng nổ. Và chỉ chấm dứt khi ba tôi chụp cái mũ lên đầu và ra khỏi nhà.

Tôi buồn rầu chui vào căn phòng của mình, ngẩn ngơ hồi lâu trước keyboard và những khung chữ chớp nháy như một thứ hạnh phúc rời rã. Tôi không biết tại sao những điều tương phản nhau lại song hành bên nhau lâu dài. Và thời thơ ấu của tôi gồm có những niềm vui nỗi buồn trộn lẫn. Gồm có tiếng cười hân hoan nhưng cũng có nước mắt. Tôi không phải là cái gạch nối cho hai đường xe lửa đi bên cạnh nhau nhưng không bao giờ gặp nhau kia hay sao? Có lẽ nào như vậy? Tôi tự hỏi điều đó khi tôi có đủ trí khôn. Còn bây giờ thì cố gắng để không phải vì tôi mà hai người phải cay đắng nhau, mặc dù tôi lờ mờ hiểu rằng tôi vừa là nguyên nhân nhưng cũng là kết cuộc.

Đôi khi tôi theo ba tôi ra ngoài tham dự vào những hội hè đình đám. Không có mẹ tôi. Bà thích ở nhà nấu nướng trong những ngày cuối tuần. Thảng hoặc đi mua sắm một mình. Chỉ khi ngồi trong nhà thờ người ta mới thấy hai người tỏ vẻ quan tâm với nhau. Và đôi khi trong ánh sáng mờ tối của một buổi chiều chủ nhật, tôi bắt gặp đôi mắt ba tôi đậu xuống trên khuôn mặt mẹ tôi, sững sờ. Dường như ông tìm thấy ở đó một điều gì ấm áp hay một nỗi ham muốn trần tục nào chăng? Vài lần tôi đứng hát trước Hội Thánh, mùa Giáng Sinh hay ngày lễ truyền giảng nào đó. Chị Ái con ông Mục Sư ngồi đàn phía sau. Lúc đầu tôi hơi run rẩy không làm chủ được giọng hát của mình. Nhưng sau vài câu, tôi an tâm biết giọng mình cũng không đến nỗi tệ. Tôi muốn hát riêng cho ba tôi nghe. Bài hát mà ông rất thích (thường khi ông ngồi mệt mỏi sau tay lái, trên chuyến xe đường về, lắng nghe tôi hát đi hát lại điệp khúc quen thuộc: Đời tôi luôn ca ngợi Chúa GiêXu, Ngài hơn bao bông hồng tươi thơm ngát...Lúc ta lang thang trên bước đường lạc lầm, Vì yêu ta Chúa quên thân Ngài...)

Mùa đông làm tối rất mau bên hông sân nhà thờ, trên bãi cỏ mà đám con nít chúng tôi vẫn rượt đuổi nhau khi người lớn đang nhóm họp bên trong. Cây thánh giá im sững màu nâu chìm trong màu xám lướt thướt của sương mù. Và cuộc đời theo tôi không hoàn toàn là những cuộc vui huyên náo mà còn có những lặng lẽ. Tôi không biết tại sao từ dưới những thớ gỗ vô tình kia lại có khả năng làm biến đổi người ta trở nên thánh thiện hơn hoặc buồn rầu hơn. Tuổi tôi lúc đó chưa phân biệt được những gì đúng sai mà người lớn đặt ra. Chúng tôi không được nói cười lớn tiếng khi đang giờ thờ phượng. Không được đi lại trong lúc ông Mục sư đang giảng. Năm tôi tám tuổi tôi vẫn còn lén uống phần rượu thánh còn sót lại của ba tôi trong những tuần có Tiệc Thánh. Tôi tưởng ba tôi không biết, nhưng tôi lầm. Sau giờ nhóm, trên đường về, ông nói:

- Mai mốt con không được uống rượu trong nhà thờ theo cách như vậy.

Tôi ngạc nhiên pha lẫn xấu hổ:

- Sao ba biết?

- Ba nhắm mắt cầu nguyện nhưng vẫn... thấy.

- Con thích uống vì nó ngon quá mà ba.

- Con chưa thể uống vì con chưa được phép. Ba nhìn tôi nghiêm khắc. Khi con mười bốn tuổi con làm lễ Báp-têm con sẽ được uống giống như những người khác.

Mẹ tôi xen vào:

- Con gái gì y hệt con trai. Anh coi trời lạnh mà nó chạy giỡn ngoài sân tóc tai mình mẩy đầy mồ hôi. Về nhà bệnh hết đi học cho coi.

Tôi không lắng nghe hết những gì mẹ tôi nói. Đó là những điệp khúc của bà, không có gì mới mẻ. Tôi lim dim mường tượng đến năm tôi mười bốn tuổi, tôi sẽ hả hê tham dự vào những lễ nghi hấp dẫn của người lớn. Còn bây giờ, hãy đứng bên ngoài và cố gắng đè nén những ham muốn trẻ con của mình.

Lâu lắm rồi tôi mới có dịp ra phía sau nhà xem lại mảnh sân nhỏ bé đầy ắp những kỷ niệm ngày mới lớn. Mái hiên có mái che nắng đã muốn xiêu vẹo và bụi thời gian đã làm màu sơn trở nên xấu xí. Chiếc lò nướng B.B.Q nằm yên lặng ở cuối sân. Cạnh đó là hai cây hồng dòn ba tôi trồng vài tháng sau khi về ở. Buổi chiều cuối tuần đôi khi có khách từ nơi xa đến chơi, mẹ tôi lui cui nấu nướng cùng với vài người bạn. Ba tôi và vài người đàn ông khác ngồi lai rai bên chiếc bàn làm bằng gỗ thông sơn màu đỏ bầm nói năng ồn ào. Mùi thịt nướng từ lò bay lan sang hàng rào hàng xóm, và nếu hạnh phúc có mùi vị thì tôi biết nó đang ngợp ngụa trong khu vườn nhỏ giống như vậy, vì rất ít khi tôi nhìn thấy nét rạng rỡ trên mặt ba mẹ tôi. Nhứt là ba tôi. Cái vẻ ủ rũ ít nói thường ngày biến đi đâu mất mà bây giờ ông bỗng trở thành một "con cưởng mới lột lưỡi" (câu này mẹ tôi thường nói). Những người bạn của ba tôi cũng vậy. Khi những lon bia trở thành những chiếc lon không móp méo nằm dưới chân họ, cũng là lúc câu chuyện gay go. Thường là dính líu về hiện tình ở Việt Nam. Ai đó khơi mào:

- Nghe nói Đại Úy T. mới về Việt Nam tháng rồi.

- Vậy sao? Ba tôi hỏi.

- Bây giờ người ta về thăm nhà như đi chợ. Cộng Sản họ đã thay đổi hoàn toàn đường lối chính trị, không còn khó khăn như lúc mình mới sang đây.

- Ai nói với anh như vậy? Họ hé mở vài cánh cửa nho nhỏ để bòn rút ngoại tệ, nhưng cánh cửa lớn là tự do nào có thấy hé ra đâu?

- Dầu sao cũng dễ thở hơn.

- Anh về chưa mà biết dễ thở? Một người lên tiếng.

Những người đàn bà mỉm cười lắng tai nghe. Chuyện đi về Việt Nam từ khi người Mỹ bỏ cấm vận bỗng trở nên quen thuộc. Gặp nhau ngoài chợ, trong lúc tìm kiếm đồ ăn thức uống họ thông báo tin tức cho nhau về người này hoặc người nọ. Thường là chuyện đi về thăm nhà hoặc dựng vợ gả chồng cho con cái. Ba tôi là một người luôn luôn dị ứng với những tin tức như vậy. Ông nói với tôi:

- Con lấy thêm đá cho ba và mấy bác.

Ly bia nằm trong bàn tay ông vàng óng ánh màu nắng chiều trong khi khuôn mặt ông xanh xao như một người mới từ phòng hồi sinh bước ra. Ông nhướng mắt về phía tôi lúc tôi để khay nước đá trên bàn:

- Con nhỏ này sang Mỹ được sáu năm. Nhưng tôi nghĩ là nó sắp sửa quên mặt bà nội nó.

- Mai mốt có tiền anh và chị đưa nó về thăm chớ sao đâu? Một người đàn bà nói.

- Không phải chuyện tiền bạc. Nhưng tôi không có chủ trương về trong lúc này. Ba tôi từ tốn đáp. Thôi thì hãy cho nó quên luôn.

- Sao vậy?

Mẹ tôi chen vào:

- Ảnh thuộc loại gàn bướng chị ơi. Hơi sức đâu mà thắc mắc. Ảnh không muốn về vì còn chế độ Cộng Sản ở đó. Ảnh luôn nói như vậy. Má của ảnh năm nay cũng gần tám mươi. Bà nói riêng với ba tôi: " Không phải ai cũng lợt lạt như anh đâu? Ai người ta cũng nhớ gia đình của họ".

- Tôi có nói là tôi không nhớ đâu? Ba tôi nói. Nhưng thời gian chưa đủ dài để cho nỗi nhớ mọc chân trở về. Giữa sự nhớ thương và lòng tự trọng của một người tị nạn chúng ta phải hi sinh một thứ. Còn biết bao nhiêu người đang mõi mòn trên đảo chờ ngày định cư ở một nước thứ ba. Chúng ta trở về là chặt đứt niềm hi vọng của họ. Vì sẽ không cần thiết để tìm cách cho một nhóm người này ra đi trong khi có những nhóm khác lại muốn trở về sống lại với Cộng Sản.

Vả lại, sự nhớ thương không nhất thiết chứng tỏ bằng hành động nói trên. Tại sao không gởi tiền về cho gia đình? Nó thực tế hơn.

- Tôi cũng nghĩ vậy. Đó cũng là một cách mình báo đáp hữu hiệu. Người ngồi kế ba tôi lầu bầu trong miệng vì bận nhai. Cái gì mà mới qua mấy năm chưa sạch hết nước phèn ở quê nhà đã quay đầu về, trong bụng thì áo gấm về làng ngoài miệng bào chữa "xa quê hương nhớ mẹ hiền".

Thôi bỏ qua chuyện đó đi. Con gái ráng học hành cho giỏi để viết thư thăm bà nội.

Tôi thấy mình bỗng dưng trở thành một đề tài nổi cộm giữa bàn nhậu. Tôi không biết làm thế nào ba tôi có thể ngụp lặn mãi không thôi trong một quá khứ đầy những xáo trộn, trong đó định mệnh lầm lẫn đã xóa sạch mọi dấu vết mê đắm làm nền tảng cho một tình yêu buồn. Điều gì làm ông quay lưng lại với nơi chốn đã ra đi, trong khi lá cờ vàng ba sọc đỏ cắm trên bàn viết của ông không phải là một chứng cớ để ông thổn thức về nó mỗi ngày?

Tôi trở lại nghĩa trang để từ giã ba mẹ tôi một lần chót, trước khi thu xếp để di chuyển theo hãng mới về New Jersey. Tôi không nghĩ rằng họ còn có những giận hờn nhiều như ngày còn sống để chia sẻ với nhau. Cuộc đời buồn tẻ và lạc lõng như hai nhánh sông đã xa rồi. Bây giờ hai người có quyền kề cận nhau mà không phải so bì một thứ hạnh phúc chật chội mọc lên từ những tan tác, chia phôi. Như một bù đắp. Trên lối đi trần trụi màu gạch đỏ bị hoen ố vì năm tháng, gió làm cuống quít những chiếc lá khô. Chúng không phải có mặt để kêu gọi cuộc đời hãy vui hơn hay buồn hơn. Nhưng hình như mỗi một chiếc lá mang trên lưng nó những xao động làm ngẩn ngơ người sống còn lại. Tôi không muốn quay nhìn về phía hàng rào sơn đen tượng trưng cho một tuyệt vọng không thể bày giải, nơi có Duy đang đứng. Hai bó hoa màu trắng chàng đã đặt nằm ngay ngắn trước hai phiến đá vuông gợi lại tôi nỗi chua xót tôi không muốn nhớ. Duy đã làm gì trong suốt thời gian chúng tôi xa nhau? Chị Ngọc nghe nói đã trở về lại Việt Nam và chết trong một tai nạn giao thông vô lý. Không lẽ chàng mải chạy đuổi theo một quá khứ vô ích luôn bay về phía trước bằng hai cánh? Tôi thì không thể. Mối tình của tôi và chàng không phải là một chuyện cổ tích có hậu để tôi lúc nào muốn đọc lại sẽ lật tìm ở trang có làm dấu bằng chính những tức tưởi của mình? Tôi cũng không thích làm một khán giả luôn ngồi nán lại sau cùng từ một chuyện phim buồn trong khi mọi người lũ lượt ra về. Trong khi mọi người lũ lượt vượt qua bao nhiêu bể dâu để hạnh ngộ một bờ bãi thủy chung và hớn hở những tao phùng?

Cuối cùng, khi ngồi ngay ngắn trước tay lái và nổ máy, tôi thấy mình chảy nước mắt trong khi trái tim vang lên bài hát "Cây Chanh" ngày trước, khởi đầu bằng những câu:

" Khi tôi lên mười tuổi, cha tôi nói với tôi rằng..."❐

Văn liệu về Văn học Hải ngoại

Trên Văn Học tháng 12.1996, Ban Chủ biên có loan báo: Từ số báo sau Tết, sẽ mở thêm mục "Văn Liệu" để tiếp tục công việc sưu tầm nghiên cứu văn học hải ngoại.

Sau mười tám tháng mở mục "Hai mươi năm văn học hải ngoại - Tác phẩm và Tác giả", Ban Chủ biên đành phải tạm ngưng mục này vì đã kéo dài quá lâu, dù biết công việc dự định từ tháng 7 năm 1994 còn nhiều thiếu sót trầm trọng.

Trong những người cầm bút ở hải ngoại, Văn Học chỉ mới giới thiệu được một số nhỏ, phần lớn là những người bắt đầu viết từ nước ngoài sau 1975. Nhiều nhà văn nhà thơ đã thành danh trước 1975 ở Miền Nam, sau khi ra định cư ở hải ngoại qua nhiều đợt khác nhau, vẫn tiếp tục sáng tác hăng say. Văn Học chưa có điều kiện phỏng vấn, sưu tầm văn liệu, giới thiệu tác giả tác phẩm của đa số những người cầm bút tiếng tăm này. Nhiều nhà văn nhà thơ quan trọng viết sau 1975 cũng chưa được Văn Học giới thiệu với bạn đọc.

Đó là lý do những trang "Văn liệu về Văn học Hải ngoại" bắt đầu xuất hiện trên số báo tháng Ba năm 1997.

Và để mở đầu một mục mới, Văn Học tìm văn liệu về hai nhà văn thuộc hai thế hệ khác nhau: *Duyên Anh* và *Nguyễn thị Thanh Bình*. Sau một kỳ gián đoạn, trên số này Văn Học lại xin giới thiệu hai nhà văn thuộc hai thế hệ khác nhau: nhà văn *Tạ Tỵ* thuộc thế hệ nhà văn đã thành danh trước 1975, và nhà thơ *Lưu Nguyễn* thuộc thế hệ mới bắt đầu cầm bút sáng tác ở hải ngoại sau 1975.

Phỏng vấn nhà văn Tạ Tỵ

nguyễn mạnh trinh

1.- Xin anh cho một vài dòng về tiểu sử của mình?

Tên thật: Tạ Tỵ. Sinh năm 1921 (Tân Dậu) tại Hànội.

- Đi kháng chiến chống Pháp từ ngày 19-12-1946, đến tháng 6-1950 về Thành vì nhận ra Mặt Trận Việt Minh chỉ là Cộng sản trá hình.

- Năm 1938 theo học Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương (Ban Sơn Mài). Tốt nghiệp năm 1943. Đỗ đầu.

- Đã tự thực hiện được ba phòng triển lãm cá nhân, trưng bày những bức tranh sơn dầu loại "Tiền Tiến" (Avant Garde) vào những năm 1952 tại Hànội, năm 1955 và 1960 tại Sàigòn. Là người thứ nhất vẽ Lập Thể từ năm 1943.

- Tháng 3-1953 động viên Khóa 3 Thủ Đức. Giải ngũ tháng 6-1972 với cấp bậc Trung Tá.

- Bị tập trung cải tạo từ 15-6-1975 tới tháng 1-1981. Được tha vì quá già yếu, không còn đủ sức lao động.

- Dự định tổ chức một phòng triển lãm gồm 50 họa phẩm trừu tượng và 50 Khuôn Mặt Văn Nghệ Nổi Tiếng đương thời. Số tranh vẽ đã gần xong. Phòng Triển Lãm được dự định mở cửa vào tháng 12-1975, nhưng chẳng may Việt cộng đã cưỡng chiếm miền Nam vào cuối tháng 4-75 nên dự tính không thành. Rất tiếc!.

- Đã viết được 13 tác phẩm Văn Chương, trong đó có 2 cuốn Thi Ca. Đã cộng tác với hầu hết các Tạp Chí Văn Học từ miền Bắc tới miền Nam từ năm 1950 tới tháng 4-1975. Ở hải ngoại đã cộng tác với các tạp chí Văn, Tân Văn, Thế Kỷ 21 v. v.

- Vượt biên vào trung tuần tháng 6-1982, được tàu đầu Anh quốc vớt ngoài khơi, hải phận Mã Lai rồi đưa vào Pulau Bidong. Tháng 3-83 định

cư tại Mỹ.

2.- Như vậy anh đã có quá trình cầm bút rất dài, từ năm 1950 tới bây giờ. Nguyên do nào mà anh gắn bó với văn chương bền lâu như vậy?

Cứ kể ra thì hơn nửa thế kỷ cầm bút sơn cũng như bút sắt, có lẽ gần dài bằng một đời người. Đúng ra, tôi bắt đầu viết từ ngày đi kháng chiến vào những năm 47, 48. Dạo ấy tôi làm thơ, viết văn với mục đích chống Pháp. Nhưng đến ngày quyết định về Thành, tôi bỏ lại tất cả ở quê nhà, kể cả tranh vẽ của tôi cũng như của Văn Cao gửi nhờ giữ hộ. Vào năm 1952, quân Pháp tràn vào quê tôi tiêu hủy tất cả, biến quê tôi thành một bãi đất đầy tro than cùng những xác người và vật!

Vào cuối năm 1950, hoạ sĩ Bùi Xuân Phái giới thiệu tôi với anh Bùi Xuân Uyên, lúc ấy đang làm chủ nhiệm tờ tạp chí Thế Kỷ. Anh Uyên mời tôi cộng tác viết bài cho vui. Tờ tạp chí này do một nhóm anh em công chức bỏ tiền ra làm chứ không vì chuyện buôn bán. Ban biên tập gồm có: anh Viên Phong, anh Triều Đẩu, nữ sĩ Tương Phố, nữ sĩ Thụy An Hoàng Dân, anh Doãn Bình, anh Trúc Sĩ và tôi, cùng vài ba người khác lâu ngày tôi quên tên. Nội dung những bài viết của tôi thời ấy đều thuộc về vấn đề xã hội, một xã hội đang bị vùi dập vì chiến tranh, đêm đêm tiếng đại bác vẫn cầm canh xung quanh Hànội. Mắt tôi đã nhình thấy rất nhiều cảnh huống bi thương xảy ra hằng ngày. Những dòng người hồi cư dắt díu nhau, không nơi trú ngụ phải dùng gầm cầu làm nhà ở, thiếu thốn đủ thứ. Có những cô gái còn nhỏ đã phải bán dâm để sống và nuôi gia đình, gây cho tâm cảm tôi nhiều xúc động. Tôi thấy có bổn phận phải viết ra cho mọi người thấy cái nỗi đau chung của dân tộc, căm thù giặc Pháp và cùng nhau cứu giúp những đồng bào không may, thất thế. Thực ra, họ không phải người Hànội chính cống, họ là những người nhà quê chạy loạn vào thành phố cho an toàn, vì thế, họ phải sống một đời sống đọa đày kéo dài chưa biết đến bao giờ? Hồi đó tôi cùng làm việc chung với nhà văn Ngọc Giao ở Nha Thông Tin. Anh đã đọc tôi và khuyến khích rất nhiều để có tôi hôm nay. Tôi viết, mê mải viết, rồi mê Văn Chương lúc nào không hay. Khi nào chán vẽ, tôi viết hoặc làm thơ, chứ ít khi nào chịu ngồi không. Nó như cái "nghiệp" cứ buộc chặt thêm mãi cái "chướng" vào thân phận.

3.- Được biết anh là người đa tài, tốt nghiệp Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương, đã học và chơi được nhiều thứ nhạc khí, còn làm thơ và viết văn rất nổi tiếng. Nhưng tựu chung, anh thấy thích thú công việc nào nhất?

Nói đúng ra, tôi, con người đam mê Nghệ Thuật. Bất cứ bộ môn nào cũng làm tâm hồn tôi rúng động. Tôi học violon từ năm 16 tuổi, nhưng sau những năm học, tôi thấy không tiến bộ bao nhiêu, tôi bỏ luôn vì biết mình không có năng khiếu. Vì chơi violon nên tôi mới quen Đỗ Thế Phiệt, một tay chơi vĩ cầm tuyệt luân. Khi tôi về Thành, người bạn tôi gặp đầu tiên là Đỗ Thế Phiệt. Khi được Phiệt cho biết, ngày mai sẽ xuống tàu đi Pháp học nhạc, tôi mời Phiệt lên đường Cổ Ngư ăn bánh tôm, rồi hai đứa chia tay. Sau khi học xong trở về Sàigon và đã có gia đình, Phiệt làm Giám Đốc Trường Quốc Gia Âm Nhạc một thời gian, rồi chẳng may mất về bệnh tim khi hãy còn trẻ.

Lẽ dĩ nhiên tôi yêu Hội Họa nhất, do đó, tôi mới chịu bỏ 5, 6 năm trời để học. Vì coi Hội Họa là chính nên tôi hy sinh suốt một dòng sống để tìm tòi, nghiên cứu. Ngoài giờ học ở trường, tôi còn đến thư viện đọc sách, tra cứu về sự tiến hóa của Nghệ Thuật Tạo Hình, do đó, tôi mới biết đến trường họa Lập Thể của ông Picasso và các hoạ phái khác như Siêu Thực, Dã Thú, Dada, v. v... Nhưng văn chương và thi ca lại cho tôi cái vui khác là phổ biến được những điều mình suy nghĩ đến với độc giả, hơn nữa, sự phổ biến của nó rộng rãi hơn Hội Họa nhiều. Trong các bộ môn nghệ thuật, tôi cho rằng Hội Họa bị thiệt thòi hơn cả, vì sự phổ biến bị hạn chế vào địa điểm, vào thời gian, cũng như giá tiền mỗi tấm tranh rất đắc vì nó chỉ có một tấm duy nhất, bán đi là mất, người họa sĩ chẳng còn gì ngoài tấm ảnh kỷ niệm. Số người thưởng ngoạn cũng ít ỏi bị hạn chế bởi không gian.

4.- Khi học ở Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương chắc anh cùng thời với nhiều họa sĩ nổi tiếng như: Hoàng Lập Ngôn, Phạm Đăng Trí, Bùi Xuân Phái, Văn Cao...Vậy anh có kỷ niệm nào với những họa sĩ này không?

Khi tôi theo học trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương, bạn hữu rất nhiều. Có người học trên tôi như Hoàng Lập Ngôn, Nguyễn Đức Nùng, Lê Quốc Lộc, Nguyễn Tiến Cung, U Văn An v.v... có người học cùng lớp như Nguyễn Văn Đô, Nguyễn Văn Trường, có người học lớp dưới như Bùi Xuân Phái, Nguyễn Sáng, Phạm Đăng Trí, Nguyễn Sỹ Ngọc, Trần Đình Thọ, Phạm Văn Đôn, thi sĩ Phạm Hầu, Huỳnh Văn Gấm, Phan Tại, Văn Cao v.v.... còn nhiều nhưng không thể nhớ hết. Trong những người nói trên đã có một số đông trở thành người thiên cổ, có người để lại một chút tên tuổi, có người không, vì trong nghệ thuật muốn có một chút tên tuổi cũng khó lắm! Tuy bằng hữu có nhiều thật đấy, nhưng tôi chỉ thân với mấy người như Bùi Xuân Phái, Nguyễn Sáng, Văn Cao, Phạm Đăng Trí,

thi sĩ Phạm Hầu (đã chết về bệnh điên tại nhà thương Vôi) và Phan Tại, anh này về sau bỏ vẽ làm nghề đạo diễn kịch. Anh đã dựng vở kịch "Tâm Sự Kẻ Sang Tần" của thi sĩ Vũ Hoàng Chương và vở "Bến Nước Ngũ Bồ" của Hoàng Công Khanh rất nổi tiếng. Sau anh tham gia nhóm Nhân Văn Giai Phẩm bị tù 7 năm!.

Bùi Xuân Phái và Nguyễn Sáng là hai người luôn luôn thúc giục tôi vẽ sơn dầu theo lối mới vì họ đã nhìn thấy ở tôi có khả năng trong những bức tranh mà tôi đã hình thành ở nhà, với bố cục, hình thể và màu sắc thật đặt biệt, chưa ai có. Nguyễn Sáng vẽ rất khéo tay sở trường về tranh lụa, tính tình rất nóng nẩy, anh đã tốt nghiệp Trường Mỹ Nghệ Gia Định, ra Hànội học thêm. Thường ra, sau mỗi giờ tập vẽ người mẫu có mười lăm phút nghỉ, anh em lại tụ tập ngoài hành lang tán láo. Chính Nguyễn Đức Nùng biết tôi có làm thơ, nên mới giới thiệu tôi với Đinh Hùng và Vũ Hoàng Chương trong một buổi tối mùa thu Hànội tại một tiệm hút, gần đền Bà Kiệu, cạnh hồ Hoàn Kiếm.

5.- Họa sĩ, thi sĩ và văn sĩ có cùng chung một ngôn ngữ diễn tả không, theo anh? Trường hợp của anh, sự sáng tạo có cùng chung một động lực?

Không, mỗi bộ môn đều có tiếng nói riêng, do đó, tôi mới cần đến văn chương và thi ca để bày tỏ những gì mà hội họa không diễn tả được. Nếu tiếng nói của Nghệ Thuật là tiếng nói chung thì chúng ta đều là họa, thi, văn sĩ cả, không ai khác ai! Điều đó mà có thực thì nghệ nhân là những người bất hạnh!.

6.- Có người nói người họa sĩ hay vẽ lập thể trừu tượng thì khi làm thơ thường hay chọn những cách diễn tả bí hiểm khúc mắc. Theo anh, điều đó có chính xác không?

Tôi không nghĩ như vậy. Làm thơ, viết văn, vẽ là những phương trời riêng biệt. Sự làm "dáng" trong văn chương hoặc thi ca, tùy thuộc vào mỗi người.

7.- Nói chung, anh quan niệm thế nào về sự sáng tạo và cái lạ mà những người khác không có có đồng nghĩa với cái hay và cái tuyệt mỹ?

Nói đến cái "lạ" là chưa chính xác, phải nói về sự tiến bộ của Nghệ Thuật mới đúng. Ở bất cứ ngành nào trong xã hội như Khoa học, Y học, Giáo dục v. v. ... đều phải học hỏi và tiến bộ thì đời sống con người mới

thăng hoa lên được. Anh cứ thử so sánh xem từ đầu thế kỷ đến cuối thế kỷ này đã có bao nhiêu đổi thay và tiến bộ? Ngay cả chị Hằng nằm trên cung Quảng, cũng đã bị những bàn chân nhân thế dẫm lên và lá cờ bằng sắt, chắc bây giờ vẫn còn đứng trơ vơ vì không có gió mưa làm hủy hoại. Còn một vài cục đá được mang về với giá mua hàng mấy trăm triệu đô-la, kể cả những may rủi về sinh mạng con người, mà đã dùng được gì có ích cho đời sống trên trái đất, nhưng người ta phải làm vì tự ái Dân Tộc, để chứng tỏ về sự tiến bộ của khoa học. Vậy sự quan rọng nhất của người nghệ sĩ là cố gắng, luôn luôn cố gắng đi tìm cái "Hay", cái "Đẹp", cái "Tuyệt Mỹ", để phụng sự cuộc đời. Còn chẳng may vì thiếu tài, hoặc chưa tìm ra, chúng ta cũng đành chịu vậy thôi, biết nói làm sao?...

8.- Bây giờ anh có còn vẽ tranh nữa không? Nếu không, cho độc giả biết nguyên do, có phải vì không còn cảm hứng khuôn vải nữa?

Từ ngày ra khỏi nhà tù cộng sản, tôi vẫn còn ám ảnh bởi 12 tiếng kẻng mỗi ngày làm đầu óc mê loạn, tôi chưa điên là may! Anh cũng bị đi cải tạo rồi nên tôi cũng chẳng cần phải nói nhiều, nhưng thú thực với anh, tôi vẫn bị những câu sỉ vả có tính cách hạ nhục, làm mất nhân phẩm do Cộng sản nói ra với những người tù chính trị làm nhức óc, bởi vậy từ ngày ra khỏi nhà tù, tôi không tha thiết một thứ gì cả, kể cả vẽ. Khi qua Mỹ định cư, lúc mới đến vì cần tiền tôi có vẽ được 7 tấm tranh, có 3 bức khá lớn, Tiến sĩ Nguyễn Hữu Xương mua 1 tấm, Tiến sĩ Lê Phục Thủy mua hộ ai một tấm tôi không biết tên, một người Mỹ do Tiến Sĩ Xương giới thiệu mua hai tấm, tôi tặng cho con trai tôi Tạ Chương hai tấm, Tạ Linh một tấm. Từ đó tôi không vẽ nữa, tuy sơn còn cả đống. Có nhiều người bạn từ các tiểu bang khác gọi sang, hỏi còn vẽ không, để đặt mua, giá bao nhiêu cũng được, nhưng tôi phải đau lòng mà trả lời: Tôi không vẽ nữa vì tuổi già, mắt kém, tay bị thấp khớp không vẽ nổi. Sự thực, việc tôi nói cũng không sai đâu, lúc này cái đầu của tôi nó không còn uy quyền chỉ huy cái tay nữa, mà Hội Hoạ cần cả hai thứ mới vẽ được. Nhân dịp này, tôi xin gửi nơi đây lời cảm ơn đến tất cả những ai yêu mến tranh của tôi.

9.- Chắc anh đã thực hiện rất nhiều lần những phòng triển lãm tranh? Có kỷ niệm nào đáng nói và còn ghi nhớ được?

Kể từ ngày ra trường, tôi đã thực hiện được ba phòng triển lãm riêng biệt. Một vào cuối năm 1952 tại Hànội, và hai phòng triển lãm tại Sàigon vào năm 1955 và 1960. Cả ba phòng tranh đều gặt hái được kết quả mỹ

mãn về số người xem và số tranh bán được tới 95%. Sở dĩ phòng tranh được kết quả như vậy vì nó trưng bầy toàn những họa phẩm vẽ theo Trường Phái Mới (Avant Garde), chưa bao giờ dân chúng được xem một lối vẽ như thế. Có người mê tranh đã đứng trước giờ mở cửa, chờ cửa mở chạy ù vào xem những tấm tranh nào mình ưa thích. Còn ở các phòng triển lãm do Chính Phủ Pháp tổ chức, lần nào cũng có tranh của tôi trưng bầy, phần nhiều được tặng huy chương, tiền thưởng v.v... Vì thế tôi biết Huế rất sớm từ năm 1941 và biết Sàigon từ năm 1942. Khi đó, tôi mới trên dưới hai mươi tuổi.

10.- Cuộc đời anh khá đặc biệt, đã đi kháng chiến, rồi trở về thành, vào quân đội, rồi bị cải tạo và qua đinh cư ở Hoa Kỳ. Những biến cố ấy chắc có mặt rất nhiều trong văn chương của anh?

Nói là đặc biệt, sự thật, cũng không có gì đặc biệt lắm, vì cuộc đời nó đẩy mình đi theo định mệnh chỉ đường. Tôi không duy tâm mà rất thực tế là đằng khác, nhưng có nhiều chuyện xảy ra làm tôi dù không muốn cũng phải tin có Định Mệnh! Chẳng hạn khi mới đi tù Cộng sản, có một anh bạn cùng tù biết xem Tử Vi. Tôi nói ngày sinh, tháng đẻ, cùng giờ giấc. Anh viết lá số cho tôi, rồi suy nghĩ một lúc lâu, xong anh nói: anh sẽ mất ở nước ngoài và sống ngoài tám mươi, chết về bệnh già. Tôi không tin, nói cho anh biết ở tù thế này, vừa thua trận xong, Mỹ đã chạy dài, còn ai đưa mình ra nước ngoài để chết? Anh thủng thẳng trả lời: Cái số anh như vậy, tôi chỉ nói theo lá số thôi, còn tin hay không, cái đó tùy anh! Trừ phi anh cho sai ngày giờ thì không kể. Đến hôm nay, quả thực tôi sẽ gửi thân nơi đất lạ quê người thực. Sống lâu, chưa biết! Còn chuyện nữa, khi tôi bị giam tại trại Hà Nam Ninh, một hôm ngồi hút thuốc lào, uống trà với anh Doãn Bình, anh làm cách mạng, đã lưu lạc qua Tầu nhiều năm, anh có viết chung với tôi ở tờ tạp chí Thế Kỷ của Bùi Xuân Uyên, sau một hơi thuốc, anh bấm đốt ngón tay, sau khi hỏi ngày sinh, tháng đẻ của tôi rồi nói: Trong vòng 40 ngày nữa anh sẽ được tha! Nghe xong, tôi cũng chỉ dưới, ai ngờ chỉ trong 30 ngày sau, tôi được gọi tha. Bữa đó, tôi không đi lao động, một người tù anh em hớt hải chạy vào báo tin. Tôi còn đương hoang mang thì một tên công an đã vào giục tôi thu dọn hành trang rời trại. Cho tới bây giờ tôi quá tin vào định mệnh và tất cả những gì xẩy ra đều được được định đoạt trước mà mình không viết đấy thôi. Sự thật đời tôi đã trải qua nhiều gian truân, mỗi gian truân lại cho tôi kinh nghiệm sống, nhưng tôi không coi nó là mẫu số chung, nên nếu có sự bất thường nào mà độc giả nhận ra ở trong văn chương hoặc thi ca của tôi, đó cũng là

điều tất nhiên thôi.

11.- Văn chương phản ánh thời thế, đối với anh có đúng không?

Chỉ đúng một phần. Nó còn ở trong nội tâm với những khúc mắc, một đôi khi thời thế không ảnh hưởng gì tới nó cả.

12.- Nhưng có người lại cho rằng mang chính cuộc đời của mình ra đem cầy xới trong văn chương ít có chất sáng tạo. Theo anh, vấn đề này nên phân tích như thế nào cho đúng?

Sáng tạo ít hay nhiều còn tùy vào tài năng của mỗi nghệ sĩ. Cuộc đời có cung cấp cho ta chất liệu thật đấy, nhưng phải biết chọn lựa, khai thác và biến đổi cho nó trở thành của chung, chứ cứ khư khư giữ làm của riêng thì không được vì cái ta nó "hạn hẹp" lắm! Ngay như thể văn "Hồi Ký" là một thể văn mang nhiều tính chất riêng tư nhất, nhưng khi viết ra để phổ biến đến độc giả, người viết phải uyển chuyển làm sao cho người đọc cũng có cảm tưởng là mình cũng phảng phất có mặt trong đó. Cái ấy mới khó!

13.- Anh cầm bút với mục đích nào? Viết cho mình, tâm sự với người đồng điệu, nói lên những nỗi niềm chung mang của một thế hệ, hoặc vì lý do cá nhân, được nổi danh, nhiều người biết đến?

Nói thật, từ thuở còn ít tuổi, không bao giờ tôi mơ ước được nổi tiếng, vì nổi tiếng khó lắm, chúng ta thử đếm trên đầu ngón tay, có bao nhiêu người làm Văn Nghệ và có bao nhiêu người nổi tiếng và nổi tiếng lâu dài, chứ không phải sự nổi tiếng nhất thời, rồi bị lãng quên! Tôi làm Nghệ Thuật vì tôi yêu nó, tận tụy với nó, hy sinh với nó, nếu vạn nhất giới thưởng ngoạn mà yêu thích Văn, Thơ, Họa của tôi, tôi xin chân thành cảm ơn. Tôi viết để trình bày và tỏ thái độ sống, cũng để gánh vác trách nhiệm, nếu cái đó thuộc về trách nhiệm của nhà văn, nhà thơ, nhà họa. Vâng nó chỉ giản dị như vậy!

14.- Mục đích đó có thay đổi tùy theo từng thời kỳ của cuộc đời cá nhân anh không? Như thời kỳ kháng chiến, về thành, vào quân đội, đi cải tạo và qua Mỹ, có gì thay đổi đáng kể?

Nói chung, mục đích không thay đổi gì nhiều lắm. Khi trước, tôi

thường nhìn xã hội kỹ và sâu với nhiều xót xa, đau đớn, thương cho thân phận con người. Bây giờ tôi vẫn nhìn xã hội, tuy không giống với hôm qua, nhưng là một xã hội với nhiều tệ trạng nặng nề, bạo tàn hơn, thế thôi! Đời sống lưu vong cô đơn quá, đôi khi tủi nhục vì màu da và nguồn gốc, làm tôi phẫn nộ phải thốt ra những lời nguyền rủa độc địa rồi cho hai bàn tay ôm kín khuôn mặt để khỏi phải nhìn thấy những gì mình không muốn thấy.

15.- Anh có quen thuộc với khá nhiều khôn mặt văn nghệ của thời tiền chiến, thời kháng chiến, thời Hà Nội tạm chiếm, thời văn học miền Nam, thời văn học của Saigon đỏ, rồi thời văn học hải ngoại. Một cách tổng quát, anh có thấy được một mẫu số chung nào của khuôn mặt văn nghệ Việt Nam?

Nhờ vào ở lứa tuổi lưng chừng, nên tôi được quen rất nhiều các nhà văn, nhà thơ, nhà họa, từ thời tiền chiến, kháng chiến, Hà Nội tạm chiếm, miền Nam rồi đến văn nghệ "Đỏ". Tất cả những khuôn mặt tôi quen, họ đều có quan điểm khác nhau về vấn đề Văn Nghệ, tuy cùng phục vụ một mục đích. Chính những cái khác nhau đó, đã làm cho nền Văn Nghệ của chúng ta sung mãn. Ngay như những người làm Văn Nghệ ở Hải Ngoại này cũng năm bè, bảy mối, thì bằng cách nào chúng ta có thể tìm ra mẫu số chung được. Nếu chẳng may, có cái mẫu số chung đó thực, thì không có Văn Nghệ. Người đọc xem với mục đích tìm hiểu sự khác biệt giữa cái này và cái khác, giữa người này với người khác, nếu mọi người cùng nghĩ, cùng làm như nhau thì có ai hoài phí thì giờ để xem cùng một loại hoa, để ngửi cùng một mùi hương?

Do vậy, không làm gì có mẫu số chung và chẳng bao giờ có mẫu số chung cả !

16.- Anh đã viết những tác phẩm về chân dung văn nghệ như " Mười Khuôn Mặt Văn Nghệ", "Mười Khuôn Mặt Văn Nghệ Hôm Nay", "Phạm Duy còn đó nỗi buồn", "Những Khuôn Mặt Văn Nghệ Đã Đi Qua Đời Tôi"... Nguyên do nào anh thực hiện những tác phẩm nói trên?

Sở dĩ tôi viết những cuốn sách nói về các khôn mặt Văn Nghệ vì văn phẩm của họ đã tác động xấu sa vào tâm thức tôi, chẳng hạn như cuốn "Chùa Đàn" cuả Nguyễn Tuân, hoặc tác phẩm "40 Năm Nói Láo", "Phù Dung Ơi, Vĩnh Biệt" của Vũ Bằng, thơ của Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Nguyên Sa v.v... cũng như tôi cảm ơn nhà văn Sơn Nam (tuy tôi

không đồng ý với lập trường chính trị của nhà văn này), nhờ có Sơn Nam tôi mới biết yêu đất miền Hậu Giang, thuở mới khai phá, khi người dân đất Nam Kỳ mới đến lập nghiệp, trên thì phá sơn lâm, dưới thì đâm Hà Bá, hơn nữa, muỗi địa như bánh canh, còn cảnh trí: dưới sông sấu lội, trên bờ cọp đua! Còn các nhà văn phái nữ trẻ, như Túy Hồng, Nguyễn thị Thuỵ-Vũ và nhà văn Thế Phong, mỗi người đều có văn phong riêng, rất độc đáo. Họ có đề cập đến vấn đề tình dục trong truyện, nhưng không mang tính chất khuyến khích mà chính để cảnh tỉnh, cũng giống như truyện "Bà Bovary" của văn hào Gustave Flaubert vậy. Khi xưa, tác phẩm này cũng bị giới qúy tộc Pháp kết tội là dâm thư, nhưng về sau lại được ca tụng hết lời. Trong mấy năm gần đây, nhà văn phái nữ của Xã Hội Chủ Nghĩa: Dương Thu Hương có cuốn "Thiên Đường Mù", nội dung nhiều chỗ có đề cập đến vấn đề tình dục, nhưng nó có tính cách vu khống mạ lỵ người lính Biệt Kích nói riêng và người lính Cộng Hoà nói chung. Điều đó, không chấp nhận được! Văn chương phản ánh xã hội một phần, một phần là hư cấu. Nhưng hư cấu không phải muốn viết gì thì viết, mà nó cần đi sát với cuộc đời để người đọc có thể cảm thông được, chứ không phải cứ "phịa" ra, để đầu độc người đọc bằng những ngôn từ bất nhã!

17.- Theo anh con người và tác phẩm có gì liên quan với nhau, có phải "văn là người" hay khác hơn...?

Xin lỗi anh, câu hỏi này hơi mơ hồ, vì một khi đã là nhà văn thì ít ra người ta cũng phải biết mình muốn viết gì, viết với mục đích nào, chứ không phải cứ viết bừa đi để trở thành nhà văn. Điều này không bao giờ có. Còn văn có phải là người không, điều đó đối với ai, tôi không biết. Riêng tôi, văn là văn, người là người, hai thứ đó không lẫn lộn, không hoà tan. Tôi xin kể để anh nghe câu chuyện, có một lần Linh Mục Hải Linh, Ca trưởng Ca đoàn Hồn Nước đã đọc và xem tranh của tôi, nhưng chưa biết mặt. Ông ta nhờ một Đại Úy làm việc cùng chỗ để giới thiệu tôi với ông, khi đó, tôi đang giữ chức vụ Giám Đốc Thư Viện Quân Đội. Khi gặp tôi, ông sững sờ trong một phút, rồi cố lấy giọng tự nhiên, nói chuyện với tôi vài câu xã giao, rồi xin lỗi có việc phải đi. Chúng tôi bắt tay giã từ. Vị đại úy tiễn ông ra cửa, hai người còn đứng nói chuyện với nhau hồi lâu. Sau đó, tôi gặp ông Đại Úy hỏi, nói chuyện gì lâu vậy? Vị này cho biết, ngoài câu chuyện riêng, Linh Mục Hải Linh cho biết ông rất hối hận khi gặp mặt tôi, vì tôi không giống như người mà ông tưởng tượng. Ông Linh Mục nghĩ tôi phải gầy guộc, mắt đeo kính trắng, thân hình mảnh mai, nào ngờ gặp một ông nhà binh to con, đi đứng kềnh càng! Thà cứ để sống với

ông Tạ Tỵ trong trí tưởng tượng còn hơn.! Tôi nói lại chuyện này để khẳng định "văn không phải là người"!

18.- Khi cầm bút, anh có khi nào nghĩ đến ngày mình sẽ ngưng và sẽ có lớp trẻ thay thế. Nhất là lúc này, tương lai của văn học ở hải ngoại khá bấp bênh và có nhiều đen tối hơn là sáng sủa?

Có chứ, tôi mong một ngày nào tôi sẽ được ngưng viết để nghỉ ngơi, để giải tỏa những ưu tư thầm kín của tâm hồn. Tôi mong được thấy sự thanh thoát của tuổi già, trước khi đi qua cánh cửa cuối cùng của cuộc đời. Bao giờ cũng vậy, tre già thì măng mọc, có ai sống mãi trên đời để mong được ôm vào lòng vòng hoa ân thưởng vĩnh viễn. Không, không bao giờ tôi nghĩ như vậy, tôi luôn luôn nghĩ, rồi mai đây, thế hệ các nhà văn, nhà thơ, nhà họa trẻ sẽ đẩy tôi sang bên lề để lối cho họ đi. Tôi sẵn sàng nhường bước. Có như vậy, nền Nghệ Thuật Việt Nam mới trường tồn. Còn vấn đề "hay hơn" hoặc "dở hơn" thì chưa biết. Tương lai của nền Văn Nghệ Việt Nam cũng khá bấp bênh đấy, vì tuổi trẻ bây giờ họ lớn lên ở Mỹ, họ học và đọc văn chương Mỹ, họ nói tiếng Mỹ như người Mỹ chính gốc, họ chỉ còn lại hai chữ Việt Nam trong ký ức. Ta cũng không nên trách họ vì các sắc dân nhược tiểu, qua bên này cũng vậy thôi, để sống còn! Trừ sắc dân Trung Hoa vẫn giữ được một phần nào nền Văn Hoá riêng, qua các thế hệ, chẳng cứ ở Mỹ, mà ở tất cả nơi nào trên trái đất này, có họ sinh sống. Âu cũng là đặc điểm đáng quý. Nhưng chúng ta cũng chẳng nên quá thất vọng vì dân tộc Việt Nam còn bảy mươi triệu dân ở phía sau, nếu đời sống chính trị thay đổi, chính số quần chúng đông đảo ấy là mảnh đất phì nhiêu để có thể phát triển mọi khả năng chuyên biệt.

19.- Bây giờ, ở tuổi già, anh thấy còn sự hăng hái với văn chương nữa không?

Xin phép anh cho nói thực, ở vào tuổi già, bất cứ cái gì cũng chán, chẳng cứ văn chương, vì chúng ta vào đời quá sớm, điều kiện làm việc quá vất vả, trong một Quốc Gia chậm tiến, lại bị chiến tranh tàn phá mấy chục năm dài, do đó, chúng ta càng chóng mệt mỏi. Tuổi già như con dao cùn càng dùng càng lụt đi. ít năm về trước, tôi thấy có Cụ Phan Khôi lúc về già còn viết vài ba bài ngắn ngắn, nhưng ý thì được, chứ cái lối dùng văn cũng cũ kỹ lắm rồi. Rồi đến Cụ Trần Văn Ân, tuy già nhưng vẫn cố gắng làm việc, chỉ tiếc Cụ chuyên làm báo, chứ không viết văn và Cụ

Vương Hồng Sển, lúc này đã ngoài chín mươi tuổi, hồi gần đây cụ có cho in cuốn "Hơn Nửa Đời Hư" dày ngoài sáu trăm trang, nhưng cuốn này Cụ viết từ lâu, chỉ sửa chữa và thêm bớt thôi, chứ không phải là cuốn mới viết trong lúc tuổi già. Còn các nhà làm Văn Nghệ Tây Phương, họ vào đời chậm hơn chúng ta, họ hoạt động thoải mái, đầy đủ về mọi phương diện, vì thế, đến tuổi già rồi, họ vẫn còn đủ sức hoạt động, nhiều khi còn hăng hái hơn tuổi trẻ là khác!

20.- Anh nghĩ gì về cuộc chiến đã kéo dài suốt mấy chục năm qua mà anh đã tham dự ở vai trò của một người lính và một nhà văn?

Quê hương Việt Nam thật bất hạnh! Cuộc chiến kéo dài trên dưới ba mươi năm, máu chảy thành sông, xương cao bằng núi. Hơn hai triệu thanh niên của cả hai miền, chết oan uổng vì thứ Chủ Nghĩa ngoại lai. Nói đúng ra, nếu không có cuộc chiến tương tàn ấy, thì dân Tộc Việt Nam vẫn giành được Độc Lập, vì sau Đệ Nhị Thế Chiến chế độ Thực Dân bị coi như là lỗi thời.Tất cả các nước có thuộc địa đều dần dà trả độc lập cho dân tộc bị trị, trừ thực dân Pháp cố bám lấy Việt Nam và Algérie. Thực dân Pháp lấy cớ đánh ViệtNam vì chế độ Hồ Chí Minh là Cộng Sản, tuy mục đích để lấy lại thuộc địa, và khai thác tài nguyên của dân bản xứ, gần hắn vết thương chiến tranh với Đức. Mỹ lúc đầu ủng hộ Pháp vì vấn đề chống Cộng. Ông Hồ Chí Minh được Đệ Tam Quốc Tế yểm trợ, cuối cùng Pháp đã thua và Việt Nam bị chia cắt từ Vỹ Tuyến thứ 17, ít năm sau Pháp cũng mất luôn Algérie. Đáng kiếp thực dân! Từ ngày có Ông Ngô Đình Diệm, chính phủ Mỹõ dính líu vào miền Nam, đẩy Pháp ra ngoài, chống lại miền Bắc, từ đó chiến tranh kéo dài, rút cuộc Mỹ cũng phải rút, nhường cả nước Việt Nam cho Cộng Sản. Sau đó hai triệu người đi cải tạo, đánh dấu một thời kỳ ô nhục nhất của người Việt nam, nói chung.

Trong hơn hai mươi năm tôi có mặt trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, tôi vừa làm công tác của một nhà quân sự, tôi vừa viết văn, hầu hết những truyện tôi viết đều về những nỗi gian khổ của người lính ngoài chiến trường cũng như ở những nơi đèo heo hút gió, ở tiền đồn hay những hòn đảo nhỏ bé, nơi giam giữ tù binh địch. Tôi và nhà văn Hoàng Khởi Phong quen nhau vào dịp đó, khi Hoàng Khởi Phong làm Trung úy Quân Cảnh có nhiệm vụ trong coi một phần công việc về tù binh.

21.- Lằn ranh Quốc Cộng, theo anh, bây giờ còn tồn tại không?

Theo tôi, đứng trên thực tế, không còn. Nhưng có thể nó vẫn tồn tại

bên trong lòng một số người chống cộng nào đó!

22.- Trên thế giới, vai trò của người lính Việt Nam Cộng Hoà khá mờ nhạt khi đề cập đến chiến tranh Việt Nam. Làm thế nào, để thay đổi sự suy nghĩ như thế trên phương diện văn chương. Và anh có ý định nào khi cầm bút không?

Vai trò của người lính Việt Nam mờ nhạt do chính người Mỹ đã xóa đi, để làm nổi bật vai trò của họ trên chiến trường ViệtNam, dù họ thua, chứ không phải chúng ta thua. Trước khi rút lui trong "danh dự", người Mỹ đã khóa tay chúng ta lại cho kẻ thù đánh, lại còn một số tướng lãnh tham lam, tranh giành quyền lợi, giữa lúc dầu sôi lửa bỏng, đâm chém lẫn nhau, vạch áo cho kẻ thù xem lưng, rồi rủ nhau cùng chết!...

Cuộc chiến ViệtNam muốn viết cho trung thực. Phải cần rất nhiều tài liệu cả công khai và bí mật và cuốn sử ấy, theo ý riêng, phải dầy mấy ngàn trang mới hết. Chúng ta mong có được một M. Cholokov Việt Nam, một nhà văn Nga khi viết về cuộc Cách mạng Liên Xô năm 1917, đã dám viết sự thật về người dân "Cô-Giắc" chống cách mạng, với nhân vật Grigori bất khuất.

Nhưng sớm hay muộn gì, tôi tin rằng, sẽ có một nhà văn Việt Nam làm được công việc ấy.

23.- Chiến tranh được nhìn ở nhiều phía. Phía Mỹ, đã có nhiều người viết. Phía miền Bắc, cũng có nhiều người viết được phổ biến bằng Anh ngữ, Pháp ngữ: Bảo Ninh, Dương Thu Hương... Còn phiá miền Nam thì chưa. Theo anh, nguyên nhân sự kiện này? Có phải vì chúng ta chưa có nhiều người cầm bút có tài để tạo dựng những tác phẩm lớn?

Câu hỏi này cũng na ná như câu anh vừa hỏi. Người Mỹ hay Cộng Sản họ viết được vì họ có tài liệu, hoặc cứ đề cao mình và hạ nhục kẻ thù (Dương Thu Hương) là xong. Theo ý riêng, chưa có một cuốn nào viết trung thực về cuộc chiến ViệtNam, nhìn từ mọi phía một cách vô tư và đứng đắn.

24.- Có người chủ trương hòa giải hòa hợp xóa bỏ hận thù. Nhưng có người vẫn kiên quyết trong vị trí của mình như thời còn chiến tranh. Riêng anh, anh chủ trương như thế nào?

Vấn đề này tôi có thể chia làm ba loại:

Loại một, không có nợ máu với Cộng Sản và đào thoát khỏi ViệtNam trước ngày 30 tháng Tư năm 1975.

Loại hai, những người có nợ máu với Cộng Sản, nhưng cũng đào thoát khỏi ViệtNam trước ngày 30 tháng Tư năm 75. Họ không được nhìn thấy sự trả thù, những hành động bạo tàn đối với dân chúng miền Nam.

Loại ba, những người đã gánh chịu nhục nhằn trong các trại cải tạo từ miền Nam tới miền Bắc từ năm, mười, đến mười lăm, mười bảy năm với đói khổ triền miên và bị sỉ nhục, đến nỗi thân phận con người còn thua con vật! Ở loại một và hai dễ hoà giải, hoà hợp, còn loại ba rất khó vì trong tâm khảm họ đã in đậm những vết tích của hận thù, cuộc đời họ đã hư hoại hoàn toàn, biết bao nhiêu gia đình đổ vỡ, đau thương, đời họ coi như tàn phế, làm sao họ có thể quên ngần ấy thứ, một cách dễ dàng?...

Nhưng theo ý tôi, Cộng sản họ không cần cách hoà giải, hoà hợp với loại thứ ba này, vì họ vững tin vào chế độ, không ai có thể đạp đổ được họ, ngoài họ. Họ biết rõ như vậy nên họ phải cai trị bằng công an và chính trị viên, là hai thành phần nòng cốt, đáng tin cậy để giữ vững chế độ. Lúc này nói đến súng đạn không còn hợp thời nữa, giai đoạn này thuộc về đấu tranh chính trị... Còn lập trường của tôi, đọc tôi, chắc anh đã hiểu rồi!

25.- Về văn chương, theo anh có biên giới không giữa các người cầm bút. (Ở trong nước, ở ngoài nước, ở miền Bắc, ở miền Nam chẳng hạn?)

Về địa hạt văn chương, tuy không biên giới, nhưng mỗi miền đều có cái nghĩ khác nhau, ở trong nước hay nơi hải ngoại cũng vậy. Nói đúng ra, tuy đã ngoài hai mươi năm mà những người cầm bút vẫn hoàn toàn chưa nhận ra nhau, là những người "cùng một lứa bên trời lận đận!"...

26.- Anh nghĩ gì về giao lưu văn hóa giữa hải ngoại và trong nước ở thời điểm bây giờ? Trong tương lai, sẽ ra sao?

Sự giao lưu văn hóa lúc này theo tôi còn quá sớm. Chúng ta còn cần một thời gian nữa để màu đỏ phai đi, lúc đó giao lưu cũng chưa muộn. Tôi tin cũng không còn lâu nữa đâu. Những dấu hiệu đã bắt đầu với Nguyễn Hộ, Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Trí Siêu, Tuệ Sĩ, và gần đây nhất, có Hà Sĩ Phu, Tiêu Dao Bảo Cự, Lê Hồng Hà v.v... Cộng sản Việt Nam rồi đây cũng sẽ tự tan rã như cộng sản Liên Xô hoặc các nước cộng sản Đông Âu.

27.- Anh có nghĩ đến ngày mai của Văn Học Việt Nam Hải Ngoại: hội

nhập vào dòng chính ở trong nước hay biến thể thành một nhánh của văn học bản xứ, hoặc ở tình trạng bị đào thải?

Nền Văn Học ViệtNam hải ngoại cũng hùng hậu lắm chứ không yếu ớt như người ta tưởng. Sự hội nhập hay không cũng tùy thuộc vào yếu tố chính trị. Tôi tin nó không bao giờ bị đào thải, chỉ có sống mạnh và yếu thôi. Mạnh vì có nhiều độc giả, ít người đọc thì yếu. Nhưng đến lúc đó tôi hy vọng, tình hình trong nước cũng đã ổn định, trắng đen rõ rệt.

28.- Những biến cố thời sự đã có vị trí rất quan trọng trong tác phẩm của anh hay không trong thời kỳ Văn học miền Nam trước 1975? Hình như, lúc ấy anh viết về tình yêu nhiều hơn?

Trong thời kỳ Văn Học trước năm 1975, tôi viết nhiều về người lính chiến cùng tình yêu mong manh, luôn luôn bị chiến tranh đe dọa làm đổ vỡ bất cứ lúc nào. Không bao giờ con người được hưởng trọn vẹn hạnh phúc, dù chỉ là chút hạnh phúc nhỏ nhoi, bên dưới mảnh Poncho cũ nát! Cái đau ở chỗ đó và người đọc tôi cũng có chung một tâm ý, nên đã đọc với lòng mến mộ. Do đó, sách của tôi ra đời hồi ấy bán rất chạy, thường ra, có một nhà phát hành mua hết, rồi trang trải cho các tiệm sách nhỏ. Sách hết lúc nào không hay. Việc phát hành sách không giống như ở Hải Ngoại, nghĩa là phải tổ chức ra mắt, giới thiệu, mời mua v.v... Những nhà văn mới vào nghề, việc bán sách hơi khó. Sự thực, cho tới bây giờ tôi cũng không hiểu vì sao, Cộng sản lại cấm lưu hành sách, cũng như tranh của tôi, cùng với 19 nhà văn khác trong những ngày đầu chiếm đóng Thành phố Saigon. Thông cáo này có đăng tải trên tờ Saigon Giải Phóng. Tôi có được đọc.

29.- Ở hải ngoại anh viết "Đáy Địa Ngục" với mục đích nào? Tố cáo chế độ đương thời hay nói lên tâm trạng của những người thua trận, hoặc viết về một thời kỳ quá thảm thương của dân tộc?

Tôi viết cuốn "Đáy Địa Ngục" trong trại tỵ nạn Sungei Besi ở Kulalumpur, với mục đích để tố cáo trước dư luận, sự đầy ải và làm nhục những nhân viên công lực và quân đội Cộng Hòa cũ. Đúng như anh nói, thời kỳ này, thời kỳ đen tối nhất của dân chúng miền Nam. Sự việc thấy sao tôi viết vậy. Tôi không thích lối viết có bao nhiêu xấu sa đều đổ lên đầu kẻ thù cho hả giận, còn cái không tốt của mình thì giấu kín. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước anh em về những gì tôi đã viết. Nhà tù thì

nhiều, tôi mới đi qua có bảy trại từ Nam qua Bắc, nhưng toàn những trại ghê gớm cả như: Sơn La, Yên Bái, Nghĩa Lộ, Trại Cải Tạo Trung Ương số 1 ở Lào Cai, xung quanh có tường cao bốn mét xây xi măng nhẵn thín, tối tối đèn pha rọi sáng rực như ban ngày, khó mà vượt thoát. Có hai người tù đã leo ra ngoài bằng ngả mái ngói mà không làm cách nào leo qua được bức tường, đành ngồi chờ tới sáng để bị bắt lại. Nơi đây, đã có một thời gian giam "giặc lái" Mỹ. Nhà tù này của Pháp để lại, thuở trước dùng để giam những nhà Cách Mạng Việt Nam chống Pháp. Cộng Sản thì lưu manh, dối trá, chuyên đánh lừa bằng thủ đoạn vặt, còn anh em lúc mới vào tù cũng sợ sệt và chỉ mong chóng được tha, nên đã có người gây nên những hành động đáng tiếc. Nhưng dần dà anh em hiểu rỏ cộng sản hơn, nên bắt đầu bầy tỏ thái độ, có một thiểu số rất anh hùng, coi cộng sản chẳng ra gì, bị kiên giam cũng không sợ. Muốn lao động thì lao động, không muốn bảo nhau "xù" nghĩa là bỏ cuốc, xẻng, ngồi chơi nói chuyện vui. Những người đó phần đông thuộc thành phần trẻ từ Đại Uý trở xuống. Cấp bậc càng cao, càng nhát!

Sự thực, tôi cũng chưa hề nghe thấy ai nói gì về những sự việc được đề cập tới trong cuốn sách. Nếu có ý kiến thì chỉ anh em nào đã ở cùng trại mới biết thôi, còn ở trại khác, làm sao biết?

Riêng tôi thấy, đã là nhà văn, tối thiểu phải có cái can đảm nhìn thẳng vào sự việc và dám chịu trách nhiệm về những điều mình đã nói ra. (Cuốn Đáy Địa Ngục đã được dịch sang Anh văn nhưng chưa in).

30.- Trong "Đáy Địa Ngục", anh mô tả các bạn đồng tù với nhiều chi tiết khá tiêu cực và đã gây cho anh nhiều phản ứng không tốt khi những người ấy sang đây định cư. Anh có bị ảnh hưởng vì sự kiện ấy không?

Tôi đã trả lời ở phần trên, xin miễn nhắc lại.

31.- Có người nói đề tài trại cải tạo, hay thân phận của người H.O., vì có quá nhiều người khai thác nên đã thành bão hòa và khó gây được ấn tượng cũng như cảm xúc cho người đọc. Theo anh, sự phát biểu ấy có đúng không?

Theo tôi, vấn đề này ta nên để lui vào quá khứ. Những người H. O. đến đây muộn màng, những cơ may hầu như đã cất cánh bay đi gần hết. Nếu ta có nói đến họ, dù là việc nhỏ cũng làm họ đau lòng thêm! Chỉ còn một cách chúng ta cầu nguyện cho họ sớm hội nhập được vào cái xã hội mới để sống còn. Họ đang đi trên con đường độc đạo, không còn đất lui

nữa. Chúng ta mong họ chóng tới đích, để ổn định một đời sống tương đối dễ chịu.

32.- Có Tạ Tỵ nhà văn và Tạ Tỵ nhà thơ. Vậy có bao nhiêu phần trăm văn và thơ trong chân dung Tạ Tỵ?

Như đã nói với anh, vẽ, đối với tôi là chính, tôi chỉ viết văn và làm thơ khi nào bị thôi thúc bởi những ý nghĩ dồn dập, nếu không viết ra, sẽ không làm ăn gì được hết, lúc ấy tôi mới viết, thơ cũng vậy. Tôi quan niệm người nghệ sĩ như cánh chim trời, khi bay đến nơi này, đậu trên một nhánh cây nào ưa thích, hót lên vài tiếng rồi lại bay đến nơi khác, tìm nơi vừa ý, cất lên vài điệu rồi lại bay đi, bay mãi, bay hoài cho đến khi nào cánh đã mỏi, tiếng hót cũng tiêu tan!

33.- Trước 1975, anh có in một tập thơ. Hiện tại, hình như anh đang sửa soạn để in một tập khác. Vậy, thơ có phải là niềm hứng thú nhất của anh bây giờ?

Vâng, tôi đang sửa soạn cho in một tập thơ gồm hơn 100 bài. Cuốn thơ được chia làm ba phần. Phần đầu, những bài thơ làm trong tù và làm ở trong óc, chứ không viết ra trên giấy. Phần hai, gồm những bài sau khi ra khỏi tù và hải ngoại. Phần ba, gồm những bài làm từ trước năm 1975 đã đăng rải tác trong Tạp Chí Bách Khoa.

34.- Theo anh, thế nào là một bài thơ hay? Về hình thức và nội dung?

Điều này hơi khó nói, có thể, một bài thơ có người thích người không. Cái "Hay" hoặc "Dở" ở trong thơ nó cũng tùy thời gian và mức độ thưởng ngoạn của giới yêu Thi Ca. Khi còn ít tuổi tôi mê đọc thơ của Xuân Diệu và Huy Cận, nhưng đến nay tuổi đã cao, đọc thơ của nhiều thi nhân khác, tôi cảm thấy thơ Xuân Diệu và Huy Cận lai nhiều quá!

35.- Anh có làm thơ tự do không? Và anh nghĩ thế nào về thơ không vần và thơ có vần, thơ mới và thơ cũ?

Tôi đã làm thơ tự do từ trên ba mươi năm nay và làm rất nhiều. Theo ý riêng, mỗi lối thơ đều có ưu, khuyết điểm của nó. Một bài thơ hay phải có một sức truyền cảm tối đa, chẳng những ý thơ mà cả lời thơ cũng phải có sứ mệnh truyền đạt những rung động đến người thưởng ngoạn. Thơ

không phải là chuyện lựa lời, chọn chữ, mà thơ là tiếng nói xuất phát tự đáy lòng của người thơ, do đó, người ta nói: tiếng thơ là tiếng lòng của thi nhân. Không hiểu sao, bây giờ tôi lại thích làm thơ có vần có điệu, nhất là lối thơ tám chữ bắt chéo, hoặc những bài "Hành", lời thơ của tôi lúc này thường bi phẫn hơn là thoải mái. Nhưng biết làm sao hơn!...

Bây giờ không làm gì còn vấn đề thơ mới, thơ cũ nữa, mà vấn đề hôm nay đặt ra: thơ có hay hoặc không? Còn thi nhân thích lối nào xin cứ làm, để dâng hiến cho đời những giá trị vĩnh cửu của thi ca.

36.- Anh có thể cho một vài nhận định về thơ VietNam ở hải ngoại?

Thơ hải ngoại nói chung, giọng thơ đều buồn bã, đôi khi phẫn nộ và xót xa cho thân phận lưu đầy nơi đất khách, dù cho ở đây, vật chất quá đổi dư thừa, có lẽ, chúng ta thiếu quê hương, thiếu một chỗ ngồi quen thuộc, thiếu một chỗ đứng để ăn một tô phở gánh đầu đường, thiếu đĩa bánh cuốn nóng có rỏ thêm một giọt cà cuống vào trong chén nước chấm. Chúng ta thiếu, thiếu nhiều lắm nên tâm hồn chúng ta lúc nào cũng khao khát, cũng ước mong được trở lui quá khứ, để sống lại cái không khí ngày xưa, ngày xưa... Do vậy, chúng ta luôn luôn hoài vọng và khắc khoải, dường như không thích hợp với mảnh đất tạm dung, làm cho giọng thơ trở nên khinh mạn, bi phẫn không thể tránh được, như thơ Cao Tần chẳng hạn!...

37.- Và anh cũng có thể cho một vài nhận định về thơ ở trong nước. Theo anh, có sự khác biệt nhiều không giữa thơ trong nước và ở hải ngoại?

Thú thực, thơ trong nước, tôi không đọc trên mặt báo mà tôi được nghe chính tác giả đọc riêng để hiểu, để biết tâm trạng của các nhà thơ nằm trong vùng "Đỏ" nó ra sao? Thơ của họ, nói chung cũng hay lắm, ý rất mới , họ dùng từ rất chính xác. Thơ của họ vừa bi thương vừa hào hùng. Thơ cũng bất mãn chế độ, cũng bôi nhọ chế độ và cũng muốn được làm thơ và sống Tự Do theo ý thích. Họ bị gò bó, xiết chặt quá lâu và quá nhiều, nên hơi thơ của họ mạnh lắm, muốn đả phá tất cả để làm lại từ đầu, chứ họ không muốn vá víu, để làm nhơm nhếch thêm cuộc đời vốn đã xấu! Nói tóm lại, những nhà thơ trẻ của xã hội cộng sản hôm nay, họ cũng đi gần tâm trạng chúng ta, chứ không "anh hùng" như các bài thơ đã được in trên mặt báo.

38.-Có người nói là khi nhà thơ còn trẻ, sự rung cảm còn mạnh mẽ thì kỹ

thuật chưa trao dồi đủ để diễn tả. Đến lúc lớn tuổi, đủ khả năng để diễn tả thì nhạy bén về cảm xúc bớt đi. Do đó, nếu làm thơ mà hội đủ hai điều kiện trên thì sẽ rất tuyệt vời. Anh có chia sẻ với nhận xét trên không?

Khi con người đã có tài, thì dù tuổi nào cũng viết văn, làm thơ được. Còn vấn đề vẽ, thì hơi khó, vì phải học năm, sáu năm thật công phu vất vả. Có điều chúng ta phải thừa nhận: Thơ bây giờ hay hơn thơ ngày trước nhiều. Cả thơ tình hôm nay cũng không giống như thơ tình hôm qua, lời thơ và ý thơ cũng khác. Nói đến kỹ thuật thơ, nó cũng chỉ có bấy nhiêu luật lệ. Cái "hơi" thơ và "ý" thơ mới quan trọng. Nó sống động và làm rung cảm tâm hồn người đọc chính nhờ cái đó, chứ không phải luật lệ của thơ. Còn vấn đề cảm xúc, cũng tùy vào hoàn cảnh của mỗi thi nhân, điều này không phải ai cũng giống ai, theo ý tôi như vậy!

39.- Ở hải ngoại, anh đã xuất bản hai tập hồi ký và anh hay nhắc đến những người trẻ hơn mình đang cầm bút. Đó, có phải cung cách "truyền thụ võ công" của anh?

Ở hải ngoại, tôi có viết được hai cuốn hồi ký. Một nói về các trại cải tạo, một nói về kỷ niệm với những anh em cầm bút trước mình, cùng thời với mình và sau mình. Cuốn này không ngoài mục đích để nhớ lại anh em và hoàn cảnh sống thời bấy giờ! Trong số anh em được nhắc đến đã có một số đông đi vào cõi thiên thu! Trong cuốn sách tôi đã quên không viết đến vài người bạn thân như nghệ sĩ Bích Thuận, vừa là cô vừa là mẹ nuôi của hai danh tài sân khấu và TV Sàigòn ngày xưa là : Bích Sơn và Bích Thủy, cũng như hoạ sĩ Phạm Đăng Trí, người đất Thần Kinh, đã cùng tôi nhiều lần đánh chén tiết canh, lòng lợn tại nhà bà Trưởng Xu ở gần chợ Hôm và thi sĩ Phạm Hầu, con một ông đại thần ở Huế (tuy chết về bệnh điên đã lâu) nhưng đối với tôi cũng mang đầy kỷ niệm, nhất là những lúc đọc thơ cho nhau nghe, và thi sĩ Võ Long Tê chuyên làm thơ bằng Pháp ngữ, đối với tôi, chẳng những là bạn đồng ngũ mà còn là tri kỷ! Nhân dịp này, tôi xin được gửi nơi đây lời tạ lỗi!

Quả thực, tôi rất yêu tuổi trẻ và kỳ vọng rất nhiều vào họ, vì họ sẽ thay thế lớp người già để nối tiếp cái đường dây vĩnh viễn của Văn Học, Nghệ Thuật, nhưng tôi chưa đủ tài năng và xứng đáng để truyền thụ "võ công" cho ai cả. Xin cảm ơn anh, vì quá mến tôi mà trao tặng cho tôi cái vinh dự ngoài tài năng của tôi. Hơn nữa, đã gọi là Nghệ Thuật, Trời cho ai, người nấy hưởng. Không ai có thể dạy nhau về cái "tài" được! Chắc anh đã hiểu hơn ai hết, về điểm này.

40.- Anh có dự định nào cho ngòi bút của mình, bây giờ?

Thưa anh không, vì lúc này tôi quá bận rộn vì phải săn sóc, trông nom người bạn đời chẳng may bị ốm đau mấy năm nay, nhờ có người bạn đời đó, mới có tôi hôm nay. Một người vợ đã hy sinh cả cuộc đời từ khi còn con gái, cho chồng con, không một lời oán than, không một tiếng gắt gỏng, tất cả chỉ mong cho chồng được hưởng một cuộc sống thoải mái, tạo cho chồng cơ hội làm việc và khuyến khích mỗi lần chồng nản chí vì thời thế! Đến hôm nay, tôi cảm thấy có bổn phận phải trả món nợ tinh thần ấy sao cho xứng đáng.

41.- Những người trẻ hơn anh đã coi anh như một người già nhưng rất trẻ trong sinh hoạt văn chương. Vậy anh có điều gì muốn nhắn gửi với họ?

Xin chân thành cảm ơn những tấm lòng trẻ trung ấy. Bây giờ tuổi đã cao, tôi chỉ ao ước, sao có thật nhiều người trẻ, tài cao làm rạng danh cho tổ quốc VietNam qua các bộ môn Hội Họa, Văn Chương, Thi Ca, Âm nhạc v.v... và tôi mong mỏi một ngày nào đó, giải Nobel sẽ trao tặng cho người Việt Nam một lần, ở bất cứ bộ môn nghệ thuật nào.

42.- Một ngày của nhà văn Tạ Tỵ? Cho thơ, cho nhạc, cho hội họa, cho văn, hay cho gia đình?

Một ngày của tôi bây giờ là sống tất cả cho người bạn đời. Khi có chút thì giờ rảnh rỗi thì làm thơ đọc cho nhau nghe, đôi khi cũng viết, nhưng không gởi đăng đâu cả. Lúc tôi làm việc bận rộn nhất là khi còn trong quân ngũ. Tôi làm việc liên miên. Ngày là của quân đội, đêm là của tôi. Có khi tôi thức đến một, hai giờ sáng, hôm sau lại dậy sớm đi làm. Cũng may, lúc ấy tôi còn trẻ và sung sức, nên mới có thể làm việc như vậy được. Bây giờ thì gục ngay!

43.- Bây giờ anh còn nhiều mơ ước không? Và những mơ ước ấy chuyên chở những thông điệp nào?

Tôi không còn ước mơ nào cả. Tôi nghĩ, đã ngoài 50 năm làm Văn Học Nghệ Thuật kể ra cũng đã quá đủ cho một đời người. Nếu tôi có mơ ước nào cũng không làm hơn được hai chữ: Tạ Tỵ đã có.

44.- Sau cùng, nhà văn Tạ Tỵ muốn nói gì thêm với độc giả?

Sông về tới bến
HOÀNG XUÂN SƠN

Rứa rồi em cũng về tới ngạn
Lên xe rồi anh hát đò đưa
Sông nước mô chẳng buồn vô hạn
Bến nào rồi cũng ngập trời mưa

Ba năm hẳn quay đầu về núi
Mà lòng người vẫn quyết không dung
Ai nằm giữa xuôi chèo mát mái
Ai đang tay giữ một tấm lòng

Năm tháng lụn vẫn hoài kể lể
Cỏ oan khuất mọc kín nhân trần
Buồn âm cảnh hóa vàng trăng nọ
Giữa kinh kiều lạnh buốt tình thâm

Con mương nhỏ chảy mềm huyết nhục
Chân xương mòn đá lở em ơi
Đường mông muội trăm ngàn vĩnh quyết
Tiếng xưa thầm buông ngọn tóc lơi

Mắt nhắm lại cùng là gang tấc
Mà u minh trùng điệp thác ghềnh
Xa xôi lắm rằng mà gửi được
ở cuối chiều ngọn sóng lênh dênh.

Tôi chỉ xin gởi nơi đây lời cảm tạ chân thành đến với quý vị độc giả, dù xa hay gần, đã có lòng quý mến mà đọc văn, đọc thơ, xem tranh của tôi trong suốt một dòng sống và đã làm cho tên tôi được sống mãi với thời gian. Tôi cũng không quên gửi nơi đây lời cảm ơn anh Nguyễn Mạnh Trinh đã cho tôi được nói những lời trên với tất cả những ý nghĩ chân thành nhất.❐

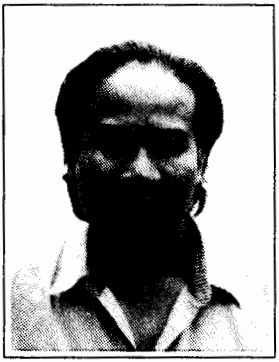

lưu nguyễn

Lưu Nguyễn, tên thật Nguyễn Thế Nghiệp.

Sinh năm 1947 tại Quảng Nam. Tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Saigon. Dạy học tại Phước Tuy. Vượt biển đến Singapore năm 1980. Hiện định cư tại Montreal, Canada.

Chủ tịch Trung Tâm Văn Bút Québec (91 - 93).

Chủ trương tạp chí Nắng Mới (1987 - 1995) và cơ sở xuất bản Nắng Mới.

Đã cộng tác với Văn, Văn Học, Hợp Lưu, Thế Kỷ 21, Nắng Mới, Thời Tập, Tạp Chí Thơ...

Tác phẩm đã xuất bản:

- Tri Âm , thơ, Sông Thu, Hoa Kỳ, 1990.
- Ngày Qua Rất Vội, thơ, Nắng Mới, Canada, 1993.

Trả lời phỏng vấn:

1- Sống trong một hoàn cảnh mà thì giờ vốn hiếm hoi và văn chương chữ nghĩa vốn là món hàng xa xỉ, điều gì đã thúc đẩy anh chị tiếp tục đi vào lãnh vực văn chương?

Tôi rất thích đọc sách báo. Văn chương chữ nghĩa nhiều lúc đã như một người bạn chia sẻ những vui buồn trong cuộc sống, hay nói khác hơn, một cách chủ quan, văn chương vốn là một phần của đời sống. Còn thì giờ, với một công việc mà mình đã ưa thích, thì thế nào cũng có cách để sắp xếp.

2.- Anh chị viết về cái gì? Viết như thế nào? Viết cho ai đọc?

Bất cứ vấn đề nào cũng có thể là một đề tài của văn chương, điều quan trọng là phải trung thực với những gì mình suy nghĩ và rung cảm. Chỉ viết khi nào thực sự rung động. Và viết đầu tiên là cho chính mình, và sau đó hy vọng chia sẻ với những người đồng điệu.

Một số bài thơ của Lưu Nguyễn

Chiều Bà Rịa

Chiều Bà Rịa mây dùn trắng núi
mặt trời lấp loáng
ruộng muối chằng chịt vết nứt ổ nhện
biển Long Hải xanh ngắt
sóng bạc đầu đuổi nhau từng đợt lô nhô
bãi cát in vết chân đơn độc
người đi tự bao giờ.

Chiều Bà Rịa tan trường
áo học trò em bay trắng cầu Thủ Lưu
người qua đường ngơ ngác
chiếc xe lam chật ních tiếng cười
những cô gái Long Điền khúc khích
những chàng trai Đất Đỏ tinh nghịch
về dâu
phố thị
rừng sâu.

Chiều Bà Rịa loanh quanh không tiết mục
chợ lơ thơ
bè bạn dăm tên
quán xá quen nhẵn mặt
bi da
cà phê
nhậu nhẹt...
như diệp khúc chán phèo
đường phố lên đèn
vắng tanh.

Chiều Bà Rịa cơn mưa bất chợt
từng lũ người tất bật
bên hàng hiên gió tạt
những khoảnh vườn ướt đẫm
cây cỏ loi ngoi
vật vã
đoá hoàng lan.

Chiều Bà Rịa chuyến xe đón vội
đậm kín hơi người
giữa ngổn ngang rau trái cá tôm
gà vịt kêu chí choé
vẫn rất vui
vì đêm Saigon đang trước mặt.

Buổi sáng trong vườn

Nắng đọng hờ trên vũng ngực em
gió mơn man những sợi tóc mềm
bên hiên bầy sẻ lao xao gọi
trời trong xanh và mây lênh đênh.

Trăm năm mây trắng

Ta về mùa cũ tịch liêu
trăm năm mây trắng phủ chiều tiễn đưa
vời trong đôi mắt người xưa
nhìn thăm thẳm lặng như vừa trao thân
đóa hồng nghiêng trước mộ phần
gió lay từng cánh tần ngần ấp e
rưng rưng lòng chợt sắt se
từ trong bia mộ em nghe chăng lời
gọi thầm rất khẽ người ơi.

tạp ghi

Nguyễn Quốc Trụ

Triết gia Kim Định từ trần

Linh mục Lương Kim Định đã từ trần hôm thứ ba 25 tháng Ba vừa qua tại dưỡng đường Dòng Đồng Công tiểu bang Missouri Hoa Kỳ.

Linh mục Kim Định sinh ngày 15/6/1915 tại Nam Định, thụ phong linh mục năm 1943. Sau khi tốt nghiệp Giáo hoàng Chủng viện Saint Albert Le Grand, linh mục dạy triết tại Đại chủng viện Bùi Chu từ 1943-1946. Sau đó, ông sang Pháp du học mười năm nghiên cứu về văn chương Pháp, xã hội học, triết học, và Nho học tại Institut Des Hautes Etudes Chinoises. Linh mục trở về nước năm 1957 dạy Triết Đông tại trường Lê Bảo Tịnh, rồi Đại học Văn khoa Sài gòn từ năm 1960, Đại học Vạn Hạnh từ năm 1967. Trong các bài giảng cũng như trong các sách xuất bản sau đó, tư tưởng chủ yếu của Linh mục là Nho giáo trước tiên là của Việt Nam, sau đó Trung Hoa mới tiếp thu hệ thống tư tưởng Nho học và hoàn bị nó.

Linh mục Kim Định sang Mỹ năm 1975 và trước hết định cư tại San Jose Bắc California, tại đây ông đã thành lập Hội An Việt. Năm 1991, Linh mục bị bán thân bất toại vì đứt mạch máu não, từ đó chuyển về dưỡng bệnh tại dưỡng đường Đồng Công ở Missouri.

Trước 1975, một số tác phẩm của Linh mục đã ảnh hưởng lớn đến giới sinh viên trí thức như *Cửa Khổng, Triết lý Cái Đình, Chữ Thời, Sứ điệp Trống Đồng, Hồn Nước Với Lễ Gia Tiên, Nhân Bản, Định Hướng Văn Học, Tâm Tư, Việt Lý Tố Nguyên, Hiến Chương Giáo Dục*...Tại Mỹ, các tổ chức An Việt và Thanh Niên Quốc Gia đã tái bản hầu hết các sách của Linh mục, và ảnh hưởng của ông thật lớn lao đối với rất nhiều hội đoàn hoạt động chính trị lấy niềm tự hào dân tộc làm vũ khí đấu tranh.

Năm 1958, khi học đệ nhất B trường Chu Văn An, tôi được học với

thầy Vũ Khắc Khoan, mỗi tuần một giờ, môn sử. Cả thầy lẫn trò đều biết, đối với họ, sử là môn phụ, chỉ "thoảng qua" ở kỳ thi vấn đáp. Thầy họa hoằn ghé lớp. Và bởi vì lớp B/8 của chúng tôi ở ngay cổng trường, có khi Thầy chỉ đảo một vòng chiếc Solex qua cửa lớp, nói vội "hôm nay nghỉ", rồi lại tà tà theo cây vợt cầm sẵn trên tay. Những giờ học họa hoằn cũng không phải để bàn về sử, mà về kịch, hoặc về một câu nào đó Thầy đang tâm đắc, thí dụ như của Pascal, "chúng ta đã xuống thuyền".

Rồi thi đậu, vào Đại học Khoa học, đói, bỏ ngang, đi làm. "Đành phải" ghi tên học Văn khoa, học với Thầy Kim Định, Thầy Lê Tôn Nghiêm...Học theo lối hàm thụ, nhờ một người bạn lấy cours giùm. Cho đến bây giờ, tôi vẫn chưa được biết mặt Thầy của tôi. Và như vậy có nghĩa là chẳng bao giờ biết mặt Thầy.

Những môn đệ như tôi, chắc cũng nhiều. Và còn nhiều người khác nữa. Những độc giả của Thầy, đủ các lớp tuổi, hoặc cùng lớp tuổi của chúng tôi nhưng chẳng bao giờ biết đến Văn khoa, nhưng lúc nào cũng coi Thầy như ý thức đạo đức của một thời, "thời của chúng tôi", những đứa trẻ hai mươi tuổi vào những năm 60, 70.

C.L. Strauss phân chia lịch sử ra những thời kỳ nóng lạnh. Khi bị lạnh, "nó" chẳng đẻ ra một tư tưởng, triết lý nào. "Thời của chúng tôi" nóng lắm. Bên trời Tây, đó là lúc cơ cấu luận đang trên đài vinh quang: "Viết" (Lacan), "Chữ và Vật" (Foucault), "Phê bình và Chân lý" (Barthes), "Lý thuyết Văn chương (Todorov)...cùng xuất hiện vào năm 1966. Năm sau, "Từ Mật ong tới Tàn thuốc", cuốn thứ nhì trong bộ Huyền thoại của L. Strauss, rồi "Nguồn gốc của những trò cầm cầm muỗng nĩa ở bàn ăn" (1968), "Con người trần trụi" (1971)... Nhưng Âu châu có ở trong những thứ đó không? Chính họ tự hỏi. Và tuổi trẻ nước Pháp trả lời bằng biến cố Tháng Năm 1968: Hãy mạnh dạn đòi hỏi những điều không thể được. Càng làm tình bao nhiêu, càng cách mạng bấy nhiêu. Đúng như Octavio Paz nhận xét, văn minh Tây phương" độc đáo ở chỗ đã biến dục tính thành một vũ khí chính trị. Nhưng 1966 cũng là năm B52 bắt đầu vào trận, cùng với 267.000 binh sĩ Hoa Kỳ tại Việt Nam.

Cần phải xác định rõ "thời của chúng tôi" bằng những sự kiện như thế đó, mới thấy vóc dáng to lớn của những bậc thầy tư tưởng Đông phương như Kim Định, khi họ cố tìm ra một giải pháp cho một thời đại khốn khổ như thế. Và nếu đúng như L. Strauss khẳng định, tất cả văn hóa đều có thể coi như một bộ những hệ thống biểu tượng, Thầy Lê Tôn Nghiêm, Thầy Kim Định cho thấy: chúng ta cũng có riêng những bộ hệ thống biểu tượng của chúng ta. Thầy Lê Tôn Nghiêm, trong việc đào bới những di chỉ của Khổng giáo, tìm một "logos" của phương Đông. Thầy

Kim Định, trong *Việt Lý Tố Nguyên*, trong *Triết Lý Cái Đình*.

Và tất cả những ông thầy tư tưởng, dù đối tượng nghiên cứu là Đông hay là Tây, đều tìm một thứ đức hạnh mới. Với Lacan là một "éthique du désir", với Foucault, "éthique de la libération". Với Thầy Kim Định, đó là đạo hạnh về sự tìm kiếm, bảo tồn những di chỉ của một nền văn minh Việt tộc, hàng rào cuối cùng chống lại chủ nghĩa cộng sản.

Thầy Kim Định, chúng con xin vĩnh biệt Thầy.

Những rừng đèn chai đứng dậy trong đêm khuya

(Thơ Kiệt Tấn)

Tôi đọc văn Kiệt Tấn, mới đây thôi, nhưng quen anh đã lâu và còn giữ được một kỷ niệm về anh. Thôi thì mình cứ nhớ giùm anh vậy, có lần tôi đã tự nhủ.

Lần đó mới quen. Sáng Tạo vừa in tập thơ Điệp Khúc Tình Yêu và Trái Phá của anh. Nhưng chuyện đó không liên quan gì tới lần gặp gỡ. Hai đứa hình như cũng đã nhậu ở đâu rồi, sau đó lại ghé quán, chủ yếu là để "tranh luận" tiếp. Cứ lôi mấy ông Tây ra làm chứng. Trước khi ra về, Kiệt ra phía sau. Khi trở lại bàn, anh nói nhỏ, tụi mình đi cửa hậu, tôi ra trước lấy xe. Trên đường về Kiệt nói, mấy ổng lính ngồi bàn kế nghe tụi mình tranh luận hăng quá, lâu lâu lại xổ tiếng Tây, mấy ổng nóng, chờ sẵn ở phía trước. Cũng may nhờ bà chủ quán tội nghiệp, và có khi sợ rắc rối. Cỡ tui và anh, mấy ổng chỉ để nhẹ một cái...

"Tui đoán chừng trận vừa rồi mình bị lọt ổ phục kích là tại thằng này đưa tin cho địch đây".

"Thằng này nó câm đồng chí à!"

"Gì chớ gặp tay tui khỉ cũng phải biết nói huống hồ người ta. Đồng chí khỏi lo."

Làm sao nhớ, một kỷ niệm quá nhỏ, về một lần suýt ăn đòn, sau khi viết giùm lời khai cho Bẩy Cầm?

Cuộc trấn nước bắt đầu...

"Nghệ thuật... có thể, bằng một cách thức nhỏ nhoi nào đó, cố gắng sửa chữa một vài chi tiết "sai sót, lầm lạc" của ông "Thợ Trời", về hình ảnh từ đó con người được tạo ra." S. Rusdhie đã thèm được như Isaac Bashevis Singer, trong một bài viết của ông, trong "Quê Hương Tưởng Tượng". Thượng Đế mà sai sót, lầm lạc. Phỉ báng đến thế mà chẳng hề hấn gì cả!

Đọc "Lời Khai" của Kiệt Tấn (trong tập truyện Nghe Mưa), tôi không

hiểu, những lầm lạc của Thợ Trời, là nói về con người vừa câm vừa điếc, hay là về những đồng chí du kích? Trong hai hình ảnh đó, hình ảnh nào cần phải sửa chữa?

Nhà văn người Đức, Gunter Grass, có một truyện ngắn "Quán Củ Hành" (đã được dịch ra Việt ngữ, đăng trên Bách Khoa trước đây); khách tới quán, được chủ đưa cho một củ hành, rồi cứ thế ngồi gọt, cắt. Nước mắt nhờ vậy mà vợi đi. Đọc Kiệt Tấn, tôi cứ cười hoài. Văn của ông thật vui, những cuộc tình của ông thật nhộn (và thật đã). Ông viết về mình: Có người lại nói Kiệt Tấn viết đa dạng nhưng thiên về tình dục, đọc một hồi lòi ra cái chất Kiệt Tấn. Tôi nghĩ Kiệt Tấn cũng có một quán củ hành như của Gunter Grass, ở trong thơ của ông.

Hay như của Kafka, khi ông định nghĩa nhà văn, một thứ dê tế thần của nhân loại. Nhờ anh ta mà con người tha hồ "enjoy" tội, mà chẳng lỗi gì ráo! (He is the scapegoat of mankind. He makes it possible for men to enjoy sin without guilt, almost without guilt). Đọc Kiệt Tấn, chúng ta "enjoy" bằng tiếng cười trong văn, và bằng tiếng khóc, trong thơ.

"Những cuốn sách của ông vẽ ra nỗi ghê sợ về những điều ngộ nhận thầm kín, về tội lỗi ngây thơ giữa con người (Milena, Ai Điếu F. Kafka). Ngộ nhận là một trong những đề tài lớn của dòng văn chương hiện sinh, thoát thai từ Kafka.

Trong nhiều năm, tôi cất giữ giùm cho cả tôi lẫn Kiệt Tấn, kỷ niệm nhỏ nhoi kể trên, bởi vì nó cũng bắt nguồn từ một ngộ nhận: mấy ông lính không biết tiếng nước ngoài nghĩ rằng hai thằng đó đang chửi họ.

Từ ngộ nhận đến bội phản chỉ một bước. Và đây là một đề tài đang được mùa. Thi sĩ "nổi cộm" được chụp mũ này là Pound, may mắn thay, nhờ điên, nên không bị lên ghế điện, và sau cùng cái chết giải thoát ông. Auden, phản bội, vì đã rời bỏ Anh quốc sang Hoa kỳ. Seamus Heaney, người Ái nhĩ lan, Nobel văn chương, bị coi là kẻ bội phản, đối với chủ nghĩa quốc gia, đại diện bởi IRA, đối với chủ nghĩa tự do, đại diện bởi những người như Simmons, đối với những nhà văn Ca-tô giáo cứng rắn của những thế hệ trước, đối với chủ nghĩa hiện đại, đại diện bởi Eliot, Lowell... Chưa hết, khi ông "vào Nam", kẻ phản bội "miền Bắc" (Ái Nhĩ Lan). "Bây giờ, họ sẽ nói tôi cắn bàn tay nuôi tôi" (I bite the hand that fed me). Và thi sĩ đành phải lên tiếng, khẳng định một điều, ông chỉ nói cho chính ông, không nhân danh cả một nhóm người:

Tôi sẽ bám vào "Tôi". Hãy quên cái "Chúng Tôi"
Như Livy nói, pro se quisque
Và Horace là một thí dụ

Ở Philippi
Khi ném bỏ cái khiên để được là
Một "Tôi" khỏa thân.

Chữ "khỏa thân" tôi mượn của Nguyễn Mộng Giác, khi ông viết về Kiệt Tấn.

Jorge Luis Borges: "Borges và tôi"

Hiếm nhà văn được như Jorge Luis Borges: Ông đi vào huyền thoại ngay từ khi còn sống và ở trong đó, không như một nhà văn nổi tiếng, mà là một huyền tượng: "Borges". Trong "chuyện Tàu" có một trường hợp tương tự: Để trốn cơn giận dữ của nhà vua, và cái chết tiếp theo, Wang Pô rời cuộc đời, đi vào bức tranh ông vẽ. Trường hợp của Borges có hơi rắc rối: Sau khi trở thành huyền tượng, ông tiếp tục sống thêm nhiều năm, làm "phiền" cho chính ông trước tiên, như thể có hai, Borges, và "Borges", và ông đành phải chấp nhận sự nhập nhằng, đôi khi cũng cố gắng trần tình: "Không phải tôi đâu, mọi chuyện là do gã kia, Borges. Tôi, tôi đang đi trên đường phố Buenos Aires, nhẩn nha nhìn phố xá. Tôi nhận được tin tức của Borges qua bưu điện và tôi thấy "ông ta" được đề nghị giữ một chân nào đó, hay là được đưa vào một cuốn tiểu sử... tôi thích những đồng hồ cát,... nhâm nhi ly cà phê, thơ xuôi Stevenson; gã kia chia xẻ những sở thích đó... Của đáng tội, nếu nghĩ rằng giao tình giữa tôi và gã tồi tệ, tôi sống và mặc kệ chuyện đời, miễn sao Borges tha hồ thêu dệt văn chương của "ông ta", vậy là đủ cho tôi rồi" (Borges và tôi). Còn nữa, bởi vì số mệnh muốn ông gần như không nhìn thấy gì vào lúc 45 tuổi, người đời bèn gọi ông là Homère, hoặc Milton, những huyền tượng về thi sĩ mù.

Mặc kệ chuyện đời. Nói vậy khác gì "từ chối làm một điều gì đó, ở trong đời", để cho gã "chính tôi" kia có thể lo chuyện văn chương. Vả chăng, "thêu dệt", nghe chẳng thấy "ngợi ca", mà còn ra vẻ ám muội, như thể viết văn là chơi trò ma mãnh, mưu mẹo, giương bẫy, chẳng có chút cao sang, thanh nhã. Thôi đành cứ coi đây, những trang viết, cho dù giá trị thế nào đi chăng nữa, là một trong những trò chơi, "Trong nhiều năm, tôi đã cố gắng thoát khỏi "ông ta" và đã trải qua, từ những huyền thoại ngoại vi cho tới những trò đùa cợt với thời gian và với vô cùng, như bây giờ mấy trò chơi đó cũng thuộc về Borges, tôi phải nghĩ ra chuyện khác thôi."

"Borges và tôi" tận cùng như vầy: "Không biết ai, trong hai đứa tôi, viết trang sách này".

Một viên thủ thư đeo kính đen hỏi: *Anh tìm gì?* Hladik đáp lại: *Tôi*

tìm Thượng Đế. Viên thủ thư nói với anh: *Thượng Đế ở một trong những mẫu tự, của một trong những trang, của một trong bốn trăm ngàn tập, của bộ Clementinum".*

Trong bài tựa Chữ và Vật, M. Foucault cho biết, cuốn sách của ông là từ một bài viết của Borges. Và cùng với nó là tiếng cười làm "rung rinh" lề thói suy tưởng của chúng ta. Theo một cuốn bách khoa toàn thư nào đó của Trung Hoa, loài vật được chia thành: a) thuộc nhà vua, b) được tẩm nước thơm, c) được thuần hoá,

d) heo sữa, e) nhân ngư, f) huyền hoặc, g) chó được thả tự do, h) bao gồm trong bảng sắp xếp này i) cử động như người điên, k) được vẽ bằng một ngọn bút lông lạc đà thật mịn, l) vân vân và vân vân, m) vừa làm bể một cái bình, n) từ xa trông như ruồi. Foucault viết, đằng sau bảng phân loại kỳ, tuyệt này là sự quyến rũ, nét duyên dáng của một tư tưởng khác, và là giới hạn tư tưởng của chúng ta.

Jean-Yves Pouilloux, tác giả cuốn "Borges Fictions", cho rằng, trong số những bài viết về Borges, bài của M. Blanchot "rõ ràng, trầm trọng, sắc sảo" nhất. Bài viết nhan đề "Vô cùng của văn chương: L'Aleph", trong cuốn "Cuốn sách sẽ tới". Sau đây là vài trích đoạn:

Tôi nghi (soupconner) rằng, Borges đã nhận được cái vô cùng của văn chương. Nói như vậy không có nghĩa là ông có được một hiểu biết trầm lắng, chiết ra từ những tác phẩm văn học, nhưng để khẳng định, kinh nghiệm văn chương có lẽ gần gụi, một cách sâu thẳm, với những nghịch lý, và những trò ngược ngạo, của cái mà Hegel, để tránh né nó, đã gọi là vô tận xấu (le mauvais infini).

Sự thực văn chương "nằm" trong sự lầm lạc về cái vô cùng. Thế giới chúng ta sống; thế giới như là chúng ta sống "nó", may mắn thay, nông cạn. Chỉ cần vài bước là chúng ta ra khỏi phòng, vài năm, ra khỏi cuộc đời. Nhưng giả dụ rằng, trong cõi chật hẹp đó, đột nhiên tối tăm, đột nhiên mù lòa, chúng ta lạc mất nhau. Giả dụ sa mạc địa lý biến thành sa mạc thánh kinh. Chúng ta cần, không phải 4 bước, không phải 11 ngày để vượt qua, mà là hai thế hệ, mà là cả lịch sử nhân loại, và có thể hơn thế nữa. Với con người của cân đo, đong đếm, và "được" đo lường, đánh giá như vậy, căn phòng, sa mạc, thế giới là những nơi chốn xác định. Với con người "sa mạc, mê cung", những cá nhân chỉ mong được lầm lạc, chỉ mong một bước đi, "nhỉnh hơn" cuộc đời người đó một chút xíu thôi, cái cõi nông cạn kia bỗng biến thành vô tận... Borges hiểu rằng, phẩm giá "nguy nàn" của văn chương không phải là nó khiến cho chúng ta giả dụ rằng, có một tác giả lớn lao, đắm đuối trong những trò huyền hoặc mộng mị, nhưng nó khiến chúng ta "cảm nhận" được một điều, gần gụi đâu đây là một sức

mạnh kỳ lạ, vô tính, vô ngã. Ông thích người ta nói về Shakespeare như vầy: "Ông ta giống như mọi người, trừ điều này: ông ta giống như mọi người".

Phôi thai

Ở Crayle, người Hy Lạp, anh ta có lầm không?
Khi nói chữ là mẹ của sự vật:
Trong những con chữ hồng có mùi thơm của hoa hồng,
Và dòng Nil luồn lách theo những con chữ của từ Nil

Vậy thì, có một Cái Tên khủng khiếp, từ đó yếu tính
Của Thượng Đế được mã hóa - và đó là một từ của con người
Bảng mẫu tự đánh vần, bàn tay ghi lại
Kẻ nói lên, có Sức Mạnh Toàn Năng

Những ngôi sao biết Cái Tên này, Adam cũng vậy,
Ở Khu Vườn; nhưng liền đó, anh ngỡ ngàng, và hoang mang
Tội lỗi đục gỉ anh ta, những người thần bí giáo bảo vậy;
Mọi dấu vết đến đây là ngưng. Như thế đấy.
Jorge Luis Borges, Thi Phẩm (1925-1965)

Octavio Paz: Hành Trình

Hành Trình (Itinéaire) là tự thuật trí thức và chính trị của Otavio Paz, (sinh năm 1914, người Mexico, Nobel Văn chương). Bắt đầu tại Mexico, ngay giữa cuộc Cách Mạng, chấm dứt cùng với cuộc chiến tranh lạnh, ở "một ngày mai" của sự sụp đổ bức tường Bá Linh; trong hai thời điểm đó là tất cả những hy vọng, những cơn địa chấn của thế kỷ 20: Cách mạng Nga, cuộc chiến Tây Ban Nha, Lò Thiêu Người, những cuộc thanh trừng của Stalin và thời kỳ băng giá, những cuộc nổi dậy của một số quốc gia, và con đường khổ ải của dân chủ. "Hành Trình" có thể coi như là một tóm tắt lịch sử thế kỷ của chúng ta, bởi một người chứng trực tiếp. Cuốn sách mỏng, bản tiếng Pháp 145 trang, nhà xuất bản Gallimard, 1996.

Người viết xin được giới thiệu tóm tắt một chương, liên quan đến hai phát giác "khủng khiếp nhất" đối với tác giả, đó là về Lò Thiêu Người, và Trại Tập Trung của Stalin. Chương sách mang tên "Con đường của những kẻ cô đơn", bắt đầu bằng những năm tháng tác giả sống tại Mỹ. Theo lời khuyên của Vitor Serge, ông là độc giả thường xuyên của tờ Partisan Review, và theo dõi một cách thích thú, bài viết hàng tháng của G. Orwell,

Lá Thư London - và Orwell đã không giúp ông thoát ra khỏi ám ảnh, về một câu hỏi thiết yếu: "Đâu là bản chất đích thực của Liên Bang Xô Viết? Người ta không thể xem đó là chế độ xã hội, mà tư bản cũng không. Vậy thì, chúng ta phải đương đầu con vật quái quỉ nào đây?" Và ông không tìm ra câu trả lời.

Bây giờ, ông nhận ra, câu trả lời không một chút quan trọng. "Thực vậy, tin tưởng rằng những phán đoán đạo đức và chính trị của chúng ta tùy thuộc vào bản chất lịch sử của một xã hội "như thế đó", thay vì tùy thuộc những hành động của chính quyền và dân chúng, như vậy là tự biến mình thành tù nhân trong một vòng tròn bao gồm những người theo Stalin, và luôn cả những người theo Trotsky. Phải nhiều năm, tôi mới nhận ra rằng chúng ta đã bị bịp." (Đọc tới đây, tôi nghe loáng thoáng câu của "tông tông": Đừng nghe...)

"Chiến tranh đi vào giai đoạn chót. Sau đó sẽ là gì. Vô sản Âu châu sẽ đi vào hành động, hoàn tất lời tiên tri của Marx, như tôi đã mong mỏi? Nhưng, ngược lại, ngày mai của Đệ Nhị Thế Chiến đã vắng bóng hẳn, một cuộc cách mạng của giai cấp thợ thuyền ở các nước kỹ nghệ. Đám trí thức hàng đầu thế giới đành bám vào một ý tưởng "trên mây", về một cuộc cách mạng toàn cầu. Theo ông, có một vết nứt rạn, dò rỉ "bí mật", trong lương tâm của trí thức hiện đại. Mất hết những tuyệt đối có màu sắc tôn giáo cũ, thay vào đó là niềm u hoài về cái toàn thể. Điều này giải thích tại sao nhiều người trong chúng tôi "cải đạo", chiến đấu dưới lá cờ của Đảng, bảo vệ nó, với tất cả, và chống với tất cả. Nhưng đã xong đâu, làm sao giải thích sự im lặng của họ trước dối trá, tội ác? Baudelaire xưng tụng Satan và nói về lương tâm "kiêu ngạo" của cái xấu. Một cái xấu siêu hình, trong trường hợp của ông, là ảo vọng của tự do. Đối với trí thức cùng thời, chẳng có nổi loạn mà cũng chẳng có cao ngạo, chỉ là nuốt trái đắng."

1944, tuy nhiên vẫn còn được phép hy vọng. Ông tham dự, tại San Francisco, sự thành lập Liên Hiệp Quốc. Bắt đầu cuộc chiến tranh lạnh. Không có cách mạng mà có chia chác từng khu địa cầu. Một bữa báo chí Bắc Mỹ loan báo "tin khủng khiếp": Phát giác về những trại tập trung, lò thiêu người của Nazi. Tiếp theo đó là những hình ảnh ghê rợn. Sự khủng khiếp vượt hẳn sức tưởng tượng. Thực tại không thể chối cãi, của cái xấu.

Cuối năm 1945 ông qua Paris, sống những năm tháng hậu chiến tại đây. Đế Quốc Xô Viết đã thoát ra khỏi cuộc tranh chấp lớn lao nhất: Nhìn từ phía bên ngoài, Stalin đã củng cố xong chế độ độc tài. Từ bên trong, ông đã nuốt trọn một nửa Âu Châu. Liên Minh Âu Châu, và kế hoạch Marshall đã cản bước tiến của quân đội Nga; ngược lại, tại Á châu, và

nhiều nơi trên thế giới, Hoa Kỳ và Đồng Minh đã gặp phải những cú "revers", nhất là ở Trung Hoa, ở Triều Tiên. Hơn nữa, người ta đã nhìn ra một lỗ hổng trong chủ nghĩa dân chủ tại Bắc Mỹ. Một "défaut" mà Tocqueville đã chỉ ra từ một thế kỷ trước đó: Sự vụng về, lúng túng trong chính sách đối ngoại. Ngược hẳn với nền cộng hoà La mã, theo Polybe, quốc gia đầu tiên phát triển một chính trị quốc tế đích thực.

Trong số những con người "cô đơn" ông gặp tại Paris, là khuôn mặt còn trẻ, của Albert Camus, nơi hội tụ, trong con người và trong thơ văn, của hai thế giá trái ngược hẳn nhau: tinh thần phản kháng và sự chiết trung, chừng mực của chủ nghĩa cổ điển Pháp. Vào năm 1946, ông gặp Kostas Papaioannou. "Ông ta trẻ hơn tôi, nhưng món nợ tinh thần của tôi với ông lớn hơn nhiều, so với sự cách biệt về tuổi tác. Tôi đã thử vẽ vời chân dung, bằng một vài trang, và tôi cũng đã nhắc tới hình tượng của ông, trong một bài thơ. Sự sống động, sôi nổi của ông ngang bằng với sự hiểu biết. Chúng tôi nói chuyện với nhau hàng giờ, giữa đám đông Paris, những câu chuyện chạy dài trên những đại lộ, hay những con hẻm thê lương, tăm tối của lịch sử. Nhiều khi chúng tôi đi lạc, nhiều khi chúng tôi nhập vào những hữu thể không hình hài, xác thân mà Người Xưa thường gọi là "thiên tài của nơi chốn". Mặc dù lúc nào cũng vui như Tết, không một chút bận tâm, tình trạng kinh tế của ông thật nguy nàn. Ông bỏ đảng CS Hy Lạp, sống như một kẻ tị nạn chính trị không giấy tờ, nạn nhân của cả tả lẫn hữu, những kẻ thù liên kết với nhau bởi lòng hận thù sự phê bình, và sự độc lập. Kostas chịu đựng được tất cả, không một chút vướng mắc: lòng yêu đời của ông vượt mọi rủi ro, bất hạnh. Chẳng bao lâu, tôi hiểu được, ông cũng có cùng nỗi ray rứt như tôi, về một bí ẩn: đâu là bản chất lịch sử đích thực của Liên Bang Xô Viết. Đề tài này, chẳng bao giờ ông cạn láng. Những nhận xét của ông soi sáng tôi rất nhiều. Ông chứng minh cho tôi, định nghĩa của Trotsky là một công thức trống rỗng: Liên Bang Xô Viết là một Quốc Gia thợ thuyền biến chất. Thật vậy, làm sao người ta có thể đánh giá một Quốc gia không được cầm quyền bởi những người thợ, nơi mà họ bị tước đoạt mọi tự do cơ bản? Tất cả những cuộc bàn cãi như vậy, chỉ là những ước đoán thuần tuý, nếu không có một biến cố quyết định: Vụ David Rousser và tờ Les Lettres francaises."

Vào năm 1947, hay 48, ông khám phá cuốn sách của David Rousser, và nó làm ông sững sờ: "Thế giới trại cải tạo". Sau đó, một cuốn khác cùng tác giả càng làm ông thêm sửng sốt: "Những ngày chết của chúng ta". Ông là tù nhân của trại tập trung Nazi. "Những ngày..." là một chứng tích ghê rợn. Và "Thế giới trại cải tạo" là nghiên cứu đầu tiên, sâu xa, về thế giới hoàn toàn "khác" với thế giới trại tập trung mà Hitler mong muốn:

Những trại huỷ người tập thể, cộng thêm gấp đôi, bởi những phòng thí nghiệm nhằm xóa sạch "cái gọi là con người".

Địa ngục theo Thiên chúa giáo không được xếp hạng ở đây, nó thuộc về thế-giới-sau, nơi dành cho những kẻ trầm luân, đắm đuối. Ngược lại, trại tập trung là một thực tại "trong cõi người ta", mang tính lịch sử và chẳng siêu nhiên gì hết, "nhân dân" của nó không phải những kẻ trầm luân, mà là những người vô tội. Đọc hai cuốn sách, ông có cảm giác "y chang" như khi đọc những bài báo tại Bắc Mỹ, về những trại trại trung Nazi: Rơi vào một giếng băng, không đáy.

Rousser làm bật ra cơ chế chính trị, tâm lý, những nguyên lý cơ bản mang tính ý thức hệ đưa đến những trại tập trung. Ông còn mô tả cơ cấu xã hội của chúng. Sắc thái này làm "phiền" chúng ta nhất: Trại tập trung là một xã hội, một tấm gương đảo ngược thế giới của chúng ta.

Được trả tự do, trở lại Paris, Rousser gia nhập một nhóm, trong có Sartre, lãnh đạo một tổ chức xã hội cách mạng. Ông cũng điều hành một hội cựu tù nhân của những trại tử thần. Một buổi sáng, tôi (Paz), đọc trên tờ Le Figaro, một lời kêu gọi, do ông ký tên, gửi tới tất cả những đồng hành cũ, và tới dư luận thế giới, về sự hiện hữu một hệ thống rộng lớn, những trại tập trung cải tạo tại Liên Bang Xô Viết. Ai là tù nhân? Không chỉ những thành phần chính trị chống đối, những kẻ đi chệch đường (cơ bản là những CS cựu trào), nhưng là những dân quê, thợ thuyền, trí thức, những bà nội trợ, tín đồ, nói tóm lại, đủ thứ người trong xã hội. Hàng triệu người.

Ngay lập tức báo chí CS giận dữ lên tiếng, kết án ông là tay sai đế quốc Bắc Mỹ. Đám trí thức bị chia năm xẻ bảy. Một số ngậm tăm. Cho dù họ biết Rousser có lý, nhưng đừng nối giáo cho giặc, ở đây là tụi đế quốc, còn tồi tệ hơn so với CS. Tờ Les Temps Modernes của Sartre và M. Ponty, đã buộc tội Rousser rơi vào bẫy chống Xô Viết, và sử dụng báo chí phản động. Cả hai đều "hài lòng" khi liên tiếp xác nhận, mà chẳng cần chứng minh, tính cách mạng của Quốc Gia Xô Viết. Đây là một xứ sở "tiến về" chủ nghĩa xã hội. Đây là một cuộc cách mạng đang gặp trắc trở, nhưng rõ ràng, hiển nhiên, là một cuộc cách mạng.

Vụ "scandale" kéo dài nhiều tháng. Chửi dữ nhất, là tờ Les Lettres francaises của Aragon. Cuối cùng ra tòa. Rousser đưa ra nhiều chứng cớ. Những chứng nhân, nhiều người nổi tiếng, đã tham gia những cuộc diễn hành. Những người CS cựu trào, nạn nhân của Stalin, cũng tiếp tay với Rousser. Tờ báo bị kết án. Những luật sư của Rousser còn đưa ra, như một "pièce à conviction", Bộ Luật Lao Động Trừng Trị của Liên Bang Xô Viết, trong có điều khoản: Đưa đi tù, bằng quyết định hành chính, không

Đường chiều
TRẦN VẤN LỆ

Nắng xuống
Ngày vơi
Bóng ngả xiêu...
Đường xa gian khổ mới lưng đèo...

Lát rồi
Đổ dốc còn đi tiếp
Chốc nữa
Đau chân hết bước đều!

Đã biết tuổi già
Lo chú tối
Phải chi trai trẻ
Ngán chi chiều!

Sương đầu núi
Tỏa
Mơ màng khói
Có lẽ nhà đang bếp lửa reo?

cần tòa án. Người ta tin rằng trái với trại hủy người của Nazi, những trại tập trung của Stalin còn có chức năng kinh tế. Hannah Arendt, trong một cuốn sách viết về chủ nghĩa tập trung quyền lực đã chứng minh rằng hiệu quả kinh tế của trại cải tạo kể như không có gì. Nhưng điều này đã được Trung Hoa và Việt Nam "sửa sai" rồi. Đây cũng là một áp dụng "thông minh, thiên tài" chủ nghĩa CS vào thực tế Việt Nam: *Con người, vốn quí nhất của xã hội!*❐

Thư tín

Cùng quí bạn đọc dài hạn ở Canada: Trong tháng Ba vừa qua, nhiều bạn đọc ở Canada viết thư, e-mail hoặc điện thoại về tòa soạn khiếu nại chưa nhận được báo hoặc nhận quá trễ so với các tháng trước. Xin cáo lỗi cùng quí bạn, và xin giải thích nguyên nhân như sau: Báo tháng Ba 1997 ra chậm hơn thường lệ năm ngày vì nhà in trục trặc kỹ thuật, đã thế lại gặp trở ngại từ phía các cơ quan thuế vụ và bưu chính Canada. Theo luật thuế dịch vụ của Canada, tất cả các bưu kiện gửi từ ngoại quốc đều phải bị đánh thuế căn cứ vào trị giá bưu kiện, nếu bưu kiện ấy có tính cách thương mại. Vì thế, đòi hỏi nhãn khai thuế quan dán ở bì báo, trong khi bưu điện Hoa Kỳ có dễ dãi cho những dịch vụ gửi bưu kiện số lượng nhiều, thì Canada lại áp dụng gắt gao. Những tháng trước, bưu điện Canada cho qua những bì báo Văn Học không dán nhãn khai quan thuế, nhưng tháng Ba vừa qua, họ giữ báo lại, kiểm soát, và phát chậm. Nhiều bạn đọc nhận số tháng Ba vào cuối tháng.

Rút kinh nghiệm đó, tháng Tư vừa qua Văn Học đã dãn nhãn khai quan thuế lên tất cả bì báo gửi đi ngoại quốc. Công việc nhọc nhằn, nhưng không có cách nào khác. Hy vọng trong tháng Tư vừa qua, các bạn đọc ở Canada, Úc châu, Âu châu nhận báo sớm sủa như những tháng trước.

Các văn hữu gửi bài qua e-mail: VH rất cảm ơn quí bạn đã gửi bài qua e-mail, một phương cách quá tiện lợi và nhanh chóng. Nhưng vì người phụ trách bài vở (NMG) "quá giỏi" về kỹ thuật, nên xin quí bạn đã làm ơn thì làm ơn cho trót, chuyển giùm hồ sơ qua dạng "Windows, font VNU, saved as text" nếu quí bạn có sẵn nhu liệu convert. Trong trường hợp không thể làm như vậy, xin ghi rõ trong thư e-mail hồ sơ được viết dưới dạng gì. Nhân đây, Văn Học xin cảm ơn các anh Phùng Nguyễn, Nguyễn Vy Khanh, Ngu Yên, Trần Hoài Thư... đã chuyển giùm bài viết thích hợp

với cách layout của Văn Học khi gửi bài.

Cũng xin nhắc lại là lâu nay Văn Học thực hiện tờ báo bằng các nhu liệu sau đây: bài viết bằng Windows 95, Font VNU, layout bằng Aldus-PageMaker 5.0.

Ms Nga Lâm , Seattle WA: Chúng tôi đã gửi thư riêng giải thích về lầm lẫn của Tòa soạn. Mong Chị thông cảm.

Anh Vạn Giả, Canada: Đúng như anh lưu ý, hạn báo của anh phải đến tháng 1/99 mới hết. Chúng tôi đã điều chỉnh trong mailing list.

Ông Nguyễn Anh Thăng: Nhận thư ông, mới giờ ra hơi ngạc nhiên tưởng có lầm lẫn nào đó. Mãi về sau đọc lời nhắn ở sau bì thư, chúng tôi mới hiểu. VH đã chuyển thư ấy cho nhà thơ HLN.

Ông Nguyễn H. Lân, Seattle WA: Chúng tôi vừa nhận được tiền thanh toán báo ba tháng 1, 2, 3.97. Vô vàn cảm ơn. Nếu tất cả các đại lý khác cũng được như ông và nhà Trung Việt bên Canada, Văn Học đã thành bán nguyệt san từ lâu rồi.

Anh Võ Đình, FL: Anh Thạch Hãn gửi lời cảm ơn cuốn sách anh tặng, còn NMG thì gửi lời "cáo lỗi". Vì oan cho anh Thạch Hãn lắm. Thời gian gần đây, anh Thạch Hãn quá bận với job mới nên NMG phải lo thêm phần thực hiện trình bày tờ báo. "Yêu nhiều thì ốm", à quên, "Ôm nhiều thì yếu", cách ngôn Pháp dịch nôm đem áp dụng vào trường hợp này thì quá đúng. Hy vọng sau khi dàn xếp ổn định việc sở, anh Thạch Hãn sẽ có thì giờ cho Văn Học nhiều hơn. Nếu anh tìm thấy những khuyết điểm về hình thức của Văn Học trong các số gần đây, đó là "tác phẩm" của NMG đấy!

Đính chính: Trên Văn Học số 132 tháng 4.1997, trong bài Thương tiếc Hoàng lão-sư của Giáo sư Nguyễn Đình-Hoà có một vài chỗ sai, Toà soạn xin đính chính:

1.Trang 28 : Nguyễn Đức Rật, đúng ra là Trần Đức Rật

2. Trang 29, đoạn 3, sau 1971, xin thêm: "Giáo-sư Trần văn Khê từ Pháp qua để cùng Phạm Duy và..."

3. Trang 29, đoạn 5: ..."Đà-lạt đăng trong...", xin thêm chữ "để" trước chữ "đăng"

4. Trang 32, dòng 3: "hồi 1954" đúng ra là "hồi 1952-1953".

hộp thư

● Thư từ nhận được liên quan việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Dr. Hà Xuân Du San Jose CA, Nguyễn Đình Phùng Bakersfield CA, Hien Kim Chicago IL, La Thạch Hà Canleyvale NSW (khiếu nại báo mất), Thiên Nga Bookstore Houston TX, Trung Việt Bookstore Montreal Canada, Dr. Bùi Ngọc Tô San Jose CA, Hùng Nguyễn Boston MA (mua bao cho Lâm Bích Liên & Lại thị Lan), Đỗ thị Ngọc Westminster CA, Bùi Xuân, Phoenix AZ, Sheridan Library Denver CA, Chau Nguyen Phoenix AZ, Han Nguyen Marlboro NJ, Hoàng Đình Thọ, St. Louis Park MN, Tôn Thất Tiết St. Maur des Fosses France, Phạm văn Thưởng Bellevue WA, Nga Lam Seattle WA, Van Gia Chomedey Canada, Tran Dinh Binh Gardena CA, Hạo Nhiên Nguyễn Tấn ích San Diego CA, Trịnh văn Đáng Santa Rosa CA, Khổng Tước M. Trần San Diego CA, Mộng Hoàng Hoa (đổi địa chỉ) San Diego CA, Kim Fitzgerald Kihei HI (gia hạn, đổi địa chỉ), Hoàng Đỗ Spokane WA, Tự Lực Bookstore Garden Grove CA, Trần văn Thung Dallas TX, Bibliotheque Nationale de France, Paris, Hung van Hoang Albuquerque NM (báo bị trả lại), Nguyễn thị Chân Quỳnh (báo bị trả lại), Nguyễn Công Thuần NY, Nguyễn H. Lân Seattle WA (trả tiền báo các tháng 1,2,3/96), Nguyễn văn Thiệu Menai NSW Australia, Minh N. Ho San Diego CA (đổi địa chỉ)

● Bài nhận được trong tháng:

Sang sông gửi từ Chomedey Canada, Đi, Đợi, Đêm, Biển gửi từ Sacramento CA, Và mưa thôi mà, Tại sao, Câu thơ Câu hỏi gửi từ San Jose CA, Về soi bóng mình gửi từ Garland TX, Tháng gió động, Cuộc sống cuộc tình gửi từ Springfield VA, Lời cuối gửi từ Gretna LA, Uống trà dưới trăng gửi từ San Jose CA, Bốn mùa, Cho Chi và đêm Davis gửi từ Davis CA, Trên vùng tuyết tan gửi từ Dallas TX, Trù mật, Vũ khúc gửi từ Phoenix AZ, Tình già gửi từ Germany, Đường chiều, Câu thơ thiếu một chữ gửi từ Los Angeles CA, Tiệc rượu hồng đào, Đến thăm, Tuổi đá vàng gửi từ Paramus NJ, Giao khúc I gửi từ Silver Spring MD, Hứng thơ, Trao đổi thêm cùng ông NQT gửi từ Germany, Thế nào, ôm một giấc mơ, Lạc đêm gửi từ F. Valley CA, Ngày xưa như thế đó tùy bút gửi từ San Jose CA, Thắp đuốc hồn mình tìm kẻ tri âm gửi từ Orlando FL, Thượng uyển cho hoa, Sâm thương một nỗi gửi từ Memphis TN, Văn phong của BVP, bản hiệu đính; Thằng điếm gửi từ Hawthorne CA,

Bản tin Miền Nam gửi từ Seattle WA, Gửi TVP, Tiễn biệt, Âu thời hiu quạnh gửi từ Gauting Germany, Hoang đảo gửi từ Dallas TX, Thang máy gửi từ Kitchener Ont Canada

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn. Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa đăng đần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại. Xin cảm tạ quí văn hữu đã kèm theo diskette để tránh lỗi chính tả ngoài ý muốn của tác giả. Hiện nay Văn Học đang dùng nhu liệu VNU (Windows), và để tránh những sai sót khi lên trang, xin quý bạn gửi kèm bản in thử với diskette, và save bài trong diskette dưới dạng text only (saved as text only). Điều vô cùng quan trọng là xin quí bạn ghi rõ nhu liệu các bạn dùng trên nhãn diskette để tránh khó khăn cho Tòa soạn.

sách mới

📖 ***Dấu quê***

Thi tập của Khế Iêm, Văn Mới xuất bản, bìa Nguyễn Đại Giang, phụ bản Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Đinh Cường, Nguyễn Đại Giang. Trong lời Bạt ở cuối sách, tác giả viết: "Dấu Quê gồm ba phần: Cấu trúc, Dấu quê, và Ngục biếc, như nét vẽ nguệch ngoạc một nẻo đường, mang ý nghĩa: chúng ta thúc đẩy phải ra đi bởi vì vẫn ám ảnh có một chỗ quay về."

Như mọi tác phẩm khác của Khế Iêm, thơ trong tập này khó đọc, nhưng nếu chịu khó sẽ tìm thấy những chỗ ẩn mật thú vị bất ngờ. Thi tập in đẹp, trang nhã, dày 90 trang,, giá 7 MK. Muốn có tập thơ xin liên lạc: Duc Doan

PO Box 1745, Graden Grove CA 92842

📖 **Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường** (Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam), của Nguyễn thị Thế (em gái của Nhất Linh và Hoàng Đạo, chị Thạch Lam, mẹ của Duy Lam và Thế Uyên), Văn Hoá Ngày Nay tái bản lần thứ ba, bìa của Duy Lam, sách dày 260 trang, giá 12 MK. 150 trang đầu là phần chính đã có trong hai lần xuất bản trước, 100 trang sau là phụ lục tác giả viết thêm gồm những bài: Vĩnh biệt Nhất Linh, Thời loạn ly, Về quê, Đời người đàn bà. Ngoài ra còn có bài Cảm nghĩ của Nguyễn Thường Bách, người em út trong gia đình. Tập hồi ký của Bà Nguyễn thị Thế giúp thêm cho những người yêu văn chương Tự Lực Văn Đoàn và Nhất Linh thấy thêm một khía cạnh khác, phong phú hơn, về đời sống của các anh em học Nguyễn Tường. Địa chỉ liên lạc:

Văn Hóa Ngày Nay

100 N. Ross St. # A 120
Santa Ana, CA 92701, USA
Phone & Fax: (714) 564-9908.
Ngân chi phiếu xin đề tên:
Lan Anh Nguyen

📖 ***Truyện người viết sử***

Tuyển tập mười truyện ngắn của Trần Nghi Hoàng, Văn Uyển xuất bản, tranh bìa của tác giả, sách dày 312 trang, giá 16 MK. Phần lớn truyện trong tác phẩm này có hình thức như là một thứ dã sử, nghĩa là dựa vào một sự kiện lịch sử tác giả diễn giải theo ý mình, biến truyện dã sử thành một thứ ngụ ngôn hoặc biếm văn chính trị. Địa chỉ liên lạc: Văn Uyển

PO Box 1882, San Jose CA 95109, USA
Phone: 408-288-8869

📖 ***Nhạc Việt mến yêu***

(My Beloved Vietnamese Music Book, Piano Solo) của nhạc sĩ Lê văn Khoa, Tủ sách Nhạc Vàng, Người Việt xuất bản, giá 12 MK. Là một nhạc sĩ say mê âm nhạc cổ điển và nhạc dân tộc, những bài trong sách này được Lê văn Khoa chăm sóc cẩn thận với lối ghi hướng dẫn từ cách dùng ngón tay (fingering) cách ngắt câu nhạc (phrasing) đến cách dùng bàn đạp ngân âm (damper pedal) để tô điểm bài nhạc toàn mỹ khi trình diễn. Điều này giúp người chơi nhạc rất nhiều, mà ta không tìm thấy trong các sách và bản nhạc Việt hiện có.

📖 ***Dân ca Việt Nam***

(Vietnamese Folk Songs for Voice and Piano) của Lê văn Khoa, Tủ sách Nhạc Vàng, Người Việt xuất bản, giá 12 MK. Giới thiệu tập nhạc này, Lê văn Khoa đã viết: "Trong ý hướng đưa dân ca Việt vượt thoát biên cương quốc gia, trỗi lên khỏi sự hạn chế của âm thanh cố định, tôi đã chọn một số dân ca từ ba miền đất nước, hòa âm cho hợp ca nhiều bè theo tiêu chuẩn nhạc ngữ quốc tế, viết phần đệm piano để các nhóm nhỏ, hoặc các ban hợp ca lớn có thể trình diễn dễ dàng".

Xin xem thêm chi tiết trong trang quảng cáo hai tập nhạc này của Lê văn Khoa.

📖 ***Hùng sử ca***

Tuyển tập 18 bài hùng ca quan trọng của các nhạc sĩ Hoàng Quý, Hoàng Thi Thơ, Hùng Lân, Lê Thương, Lưu Hữu Phước, Lưu Quang Thuận, Nguyễn Hiền, Phạm Duy, Thanh Thoại, Thẩm Oánh, Võ Đức Thu, Hội Văn học Nghệ thuật Việt Mỹ ấn hành, kèm với băng cassette Băng Hùng sử ca sẽ phát hành vào tháng 6.1997. Muốn có sách và băng hùng sử ca miễn phí, xin gửi thư về:

Hội Văn học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA)
11022 Acadia Parkway # A
Garden Grove, CA, 92840 USA
Phone: (714) 534-9430
Fax: (714) 534-9433

Chia Buồn

Nhận được tin buồn

Bà Maria Phạm Thị Mùi

Thân mẫu của Phạm Chí Lan vừa thất lộc tại Arlington, Texas, hưởng thọ 77 tuổi. Bạn hữu trong nhóm Ô-Thước (o-thuoc@saomai.org) *thành kính phân ưu cùng Chí Lan và xin cầu chúc hương hồn cụ bà sớm về nước Chúa.*

Trần Hoài Thư * Lương Thư Trung * Lê Tất Luyện * Nguyễn Vy Khanh * Phùng Nguyễn * Đỗ Danh Đôn * Phạm Thế Định * Lê Thanh Chung * Nguyễn Tiến Dũng * Nguyễn Kỳ Phong * Bùi Thanh Liêm * Trần Thái Vân * Hoàng Hải Việt * Bùi Trọng Nghĩa * Phan Thanh Vân * Nguyễn Tường Vi * Nguyễn Phước Nguyên * Tôn Thất Hưng * Trần Thu Hồng * Tôn Nữ Diệu Thanh * Nguyễn Xuân Thưởng * Trần Minh Tiến * Trần Duy Trác * Lê Tạo * Chinh Đinh * Khổng Hoàng Long * Vũ Thái Hòa * Sung Nguyễn * Nguyễn Hoàng Thúy Oanh * Đào Thùy Trang * Nguyễn Phúc Đan Thanh * Vĩnh Toàn * Trần Ngọc Vân Hà * Nguyễn Tú * Nguyễn Văn Tuấn

đón đọc ba tác phẩm mới của nhà xuất bản Văn Mới:

câu nam ai thất lạc

Tập truyện của Hồ Minh Dũng

lần cuối, sài gòn

Thơ, Truyện, Tạp luận của Nguyễn Quốc Trụ

kéo neo mà chạy

Tập truyện của Nguyễn thị Hoàng Bắc

đón đọc tập truyện ngắn

tự truyện

phá thể tiểu thuyết của nhà văn

đặng phùng quân

Nhân Văn xuất bản
sẽ phát hành vào tháng Sáu 1997

tìm mua tìm đọc

Những bài dã sử Việt

biên khảo sử học của Tạ Chí Đại Trường

Thanh Văn xuất bản, Văn Nghệ phát hành

Sách dày 430 trang, giá 18 Mỹ kim

Tìm mua ngay tại các hiệu sách:

MARIE SẾN

tiểu thuyết của Phạm thị Hoài

Một nhận định dữ dội cay đắng về giới trí thức Việt Nam
Một bút pháp quyết liệt chưa từng thấy ở một nhà văn nữ
Thanh Văn xuất bản. Văn Nghệ phát hành. Giá 10 Mỹ kim.

Nếu không tìm thấy ở các hiệu sách địa phương, xin liên lạc:
Nhà xuất bản Văn Nghệ
P O Box 2301 Westminster, CA 92683
Phone: (714) 527-5761

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

hân hạnh giới thiệu
hai tập nhạc Việt Nam soạn cho piano
do nhạc sĩ **Lê Văn Khoa*** biên soạn

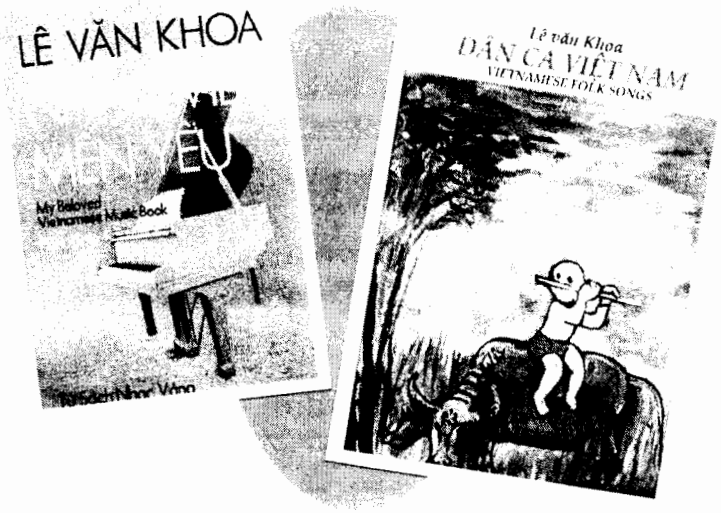

Giá: US$12.00 mỗi tập (kể cả cước phí).
Nếu mua cả hai tập: US$22.00 (kể cả cước phí).

Liên lạc: VAALA
11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92840 USA
ĐT (714) 537-8352 • FAX (714) 638-1944
E-mail: vaala@kicon.com • Web : http://kicon.com/vaala
Hoặc: Người Việt,
14891 Moran St., Westminster CA 92683 USA
ĐT (714) 892-9414 • FAX (714) 894-1381
E-mail: nvnews@aol.com • Web: http://kicon.com/nguoiviet

*nhạc sĩ Lê Văn Khoa hiện là Phó Chủ Tịch Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA)

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt. _____

Thành phố _____ Tiểu Bang _____ Zip _____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn _____ năm, từ số _____ tháng _____, gởi hạng _____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học.

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt. _____

Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

Người giới thiệu _____

Địa chỉ _____ Apt. _____

Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

TẠNG THƯ SỐNG CHẾT

SOGYAL RINPOCHE

TRÍ HẢI dịch

Tạng Thư Sống-Chết không những là một tuyệt tác về tâm linh mà còn là một sách dẫn, một cẩm nang, sách tham khảo, và một nguồn cảm hứng thiêng liêng. "Trong một thời đại cực kỳ nguy hiểm như ngày nay, khi nhiều người trong chúng ta đang tìm kiếm sự hướng đạo minh triết và những giải đáp soi sáng cho ta về cách sống cuộc đời mình và cách đối mặt với cái chết, thì tác phẩm này đang cống hiến một sự hướng đạo như thế, một vài giải đáp như thế. Nó đã được viết ra để gợi cảm hứng cho người đọc khởi sự cuộc hành trình tiến về giác ngộ, để thành những "sứ giả hòa bình" theo như tác giả gọi, những người làm việc với trí tuệ và tình yêu thương, để trực tiếp góp phần vào sự cứu vãn tương lai nhân loại.

Sách có bán tại các tiệm sách, hoặc liên lạc:
VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301, Westminster, CA 92683
Tel.: (714) 527-5761

VĂN NGHỆ

NXB VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 - USA
Phone: (714) 527-5761

SÁCH MỚI 1996

• **Viết Cho Mẹ và Quốc Hội** (tái bản)	hồi ký chính trị *Nguyễn Văn Trấn*	**20 MK**
• **Thư Gửi Bạn Ta I** (tái bản)	*Bùi Bảo Trúc*	**16 MK**
• **Lý Luận và Phê Bình, 20 Năm Văn Học Việt Ngoài Nước**	*Bùi Vĩnh Phúc*	**27 MK**
• **Cấu Trúc Thơ**	*Thụy Khuê*	**13 MK**
• **Thư Gửi Bạn Ta II**	*Bùi Bảo Trúc*	**16 MK**
• **Thơ v.v... và v.v...**	*Nguyễn Hưng Quốc*	**14 MK**
• **Tử Tù Tự Xử Lý Nội Bộ**	hồi ký *Trần Thư*	**15 MK**
• **Về Vùng Chiến Tuyến**	hồi ký *Lê Xuân Nhuận*	**15 MK**
• **Mặt Trận Ở Sài Gòn**	truyện ngắn *Ngô Thế Vinh*	**12 MK**

SÁCH PHÁT HÀNH

• **Tạng Thư Sống Chết**	*Sogyal Rinpoche*, Trí Hải dịch	**18 MK**
• **Marie Sến**	truyện *Phạm Thị Hoài*	**10 MK**
• **Hồi Ký Ngoài Văn Chương**	hồi ký *Thế Phong*	**13 MK**
• **Nguyễn Du: Đại Thi Hào Dân Tộc**	*Phạm Công Thiện*	**18 MK**
• **Em Ơi Biết Đâu Tìm**	truyện *Kiệt Tấn*	**12 MK**
• **Một Bông Hồng Cho Cha**	truyện *Võ Hồng*	**7 MK**
• **Hoa Trôi Trên Sóng Nước**	*Nguyên Phong*	**13 MK**

* Ngoài Hoa Kỳ xin thêm 2 MK cho sách giá dưới 18 MK, thêm 3 MK cho sách trên 20 MK.

* Xin liên lạc Văn Nghệ để nhận Thư Mục hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản.

Giá:$4.00